

HIỂU BIẾT
SỰ SỐNG

*W*ITNESS LEE

HIỂU BIẾT SỰ SỐNG

WITNESS LEE

Sách tặng, không bán.

Living Stream Ministry
Anaheim, California • www.lsm.org

© 2017 Living Stream Ministry

Nhà xuất bản giữ bản quyền. Không được in ấn hay trích dịch dưới bất cứ hình thức hoặc phương tiện nào như đồ họa, điện tử, cơ khí, bao gồm phô-tô-cô-pi, thêu băng, hoặc bộ trữ tin tức, hệ thống tìm tin mà không có giấy phép của nhà xuất bản.

Ấn bản phát hành hàng loạt, Tháng Mười 2017

ISBN 978-0-7363-9057-6

Được dịch từ tiếng Anh. Tựa đề ban đầu:
The Knowledge of Life
(Vietnamese translation)

Được xuất bản bởi:
Living Stream Ministry
2431 W. La Palma Ave., Anaheim, CA 92801 U.S.A.
P. O. Box 2121, Anaheim, CA 92814 U.S.A.

MỤC LỤC

Chương	Trang
Lời giới thiệu	5
Mười bốn điểm liên quan đến sự sống	7
1 Sự sống là gì?	9
2 Kinh nghiệm sự sống là gì?	23
3 Kinh nghiệm đầu tiên về sự sống – sự tái sinh	31
4 Những điều nhận được qua sự tái sinh	37
5 Cảm nhận của sự sống	59
6 Sự tương giao của sự sống	71
7 Cảm nhận của linh và biết linh	79
8 Sự khác biệt giữa linh và hồn	95
9 Ba sự sống và bốn luật	111
10 Luật sự sống	139
11 Sự hiểu biết bề trong	183
12 Sự lớn lên của sự sống là gì?	221
13 Lối ra của sự sống	233
14 Sự sáng và sự sống	245

LỜI GIỚI THIỆU

Dù chúng ta biết khát vọng và ý định của Đức Chúa Trời là có được một con người tập thể mang hình ảnh của Ngài, bày tỏ vinh hiển và sở hữu uy quyền của Ngài để xử lí kẻ thù của Ngài hầu cho chính Ngài có thể đạt được sự an nghỉ đời đời, nhưng rất ít người biết rằng khát vọng và ý định lớn lao ấy của Đức Chúa Trời chỉ có thể đạt được qua chính sự sống của Ngài. Thậm chí lại càng ít người hơn nữa chạm đến vấn đề biết và kinh nghiệm sự sống này, là sự sống hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời. Vì vậy, ngày nay, các thánh đồ thường yếu đuối và không trưởng thành. Dù có nhiều thánh đồ tìm kiếm nhưng rất ít người tìm được con đường sự sống. Thậm chí nhiều người đã lầm tưởng rằng lòng sốt sắng, sự hiểu biết, quyền năng và các ân tứ, v.v. là sự sống.

Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời, trong những ngày sau cùng đầy nhu cầu cấp thiết, qua những bài giảng của người anh chúng ta, Đức Chúa Trời đã bày tỏ con đường sự sống ẩn giấu và kì diệu của Ngài, làm cho mỗi tín đồ có thể thấy và chạm được vấn đề này. Những bài giảng này có thể được xem là tinh hoa của những hiểu biết và kinh nghiệm về sự sống đã được gạn lọc và kết tinh từ 2.000 năm qua, cộng với 30 năm kinh nghiệm bản thân của người anh chúng ta, nên thật là đầy đủ và tuyệt vời. Nội dung của những bài giảng này được chia ra làm hai phần chính. Phần thứ nhất bàn về việc biết sự sống, được chia làm 14 mục chính bày tỏ đặc

điểm của sự sống và những nguyên tắc hoạt động khác nhau của sự sống ấy. Phần thứ hai bàn về những kinh nghiệm sự sống và được chia làm 19 mục giảng giải những kinh nghiệm trong nhiều giai đoạn khác nhau của đời sống thuộc linh và phương cách theo đuổi sự sống.* Nếu theo đuổi và thực hành những bài học này từng bước một, chúng ta sẽ có thể thẳng tiến và nhanh chóng đạt đến giai đoạn trưởng thành trong sự sống.

Vì vậy, những bài giảng này đã làm cho khoa học sự sống, là khoa học mà hầu như không thể thấy được và không chạm đến được, trở nên thực tiễn. Tất cả các thánh đồ sống Chúa và theo đuổi sự lớn lên trong sự sống cần đọc những sứ điệp này.

Tiến Sĩ Y. L. Chang

Tháng 11 năm 1956

Đài Bắc, Đài Loan, Trung Hoa

* Phần thứ hai đã được Living Stream Ministry xuất bản với tựa đề *Kinh nghiệm sự sống*.

MƯỜI BỐN ĐIỂM LIÊN QUAN ĐẾN SỰ SỐNG

Chúng ta sẽ dùng mười bốn chương bao gồm mười bốn điểm chính để xem xét từ mỗi góc cạnh sự sống là gì và vài vấn đề liên quan đến sự sống. Trong quyển sách này, chúng tôi xây dựng một nền tảng trên việc biết sự sống. Chúng tôi đã đề cập về vấn đề liên quan đến kinh nghiệm sự sống trong một quyển sách khác.*

* *Kinh nghiệm sự sống*, do Living Stream Ministry xuất bản.

CHƯƠNG 1

SỰ SỐNG LÀ GÌ?

Trước hết, chúng ta cần thấy sự sống là gì. Để biết sự sống, chúng ta phải hiểu sự sống là gì. Điều này hơi khó giải thích, vì vậy chúng ta thật cần sự thương xót của Chúa. Theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, có ít nhất sáu điểm cần được nói đến để làm sáng tỏ chủ đề này.

I. CHỈ CÓ SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ SỰ SỐNG

Để giải thích sự sống là gì, trước hết chúng ta phải được sáng tỏ một điều, ấy là trong cả vũ trụ này, loại sự sống nào có thể được kể là sự sống. 1 Giăng 5:12 nói rằng: “Ai có Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì chẳng có sự sống đâu”. Giăng 3:36 cũng chép rằng: “Ai tin vào Con thì có sự sống đời đời; còn ai không vâng lời Con sẽ không thấy sự sống” (RcV). Hai câu Kinh Thánh trên cho chúng ta biết nếu một người không có sự sống của Đức Chúa Trời thì người ấy không có sự sống. Điều này cho thấy trong cách nhìn của Đức Chúa Trời chỉ có sự sống của Ngài mới là sự sống; ngoài ra, không sự sống nào khác được kể là sự sống. Vậy nên khi sự sống của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong Kinh Thánh, sự sống ấy được kể là sự sống duy nhất (Gi. 1:4; 10:10; 11:25; 14:6; v.v.).

Chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống. Các loại sự sống khác không được kể là sự sống vì chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là thần thượng và đời đời.

Thần thượng có nghĩa là gì? *Thần thượng* có nghĩa là thuộc về Đức Chúa Trời, có bản chất của Đức Chúa Trời, hay là siêu việt và khác biệt. Chỉ có Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, chỉ có Đức Chúa Trời mới có bản chất của Đức Chúa Trời, và chỉ có Đức Chúa Trời mới là siêu việt và khác biệt; vì vậy, chỉ có Đức Chúa Trời là *thần thượng*. Sự sống của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời (chúng ta sẽ suy xét điểm này sau), và vì sự sống ấy là chính Đức Chúa Trời nên tự nhiên sự sống này có bản chất của Đức Chúa Trời. Ví dụ một cái chén bằng vàng là vàng, và vì nó là vàng nên nó có bản chất của vàng; thực ra, vàng là bản chất của cái chén. Tương tự như vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời và có bản chất của Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời là bản chất của sự sống Ngài. Vì sự sống của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời và có bản chất của Đức Chúa Trời nên sự sống của Đức Chúa Trời là *thần thượng*.

Đời đời có nghĩa là gì? *Đời đời* có nghĩa là phi thọ tạo, không có khởi đầu hay kết thúc, tự hữu và hằng hữu, bất biến. Chỉ có Đức Chúa Trời là phi thọ tạo; chỉ Ngài mới có “từ đời đời đến đời đời” (Thi. 90:2, nguyên văn), tức là không có khởi đầu hay kết thúc. Ngài là “Ta là Đấng Ta là” (Xuất. 3:14), và mãi mãi “y nguyên” (Thi. 102:27). Vì chính Đức Chúa Trời là như vậy nên sự sống, tức là chính Ngài, cũng như vậy. Giống như chính Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời cũng phi thọ tạo, không có khởi đầu hay kết thúc, tự hữu và hằng hữu, không bao giờ thay đổi; cho nên sự sống của Đức Chúa Trời là *đời đời*. Vì lí do đó, Kinh Thánh nói sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống *đời đời*.

Vì cả *thần thượng* lẫn *đời đời* đều là bản chất của Đức Chúa Trời và đều bày tỏ ra những đặc điểm của chính Đức Chúa Trời, nên *thần thượng* và *đời đời* cũng là bản chất của sự sống Ngài và mô tả được những đặc điểm của sự sống Ngài. Tuy nhiên, *thần thượng* không chỉ là một đặc điểm của sự sống Đức Chúa Trời mà hơn nữa, còn là thể yếu của sự sống Ngài, trong khi đó, *đời đời* chỉ là một đặc điểm của

sự sống ấy. Chúng ta hãy xem lại ví dụ về cái chén bằng vàng. Bản chất của nó là vàng và chống rỉ sét. Tuy nhiên, vàng không những là đặc điểm của cái chén mà còn là chính thể yếu của cái chén, trong khi tính chống rỉ sét của cái chén là do tính chất vàng mà ra. Cũng vậy, sở dĩ sự sống của Đức Chúa Trời là đời đời vì sự sống ấy là thần thượng. (Thần thượng không chỉ có nghĩa là điều gì đó thuộc về Đức Chúa Trời mà còn là chính Đức Chúa Trời). Sự sống của Đức Chúa Trời là đời đời vì sự sống ấy là thần thượng. Trong vũ trụ, không có sự sống thọ tạo nào có bản chất thần thượng; vì vậy, không có sự sống thọ tạo nào là đời đời. Chỉ có bản chất của sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời mới là thần thượng và đời đời. Vì bản chất của sự sống Đức Chúa Trời là như vậy nên đương nhiên chính sự sống của Đức Chúa Trời cũng là như vậy. Sự sống của Đức Chúa Trời là đời đời vì sự sống ấy thần thượng. Trong cả vũ trụ, chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời là vừa thần thượng vừa đời đời; vì vậy, chỉ sự sống của Đức Chúa Trời mới được kể là sự sống.

Chỉ có sự sống vừa thần thượng vừa đời đời mới được kể là sự sống, vì sự sống chỉ về điều gì đó sống động. Tất cả những gì được kể là sự sống phải là điều gì đó bất tử. Điều gì bất tử thì không bao giờ thay đổi; điều ấy tồn tại nguyên vẹn và cứ tiếp tục sống thậm chí sau khi trải qua bất cứ thảm họa hay sự hủy diệt nào. Sự sống nào chịu khuất phục sự chết và bị thay đổi, cũng không thể chịu đựng nổi bất cứ thảm họa hoặc sự tàn phá nào thì sự sống ấy không có tính đời đời, bất tử cũng không bất biến, và vì vậy không thể được kể là sự sống. Sự sống phải là điều gì đó sống mãi và không bao giờ thay đổi. Chỉ điều gì có tính chất đời đời mới có thể như thế được. Thế thì điều gì là đời đời? Chỉ điều gì là thần thượng! Điều gì thần thượng thì thuộc về Đức Chúa Trời, và điều đó là chính Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời thì không có khởi đầu hay kết thúc, Ngài tự hữu và hằng hữu; vì vậy Ngài là đời đời. Vì chỉ điều nào thần

thượng mới đòi đòi và chỉ điều nào đòi đòi mới có thể sống vĩnh viễn không thay đổi, chỉ điều gì vừa thần thượng vừa đòi đòi mới được kể là sự sống.

Mọi loại sự sống trong vũ trụ, kể cả sự sống của thiên sứ, loài người, động vật hay thực vật, đều phải chết và thay đổi; vì lí do đó, chúng không đòi đòi. Chúng không có bản chất của Đức Chúa Trời, cũng không thần thượng. Chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới có bản chất của Đức Chúa Trời; vì vậy, sự sống ấy thần thượng và đòi đòi, bất tử và bất biến, không bị sự chết cầm giữ và bất diệt (Công. 2:24; Hê. 7:16). Dù phải trải qua bất cứ thảm họa hay sự tàn phá nào, sự sống ấy vẫn không thay đổi và mãi mãi y nguyên. Trong vũ trụ, ngoại trừ sự sống của Đức Chúa Trời, không sự sống nào khác có thể được như vậy. Vì vậy, từ quan điểm của cõi đòi đòi, chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống. Sự sống ấy không chỉ có danh nghĩa là sự sống mà cũng có thực tại của sự sống và vì thế sự sống ấy hoàn toàn làm trọn ý nghĩa của sự sống. Những sự sống khác chỉ là sự sống trên danh nghĩa, không có thực tại; thế nên chúng không thể đáp ứng được những tiêu chuẩn bất tử và bất biến của sự sống và không thể được kể là sự sống. Vì thế, theo bản chất thần thượng và đòi đòi của sự sống Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống duy nhất trong cả vũ trụ.*

II. SỰ SỐNG LÀ SỰ TUÔN ĐÓ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Vấn đề sự sống là gì, trước hết chúng ta phải thấy rằng chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống, sau đó,

* Vì sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống duy nhất nên hễ khi nào Tân Ước nói về sự sống này, trong nguyên ngữ Hi Lạp luôn dùng từ *zoe*, chỉ về sự sống cao nhất (Gi. 1:4; 1 Gi. 1:2, 5:12; v.v.). Bên cạnh đó, nguyên bản Tân Ước cũng dùng (1) *bios* để chỉ về sự sống của xác thịt (Lu. 8:43; 21:4; v.v.) và (2) *psuche* để chỉ về sự sống hồn hay sự sống thiên nhiên của con người (Mat. 16:25-26; Lu. 9:24; v.v.).

chúng ta phải thấy rằng sự sống là sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời. Khải Thị 22:1-2 nói về sông nước sự sống tuôn chảy từ Ngài Đức Chúa Trời và trong dòng sông sự sống ấy có cây sự sống. Cả sông nước sự sống và cây sự sống đều biểu trưng cho sự sống. Vì vậy, tại đây chúng ta sáng tỏ rằng sự sống là điều gì tuôn đổ ra từ Đức Chúa Trời. Do đó, có thể nói rằng sự sống là sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời.

Chúng ta đã thấy rằng sự sống thì phải thần thượng và đời đời. Vì Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời nên về bản chất, Ngài thần thượng. Kinh Thánh cũng nói rằng Đức Chúa Trời là đời đời. Như vậy, vì Đức Chúa Trời vừa thần thượng vừa đời đời nên Ngài là sự sống. Do đó, Đức Chúa Trời tuôn đổ là sự sống.

Theo bản chất thần thượng và đời đời của chính Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời là sự sống. Nhưng nếu Đức Chúa Trời không tuôn đổ ra thì dù đối với chính Ngài, Ngài là sự sống, nhưng đối với chúng ta, Ngài không phải là sự sống. Ngài phải tuôn đổ ra thì Ngài mới có thể trở nên sự sống cho chúng ta được. Sự tuôn đổ của Ngài trải qua hai bước. Bước thứ nhất là Ngài trở nên xác thịt. Điều này làm cho Ngài có thể tuôn đổ từ trời vào giữa vòng loài người và bày tỏ chính Ngài là sự sống (Gi. 1:1, 14, 4). Vì vậy, khi Kinh Thánh đề cập đến điều này thì một mặt nói rằng Ngài “đã được tỏ ra trong xác thịt” (1 Ti. 3:16), còn mặt kia thì nói rằng “sự sống ấy đã được tỏ ra” (1 Gi. 1:2). Vì thế, khi còn ở trong xác thịt, Ngài đã nói rằng Ngài là sự sống (Gi. 14:6). Mặc dù trong bước thứ nhất của sự tuôn đổ, Ngài có thể bày tỏ chính Ngài là sự sống cho chúng ta, nhưng chúng ta không thể tiếp nhận Ngài là sự sống được; vì vậy, Ngài phải thực hiện bước thứ hai của sự tuôn đổ. Bước thứ hai của sự tuôn đổ là Ngài chịu đóng đinh trên thập tự giá. Qua sự chết, thân thể xác thịt mà Ngài đã mặc lấy đã bị vỡ ra, do đó, từ xác thịt Ngài có thể tuôn đổ ra và trở nên nước hằng sống của sự sống để chúng ta tiếp nhận (Gi. 19:34; 4:10, 14). Vàng đá trong Cự Ước làm hình bóng cho chính Ngài, đã

bị đập vỡ, và từ đó tuôn ra dòng nước hằng sống để dân Israel uống (Êxc. 17:6; 1 Cô. 10:4). Ngài đã trở nên xác thịt để có thể thành một hạt lúa mì chứa đựng sự sống. Ngài đã bị đóng đinh để có thể tuôn đổ từ trong lớp vỏ ngoài của xác thịt mà vào bên trong chúng ta là những bông trái của Ngài, và Ngài trở thành sự sống của chúng ta (Gi. 12:24).

Vì thế, sự sống mà chúng ta nhận lãnh từ Đức Chúa Trời là sự tuôn đổ của chính Đức Chúa Trời. Về phía chúng ta, sự sống tuôn chảy trong chúng ta là sự đổ vào của Đức Chúa Trời. Còn về phía Đức Chúa Trời, đó là sự đổ ra của Đức Chúa Trời. Sau đó, khi sự sống này tuôn đổ từ chúng ta thì sự sống đó lại là sự đổ ra của Đức Chúa Trời. Sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời bắt đầu từ ngài Ngài: trước hết sự tuôn đổ đã được tuôn đổ vào trong Jesus người Na-xa-rét; sau đó sự tuôn đổ chảy qua thập tự giá rồi tuôn đổ vào trong các sứ đồ; rồi từ các sứ đồ mà tuôn ra như những sông nước hằng sống (Gi. 7:38); rồi chảy xuyên qua các thánh đồ của mọi thời đại, cuối cùng sự tuôn đổ ấy vào trong chúng ta. Từ chúng ta, sự tuôn đổ này chảy ra cho hàng triệu người nữa và sẽ tuôn chảy cho đến cõi đời đời, tuôn đổ mãi mãi không ngưng nghỉ như đã nói đến trong Khải Thị 22:1-2 và Giăng 4:14.

Những dòng nước được đề cập trong Ê-xê-chi-ên chương 47 tượng trưng cho sự tuôn chảy của Đức Chúa Trời. Bất cứ nơi nào những dòng nước này chảy đến thì tại nơi ấy, tất cả mọi sự đều sẽ có sự sống. Cũng vậy, bất cứ nơi nào sự tuôn đổ Đức Chúa Trời tràn đến, nơi đó sẽ có sự sống, vì sự tuôn đổ này chính là sự sống. Khi sự tuôn đổ này tuôn chảy đến cõi đời đời thì cõi đời đời sẽ được đổ đầy tình trạng sự sống và trở nên cõi đời đời của sự sống.

Ngay từ buổi ban đầu, khi nói về sự sống, Kinh Thánh cho chúng ta thấy một dòng sông tuôn đổ (Sáng. 2:9-14). Vào cuối sách Khải Thị, chúng ta được chỉ cho thấy rằng đối với chúng ta, tất cả mọi sự liên hệ đến sự sống, dù đó là nước sự sống hay cây sự sống, đều tuôn đổ từ Đức Chúa

Trời. Điều này nói lên cách rõ ràng rằng, đối với chúng ta, sự sống là sự tuôn đổ ra của chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời tuôn đổ từ trời, qua xác thịt Ngài mà tuôn đổ vào giữa chúng ta như sự sống là điều đã được tỏ ra cho chúng ta. Sau đó, từ xác thịt Ngài tuôn đổ vào bên trong chúng ta như sự sống mà chúng ta đã tiếp nhận.

III. SỰ SỐNG LÀ NỘI DUNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Về vấn đề sự sống là gì, điểm thứ ba mà chúng ta cần biết ấy là sự sống tức là nội dung của Đức Chúa Trời. Vì sự sống là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời, nên sự sống là nội dung của Đức Chúa Trời, và sự tuôn đổ Đức Chúa Trời là từ chính Ngài mà chính Đức Chúa Trời là nội dung của Đức Chúa Trời.

Vì nội dung của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời nên nội dung này là tất cả những gì Đức Chúa Trời là, hay sự đầy đủ của Thần Cách. Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng mọi sự đầy đủ của Thần Cách đều ở trong Christ (Côl. 2:9). Đó là vì Đấng Christ, hiện thân của Đức Chúa Trời, đã được tỏ ra để trở thành sự sống của con người. Sự sống này chứa đựng mọi sự đầy đủ của Thần Cách, tức là tất cả những gì Đức Chúa Trời là. Tất cả những gì Đức Chúa Trời là đều ở trong sự sống này. Việc Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời tùy thuộc vào sự sống này. Vì vậy, sự sống này là nội dung của Đức Chúa Trời, tức sự đầy đủ của Thần Cách. Khi tiếp nhận sự sống này, chúng ta tiếp nhận nội dung của Đức Chúa Trời, và chúng ta nhận lãnh tất cả những gì có trong Đức Chúa Trời. Sự sống này đang ở bên trong chúng ta là tất cả những gì Đức Chúa Trời là. Ngày nay, chính trong sự sống này mà Đức Chúa Trời trở nên mọi sự của chúng ta và là mọi sự của chúng ta; chính trong sự sống này mà Đức Chúa Trời trở thành Đức Chúa Trời của chúng ta và là Đức Chúa Trời của chúng ta. Vì sự sống này ở trong Đấng Christ là sự đầy đủ của Thần Cách và là nội dung của chính Đức Chúa Trời, nên trong chúng ta, sự

sống ấy cũng là sự đầy đủ của Thần Cách và là nội dung của chính Đức Chúa Trời.

IV. SỰ SỐNG LÀ CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

Chúng ta đã thấy rằng sự sống là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời và sự sống là nội dung của Đức Chúa Trời. Sự tuôn đổ Đức Chúa Trời lưu xuất từ chính Ngài và nội dung của Đức Chúa Trời cũng là chính Đức Chúa Trời. Vì sự sống vừa là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời vừa là nội dung của Đức Chúa Trời nên tự nhiên sự sống là chính Đức Chúa Trời. Đây là điểm thứ tư chúng ta cần biết liên quan đến vấn đề sự sống là gì.

Trong Giăng 14:6, Chúa Jesus nói Ngài là sự sống. Sau khi nói điều đó, từ câu 7 đến câu 11, Ngài bày tỏ cho các môn đồ biết Ngài và Đức Chúa Trời là một. Khi Ngài nói lời này, ấy là chính Đức Chúa Trời nói trong Ngài. Ngài là Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, và Ngài là Đức Chúa Trời trong xác thịt (Gi. 1:1, 14; 1 Ti. 3:16). Khi Chúa Jesus nói Ngài là sự sống, ấy là Đức Chúa Trời nói Đức Chúa Trời là sự sống. Do đó, Lời của Ngài bày tỏ cho chúng ta rằng sự sống là chính Đức Chúa Trời.

Chúng ta cần lưu ý rằng Kinh Thánh hiếm khi dùng từ “sự sống của Đức Chúa Trời”. Sự dạy dỗ của Kinh Thánh cốt yếu bày tỏ cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời *là* sự sống; hầu như Kinh Thánh nói Đức Chúa Trời *là* sự sống, hiếm khi nói “sự sống của Đức Chúa Trời”. Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời *là* sự sống của chúng ta và nói Đức Chúa Trời *chính là* sự sống của chúng ta; hầu như không bao giờ Kinh Thánh nói rằng Đức Chúa Trời muốn chúng ta tiếp nhận “sự sống của Ngài”. Sự sống của Đức Chúa Trời thì khác với Đức Chúa Trời *là* sự sống hay Đức Chúa Trời *chính là* sự sống. *Sự sống của Đức Chúa Trời* không nhất thiết hàm ý đến toàn bộ Đức Chúa Trời, trong khi *Đức Chúa Trời là sự sống* hay *Đức Chúa Trời chính là sự sống* hàm ý đến toàn bộ Đức Chúa Trời. Nói đúng ra, khi tiếp nhận sự sống, chúng

ta không tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời, nhưng tiếp nhận Đức Chúa Trời *chính là* sự sống. Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta sự sống của Ngài mà chính Ngài đến làm sự sống của chúng ta. Vì chính Đức Chúa Trời là sự sống nên sự sống Ngài là chính Ngài.

Vậy thì sự sống là gì? Sự sống là chính Đức Chúa Trời. Có sự sống nghĩa là gì? Có sự sống là có chính Đức Chúa Trời. Sống ra sự sống nghĩa là gì? Sống ra sự sống là sống ra chính Đức Chúa Trời. Sự sống hoàn toàn không gì khác hơn là Đức Chúa Trời. Nếu khác thì sự sống không phải là sự sống. Chúng ta cần hiểu rõ điều này. Chỉ biết rằng chúng ta có sự sống thì chưa đủ; chúng ta phải biết hơn nữa rằng sự sống chúng ta có là chính Đức Chúa Trời. Chỉ biết mình sống ra sự sống thì chưa đủ; chúng ta cũng phải biết rằng sự sống mà mình cần sống ra đó là chính Đức Chúa Trời.

Thưa anh chị em, sự sống mà chúng ta nên sống ra thật sự là gì? Khi sống ra sự sống, chúng ta sống ra điều gì? Có phải sống ra tình yêu, sự khiêm nhường, hòa nhã và kiên nhẫn là sống ra sự sống không? Không! Vì tình yêu, sự khiêm nhường, hòa nhã và kiên nhẫn đều không phải là sự sống; bất cứ sự tốt lành hay mỹ đức nào đó cũng không. Duy chính Đức Chúa Trời mới là sự sống. Thế nên sống ra những mỹ đức như vậy không phải là sống ra sự sống. Chỉ có sống ra chính Đức Chúa Trời mới là sống ra sự sống. Nếu tình yêu, sự khiêm nhường, hòa nhã và kiên nhẫn mà chúng ta sống ra không phải là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời hoặc biểu lộ Đức Chúa Trời thì chúng không phải là sự sống. Bất cứ điều tốt lành hay mỹ đức nào mà chúng ta sống ra đều không phải là sự sống, trừ phi chúng biểu lộ Đức Chúa Trời qua chúng ta. Những đức tính tốt lành mà chúng ta sống ra phải là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời, bày tỏ Đức Chúa Trời và biểu lộ Đức Chúa Trời; khi ấy chúng ta mới đang sống ra sự sống; vì sự sống là chính Đức Chúa Trời.

Cô-lô-se 2:9 và Ê-phê-sô 3:19 cho thấy sự đầy đủ của Đức Chúa Trời. Sự sống mà chúng ta tiếp nhận là Đức Chúa

Trời đầy đủ này. Vì vậy, sự sống này cũng đầy đủ. Trong sự sống ấy có tình yêu và sự sáng, sự khiêm nhường và hòa nhã, kiên nhẫn và chịu đựng, thông cảm và hiểu biết. Tất cả những điều tốt lành và các mỹ đức ở trong Đức Chúa Trời đều có trong sự sống này. Vì vậy, sự sống này có thể sống ra tất cả các mỹ đức ấy qua chúng ta. Sống ra các mỹ đức ấy là sống ra Đức Chúa Trời vì sự sống này là Đức Chúa Trời. Dù sự sống này, khi sống ra, có nhiều sự biểu lộ khác nhau, chẳng hạn như tình yêu, sự khiêm nhường, hòa nhã và kiên nhẫn, nhưng đó là tất cả những sự biểu lộ về Đức Chúa Trời, vì tất cả đều được sống ra từ Đức Chúa Trời. Điều gì được sống ra từ Đức Chúa Trời là sự biểu lộ Đức Chúa Trời hay sự biểu lộ của sự sống vì Đức Chúa Trời là sự sống và sự sống là Đức Chúa Trời.

V. SỰ SỐNG LÀ ĐÁNG CHRIST

Kinh Thánh cho chúng ta thấy sự sống là chính Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Kinh Thánh còn bày tỏ cho chúng ta rằng sự sống là Đấng Christ. Sự sống đã là Đức Chúa Trời, sau đó Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, tức là Đấng Christ. Vì vậy, Đấng Christ là Đức Chúa Trời và Đấng Christ cũng là sự sống (1 Gi. 5:12). Sự sống vốn là Đức Chúa Trời, sự sống mà hiện là Đức Chúa Trời đang ở trong Ngài (Gi. 1:4). Vì thế, Đấng Christ đã lập đi lập lại rằng Ngài là sự sống (Gi. 14:6; 11:25), và Ngài đến trên đất này để loài người có thể có sự sống (Gi. 10:10). Bởi thế, Kinh Thánh chép rằng hễ người nào có Ngài thì có sự sống (1 Gi. 5:12), và Đấng ở trong chúng ta là sự sống của chúng ta (Côl. 3:4).

Sự sống là chính Đức Chúa Trời như thế nào, sự sống cũng là Đấng Christ như vậy. Có sự sống là có chính Đức Chúa Trời như thế nào, có sự sống cũng là có Đấng Christ như vậy. Sống ra sự sống là sống ra chính Đức Chúa Trời như thế nào, sống ra sự sống cũng là sống ra Đấng Christ như vậy. Sự sống hoàn toàn không có gì khác hơn là Đức Chúa Trời; cũng vậy, sự sống hoàn toàn không gì khác hơn

là Đấng Christ. Điều gì chỉ một chút lệch khỏi Đức Chúa Trời thì không phải là sự sống, cũng vậy điều gì chỉ một chút lệch khỏi Đấng Christ thì cũng không phải là sự sống vì Đấng Christ là Đức Chúa Trời dưới dạng sự sống. Ấy là qua Đấng Christ và với tư cách là Đấng Christ mà Đức Chúa Trời được biểu lộ ra như là sự sống. Do đó, Đấng Christ là sự sống và sự sống là Đấng Christ.

VI. SỰ SỐNG LÀ THÁNH LINH

Sau khi Chúa Jesus nói rằng Ngài là sự sống trong Giăng 14:6, Ngài bày tỏ cho các môn đồ biết không những Ngài và Đức Chúa Trời là một (cc. 7-11), mà Thánh Linh và Ngài cũng là một (cc. 16-20).^{*} Từ câu 7 đến câu 11, Ngài bày tỏ cho chúng ta biết Ngài là hiện thân của Đức Chúa Trời – Ngài ở trong Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong Ngài. Do đó, Ngài là sự sống nghĩa là Đức Chúa Trời là sự sống. Từ câu 16 đến câu 20, Ngài khai thị thêm rằng Thánh Linh là hiện thân của Ngài, là một dạng khác của Ngài và khi sự hiện diện vật lí của Ngài rời khỏi chúng ta thì Linh thực tại, tức là chính Ngài như một Đấng An ủi khác, sẽ vào trong chúng ta và cứ ở với chúng ta. Linh này đang sống trong chúng ta và ở với chúng ta. Linh mà đang sống trong chúng ta và cứ ở với chúng ta là chính Ngài đang sống trong chúng ta như là sự sống để chúng ta có thể sống. Vì vậy, hai đoạn Kinh Thánh này bày tỏ cho chúng ta rằng ấy là bởi Đức Chúa Trời ở trong Ngài và Ngài là Thánh Linh mà Ngài là sự sống. Đức Chúa Trời là sự sống ở trong Ngài, và Ngài là Thánh Linh như là sự sống. Ngài là sự sống tức Đức Chúa Trời là sự sống, và cũng có nghĩa là Thánh Linh là sự sống. Vì thế, Giăng 4:10, 14 nói rằng nước hằng sống mà

^{*} Trong hai câu 16 và 17, Chúa dùng từ “Ngài” để chỉ về Thánh Linh, nhưng trong câu 18, Ngài đổi đại từ “Ngài” thành “Ta”. Bằng cách thay đổi từ “Ngài” thành “Ta”, Chúa đã nói rằng “Ngài” là “Ta”. Điều này bày tỏ rằng Thánh Linh mà Ngài đề cập đến trong các câu 16 và 17 là chính Ngài.

Ngài ban cho là sự sống đời đời. Hơn nữa, Giăng 7:38-39 nói rằng nước hằng sống tuôn đổ từ trong chúng ta là Thánh Linh mà chúng ta đã nhận lãnh. Điều này bày tỏ rằng Thánh Linh là sự sống đời đời. Thánh Linh mà chúng ta tiếp nhận là sự sống đời

đời chúng ta kinh nghiệm, hay là Đấng Christ mà chúng ta kinh nghiệm như sự sống. Sự sống đời đời, hay Đấng Christ là sự sống, là để cho chúng ta kinh nghiệm như là Thánh Linh. Do đó, Thánh Linh được gọi là “Linh sự sống” (La. 8:2).

Thánh Linh là “Linh sự sống” vì sự kiện Đức Chúa Trời và Đấng Christ là sự sống tùy thuộc nơi Ngài. Ngài và sự sống được hiệp làm một và không thể tách rời. Ngài thuộc về sự sống, và sự sống thuộc về Ngài. Sự sống là nội dung của Ngài, và Ngài là thực tại của sự sống. Nói một cách chính xác hơn, Ngài không những là thực tại của sự sống mà cũng là chính sự sống.

Tất cả chúng ta đều biết rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời Tam Nhất – Cha, Con và Linh. Cha ở trong Con; Con là Linh. Cha ở trong Con được bày tỏ ở giữa vòng loài người; vì vậy Con là sự biểu lộ của Cha. Con là Linh bước vào trong con người; vì vậy Linh là sự “bước vào” của Con. Cha là nguồn sự sống, là chính sự sống. Vì Con là sự tỏ bày của Cha (1 Ti. 3:16) nên Con là sự tỏ bày của sự sống (1 Gi. 1:2). Và vì Linh là sự bước vào của Con nên Linh là sự bước vào của sự sống. Từ ban đầu, sự sống là Cha; trong Con, sự sống ấy được tỏ ra giữa con người; và như là Linh, sự sống ấy vào trong con người để con người có thể kinh nghiệm. Vì thế, Linh đã trở nên Linh sự sống. Vì Linh là Linh sự sống nên con người có thể tiếp nhận sự sống qua Linh và khi con người đặt tâm trí mình vào Linh thì đó là sự sống (La. 8:6). Vì Linh là Linh sự sống nên khi con người vận dụng linh mình để chạm Linh, thì con người chạm được sự sống. Khi tiếp xúc với Linh, con người tiếp xúc với sự sống và khi vâng lời Linh, con người kinh nghiệm sự sống.

Vậy, tóm lại, sự sống là Đức Chúa Trời Tam Nhất. Nhưng đối với chúng ta, sự sống không phải là Đức Chúa Trời Tam Nhất ở trên trời, nhưng là Đức Chúa Trời Tam Nhất đang tuôn đổ. Sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời Tam Nhất có nghĩa là nội dung của Ngài, tức chính Ngài, trước hết đã tuôn đổ qua Christ, sau đó tuôn đổ ra như Linh để chúng ta tiếp nhận như sự sống. Vì thế, khi chạm được Đức Chúa Trời trong Christ là Linh, chúng ta chạm được sự sống, vì sự sống là Đức Chúa Trời trong Christ là Linh.

CHƯƠNG 2

KINH NGHIỆM SỰ SỐNG LÀ GÌ?

Bây giờ chúng ta nêu câu hỏi thứ nhì: Kinh nghiệm sự sống là gì? Một khi chúng ta đã thấy sự sống là gì, chúng ta có thể dễ dàng biết kinh nghiệm sự sống là gì.

I. KINH NGHIỆM ĐỨC CHÚA TRỜI

Chúng ta đã thấy rằng sự sống là chính Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời tuôn đổ vào trong chúng ta, được chúng ta tiếp nhận và kinh nghiệm, là sự sống. Vì vậy, kinh nghiệm Đức Chúa Trời là kinh nghiệm sự sống. Toàn bộ kinh nghiệm sự sống đều là việc kinh nghiệm và chạm được Đức Chúa Trời. Bất cứ kinh nghiệm nào mà không chạm được Đức Chúa Trời thì không phải là kinh nghiệm sự sống.

Chẳng hạn, có người ăn năn không phải do sự soi sáng của Đức Chúa Trời mà do sự nội hướng của mình. Vì sự ăn năn này không làm cho con người chạm được Đức Chúa Trời nên không phải là kinh nghiệm sự sống. Sự ăn năn ra từ sự soi sáng của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ làm cho con người chạm được Đức Chúa Trời và vì thế, đó là một kinh nghiệm sự sống.

Điều gì bắt nguồn từ phẩm hạnh riêng của chính con người thì không phải là kinh nghiệm sự sống. Điều đó là nhân tạo và thuộc về công việc riêng của con người; đó không phải là kết quả do Đức Chúa Trời xuyên qua con người hay con người xuyên qua Đức Chúa Trời, vì vậy, không được kể là một kinh nghiệm sự sống.

Vậy thì điều gì có thể được kể là kinh nghiệm sự sống? Kinh nghiệm ra từ việc Đức Chúa Trời xuyên qua con người và con người xuyên qua Đức Chúa Trời mới được kể là kinh nghiệm sự sống. Ví dụ, khi cầu nguyện, chúng ta gặp Đức Chúa Trời, được soi sáng, chúng ta nhìn thấy lỗi lầm của mình và xử lí lỗi lầm trước mặt Ngài. Ấy không phải là chúng ta tìm ra những lỗi lầm của mình, nhưng thật ra, khi đến gần Đức Chúa Trời, chúng ta được gặp Ngài bên trong và nhờ đó chúng ta nhìn thấy lỗi lầm của chính mình. Đức Chúa Trời là sự sáng; do đó khi gặp Ngài, chúng ta thấy lỗi lầm mình trong ánh sáng của Ngài. Tự nhiên chúng ta xưng tội với Ngài và cầu xin sự tẩy sạch của huyết Chúa. Kết quả là Đức Chúa Trời xuyên qua chúng ta, và chúng ta cũng xuyên qua Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm như vậy làm chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời; vì vậy, đó là kinh nghiệm sự sống.

Tất cả những kinh nghiệm sự sống đều ra từ Đức Chúa Trời và là sự hành động của Ngài bên trong chúng ta; vì thế, chúng có thể làm chúng ta chạm đến Đức Chúa Trời và kinh nghiệm Ngài. Tất cả kinh nghiệm nào không phải như vậy thì không là kinh nghiệm sự sống, vì sự sống là Đức Chúa Trời, và kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời. Do đó, bất cứ kinh nghiệm nào về Đức Chúa Trời như thế sẽ bày tỏ sự sống (Phil. 2:13-16).

II. KINH NGHIỆM CHRIST

Kinh nghiệm sự sống chắc chắn là kinh nghiệm Đức Chúa Trời, nhưng phải là Đức Chúa Trời ở trong Christ để chúng ta kinh nghiệm. Đấng Christ là sự biểu lộ và là hiện thân của Đức Chúa Trời; Ngài là Đức Chúa Trời trở nên kinh nghiệm của chúng ta. Vì thế, tất cả kinh nghiệm của chúng ta về Đức Chúa Trời là kinh nghiệm Christ và ở trong Christ. Như vậy, vì kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời nên đó cũng là kinh nghiệm Christ.

Dù Đức Chúa Trời là sự sống nhưng Ngài không thể là sự sống của chúng ta trừ khi Ngài ở trong Christ và trở thành Christ mà bởi đó chúng ta kinh nghiệm. Để chúng ta kinh nghiệm, Ngài phải là sự sống của chúng ta. Nhưng Ngài không thể là sự sống của chúng ta khi Ngài ở trên trời, ở trong sự sáng mà không ai có thể đến gần được (1 Ti. 6:16). Hơn nữa, để là sự sống của chúng ta, Ngài phải có bản chất con người. Sự sống thần thượng của Ngài phải được hòa quyện với bản chất con người để sự sống ấy có thể được kết hợp với chúng ta, tức là những người mang bản chất con người, và trở thành sự sống của chúng ta. Vì vậy, từ trời Ngài đã đến, trở nên xác thịt, và hòa quyện với bản chất con người. Như thế, Đức Chúa Trời đã trở nên Đấng Christ và trở thành sự sống của chúng ta trong bản chất con người để chúng ta kinh nghiệm Ngài. Khi kinh nghiệm Ngài là sự sống của mình, chúng ta kinh nghiệm Christ.

Nói tóm lại, khi kinh nghiệm Christ, chúng ta sẽ kinh nghiệm những phương diện sau đây:

A. Christ được bày tỏ trong chúng ta (Ga. 1:16)

Đây là kinh nghiệm khởi đầu của chúng ta về Christ khi chúng ta được cứu. Chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời bày tỏ Christ trong chúng ta qua Thánh Linh; bởi đó, chúng ta có thể biết và tiếp nhận Ngài là sự sống và là mọi sự của chúng ta.

B. Christ sống trong chúng ta (Ga. 2:20)

Đây là kinh nghiệm liên tục của chúng ta về Đấng Christ sống trong chúng ta như là sự sống của chúng ta sau khi được cứu. Nói cách khác, chúng ta kinh nghiệm Christ cứ ở trong chúng ta và sống cho chúng ta. Kinh nghiệm Christ liên tục trong đời sống hằng ngày của thánh đồ chúng ta cấu tạo nên phần lớn kinh nghiệm của chúng ta về Đấng Christ.

C. Christ được thành hình trong chúng ta (Ga. 4:19)

Điều này có nghĩa là chúng ta để cho tất cả những gì thuộc về Đấng Christ trở nên yếu tố của sự sống bên trong chúng ta, hầu cho Đấng Christ có thể lớn lên và thành hình trong chúng ta. Đấng Christ ở bên trong chúng ta không chỉ để chúng ta kinh nghiệm Ngài như là sự sống của chúng ta, là Đấng đang sống thay cho chúng ta, mà cũng để chúng ta có thể kinh nghiệm Ngài hơn nữa như là mọi sự của chúng ta, do đó làm cho Ngài có thể lớn lên và được thành hình trong sự sống của mình hầu cho sự sống Ngài có thể đạt đến tình trạng trưởng thành trong chúng ta.

D. Christ được tôn đại trong thân thể chúng ta (Phil. 1:20-21)

Điều này có nghĩa là chúng ta để tất cả những gì thuộc về Đấng Christ trở nên sự biểu lộ trong nếp sống bên ngoài của chúng ta, để Đấng Christ có thể được bày tỏ ra bên ngoài. Dù sống hay chết, trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng để Christ được tôn đại trong thân thể mình. Nói cách khác, đối với chúng ta, sống là Christ. Dĩ nhiên điều này là một kinh nghiệm có phần sâu xa hơn về Christ: điều đó không chỉ là kinh nghiệm Ngài thành hình bên trong chúng ta, mà cũng là kinh nghiệm Ngài được tôn đại từ chúng ta ra bên ngoài. Christ được thành hình trong chúng ta là sự trưởng thành của sự sống bên trong; nghĩa là vào lúc đó chúng ta có tất cả những gì thuộc về Ngài như là các yếu tố bên trong của chúng ta. Đấng Christ được tôn đại trong thân thể chúng ta là sự biểu lộ của nếp sống bên ngoài; bởi điều này, chúng ta để cho tất cả những điều gì thuộc về Ngài trở nên sự biểu lộ bên ngoài của mình. Vì thế, trong kinh nghiệm này, chúng ta kinh nghiệm Christ không chỉ là những yếu tố của sự sống bên trong chúng ta mà còn là sự biểu lộ của nếp sống bên ngoài.

E. Tầm thước vóc dáng theo sự đầy đủ của Đấng Christ (Êph. 4:13)

Điều này có nghĩa là tất cả chúng ta, tức là Thân thể, kinh nghiệm Christ cho đến khi chúng ta có đầy đủ những yếu tố và sự cấu tạo của Christ; nhờ đó chúng ta lớn lên và đầy đủ vóc dáng theo sự đầy đủ của Đấng Christ. Dĩ nhiên, đây là kinh nghiệm tập thể về Đấng Christ một cách trọn vẹn.

F. Được biến đổi nên hình ảnh của Đấng Christ (2 Cô. 3:18)

Kinh nghiệm của chúng ta về Christ có thể biến đổi chúng ta cho đến khi chúng ta giống như Ngài. Điều này bắt đầu với kinh nghiệm Christ được bày tỏ trong chúng ta và tiếp tục cho đến khi thân thể chúng ta được cứu chuộc (La. 8:23). Càng kinh nghiệm Ngài, chúng ta càng được biến đổi, cho đến khi thân thể chúng ta được biến hóa trở nên hình dạng giống như thân thể vinh hiển của Ngài (Phil. 3:21). Vào lúc đó, chúng ta sẽ hoàn toàn được đồng hóa theo hình ảnh Ngài (La. 8:29) và chúng ta sẽ “giống như Ngài” (1 Gi. 3:2). Khi đó, chúng ta sẽ kinh nghiệm Ngài một cách trọn vẹn.

Tất cả những gì liên quan đến sự sống bên trong chúng ta và đời sống được thánh hóa bên ngoài chúng ta phải là kinh nghiệm của chúng ta về Đấng Christ. Vì Đấng Christ là sự sống của chúng ta nên Ngài cũng là sự thánh hoá của chúng ta (Côl. 3:4; 1 Cô. 1:30). Bất cứ kinh nghiệm nào liên quan đến sự sống bên trong chúng ta đều phải là Christ sống bên trong chúng ta; hơn nữa, nếp sống thánh hóa bên ngoài của chúng ta cũng phải là Christ sống ra qua chúng ta. Tất cả những kinh nghiệm sự sống của chúng ta phải là kinh nghiệm Christ. Không chỉ những kinh nghiệm lớn lao như đồng chết với Đấng Christ, đồng sống lại và đồng thăng thiên với Ngài mới là kinh nghiệm của chúng ta, mà ngay cả những kinh nghiệm sự sống nhỏ bé trong đời sống hàng

ngày của mình, tất cả cũng cần phải là kinh nghiệm Christ. Dù là sự giải phóng khỏi tội hay sự đắc thắng thế giới, đời sống bày tỏ sự thánh hoá và tình trạng thuộc linh, hoặc đời sống bày tỏ tình yêu và sự khiêm nhường, tất cả đều phải là kinh nghiệm Christ. Ngay cả một chút kiên nhẫn và chịu đựng của chúng ta đối với người khác cũng phải là kinh nghiệm Christ.

Kinh nghiệm Christ là để Christ sống bên trong chúng ta và từ chúng ta mà sống ra bên ngoài. Kinh nghiệm Christ là nhận Christ làm sự sống và nhờ đó sống bởi Christ. Kinh nghiệm Christ có nghĩa là tất cả nếp sống và hành động của chúng ta là chính Christ sống ra và hành động qua chúng ta. Kinh nghiệm Christ là kinh nghiệm quyền năng phục sinh của Ngài (Phil. 3:10) – đây là kinh nghiệm Ngài là sự sống; do đó, một kinh nghiệm như thế cũng là kinh nghiệm sự sống.

III. KINH NGHIỆM THÁNH LINH

Trong Giảng chương 14, sau khi Chúa Jesus nói Ngài là sự sống (c. 6), Ngài cho chúng ta thấy rằng không những Ngài và Đức Chúa Trời là một, Ngài ở trong Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời ở trong Ngài và việc Ngài là sự sống có nghĩa là Đức Chúa Trời là sự sống (cc. 7-11); rằng không những Thánh Linh và Ngài cũng là một, Thánh Linh vào trong chúng ta và ở với chúng ta tức Đấng Christ sống trong chúng ta để làm sự sống của chúng ta (cc. 16-19); mà còn cho thấy rằng, với tư cách là Thánh Linh, Ngài vào bên trong và sống trong chúng ta có nghĩa là cả Ngài và Đức Chúa Trời, với tư cách là Linh, vào trong và cứ ở với chúng ta như là sự sống của chúng ta (cc. 20-23). Nói cách đơn giản, sau khi Chúa nói Ngài là sự sống, Ngài bày tỏ cho chúng ta ba điều: (1) Đức Chúa Trời ở trong Ngài là sự sống, (2) Ngài là Thánh Linh như là sự sống, (3) Đức Chúa Trời Tam Nhất là sự sống vào trong chúng ta. Vì thế, khi kinh nghiệm sự sống, không những chúng ta kinh nghiệm Đức

Chúa Trời, kinh nghiệm Christ mà còn kinh nghiệm Thánh Linh. Thực ra, Thánh Linh vừa là Đức Chúa Trời vừa là Christ như là sự sống để chúng ta kinh nghiệm, hay là Đức Chúa Trời trong Christ như là sự sống để chúng ta kinh nghiệm.

Như Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời, thì Thánh Linh cũng là hiện thân của Christ. Đức Chúa Trời là sự sống ở trong Christ; và là sự sống, Christ chính là Thánh Linh. Chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Christ, và chúng ta kinh nghiệm Christ như là Thánh Linh. Vậy, cũng như kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời và Christ thì kinh nghiệm sự sống cũng là kinh nghiệm Thánh Linh.

Đức Chúa Trời là sự sống. Christ là Đức Chúa Trời đến như sự sống. Thánh Linh là Linh của Đức Chúa Trời ở trong Christ như là sự sống, hay Linh sự sống (La. 8:2). Chính Linh sự sống này, tức Thánh Linh, làm cho chúng ta kinh nghiệm được tất cả nội dung của Đức Chúa Trời trong Christ như là sự sống. Chính Thánh Linh sự sống này làm chúng ta kinh nghiệm được sự nội cư của Christ. Chính Thánh Linh sự sống này làm chúng ta kinh nghiệm được quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời trong Christ (La. 8:9-11). Chính Thánh Linh sự sống này hướng dẫn chúng ta đặt các việc làm xấu xa của thân thể mình vào chỗ chết; và cũng chính Thánh Linh sự sống này cầu nguyện trong chúng ta (La. 8:13, 26). Tất cả những kinh nghiệm sự sống của chúng ta, dù sâu xa hay nông cạn, đều bắt nguồn từ Thánh Linh; vì vậy, đó là tất cả những kinh nghiệm của Thánh Linh sự sống này.

La Mã 8:9-11 cho thấy rằng không những Thánh Linh là Đấng làm cho chúng ta có thể kinh nghiệm được sự nội cư của Christ và quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời, mà cũng là Thánh Linh ở bên trong chúng ta làm chúng ta kinh nghiệm sự sống là Christ, và chính Đức Chúa Trời ở bên trong chúng ta làm cho chúng ta kinh nghiệm sự sống. Như

thế, qua Thánh Linh, chúng ta kinh nghiệm được sự sống của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Do đó, để kinh nghiệm sự sống này, chúng ta phải kinh nghiệm Thánh Linh; và khi kinh nghiệm sự sống này, chúng ta kinh nghiệm Thánh Linh.

Vì vậy, kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời Tam Nhất hay là kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Christ và Christ là Thánh Linh làm sự sống của chúng ta. Thánh Linh hành động trong chúng ta, dẫn dắt chúng ta kinh nghiệm Christ và kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Christ – đây chính là kinh nghiệm sự sống. Khi nào, trong Thánh Linh, chúng ta xuyên suốt qua Đức Chúa Trời và Đấng Christ, và để cho Đức Chúa Trời và Đấng Christ xuyên suốt qua chúng ta, thì đó là kinh nghiệm sự sống. Chỉ có kinh nghiệm như vậy về Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời mới là kinh nghiệm sự sống. Tất cả những điều khác không được kể là kinh nghiệm sự sống. Anh em có thể nói điều đó là lòng sốt sắng, là nếp sống tôn giáo, là sự tự cải thiện bản thân, nhưng anh em không thể nói rằng đó là kinh nghiệm sự sống. Kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời, kinh nghiệm Christ và kinh nghiệm Thánh Linh. Đây không phải là điều mà anh em tự làm hay nỗ lực để cải thiện; nhưng là kết quả do Đức Chúa Trời chuyển động trong chúng ta, Christ sống ra qua chúng ta và Thánh Linh xúc dầu trong chúng ta. Nguyện chúng ta theo đuổi điều này.

CHƯƠNG 3

KINH NGHIỆM ĐẦU TIÊN VỀ SỰ SỐNG – SỰ TÁI SINH

Chúng ta đã thấy sự sống là gì và cũng thấy kinh nghiệm sự sống là gì. Bây giờ chúng ta sẽ thấy kinh nghiệm đầu tiên về sự sống – sự tái sinh. Sự tái sinh là bước thứ nhất trong kinh nghiệm của chúng ta về sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, đó là kinh nghiệm đầu tiên của chúng ta về sự sống của Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm này rất cơ bản và vô cùng quan trọng. Chúng ta sẽ xem xét điều này qua các điểm sau đây. Trước hết chúng ta hãy cùng xem:

I. TẠI SAO SỰ TÁI SINH LÀ CẦN THIẾT?

Tại sao chúng ta phải được tái sinh? Có hai lí do làm cho sự tái sinh trở nên cần thiết. Thứ nhất, nói trên bình diện thấp, sự tái sinh cần thiết vì sự sống chúng ta đã bị hư hoại và trở nên gian ác (Giê. 17:9; La. 7:18), và sự sống ấy không thể nào thay đổi từ ác ra thiện được (Giê. 23:13). Đây là lí do chúng ta thường đưa ra để cho thấy sự tái sinh là cần thiết. Vì sự sống của chúng ta (1) là hư hoại và gian ác, và (2) không thể cải thiện được nên chúng ta cần được tái sinh. Tất cả những nhà hiền triết xưa nay đều ủng hộ học thuyết tự cải thiện bản thân để làm cho con người trở nên tốt hơn. Nhưng sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời không sửa đổi hay cải thiện con người mà tái sinh con người, vì sự sống loài người chúng ta đã bị hư hoại rồi và

không thể làm tốt lên bằng cách cải thiện. Đây là lí do thứ nhất tại sao chúng ta phải được tái sinh.

Thứ hai, nói trên bình diện cao hơn, có một lí do khác làm chúng ta cần được tái sinh. Nhưng trước hết, chúng ta hãy đặt câu hỏi: Nếu sự sống của chúng ta chưa bị hư hoại và trở nên gian ác, chúng ta có cần được tái sinh hay không? Vâng, chúng ta vẫn cần được tái sinh, vì sự sống loài người chúng ta chỉ là sự sống thọ tạo, không phải là sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời. Khi được sáng tạo, chúng ta chỉ mới nhận được sự sống thọ tạo; chúng ta chưa nhận được sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời. Mục đích của Đức Chúa Trời cho loài người chúng ta là chúng ta phải có được sự sống phi thọ tạo của Ngài và được biến đổi theo hình ảnh của Ngài để trở nên giống như Ngài. Vì vậy, cho dù sự sống loài người của chúng ta chưa bị hư hoại, sự sống ấy vẫn cần phải được tái sinh.

Thuở ban đầu, mặc dù sự sống của A-đam chưa bị hư hoại, nhưng đó chỉ là sự sống thọ tạo, không phải là sự sống phi thọ tạo; đó chỉ là sự sống loài người, không phải là sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, dù con người không sa ngã hay sự sống con người không bị hư hoại, dù con người có tốt lành và không có điều ác nào đi nữa, con người vẫn cần được tái sinh. Mục đích của Đức Chúa Trời khi sáng tạo con người không chỉ là để có được một thiện nhân, nhưng hơn thế nữa là để có được một *THẦN-nhân*, tức là người có sự sống và bản chất của Đức Chúa Trời và giống như Ngài. Nếu Đức Chúa Trời ao ước con người chỉ là một người tốt, và nếu con người đã không sa ngã và bị hư hoại, thì con người không cần phải được tái sinh. Nhưng Đức Chúa Trời mong ước một con người, không chỉ là một người tốt, mà hơn thế nữa, Ngài muốn con người là một *THẦN-nhân*, một người giống như Ngài. Vì vậy, ngay cả một người tốt vẫn cần phải được tái sinh.

Xin đừng xem nhẹ lí do thứ hai này. Đây là một vấn đề rất quan trọng. Ô, mục đích của sự tái sinh là để chúng ta

có thể có sự sống của Đức Chúa Trời và giống như Đức Chúa Trời! Không cần phải nói là chúng ta đã hư hoại và gian ác và không thể cải thiện được; nhưng cho dù hoàn toàn tốt lành và có thể cải thiện để trở nên hoàn hảo, chúng ta vẫn cần được tái sinh để có sự sống của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sáng tạo con người với mục đích là để con người có thể giống như Ngài và làm một Thần–nhân, sở hữu sự sống và bản chất của Ngài. Nhưng khi tạo dựng con người, Ngài không đặt sự sống của Ngài vào trong con người. Ngài muốn con người vận dụng ý chí của mình để chọn lựa và tiếp nhận sự sống của Ngài. Vì vậy, dù là con người thọ tạo không sa ngã, chúng ta vẫn cần đạt được sự sống của Đức Chúa Trời ngoài sự sống con người ban đầu của chúng ta. Điều này có nghĩa là chúng ta phải được sinh lại.

Vì vậy, những lí do làm cho sự tái sinh là cần thiết nằm trên hai phương diện: Lí do thuộc bình diện thấp ấy là sự sống của chúng ta hư hoại, gian ác và không thể thay đổi được; vì vậy, chúng ta cần một sự sống khác mà nhờ đó chúng ta có thể sống. Lí do thuộc bình diện cao hơn ấy là ý định của Đức Chúa Trời là con người phải giống như Ngài; vì vậy, chúng ta phải có sự sống của Đức Chúa Trời ngoài sự sống của chính mình. Nguyên tất cả chúng ta nhìn thấy được điều này để từ nay trở đi mỗi khi nói về sự tái sinh, chúng ta cũng chỉ ra bình diện cao hơn này, hầu cho người khác có thể thấy rằng cho dù chúng ta hoàn hảo và vô tội, chúng ta vẫn cần được tái sinh.

II. SỰ TÁI SINH LÀ GÌ?

Theo Kinh Thánh, được tái sinh là được sinh bởi Linh (Gi. 3:3-6). Linh của chúng ta vốn đã chết, nhưng vào lúc chúng ta tin Chúa, Linh của Đức Chúa Trời đến chạm được linh chúng ta; vì thế, linh chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và được làm cho sống động. Chính bằng cách này mà Linh của Đức Chúa Trời đã sinh ra chúng ta, ngoài

lần sinh thiên nhiên của chúng ta. Tóm lại, được tái sinh là được sinh lại một lần nữa, được sinh bởi Đức Chúa Trời (Gi. 1:13), hay là nhận được sự sống của Đức Chúa Trời ngoài sự sống ban đầu của con người.

Được tái sinh nghĩa là được sinh lại. Tại sao chúng ta dùng từ liệu “được sinh lại”? Ban đầu, chúng ta được cha mẹ sinh ra; nhưng bây giờ chúng ta lại được sinh ra một lần nữa. Lần này chúng ta được sinh bởi *Đức Chúa Trời*, do đó, kinh nghiệm này được gọi là được sinh lại. Cha mẹ sinh chúng ta ra làm chúng ta nhận được sự sống loài người, trong khi Đức Chúa Trời sinh chúng ta ra làm chúng ta có được sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta là những người đã được tái sinh có sự sống của Đức Chúa Trời cộng thêm vào sự sống của con người.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rõ rằng được tái sinh là được sinh ra bởi Đức Chúa Trời, hay là có sự sống của Đức Chúa Trời cộng với sự sống ban đầu của con người. Ngoài sự sống của chúng ta, Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong chúng ta – đó là sự tái sinh.

III. CHÚNG TA ĐƯỢC TÁI SINH NHƯ THẾ NÀO?

Con người được tái sinh như thế nào? Nói cách ngắn gọn, Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh con người và đặt sự sống của Ngài vào đó; như vậy, người ấy được tái sinh.

Làm thế nào Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh con người? Khi một người nghe phúc âm hoặc đọc Kinh Thánh, Linh của Đức Chúa Trời hành động trong người ấy, làm cho người ấy cảm biết mình đã phạm tội và bị hư hoại; như thế, người ấy bị cáo trách về tội, về sự công chính và về sự phán xét (Gi. 16:8). Khi người ấy thấy mình là một tội nhân, nhận biết sự bại hoại của mình và muốn ăn năn, Linh của Đức Chúa Trời sẽ giúp người ấy nhìn biết Chúa Jesus là Đấng Cứu Rỗi của mình, là Đấng đã chết trên thập tự giá, đổ huyết Ngài ra để chuộc tội. Ngay lúc ấy, người ấy tự động

tin Chúa và tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Rỗi của mình. Một khi tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Rỗi, Linh của Đức Chúa Trời vào trong người ấy và đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào đó, làm cho người ấy được tái sinh.

Như vậy, nói từ quan điểm của Linh Đức Chúa Trời, ấy là Linh Ngài vào trong linh chúng ta và đặt sự sống Đức Chúa Trời vào trong linh làm chúng ta được tái sinh. Từ quan điểm của chúng ta thì chính vì chúng ta ăn năn, tin và chấp nhận Chúa Jesus là Đấng Cứu Rỗi của mình mà chúng ta được tái sinh, điều đó có nghĩa là chúng ta nhận được sự sống Đức Chúa Trời thêm vào sự sống ban đầu của mình.

IV. NHỮNG KẾT QUẢ CỦA SỰ TÁI SINH

Những kết quả hay sự hoàn thành của sự tái sinh có thể được tóm lược trong ba điều:

1) Sự tái sinh làm cho con người trở thành con cái của Đức Chúa Trời. Vì sự tái sinh nghĩa là được sinh bởi Đức Chúa Trời, nên điều này tự động làm cho con người trở thành con cái của Đức Chúa Trời (Gi. 1:12, 13) và có mối liên hệ sự sống với Đức Chúa Trời. Sự sống được nhận lãnh từ Đức Chúa Trời qua sự tái sinh làm cho con người có khả năng trở nên con cái Đức Chúa Trời; sự sống này cũng là uy quyền để con người được làm con cái Ngài. Vì có sự sống của Ngài, bản chất của Ngài và có khả năng trở nên giống hệt Ngài, những người con ấy của Đức Chúa Trời mới có thể hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo loài người.

2) Sự tái sinh làm cho con người trở nên một sáng tạo mới. Sáng tạo mới là điều có các yếu tố của Đức Chúa Trời bên trong. Khi một điều gì có những yếu tố của Đức Chúa Trời bên trong thì đó là sáng tạo mới. Trong sáng tạo cũ không có yếu tố của Đức Chúa Trời. Chúng ta là loài người vốn không có những yếu tố của Đức Chúa Trời cho nên chúng ta là sáng tạo cũ. Cho đến khi những yếu tố của Đức

Chúa Trời được thêm vào trong chúng ta, chúng ta mới trở nên sáng tạo mới. Sự tái sinh đã thực hiện điều này trong chúng ta. Sự tái sinh làm chúng ta có được sự sống của Đức Chúa Trời và chính yếu tố của Ngài, do đó làm chúng ta nên một sáng tạo mới (2 Cô. 5:17). Sáng tạo mới này là sự kết tinh của việc Đức Chúa Trời hòa quyện với con người, và đó là điều kì diệu nhất trong vũ trụ: sáng tạo mới ấy vừa có những yếu tố con người vừa có những yếu tố thần thượng, vừa là con người vừa là Đức Chúa Trời, vừa giống con người vừa giống Đức Chúa Trời.

3) Sự tái sinh làm cho con người được liên hiệp với Đức Chúa Trời. Điều ấy không những làm cho con người nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và các yếu tố của Ngài, mà còn làm cho con người được hiệp làm một với Đức Chúa Trời. Bởi sự tái sinh, Đức Chúa Trời Linh vào trong linh con người, làm cho con người liên hiệp với Ngài thành một linh (1 Cô. 6:17). Ấy là Đức Chúa Trời đã làm cho con người có mối liên hiệp sâu xa nhất với chính Ngài, để trở nên một với chính Ngài.

Tóm lại, bởi tin vào Chúa Jesus, Thánh Linh đã đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong linh chúng ta, làm cho chúng ta được sinh lại bởi Đức Chúa Trời, được trở nên con cái của Ngài, được hiệp một với Đức Chúa Trời trong sáng tạo mới. Đó là sự tái sinh.

CHƯƠNG 4

NHỮNG ĐIỀU NHẬN ĐƯỢC QUA SỰ TÁI SINH

Nếu ao ước tìm kiếm sự lớn lên trong sự sống, chúng ta phải hiểu sự tái sinh là gì, và chúng ta cần biết qua sự tái sinh, chúng ta đã đạt được những gì. Sự tái sinh đưa chúng ta đến bước khởi đầu trong sự sống, và những điều nhận được qua sự tái sinh làm cho chúng ta lớn lên trong sự sống. Vì thế, nếu muốn tìm kiếm sự lớn lên trong sự sống, chúng ta cần có một ít kiến thức về sự tái sinh, và cần biết những điều chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh.

Những điều nhận được qua sự tái sinh có liên quan mật thiết đến những kết quả của sự tái sinh. Những kết quả của sự tái sinh bắt nguồn từ những điều nhận được qua sự tái sinh. Điều trước được hoàn thành là nhờ điều sau. Kết quả của sự tái sinh là những điều mà sự tái sinh hoàn thành trên chúng ta, trong khi những điều nhận được qua sự tái sinh là những gì chúng ta tiếp nhận qua sự tái sinh. Vì sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được một số điều nào đó, nên sự tái sinh có thể hoàn thành được một số điều gì đó trên chúng ta. Sự tái sinh có khả năng làm cho chúng ta trở nên con cái của Đức Chúa Trời vì sự tái sinh làm chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Sự tái sinh có khả năng làm cho chúng ta trở nên một sáng tạo mới vì sự tái sinh làm chúng ta đạt được những yếu tố của Đức Chúa Trời. Sự tái sinh có khả năng kết hợp chúng ta với Đức Chúa Trời vì sự tái sinh làm chúng ta nhận được Linh của Đức Chúa Trời. Tất cả những thành tựu mà sự tái sinh đã

thực hiện trên chúng ta là do những gì chúng ta đã nhận được khi tái sinh. Những điều như vậy không những làm chúng ta có nhiều kinh nghiệm khác nhau trong đời sống thuộc linh vào thời điểm tái sinh, mà sau khi được tái sinh những điều ấy cũng làm chúng ta lớn lên trong sự sống. Vì thế, nếu tìm cách để lớn lên trong sự sống, chúng ta cần phải biết rõ mình nhận được những điều gì qua sự tái sinh.

Theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được ít nhất bảy điều. Bảy điều này vừa thần thượng và lớn lao, vừa rất quan trọng và mật thiết với chúng ta. Chúng ta hãy lần lượt xem xét một cách ngắn gọn bảy điều này.

I. SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Điều đầu tiên chúng ta nhận được qua sự tái sinh là sự sống của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã thấy trong chương trước, sự tái sinh xảy ra khi Linh Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta. Trong sự tái sinh, điều quan trọng mà Linh Đức Chúa Trời thực hiện ấy là đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Cho nên, điều chính yếu mà sự tái sinh đem lại cho chúng ta là sự sống của Đức Chúa Trời.

Nhưng sự sống của Đức Chúa Trời là gì? Đó là nội dung của Đức Chúa Trời và là chính Ngài. Tất cả những gì trong Đức Chúa Trời và tất cả những gì chính Đức Chúa Trời là đều ở trong sự sống của Đức Chúa Trời. Mọi sự đầy đủ của Thần Cách đều được giấu trong sự sống của Đức Chúa Trời. Bản chất của Đức Chúa Trời cũng được chứa đựng trong sự sống của Đức Chúa Trời. Mọi phương diện của những gì Đức Chúa Trời là đều được bao gồm trong sự sống của Đức Chúa Trời.

Với bất cứ loại sinh vật nào, tất cả những gì thuộc về sinh vật ấy đều nằm trong sự sống của nó. Tất cả những khả năng và chức năng đều bắt nguồn từ sự sống của nó. Tất cả những hoạt động và biểu lộ bên ngoài đều bắt nguồn

từ sự sống của nó. Nó là loại sinh vật đó vì nó có loại sự sống đó. Sự hiện hữu của nó tùy thuộc vào sự sống của nó. Đây là một nguyên tắc hiển nhiên.

Đức Chúa Trời là một hữu thể hằng sống tối cao, nên đương nhiên (và còn hơn thế nữa) tất cả những gì Ngài là đều ở trong sự sống của Ngài. Tất cả những gì Ngài là, dù là lẽ thật, sự thánh biệt, sự sáng hay tình yêu, đều bắt nguồn từ sự sống của Ngài. Tất cả những sự biểu lộ của Ngài, dù là sự tốt lành, sự công chính, sự nhân từ hay sự tha thứ, đều ra từ sự sống của Ngài. Sự sống của Ngài làm cho Ngài có mọi khả năng và chức năng thần thượng bên trong cùng những hoạt động và sự biểu lộ thần thượng bên ngoài như vậy. Lí do Ngài là một Đức Chúa Trời như thế là vì Ngài có một sự sống như thế. Do đó, việc Ngài là Đức Chúa Trời cốt ở tại sự sống của Ngài.

Vì sự sống của Đức Chúa Trời là nội dung của Đức Chúa Trời, trong sự sống ấy giấu kín sự đầy đủ của Ngài, và trong sự sống ấy chứa đựng bản chất của chính Ngài; cho nên khi tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận được sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Côl. 2:9-10), và chúng ta có được bản chất của Đức Chúa Trời (2 Phi. 1:3-4). Vì tất cả những gì Đức Chúa Trời có trong chính Ngài và tất cả những gì mà chính Đức Chúa Trời là đều cốt ở tại sự sống của Đức Chúa Trời, nên khi tiếp nhận sự sống này, chúng ta nhận lãnh tất cả những gì Đức Chúa Trời có trong chính Ngài và tất cả những gì chính Đức Chúa Trời là. Vì sự sống của Đức Chúa Trời làm cho Đức Chúa Trời có những khả năng và chức năng thần thượng như vậy bên trong Ngài, nên sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta cũng có thể làm chúng ta có được những khả năng và chức năng giống như vậy trong chúng ta mà vốn đã có trong Đức Chúa Trời. Vì tất cả những gì Đức Chúa Trời là và Đức Chúa Trời làm, đều ra từ sự sống của Ngài, nên sự sống này ở bên trong chúng ta cũng có khả năng làm chúng ta trở nên những gì mà Đức Chúa Trời là, và làm những điều mà Đức Chúa Trời

làm, nghĩa là sự sống ấy có thể làm cho chúng ta trở nên giống như Đức Chúa Trời và sống ra Đức Chúa Trời.

Thưa anh chị em, anh chị em có nhận biết rằng vì sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nên chúng ta có bên trong mình tất cả những khả năng và chức năng vốn có trong Đức Chúa Trời không? Anh chị em có nhận biết rằng vì chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong mình nên chúng ta có thể là những gì Đức Chúa Trời là và làm những điều Đức Chúa Trời làm không? Trong Đức Chúa Trời có khả năng sống thánh biệt và chức năng của sự sáng. Vì sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta, nên khả năng sống thánh biệt và chức năng của sự sáng đó cũng ở trong chúng ta như ở trong Đức Chúa Trời. Như Đức Chúa Trời có thể sống ra sự thánh biệt của Ngài, và chiếu ra ánh sáng từ chính Ngài thì cũng vậy, vì sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nên chúng ta có thể sống ra sự thánh biệt của Ngài và chiếu ra ánh sáng của Ngài từ chúng ta, nghĩa là chúng ta có thể thánh biệt như Đức Chúa Trời là thánh biệt và chiếu sáng như Đức Chúa Trời chiếu sáng. Điều Đức Chúa Trời là, ấy là tình yêu, và điều Đức Chúa Trời làm, ấy là sự công chính. Vì chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong nên chúng ta có thể là những gì Đức Chúa Trời là, và làm những điều Đức Chúa Trời làm. Ngay cả như Đức Chúa Trời là tình yêu và làm sự công chính, thì cũng vậy, vì sự sống của Đức Chúa Trời ở bên trong mình, chúng ta cũng có thể là tình yêu như Đức Chúa Trời là, và làm sự công chính như Đức Chúa Trời làm. Điều đó có nghĩa là chúng ta có thể yêu như Đức Chúa Trời yêu và có thể công chính như Đức Chúa Trời công chính. Vì thế, chúng ta có thể giống như Đức Chúa Trời và sống ra Đức Chúa Trời.

Chúng ta cần biết thêm rằng sự sống của Đức Chúa Trời là quyền năng lớn lao đã làm cho Chúa Jesus sống lại. Khi Chúa Jesus phục sinh, Ngài đã quăng bỏ và chiến thắng sự chết. Sự chết rất mạnh mẽ (Nhã. 8:6). Trong cả vũ trụ,

ngoài Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài, không có gì mạnh hơn sự chết. Khi Chúa Jesus bước vào sự chết, sự chết đã dùng tất cả quyền lực của nó để giam cầm Ngài, nhưng Ngài đã bẻ gãy quyền lực cầm giữ của sự chết và Ngài đã sống lại! Vì thế, Chúa có thể sống dậy và không bị sự chết cầm giữ (Công. 2:24) vì trong Ngài có sự sống đầy quyền năng của Đức Chúa Trời. Chính sự sống quyền năng lớn lao của Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài có thể bẻ gãy quyền lực cầm giữ mạnh mẽ của sự chết. Sự sống của Đức Chúa Trời mà sự tái sinh đem đến cho chúng ta là sự sống đầy quyền năng lớn lao này của Đức Chúa Trời! Sự sống đầy quyền năng lớn lao này của Đức Chúa Trời là năng lực vĩ đại của sự phục sinh bên trong chúng ta ngày nay làm cho chúng ta có khả năng quăng bỏ sự chết và đắc thắng tất cả những gì thuộc về sự chết, giống như Đức Chúa Trời đã đắc thắng chúng.

Kinh Thánh bày tỏ cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời có hai loại quyền năng lớn lao: một là quyền năng lớn lao của sự sáng tạo, hai là quyền năng lớn lao của sự phục sinh. Quyền năng sáng tạo mạnh mẽ của Đức Chúa Trời làm cho hiện hữu những gì không hiện hữu. Quyền năng phục sinh lớn lao ban sự sống cho kẻ chết. Đây là điều Áp-ra-ham đã tin (La. 4:17). Quyền năng sáng tạo lớn lao của Đức Chúa Trời nằm trong tay Ngài có khả năng sáng tạo tất cả mọi sự cho con người. Quyền năng phục sinh lớn lao của Đức Chúa Trời, nằm trong sự sống Ngài và chính là sự sống của Ngài, có khả năng làm cho con người được giải phóng khỏi tất cả những điều chết chóc là những điều ở bên ngoài Đức Chúa Trời để rồi con người có thể sống ra chính Đức Chúa Trời. Ôi, sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta tiếp nhận qua sự tái sinh là quyền năng phục sinh lớn lao này của Đức Chúa Trời! Qua sự tái sinh, Đức Chúa Trời đã đem sự sống của Ngài vào trong chúng ta, nghĩa là Ngài đã đem quyền năng phục sinh lớn lao của Ngài vào trong chúng ta. Ôi, nguyện chúng ta nhìn thấy sự sống này của Đức Chúa Trời

mà chúng ta tiếp nhận khi được tái sinh là quyền năng phục sinh lớn lao của Ngài! Ngày nay, sự sống này đang ở trong chúng ta có thể làm cho chúng ta mạnh mẽ như Đức Chúa Trời. Như Đức Chúa Trời có khả năng chiến thắng sự chết, chúng ta cũng có khả năng chiến thắng sự chết vì sự sống của quyền năng lớn lao này đang ở trong chúng ta. Sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh thật lạ lùng làm sao! Sự sống này có thể làm cho chúng ta giống như Đức Chúa Trời đến một mức độ kì diệu dường nào! Chúng ta cần phải thờ phượng và cảm tạ Đức Chúa Trời về sự sống này biết bao!

II. LUẬT SỰ SỐNG

Vì sự tái sinh ban cho chúng ta sự sống của Đức Chúa Trời nên cũng đem đến cho chúng ta luật sự sống. Vì sự sống của Đức Chúa Trời đã vào trong chúng ta nên luật sự sống vốn hàm chứa trong sự sống ấy cũng được đem vào trong chúng ta.

Mỗi loại sự sống có khả năng bẩm sinh riêng, tức là chức năng tự nhiên của riêng nó. Và chức năng tự nhiên của mỗi loại sự sống là luật tự nhiên hay luật sự sống của nó. Khi sự sống nào vào trong một sinh vật nào, thì sự sống ấy làm cho sinh vật ấy nhận được luật tự nhiên hay luật sự sống của loại sự sống ấy. Cũng vậy, sự sống của Đức Chúa Trời có khả năng thần thượng, tức là những chức năng thần thượng tự nhiên của sự sống ấy. Và những chức năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời là luật tự nhiên hay luật sự sống của sự sống Ngài. Khi sự sống Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, sự sống ấy đem vào trong chúng ta một luật tự nhiên chứa trong chính sự sống ấy, và luật này trở nên luật sự sống trong chúng ta. Thế thì khi sự sống Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, luật sự sống chứa đựng trong đó cũng vào trong chúng ta nữa. Vì sự sống của Đức Chúa Trời là điều chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh, nên chúng ta cũng nhận được luật sự sống mà sự sống Ngài đem đến qua sự tái sinh.

Trong chương một, chúng ta đã thấy rằng trong sự sống của Đức Chúa Trời chứa đựng bản chất của Ngài, và trong sự sống của Đức Chúa Trời giấu kín sự đầy đủ của Ngài; vì vậy, luật được chứa đựng trong sự sống của Đức Chúa Trời tương hợp với chính Ngài, với những gì Đức Chúa Trời là, và với bản chất của Đức Chúa Trời; do đó, luật này là luật của chính Đức Chúa Trời. Khi sự sống của Đức Chúa Trời đem luật sự sống ấy vào trong chúng ta, cũng có nghĩa là sự sống ấy đem luật của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta.

Luật sự sống mà sự sống Đức Chúa Trời đem vào trong chúng ta là những luật được đề cập trong Hê-bơ-ro 8:10, đã được Đức Chúa Trời đặt vào trong tâm trí và viết vào lòng chúng ta. Những luật này khác với các luật của Cựu Ước. Các luật của Cựu Ước là những luật của Đức Chúa Trời mà Ngài đã viết bằng chữ trên những bảng đá ở bên ngoài con người (Xuất. 34:1, 28). Còn những luật sự sống là những luật của Đức Chúa Trời mà Ngài đã viết bằng sự sống của Ngài trên bảng lòng bên trong chúng ta. Những luật đã được viết trên các bảng đá là luật bên ngoài, luật văn tự, luật chết, và là kinh luật không có quyền năng; đó là những luật không thể hoàn thành được bất cứ điều gì trên con người (La. 8:3; Hê. 7:18-19). Còn những luật được viết trên bảng lòng chúng ta là những luật bề trong, luật sự sống, luật sống động, và là luật có quyền năng lớn lao; các luật ấy làm cho chúng ta không những có khả năng biết được khát vọng của lòng Đức Chúa Trời và bước theo ý muốn Ngài, mà cũng biết được chính Đức Chúa Trời và sống ra chính Ngài.

Những luật tự nhiên chứa trong bất cứ một loại sự sống nào cũng đều luôn luôn làm cho cho sinh vật đó tự nhiên biết được cách sinh sống và hoạt động; thế nên chúng trở nên những luật sống động bên trong sinh vật đó. Ví dụ như con gà mái, nó phải sống thế nào và đẻ trứng cách nào là do những luật tự nhiên chứa đựng trong sự sống của con gà mái; những luật đó làm cho nó tự động biết cách làm những điều này và bởi đó sống ra những điều ấy. Loài người không

cần dạy con gà mái bất cứ một quy luật nào từ bên ngoài. Những luật tự nhiên được chứa đựng trong sự sống bên trong con gà là những luật sống động bên trong nó. Những luật này tự nhiên làm cho con gà biết nó phải sống theo cách nào và làm cho nó có thể sống theo cách ấy.

Cũng vậy, những luật tự nhiên chứa đựng trong sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là những khả năng tự nhiên của sự sống đó; những luật ấy làm cho chúng ta tự nhiên biết được Đức Chúa Trời muốn chúng ta hành động và cư xử như thế nào, làm sao để vui lòng Ngài, và làm cách nào sống ra chính Ngài. Dù đó là bất cứ điều gì hòa hợp hay mâu thuẫn với bản chất của Đức Chúa Trời, dù đó là điều gì Đức Chúa Trời muốn hay không muốn chúng ta làm, những khả năng hay luật tự nhiên của sự sống của Đức Chúa Trời làm chúng ta biết được điều đó, cảm nhận được về điều đó. Vậy những khả năng hay các luật tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời trở nên những luật bên trong chúng ta.

Vì những luật đã được viết bên trong chúng ta là những khả năng và các luật tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, nên Kinh Thánh gọi chúng là “luật”. “Luật của Linh sự sống” được đề cập trong La Mã 8:2 là luật sự sống trong chúng ta. Vì luật này bắt nguồn từ sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống Đức Chúa Trời ở nơi Linh của Đức Chúa Trời và không thể tách rời khỏi Linh của Đức Chúa Trời, nên La Mã chương 8 đặt tên luật này là “luật của Linh sự sống”. Sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Linh của Đức Chúa Trời và liên hiệp với Linh của Đức Chúa Trời; Linh của Đức Chúa Trời chứa đựng sự sống của Đức Chúa Trời; đó là Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Vì luật này bắt nguồn từ sự sống của Đức Chúa Trời, nên luật ấy ra từ Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Vì đó là luật sự sống Đức Chúa Trời, nên đó cũng là luật của Linh sự sống của Đức Chúa Trời.

Sự sống của Đức Chúa Trời đầy quyền năng; Linh của Đức Chúa Trời cũng đầy quyền năng. Luật của Linh sự

sống vì bắt nguồn từ sự sống và từ Linh đầy quyền năng của Đức Chúa Trời nên cũng đầy quyền năng. Chúng ta có thể nói rằng sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là nguồn của luật này, và Linh của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là Đấng thi hành luật này. Thế nên bên trong chúng ta, luật này đặc biệt mạnh mẽ và quyền năng; không những luật ấy làm cho chúng ta có sự hiểu biết thần thượng, mà còn làm cho chúng ta có quyền năng thần thượng. Một khi chúng ta được tái sinh và có sự sống của Đức Chúa Trời, Ngài muốn chúng ta trở thành dân của Ngài và sống trong Ngài theo luật mạnh mẽ và quyền năng này, tức là luật của năng quyền lớn lao. Sau khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống trong sự sống của Ngài và sống ra sự sống của Ngài cũng như sống theo luật này trong chúng ta, tức là luật sự sống, luật sống động này.

III. MỘT LÒNG MỚI

Ê-xê-chi-ên 36:26 chép rằng khi Đức Chúa Trời tẩy sạch, cứu rỗi hay tái sinh chúng ta, Ngài ban cho chúng ta một lòng mới. Vì vậy, theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự tái sinh cũng ban cho chúng ta một lòng mới.

Lòng mới là gì? Lòng mới có nghĩa là lòng cũ đã trở nên mới; lòng mới ra từ việc làm mới lại lòng cũ của chúng ta. Đối với Đức Chúa Trời, Ngài ban cho chúng ta một lòng mới có nghĩa là Ngài làm mới lại lòng cũ của chúng ta. Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một lòng mới, câu này nói tiếp rằng Ngài cất lòng bằng đá của chúng ta đi và ban cho chúng ta một lòng bằng thịt. Qua câu Kinh Thánh này, chúng ta thấy rõ rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một lòng mới bằng cách làm mới lại lòng cũ của chúng ta.

Lòng chúng ta vốn chống nghịch Đức Chúa Trời từ đầu, không khao khát Ngài, và chai cứng như đá đối với Đức Chúa Trời; vì vậy, nó trở thành một “lòng bằng đá”. Khi

Thánh Linh tái sinh chúng ta, Ngài làm cho lòng chúng ta ăn năn tội và trở nên mềm mại đối với Đức Chúa Trời. Do đó, sau khi tái sinh, lòng bằng đá của chúng ta trở nên một “lòng bằng thịt”. Lòng chai đá đó là lòng cũ mà chúng ta vốn có, còn lòng mềm mại bằng thịt là lòng mới mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Điều đó có nghĩa là khi chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời làm mới lại lòng cũ của chúng ta và làm cho nó trở nên mềm mại.

Lòng chúng ta là cơ quan chứa các khuynh hướng, sở thích và cảm tình đối với các sự việc. Nó đại diện chúng ta trong các khuynh hướng, cảm tình, vui thích, và khao khát đối với các sự việc. Tất cả những xu hướng, cảm tình, vui thích và khao khát của chúng ta đều là các chức năng của lòng. Trước khi được tái sinh, lòng chúng ta xu hướng về tội, yêu mến thế giới, và khao khát nhiều điều thuộc về dục vọng; tuy nhiên, đối với Đức Chúa Trời, lòng ấy lạnh lẽo và cứng cõi, không hướng về Ngài và không yêu mến Ngài. Đối với những điều thuộc về Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh, lòng ấy không mấy may vui thích và thiếu hẳn sự khát khao. Nên khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm mới lại lòng chúng ta và làm cho nó trở nên một lòng mới, với một khuynh hướng mới, một cảm tình mới, một niềm vui thích mới và một khao khát mới. Vậy, một khi chúng ta đã được tái sinh và được cứu, lòng chúng ta xu hướng về Đức Chúa Trời, yêu mến Ngài và khao khát Ngài; Lòng ấy cũng yêu thích và khao khát về những điều thuộc về Đức Chúa Trời, những điều thuộc linh, và những điều thuộc trời. Bất cứ khi nào những điều như vậy được đề cập đến, lòng chúng ta cũng vui mừng, hưởng ứng và ước ao.

Thưa anh chị em, anh chị em đã thấy điều này chưa? Lí do Đức Chúa Trời làm mới lại lòng chúng ta và ban cho chúng ta một lòng mới vào thời điểm chúng ta được tái sinh ấy là Ngài muốn chúng ta hướng về Ngài, tôn kính Ngài, khao khát Ngài và yêu mến Ngài. Trước kia, chúng ta không yêu mến Ngài, và không thể yêu Ngài được vì lòng

chúng ta cũ kĩ và cứng cõi. Bây giờ Ngài đã làm mới lại, làm mềm mại, và xoay lòng chúng ta; vì thế, chúng ta vừa có khả năng và vừa muốn yêu mến Ngài. Vì lòng của chúng ta được làm cho mới lại nên đã trở nên một lòng mới, bây giờ nó có một chức năng mới. Chức năng mới này là xu hướng về Đức Chúa Trời, yêu mến Ngài và những điều thuộc về Ngài.

Vì sự tái sinh ban cho chúng ta một lòng mới, làm cho chúng ta có một khuynh hướng và một tình yêu mới, một khát vọng và ao ước mới. Khuynh hướng mới, tình yêu mới, lòng ước ao mới và khát vọng mới này, tất cả đều hướng về Đức Chúa Trời và là những điều thuộc về Ngài. Đó là chức năng của lòng mới. Đó cũng là mục đích của Đức Chúa Trời khi ban cho chúng ta một lòng mới.

IV. MỘT LINH MỚI

Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một lòng mới, câu ấy nói tiếp rằng Đức Chúa Trời cũng đặt một linh mới vào trong chúng ta. Vì vậy, sự tái sinh không những làm cho chúng ta có một lòng mới, mà còn làm cho chúng ta có một linh mới.

Một linh mới là gì? Nói đến một linh mới nghĩa là linh cũ kĩ chết chóc của chúng ta đã được làm mới lại và làm cho sống động trở lại. Như lòng mới là lòng cũ đã được làm cho mới lại, thì linh mới cũng là linh cũ được làm cho mới lại. Lòng cũ khi được làm mới lại thì trở nên mềm mại, trong khi linh cũ được làm mới lại thì trở nên sống động. Ấy là vì nan đề của lòng cũ là cứng cõi, trong khi nan đề của linh cũ là chết chóc. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm mới lại linh cũ kĩ chết chóc của chúng ta bằng cách làm cho nó sống động để trở nên một linh mới, cũng như Ngài làm mới lại lòng cũ kĩ cứng cõi của chúng ta bằng cách làm nó mềm mại để trở nên một lòng mới vậy.

Ban đầu, linh thọ tạo của con người vốn là một cơ quan để con người tiếp xúc Đức Chúa Trời. Con người đã tương

giao với Đức Chúa Trời và thông công với Đức Chúa Trời qua linh mình và bởi linh mình. Sau đó, vì sự sa ngã của con người nên linh con người bị hư hoại bởi sự ô uế của tội. Vì vậy, nhân linh mất đi chức năng của nó đối với Đức Chúa Trời và trở thành một linh chết. Vì linh ấy đã chết nên nó trở nên cũ kĩ. Khi chúng ta được tái sinh, vì huyết của Chúa Jesus tẩy sạch những ô uế mà linh chúng ta phải chịu, nên Linh của Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài, tức là yếu tố của Đức Chúa Trời, vào trong linh chúng ta và làm cho linh ấy sống động (xem Cól. 2:13). Bằng cách này, linh chết chóc cũ kĩ của chúng ta được làm cho mới lại và trở nên một linh mới sống động.

Ban đầu, linh của chúng ta vốn là một sáng tạo cũ, không có yếu tố của Đức Chúa Trời bên trong linh ấy. Sau đó, không những nó không có yếu tố của Đức Chúa Trời mà hơn nữa nó còn bị ô uế bởi tội; vì thế, nó trở nên cũ kĩ. Có hai nguyên nhân làm cho cho một điều nào đó trở thành một phần của sáng tạo cũ: một là không có yếu tố của Đức Chúa Trời khi được sáng tạo, hai là điều ấy bị ô uế và hư hoại bởi tội và Sa-tan. Cũng do hai nguyên nhân này mà linh của chúng ta trở nên một linh cũ. Vì vậy, để làm mới lại linh cũ của chúng ta và làm cho linh ấy trở nên một linh mới, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài hành động theo hai phương diện. Một mặt, Ngài dùng huyết của Chúa Jesus tẩy sạch sự ô uế của linh chúng ta để linh chúng ta được sạch. Mặt khác, Ngài dùng Linh của Ngài đặt sự sống Ngài vào trong linh chúng ta để linh ấy có thể có yếu tố của Ngài. Vì thế, Ngài làm mới lại linh cũ của chúng ta và làm linh ấy trở nên một linh mới. Việc Ngài làm mới lại linh cũ của chúng ta và làm linh ấy trở nên một linh mới có nghĩa là Ngài đặt một linh mới trong chúng ta.

Vào lúc chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một lòng mới, vậy tại sao Ngài còn tiến thêm nữa là đặt một linh mới trong chúng ta? Ấy là vì lòng chỉ có thể khao khát Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài nhưng

không thể tiếp xúc Đức Chúa Trời và chạm được Ngài. Vì vậy, đối với Đức Chúa Trời, chỉ ban cho chúng ta một lòng mới thì không đủ; Ngài cũng phải đặt một linh mới trong chúng ta. Nếu Đức Chúa Trời chỉ ban cho chúng ta một lòng mới, Ngài chỉ có thể làm chúng ta khao khát Ngài và yêu mến Ngài; Ngài không thể làm cho chúng ta có khả năng tiếp xúc với Ngài. Cho nên Ngài phải đặt một linh mới trong chúng ta để chúng ta có thể tiếp xúc và tương giao với Ngài.

Chúng ta đã đề cập lòng là cơ quan của các sở thích, khuynh hướng và tình yêu. Cho nên chức năng của lòng đối với Chúa là xu hướng về Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài. Kinh Thánh nói rằng lòng tha thiết mong muốn Đức Chúa Trời, lòng khao khát Ngài (Thi. 42:1-2). Lòng có thể tha thiết mong muốn Đức Chúa Trời và khao khát Ngài, nhưng không thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và chạm được Ngài. Lòng chỉ có chức năng yêu Đức Chúa Trời và khao khát Ngài, chứ không có khả năng tiếp xúc Đức Chúa Trời và chạm được Ngài. Cơ quan có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời không phải là lòng mà là linh. Lòng chỉ thích hợp để chúng ta yêu Đức Chúa Trời, nhưng linh thì thích hợp để chúng ta tiếp xúc Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài.

Giả sử ở đây như tôi có một cây viết rất tốt. Lòng tôi rất thích cây viết ấy; nhưng lòng tôi không thể chạm đến nó và cầm lấy nó được, vì lòng tôi không có khả năng đó. Khả năng ấy thuộc về bàn tay của tôi. Bàn tay tượng trưng cho linh. Mặc dù lòng chúng ta yêu Đức Chúa Trời và khao khát Ngài sâu xa, nhưng lòng ấy không thể tiếp xúc Ngài cũng không thể tương giao với Ngài. Duy chỉ linh chúng ta có thể làm được điều đó. Vì vậy, khi chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta một lòng mới, Ngài cũng đặt một linh mới bên trong chúng ta.

Với một lòng mới, chúng ta có thể khao khát và yêu Đức Chúa Trời, và với một linh mới, chúng ta có thể tiếp xúc và chạm được Ngài. Lòng mới làm cho chúng ta có thể có được sự vui thỏa và các xu hướng mới, những cảm xúc và sở thích

mới hướng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài. Linh mới làm cho chúng ta có thể có được những sự tiếp xúc và nhận thức mới, khả năng thuộc linh và chức năng thuộc linh mới hướng về Đức Chúa Trời cùng những điều thuộc về Ngài. Trước kia, chúng ta không yêu Đức Chúa Trời, cũng không ưa thích những điều thuộc linh thuộc về Ngài; hơn nữa, chúng ta không thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời hoặc hiểu được những điều thuộc linh thuộc về Ngài. Nhưng bây giờ, chúng ta có một lòng mới và một linh mới; vì vậy, không những chúng ta có thể yêu Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài, mà còn có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và nhận biết Ngài cùng những điều thuộc về Ngài nữa. Trước đây, chúng ta không có cảm xúc gì đối với Đức Chúa Trời và không quan tâm đến Ngài; chúng ta yếu đuối và không có bất cứ khả năng nào để hướng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài. Nhưng bây giờ, với một lòng mới và một linh mới, chúng ta không những có cảm xúc và sự quan tâm đến Đức Chúa Trời cùng những điều thuộc về Ngài, mà còn có thể mạnh mẽ tiếp xúc và hiểu biết những điều ấy. Vì vậy, khi lòng chúng ta yêu Đức Chúa Trời thì linh chúng ta chạm được Ngài; khi lòng chúng ta vui thích trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời thì linh chúng ta hiểu biết những điều ấy. Đó là ý định của Đức Chúa Trời khi Ngài ban cho chúng ta một linh mới cùng với một lòng mới.

V. THÁNH LINH

Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một lòng mới và đặt bên trong chúng ta một linh mới, câu 27 nói tiếp rằng Đức Chúa Trời đặt chính Linh của Ngài vào trong chúng ta. Vì vậy, trong những điều chúng ta nhận được qua sự tái sinh cũng có Linh của Đức Chúa Trời nữa.

Ban đầu chúng ta vốn không có Linh của Đức Chúa Trời. Và không những chúng ta không có Linh của Đức Chúa Trời, mà chính linh của chúng ta cũng chết đối với

Đức Chúa Trời nữa. Khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, một mặt, Ngài làm cho Linh Ngài đặt sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta, vì thế, làm cho linh chết của chúng ta được sống động; và mặt khác, Đức Chúa Trời cũng đặt Linh của Ngài vào trong linh chúng ta, nghĩa là Ngài làm cho Linh của Ngài cư ngụ trong linh mới và sống động chúng ta. Vì thế, bên trong chúng ta là những người đã được tái sinh, không những có một linh mới và sống động, tức là linh có yếu tố của sự sống Đức Chúa Trời, mà còn có Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong linh mới của chúng ta.*

Tại sao Đức Chúa Trời đặt Linh Ngài vào bên trong chúng ta? Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong linh chúng ta có chức năng gì? Theo Kinh Thánh, chức năng chính yếu của Linh Đức Chúa Trời ở trong chúng ta có ít nhất bảy phương diện:

A. Là Linh nội cư

Đức Chúa Trời đặt Linh của Ngài trong chúng ta để Linh Ngài có thể trở nên Linh nội cư trong chúng ta, hầu cho chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời và kinh nghiệm tất cả những gì mà Đức Chúa Trời trong Christ đã hoàn thành cho chúng ta (La. 8:9-11). Đây là phước hạnh đặt biệt được Đức Chúa Trời ban cho trong thời đại Tân Ước; phước hạnh này không có trong Cựu Ước. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời chỉ làm cho Linh Ngài đến từ bên ngoài để hành động trên con người, Ngài không làm cho Linh Ngài đến cư ngụ *bên trong* con người. Chỉ sau khi Chúa chết và sống lại, Đức Chúa Trời mới ban Linh Ngài cho chúng ta và làm cho Linh Ngài đến trong chúng ta làm Linh nội cư (Gi. 14:16-17). Vì

* La Mã 8:9 nói rằng: “Linh của Đức Chúa Trời ở trong anh em”, và câu 16 chép rằng: “Chính Linh Ngài cùng linh chúng ta đồng chứng”. Từ hai câu Kinh Thánh này chúng ta thấy rằng Linh của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta có nghĩa là Ngài cư ngụ bên trong linh chúng ta; Ngài ở với linh chúng ta.

thế, Ngài có thể bày tỏ cả Đức Chúa Trời lẫn Đấng Christ cho chúng ta từ bên trong, để chúng ta ở trong Đấng Christ có thể tiếp nhận và vui hưởng sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Côl. 2:9-10).

B. Là Đấng An ủi

Chúa nói với chúng ta về Đấng An ủi trong Giăng 14:16-17. Ngài nói rằng Ngài sẽ cầu xin Cha ban Thánh Linh cho chúng ta để ngự bên trong chúng ta như một Đấng An ủi khác. Từ “Đấng An ủi” trong nguyên văn giống như từ “Đấng Biện hộ” trong 1 Giăng 2:1, mà khi chuyển tự là “Paraclete” hay “một người biện hộ ở bên cạnh”. Khởi đầu, Đức Chúa Trời đã ban Con Ngài làm Đấng An ủi cho chúng ta, tức là Paraclete của chúng ta. Khi Con Ngài trở về với Ngài, Ngài ban Linh của Ngài cho chúng ta làm Đấng An ủi khác, một Paraclete khác. Điều này cũng có nghĩa là Ngài sai Linh của Ngài đến là hiện thân của Con Ngài để làm Đấng An ủi của chúng ta. Vì vậy, Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta chính là hiện thân của Christ bên trong chúng ta. Ngài chăm sóc chúng ta từ bên trong, hoàn toàn chịu trách nhiệm về chúng ta, như Đấng Christ chịu trách nhiệm cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời.

C. Là Linh của lẽ thật

Trong Giăng 14:16-17, Chúa nói với chúng ta rằng Thánh Linh đến cư ngụ trong chúng ta như Đấng An ủi là “Linh của lẽ thật”. Vì thế, Linh của Đức Chúa Trời đang cư ngụ trong chúng ta cũng là Linh của lẽ thật. Từ lẽ thật trong nguyên văn nghĩa là thực tại. Vì vậy, Linh của Đức Chúa Trời đang cư ngụ trong chúng ta là “Linh của lẽ thật” hay là “Linh thực tại”, làm cho tất cả những gì Đức Chúa Trời và Đấng Christ là đều trở nên thực tại ở bên trong chúng ta. Tất cả những gì mà Đức Chúa Trời là và tất cả những gì Ngài dọn sẵn trong Christ, tất cả những gì Đấng Christ là và tất cả những gì Ngài đã hoàn thành cho chúng

ta bởi sự chết và sự phục sinh của Ngài, đều được bày tỏ và truyền đạt cho chúng ta như một thực tại bằng Linh của Đức Chúa Trời, là Đấng cư ngụ bên trong chúng ta. Vì thế chúng ta có thể chạm được và kinh nghiệm những điều ấy để chúng trở nên những thực tại của mình.

D. Là Linh sự sống

La Mã chương 8 gọi Thánh Linh, Đấng cư ngụ bên trong chúng ta là “Linh sự sống” (cc. 9, 2). Điều này bày tỏ cho chúng ta rằng Linh của Đức Chúa Trời, Đấng cư ngụ trong chúng ta cũng là Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Mặc dù sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ (Gi. 1:4), nhưng chúng ta được biết và được kinh nghiệm sự sống ấy là nhờ Thánh Linh, Đấng cư ngụ bên trong chúng ta. Tất cả mọi vấn đề liên hệ đến sự sống đều được bày tỏ cho chúng ta qua Thánh Linh, Đấng cư ngụ trong chúng ta. Tất cả những kinh nghiệm sự sống được trở nên kinh nghiệm của chúng ta bởi Thánh Linh là Đấng ở trong chúng ta.

E. Là con dấu

Ê-phê-sô 1:13 và 4:30 bày tỏ cho chúng ta rằng Thánh Linh mà chúng ta nhận lãnh lúc được tái sinh đang ở trong chúng ta như là con dấu. Khi Đức Chúa Trời đặt Linh của Ngài trong chúng ta, điều ấy có nghĩa là Ngài đóng Linh của Ngài trên chúng ta như một con dấu. Khi một con dấu được đóng lên trên một món đồ, nó không chỉ là dấu hiệu bày tỏ chủ quyền trên món đồ ấy, mà còn in một dấu hằn trên món đồ ấy như một con dấu được dùng để đóng dấu. Đây là chức năng của Linh Đức Chúa Trời ở trong chúng ta như một con dấu. Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ bên trong chúng ta không những là một dấu hiệu bày tỏ rằng chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời và chúng ta được đánh dấu để được biệt riêng giữa muôn người trên thế giới, mà hơn nữa, Linh ấy còn là hiện thân của Đức Chúa Trời và Đấng Christ, Ngài đóng dấu trên chúng ta theo hình ảnh Đức Chúa Trời

và Đấng Christ để chúng ta trở nên giống Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

F. Là của đặt cọc

Ê-phê-sô 1:14 và 2 Cô-rin-tô 1:22 cho chúng ta biết rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta là của đặt cọc. Của đặt cọc là một vật làm tin hay một sự cam kết, bảo đảm. Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta không chỉ là một con dấu, đánh dấu chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời và in trên chúng ta hình ảnh của Đức Chúa Trời, mà Ngài cũng là của đặt cọc, bảo đảm rằng Đức Chúa Trời và tất cả những gì thuộc về Ngài đều là phần hưởng và cơ nghiệp để chúng ta vui hưởng.

G. Là sự xúc dầu

1 Giăng 2:27 nói rằng bên trong chúng ta có “sự xúc dầu” mà chúng ta đã nhận lãnh từ nơi Chúa. Sự xúc dầu trong Kinh Thánh chỉ về Linh của Đức Chúa Trời (Lu. 4:18). Vì vậy, câu Kinh Thánh này cho chúng ta biết rằng Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta là sự xúc dầu. Sự xúc dầu này ở bên trong chúng ta thường xuyên xúc chúng ta. Sự xúc dầu là sự chuyển động của Linh Đức Chúa Trời bên trong chúng ta. Linh của Đức Chúa Trời chuyển động trong chúng ta hoặc xúc dầu chúng ta có nghĩa là Ngài xúc chính Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, để yếu tố của Đức Chúa Trời có thể trở nên yếu tố bên trong của chúng ta, và chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời, khát vọng và ý muốn của Ngài trong mọi sự.*

Bảy chức năng này vinh hiển và cao trọng dường nào! Không những chúng bày tỏ cho chúng ta những chức năng của Linh Đức Chúa Trời là Đấng đang cư ngụ trong chúng ta, nhưng còn cho biết Linh của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã tiếp nhận qua sự tái sinh là một Linh như thế nào.

*Lời giải thích chi tiết cho điểm này được trình bày trong sách *Kinh nghiệm sự sống* (do Living Stream Ministry xuất bản), chương bảy.

VI. ĐẮNG CHRIST

La Mã 8:9-10 bày tỏ cho chúng ta rằng Linh của Đức Chúa Trời đang cư ngụ trong chúng ta là Linh của Đấng Christ đang cư ngụ bên trong chúng ta; và Linh của Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta là chính Đấng Christ đang cư ngụ trong chúng ta. Điều này khai thị rằng Linh của Đức Chúa Trời trong chúng ta là hiện thân của Đấng Christ. Vì sự tái sinh làm cho chúng ta có Linh của Đức Chúa Trời bên trong mình nên sự tái sinh cũng làm cho chúng ta có Đấng Christ bên trong.

Khi chúng ta tin nhận Chúa, Đức Chúa Trời qua Linh của Ngài khai thị Đấng Christ trong chúng ta (Ga. 1:16). Vì vậy, một khi chúng ta tiếp nhận Đấng Christ làm Đấng Cứu Rỗi, thì Ngài là Linh cư ngụ trong chúng ta (2 Cô. 13:5). Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta với mục đích gì? Ấy là để Ngài có thể làm sự sống của chúng ta. Mặc dù Đấng Christ ở trong chúng ta là tất cả mọi sự của chúng ta, nhưng lí do chính yếu làm cho Ngài cư ngụ bên trong chúng ta là để Ngài có thể trở nên sự sống của chúng ta.

Trong sự cứu rỗi của Ngài, Đức Chúa Trời đã tái sinh chúng ta để chúng ta có thể tiếp nhận sự sống của Ngài, có được bản chất của Ngài, và do đó trở nên hoàn toàn giống như Ngài. Ngài đặt sự sống Ngài ở trong Đấng Christ để chúng ta tiếp nhận (Gi. 1:4; 1 Gi. 5:11, 12). Nói cách khác, Ngài muốn Đấng Christ trở thành sự sống của chúng ta (Gi. 14:6; Cól. 3:4). Mặc dù chính Linh của Ngài đặt sự sống Ngài trong chúng ta, và mặc dù chính Linh của Ngài làm chúng ta có khả năng biết, kinh nghiệm và sống ra sự sống của Ngài, nhưng sự sống của Ngài chính là Christ. Mặc dù nhờ Linh của Ngài, Ngài làm chúng ta tiếp nhận, biết và kinh nghiệm sự sống của Ngài, nhưng Ngài làm cho Christ trở nên sự sống của chúng ta. Đức Chúa Trời qua Linh của Ngài bày tỏ Christ trong chúng ta nghĩa là Ngài muốn Christ làm sự sống của chúng ta. Đấng Christ cư ngụ trong

chúng ta nghĩa là Ngài sống trong chúng ta như sự sống của chúng ta (Ga. 2:20) và muốn sống ra sự sống Ngài từ chúng ta (2 Cô. 4:10-11). Vì thế, Ngài muốn chúng ta lớn lên vào trong hình ảnh Ngài và trở nên giống như Ngài trong sự sống của Ngài (2 Cô. 3:18). Khi chúng ta lớn lên vào trong hình ảnh Ngài và trở nên giống như Ngài trong sự sống của Ngài thì chúng ta lớn lên vào trong hình ảnh của Đức Chúa Trời và trở nên giống như Đức Chúa Trời vì Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời (Côl. 1:15).

Chúng ta đã thấy rằng sự sống của Đức Chúa Trời là tất cả những gì Đức Chúa Trời là; vì vậy, khi Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài trong Christ, Ngài đặt tất cả những gì Ngài là vào trong Christ. Christ là sự nhục hóa của Đức Chúa Trời, là hiện thân của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì Đức Chúa Trời là và mọi sự đầy đủ của Thần Cách đều ở trong Christ cách có hình thể (Côl. 2:9). Vì vậy, Đấng Christ cư ngụ trong chúng ta làm cho chúng ta được đổ đầy mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Êph. 3:17-19).

Đấng Christ là sự sống của chúng ta đang cư ngụ trong chúng ta làm cho chúng ta không những có thể vui hưởng mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời ngày nay mà còn được bước vào trong vinh hiển của Đức Chúa Trời trong tương lai (La. 8:17; Hê. 2:10). Vì vậy ngày nay, khi cư ngụ trong chúng ta, một mặt Ngài là sự sống của chúng ta và mặt khác Ngài là hi vọng của chúng ta về vinh hiển (Côl. 3:4; 1:27). Việc Ngài cư ngụ trong chúng ta làm sự sống của chúng ta ngày nay có nghĩa là nhờ sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Ngài, Ngài sẽ làm chúng ta lớn lên và trở nên giống như Đức Chúa Trời, lớn lên và được đồng hóa theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, rồi cuối cùng lớn lên vào trong vinh hiển của Đức Chúa Trời.

VII. ĐỨC CHÚA TRỜI

Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời. Vì sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được Christ nên cũng làm cho chúng

ta có được Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh là thực tại của Christ. Đức Chúa Trời ở trong Christ và Christ ở trong Thánh Linh. Cho nên, sự tái sinh làm cho chúng ta có được Thánh Linh, sự tái sinh cũng làm cho chúng ta không chỉ có được Christ, mà còn có được Đức Chúa Trời.

Từ khi tái sinh chúng ta, Đức Chúa Trời trong Christ qua Linh của Ngài liên tục cư ngụ trong chúng ta. Sứ đồ Giăng nói rằng chúng ta biết Đức Chúa Trời ở trong chúng ta ấy là bởi Thánh Linh tức là Đấng mà Ngài đã ban cho chúng ta (1 Gi. 3:24; 4:13). Chúa Jesus cũng nói rằng Ngài và Đức Chúa Trời cùng ở bên trong chúng ta (Gi. 14:23). Vì vậy, dầu Thánh Linh hay Christ ở bên trong chúng ta, ấy chính là Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong Christ, và Christ là Linh. Vì vậy, Linh ở trong chúng ta là Christ ở trong chúng ta; và Christ ở trong chúng ta là Đức Chúa Trời ở trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong Christ cư ngụ bên trong chúng ta, và Christ là Linh cư ngụ bên trong chúng ta. Vì vậy, hễ có Linh ở trong mình, chúng ta có Đấng Christ và Đức Chúa Trời cư ngụ bên trong chúng ta. Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời, cả ba đều ở trong chúng ta như một, nghĩa là Đức Chúa Trời Tam Nhất đang cư ngụ trong chúng ta.

Nhưng khi đề cập đến Thánh Linh cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhấn mạnh đến sự xúc dầu của Ngài bên trong chúng ta (1 Gi. 2:27); khi đề cập đến Christ cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhấn mạnh đến việc Ngài sống trong chúng ta để là sự sống của chúng ta (Ga. 2:20); và khi đề cập đến Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhấn mạnh đến sự hành động của Ngài trong chúng ta (Phil. 2:13; Hê. 13:21; 1 Cô. 12:6). Kinh Thánh phân biệt rất rõ ràng về ba vấn đề này. Liên hệ đến Thánh Linh cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nói về “sự xúc dầu”; liên hệ đến Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta, Kinh Thánh nói về “sự sống”; và liên hệ đến Đức Chúa Trời cư ngụ trong

chúng ta, Kinh Thánh nói về “sự hành động”. Kinh Thánh không bao giờ nói rằng Đấng Christ hay Đức Chúa Trời đang xúc dầu chúng ta, hoặc nói rằng Thánh Linh hay Đức Chúa Trời đang sống trong chúng ta, hoặc nói rằng Thánh Linh hay Đấng Christ đang hành động trong chúng ta. Nhưng Kinh Thánh chỉ nói rằng Thánh Linh xúc dầu trong chúng ta, Đấng Christ sống trong chúng ta, và Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta. Ba cách nói này không thể hoán đổi với nhau được. “Sự xúc dầu” liên quan đến Thánh Linh tức là dầu xúc trong chúng ta; “sự sống” liên quan đến Đấng Christ là sự sống trong chúng ta, và “sự hành động” liên quan đến Đức Chúa Trời đang hành động trong chúng ta.

Thánh Linh ở trong chúng ta như là dầu xúc; vì vậy, “xúc dầu” là việc Ngài làm trong chúng ta. Đấng Christ ở trong chúng ta là sự sống; vì vậy, “sống” là việc Ngài làm trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong chúng ta là vấn đề thuộc “hành động”; cho nên “hành động” là điều Ngài thực hiện trong chúng ta. Bằng cách xúc dầu chúng ta, Thánh Linh xúc yếu tố của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Bằng cách sống trong chúng ta, Đấng Christ sống sự sống của Đức Chúa Trời cả bên trong lẫn bên ngoài chúng ta. Bằng cách hành động trong chúng ta, Đức Chúa Trời thực hiện ý muốn của Ngài trong chúng ta để ý muốn ấy có thể được hoàn thành trên chúng ta.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rằng những điều mình nhận được qua sự tái sinh là quá lớn lao, quá cao cả, quá phong phú và quá vinh hiển. Qua sự tái sinh, chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và luật sự sống ấy. Qua sự tái sinh, chúng ta nhận được một lòng mới và một linh mới. Hơn thế nữa, qua sự tái sinh, chúng ta nhận được Thánh Linh, Đấng Christ và chính Đức Chúa Trời. Những điều này thật sự đầy đủ cho chúng ta, đủ để làm cho chúng ta thánh biệt và thuộc linh, đủ để làm cho chúng ta đắc thắng và vượt trội, đủ để làm cho chúng ta lớn lên và trưởng thành trong sự sống.

CHƯƠNG 5

CẢM NHẬN CỦA SỰ SỐNG

Chúng ta đã thấy sự sống là gì và kinh nghiệm sự sống là gì. Chúng ta cũng đã nhìn thấy kinh nghiệm đầu tiên của sự sống là sự tái sinh, và những điều khác mà chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh. Bây giờ, khi đã thấy những điều này, chúng ta có thể đến với vấn đề cảm nhận của sự sống.

Về phần chúng ta, cảm nhận của sự sống thì rất chủ quan, cá nhân và thực tiễn. Vì vậy, nếu muốn theo đuổi sự sống, chúng ta phải lưu ý đến cảm nhận của sự sống và biết rõ cảm nhận ấy. Tất cả những ai có kinh nghiệm sự sống đều biết mối liên hệ sâu xa giữa cảm nhận của sự sống và kinh nghiệm sự sống. Vì vậy, nếu muốn khám phá vấn đề biết sự sống, chúng ta phải xem xét vấn đề cảm nhận sự sống.

I. NỀN TẢNG KINH THÁNH

Mặc dù không đề cập đến cảm nhận của sự sống một cách rõ ràng nhưng thực ra Kinh Thánh có nói đến vấn đề này. La Mã 8:6 nói: “Vì tâm trí đặt vào xác thịt là sự chết; nhưng tâm trí đặt vào linh là sự sống và bình an”. Câu này bày tỏ rõ về cảm nhận của sự sống, vì sự bình an được đề cập ở đây rõ ràng là vấn đề ý thức. Sự bình an ở đây không liên quan đến hoàn cảnh bên ngoài, nhưng đến tình trạng bên trong; cho nên, sự bình an ấy chắc chắn là một vấn đề thuộc về cảm thức. Vì sự bình an được đề cập ở đây là một vấn đề thuộc về cảm thức, nên sự chết và sự sống ở đây cũng là vấn đề thuộc về cảm thức.

Cảm nhận của sự chết làm cho chúng ta cảm nhận được yếu tố của sự chết. Những yếu tố của sự chết là: yếu đuối, trống rỗng, chán nản, tối tăm và đau đớn. Sự chết bao gồm ít nhất năm yếu tố này, và có thể nói năm yếu tố này cộng lại tương đương với sự chết. Sự chết làm cho người ta yếu đuối; và khi yếu đuối cùng cực, người ta chết. Sự chết làm cho người ta trống rỗng, vì sự chết kết liễu mọi sự. Sự chết làm cho người ta chán nản và ngã lòng; những người chán nản và im lặng hơn hết là những người chết. Sự chết cũng làm cho người ta tối tăm; những người ở sâu trong bóng tối hơn hết là những người đã bước vào sự chết. Đồng thời, sự chết cũng làm cho người ta đau đớn; những người chịu đau đớn nhất là những người đã rơi vào sự chết. Tất cả những điều này là những yếu tố của sự chết; vì vậy, khi cảm nhận những điều này, chúng ta cảm nhận sự chết.

Những cảm nhận của sự chết là hậu quả của việc đặt tâm trí vào xác thịt. Bất cứ khi nào đặt tâm trí vào xác thịt, lập tức chúng ta sẽ có những cảm thức của sự chết. Ví dụ như vào một buổi chiều Chúa nhật, nếu anh em đặt tâm trí vào xác thịt chút ít, khi đến buổi nhóm bẻ bánh vào buổi tối anh em sẽ cảm thấy mình rất yếu đuối bên trong và không trở dậy nổi. Đồng thời, anh em sẽ cảm thấy trống rỗng, chán nản, và thậm chí tối tăm, đau đớn. Tất cả những cảm thức này là cảm nhận của sự chết. Đôi khi anh em cảm thấy điều này mạnh hơn điều kia; đôi khi anh em cảm thấy năm điều này bằng nhau. Tuy nhiên, chính vì đặt tâm trí vào xác thịt mà chúng ta cảm nhận sự chết.

Cảm nhận của sự sống trái ngược với cảm nhận của sự chết. Cảm nhận của sự chết làm cho chúng ta cảm thấy yếu đuối và trống rỗng trong khi cảm nhận của sự sống làm cho chúng ta cảm thấy mạnh mẽ và thỏa mãn. Cảm nhận của sự chết làm cho chúng ta cảm thấy chán nản, tối tăm và đau đớn. Cảm nhận của sự sống làm cho chúng ta cảm thấy sống động, tươi sáng và dễ chịu. Vì cảm nhận của sự sống làm cho chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động,

tươi sáng và dễ chịu, nên cảm nhận này cũng làm cho chúng ta cảm nhận sự bình an, tức là cảm thấy tốt đẹp và thoải mái.

Chúng ta cần ý thức rằng những điều được đề cập đến trong La Mã 8:6 tương phản với nhau. Xác thịt tương phản với linh, sự chết tương phản với sự sống và sự bình an. Tương phản với sự chết không những là sự sống mà còn là sự bình an. Như vậy, sự chết không những bao gồm sự yếu đuối, trống rỗng, nản lòng, tối tăm mà cả sự đau đớn nữa. Sự yếu đuối, trống rỗng, nản lòng và tối tăm tương phản với sự sống, trong khi sự đau đớn tương phản với sự bình an.

Cảm nhận sự chết là do chúng ta đặt tâm trí vào xác thịt, trong khi cảm nhận sự sống và bình an là do chúng ta đặt tâm trí vào linh. Khi chúng ta sống trong linh, bước theo linh, và đặt tâm trí vào linh, chúng ta cảm thấy mạnh mẽ và thỏa mãn bên trong; đồng thời chúng ta cũng cảm thấy sống động, tươi sáng, thoải mái và dễ chịu. Chẳng hạn như khi Thánh Linh ban cho anh em một cảm thức bên trong, nếu quan tâm và vâng theo cảm thức ấy, anh em sẽ cảm thấy mạnh mẽ và thỏa lòng; đồng thời, anh em sẽ cảm thấy sống động, tươi sáng, thoải mái và dễ chịu. Như vậy, anh em cảm thức được sự sống và sự bình an vì anh em đặt tâm trí vào linh.

Lí do La Mã 8:6 đề cập đến cảm nhận sự sống là vì trước đó có ba điều đã được nhắc đến: Linh, sự sống và luật sự sống. Linh ở trong chúng ta đã trở nên một linh với linh của chúng ta: sự sống bao hàm trong Linh là nội dung của Linh; và luật là khả năng và chức năng tự nhiên của sự sống. Ba điều này kết hợp với nhau trở nên luật của Linh sự sống là luật chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến sự sống trong chúng ta, ban cho chúng ta một cảm nhận nào đó vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi nào. Bất cứ khi nào chúng ta đặt tâm trí vào linh, hành động và sống theo linh, luật này sẽ ban cho chúng ta một cảm thức về sự sống và bình an. Cảm nhận sự sống là cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống

động, tươi sáng và tươi mới. Cảm thấy bình an là cảm thấy thoải mái, dễ chịu, tốt đẹp và tự nhiên. Nếu chúng ta đặt tâm trí vào xác thịt, hành động và sống theo xác thịt, luật này sẽ cho chúng ta cảm nhận sự chết, tức là cảm thấy yếu đuối, trống rỗng, chán nản, tối tăm và đau đớn.

Vì vậy, điều La Mã 8:6 nói hoàn toàn là vấn đề ý thức, và ý thức này được ban cho chúng ta bởi luật của Linh sự sống. Vì luật của Linh sự sống thuộc về sự sống, nên ý thức mà luật này đem đến cho chúng ta cũng thuộc về sự sống. Như vậy, vì ý thức đề cập đến trong La Mã 8:6 được ban cho chúng ta bởi luật này, nên ý thức ấy thuộc về cảm nhận của sự sống.

Phần Kinh Thánh thứ nhì đề cập đến vấn đề cảm nhận sự sống là Ê-phê-sô 4:19. Câu này nói về dân ngoại: “Họ đã bỏ qua cảm thức, tự buông mình vào sự phóng dăng mà ham muốn làm mọi thứ ô uế” (RcV). Câu này nói lí do làm cho người thế giới phạm tội và cố tình làm những điều gian ác là vì họ đã từ bỏ mọi cảm thức. Thật vậy, khi người ta phạm tội và làm những điều gian ác, chắc chắn họ đã bỏ qua mọi cảm thức bên trong. Khi một người phạm tội và làm điều ác, chúng ta không thể nói người ấy không có cảm thức, nhưng ít nhất chúng ta có thể nói người ấy đã gạt bỏ mọi cảm thức qua một bên. Nếu không gạt bỏ mọi cảm thức, nếu bị hạn chế bởi những cảm thức bên trong, làm sao người ấy có thể phạm tội và làm điều ác? Tất cả những người phạm tội và làm điều ác là những người đã gạt bỏ cảm thức của mình. Khi một người lừa gạt, trộm cắp, hành hung, cướp bóc người khác hoặc làm bất cứ hành vi xấu xa, gian ác nào, chắc chắn người ấy đã bỏ qua cảm thức của mình. Càng phạm tội ác bao nhiêu, chắc chắn người ấy càng phải bỏ qua cảm thức bên trong bấy nhiêu. Vì vậy, người gian ác là người không có cảm thức; trái lại, một người tốt lành, nhân hậu là người rất dồi dào cảm thức.

Thế thì giữa Cơ Đốc nhân và dân ngoại, ai có cảm nhận bề trong mạnh mẽ hơn? Nếu chúng ta so sánh Cơ Đốc nhân

với người không tin Chúa, ai là người có cảm thức mạnh hơn? Chúng ta phải trả lời là cảm thức của chúng ta mạnh hơn nhiều. Bởi vì ngoài những cảm thức mà họ có, chúng ta còn có cảm thức của sự sống bên trong, là điều mà họ không có. Vì vậy, nếu chúng ta phạm tội và làm điều ác, chắc chắn chúng ta đã gạt bỏ cảm thức của chúng ta nhiều hơn họ gấp bội. Vì lí do này, Kinh Thánh khuyên chúng ta không nên bỏ qua mọi cảm thức như dân ngoại. Kinh Thánh này khuyên chúng ta phải quan tâm đến cảm nhận bên trong. Dĩ nhiên, Kinh Thánh muốn nhấn mạnh đến việc chú ý đến cảm nhận bên trong của sự sống. Sau khi khuyên chúng ta không nên bỏ qua mọi cảm thức như dân ngoại, Ê-phê-sô chương 4 tiếp tục khuyên chúng ta phải lột bỏ người cũ và mặc lấy người mới. Người mới này thuộc về sự sống trong Linh. Để có thể sống trong người mới này, chúng ta phải sống trong sự sống của Linh. Vì vậy, Ê-phê-sô chương 4 khuyên chúng ta không được bỏ qua mọi cảm thức như người vô tín, mà phải sống trong người mới này. Điều này nghĩa là chúng ta phải sống trong sự sống ở trong Linh, quan tâm đến cảm nhận của sự sống trong Linh và sống theo cảm nhận của sự sống này.

Hơn nữa, hầu hết các thư tín của các sứ đồ đều có những lời chúc phước và chào thăm đề cập đến ân điển và sự bình an. Ân điển là Đức Chúa Trời mà chúng ta đạt được, còn sự bình an là cảm thức của chúng ta khi nhận được Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nhận được để trở nên sự sống của mình và để chúng ta vui hưởng, ấy là ân điển. Ân điển trong chúng ta đem đến sự bình an, tạo trong chúng ta một cảm thức bình tĩnh. Một người kinh nghiệm Đức Chúa Trời, vui hưởng sự sống của Đức Chúa Trời, nắm biết quyền năng sự sống của Đức Chúa Trời hằng ngày thì chắc chắn có sự bình an trong lòng. Sự bình an này là cảm thức người ấy có được khi vui hưởng ân điển. Do đó, nếu chúng ta không có sự bình an bên trong hoặc không có cảm thức về sự bình an, điều đó chứng tỏ rằng chúng ta thiếu ân điển. Khi

thiếu ân điển, ấy là chúng ta thiếu Đức Chúa Trời. Vì chúng ta chưa nhận được Đức Chúa Trời một cách đầy đủ bên trong, chưa được cung ứng đủ sự sống của Ngài, và chưa kinh nghiệm đầy đủ quyền năng sự sống của Đức Chúa Trời nên chúng ta thiếu sự bình an bên trong. Nếu nhận được Đức Chúa Trời, kinh nghiệm Ngài và sự sống của Ngài một cách đầy đủ, chúng ta sẽ có đủ bình an bên trong. Đây không phải sự bình an trong hoàn cảnh mà là tình trạng bình an trong lòng. Chúng ta phải tin rằng sự bình an được các sứ đồ đề cập đến trong những lời chào thăm là loại bình an bên trong này. Sự bình an bên trong là vấn đề ý thức. Khi các sứ đồ chúc bình an nghĩa là họ chúc các tín đồ có thể có được sự bình an ở bên trong. Cảm nhận bình an bên trong là cảm nhận của sự sống. Vì vậy, khi họ bày tỏ ước muốn là các tín đồ có được cảm thức bình an bên trong, ấy là họ muốn các tín đồ quan tâm đến cảm nhận sự sống bên trong.

II. NGUỒN CẢM NHẬN CỦA SỰ SỐNG

Cảm nhận của sự sống mà chúng ta đang nói đến bắt nguồn từ đâu? Cảm nhận ấy phát sinh như thế nào? Cảm nhận ấy bắt nguồn từ những điều chúng ta nhận được qua sự tái sinh, đó là sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời. Sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Thánh Linh, Đấng Christ, và Đức Chúa Trời làm cho chúng ta có một cảm thức bề trong và cảm thức này chính là điều mà chúng ta gọi là cảm nhận của sự sống.

Mỗi một loại sự sống có những cảm thức riêng. Hơn nữa, sự sống càng mạnh, các cảm thức của sự sống ấy sẽ càng nhạy bén hơn. Sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống mạnh mẽ nhất; vì vậy, sự sống này ở trong chúng ta làm chúng ta không những có các cảm thức, mà còn có các cảm thức mạnh mẽ nữa.

Vì luật sự sống ra từ sự sống, nên luật sự sống cũng có các cảm thức. Cho nên, luật này ở trong chúng ta làm cho chúng ta có các cảm thức, đặc biệt khi chúng ta không vâng theo luật ấy. Chẳng hạn như khi thân thể khoẻ mạnh bình

thường, chúng ta khó có một cảm thức gì đặc biệt. Nhưng khi đau yếu, chúng ta sẽ có những cảm thức mạnh và những cảm thức mạnh mẽ này xuất hiện khi chúng ta không vâng theo luật trong cơ thể. Tương tự như vậy, khi vâng theo luật sự sống, chúng ta sẽ không có nhiều cảm thức, nhưng khi không vâng theo luật ấy, chúng ta sẽ có những cảm thức rõ rệt.

Thánh Linh là dầu xúc đang xúc và đang chuyển động trong chúng ta; Đấng Christ đang sống và hoạt động trong chúng ta; và Đức Chúa Trời cũng đang hành động trong chúng ta. Cả ba thân vị đều đang hoạt động và hành động trong chúng ta, chứ không im lặng và bất động, vì vậy, tạo cho chúng ta nhiều cảm thức.

Thế thì, dù là sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống hay Thánh Linh, Đấng Christ, và Đức Chúa Trời trong chúng ta, tất cả đều làm cho chúng ta có những cảm thức, và tất cả hòa quyện trong chúng ta, làm cho chúng ta có những cảm thức. Như vậy, những cảm thức bắt nguồn từ năm điều trên không phải là năm loại cảm thức khác nhau mà chỉ là một, tức là cảm nhận của sự sống mà chúng ta đang nói đến.

Vì sao những cảm thức ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời lại chỉ là một loại cảm thức mà thôi? Và vì sao cảm thức này là cảm nhận của sự sống? Vì Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Tam Nhất; sự sống của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời; và luật sự sống ra từ sự sống của Ngài. Cho nên, nói một cách chính xác, năm điều này là một. Vậy, khi năm điều này ở trong chúng ta, những cảm thức do năm điều ấy tạo nên trong chúng ta cũng chỉ là một loại mà thôi. Lí do cảm thức này là cảm thức của sự sống vì cảm thức này đến từ Đức Chúa Trời Tam Nhất của sự sống, từ sự sống của Đức Chúa Trời và từ luật sự sống. Mục tiêu chính yếu của Đức Chúa Trời Tam Nhất trong chúng ta là trở nên sự sống của chúng ta, và sự sống này bao

hàm luật sự sống. Vậy nên, các cảm thức do những điều trên tạo ra trong chúng ta ra từ sự sống và thuộc về sự sống; vì vậy, chúng là cảm nhận của sự sống. Cảm nhận này là một, nhưng có năm phương diện. Cảm nhận này ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, và từ luật sự sống của Ngài; vì vậy, cảm nhận này có bản chất của sự sống Đức Chúa Trời và cả chức năng của luật sự sống của Ngài nữa. Đồng thời, cảm nhận này đến từ Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời; vì vậy, cảm nhận này chứa đựng yếu tố của Thánh Linh đang xúc dầu trong chúng ta, yếu tố của Đấng Christ sống động trong chúng ta và yếu tố của Đức Chúa Trời đang hành động và hoàn thành ý muốn của Ngài trong chúng ta. Vì có những phương diện khác nhau như vậy, nên cảm nhận này rất phong phú, mạnh mẽ và nhạy bén; cảm nhận ấy phong phú hơn, mạnh mẽ hơn, và nhạy bén hơn cảm nhận tốt nhất mà những người vô tín có được. Những cảm thức tốt nhất mà người vô tín có được chỉ là cảm nhận tốt đẹp thọ tạo trong con người. Nhưng ngoài cảm nhận tốt đẹp thọ tạo, thì cảm nhận của sự sống là một cảm nhận thần thượng được thêm vào trong chúng ta bởi những điều chúng ta nhận được qua sự tái sinh.

III. CHỨC NĂNG CỦA CẢM NHẬN SỰ SỐNG

Thế thì chức năng của cảm nhận sự sống là gì? Chức năng hay công dụng của cảm nhận sự sống là liên tục cho chúng ta biết mình đang sống ở đâu. Chúng ta đang sống trong sự sống thiên nhiên hay đang sống trong sự sống của Linh? Chúng ta đang sống trong xác thịt hay đang sống trong linh? Đây là điều mà cảm nhận sự sống liên tục bày tỏ cho chúng ta, và vì lí do này mà chúng ta có cảm nhận của sự sống. Vì vậy, cảm nhận sự sống dẫn dắt chúng ta và bày tỏ tình trạng của chúng ta. Nếu chúng ta đi theo cảm nhận của sự sống, chúng ta đang vâng theo sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, và đồng thời chúng ta biết được mình đang sống ở đâu.

Bây giờ, chúng ta sẽ áp dụng điều chúng ta vừa trình bày. Cảm nhận của sự chết cho chúng ta biết mình hiện không sống trong linh nhưng đang ở trong xác thịt. Một khi có cảm nhận của sự chết, chúng ta phải biết mình không đang sống trong linh mà là trong xác thịt. Cảm nhận của sự chết bao gồm sự yếu đuối, trống rỗng, chán nản, tối tăm, và đau đớn. Một khi chúng ta có những cảm nhận này, điều ấy có nghĩa là cảm nhận của sự sống trong chúng ta cho biết mình đã sai trật, chúng ta không đang sống trong linh mà trong xác thịt.

Thế thì cảm nhận của sự sống cho chúng ta cảm thức gì để chúng ta biết mình đang đứng đắn trước mặt Đức Chúa Trời và đang sống trong linh? Cảm nhận ấy cho chúng ta một cảm thức về sự sống và bình an, hay nói cách khác, cảm nhận ấy làm chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng, và dễ chịu. Bất cứ khi nào chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng và dễ chịu bên trong, chúng ta có bằng chứng bên trong rằng mình đang đứng đắn trước mặt Đức Chúa Trời và đang sống trong linh.

Vậy nên, cảm nhận của sự sống bên trong chúng ta có một chức năng rất lớn. Cảm nhận này hiện hữu bên trong liên tục dẫn dắt chúng ta, bày tỏ chúng ta biết nên sống ở đâu, và liên tục xác nhận chúng ta đang sinh hoạt ở đâu. Đây là cảm nhận dẫn dắt chúng ta tiến lên trong sự sống; và cũng chính cảm nhận này liên tục xác nhận và bày tỏ tình trạng thật của chúng ta trong sự sống. Vì vậy, cảm nhận này là người hướng dẫn và là chứng cứ bên trong. Bất cứ khi nào cảm nhận này làm cho chúng ta cảm thấy sự sống và bình an bên trong, cảm nhận ấy minh chứng rằng chúng ta không có vấn đề gì trong sự sống. Ngược lại, bất cứ khi nào cảm nhận này làm cho chúng ta cảm thấy thiếu vắng sự sống và bình an, cảm nhận ấy minh chứng chúng ta đang có nan đề nào đó trong sự sống.

Có lẽ anh em nói mình không cảm nhận được sự sống và sự bình an bên trong, cũng không cảm nhận mình thiếu vắng sự sống hay sự bình an; anh em không có cảm nhận về sự

manh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng, hay dễ chịu, và cũng không có cảm nhận mình không mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng, hay dễ chịu. Tình trạng như vậy chúng tỏ anh em đang có vấn đề. Chúng ta phải cảm nhận được sự sống và sự bình an một cách tích cực. Chúng ta phải cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng, thoải mái và dễ chịu bên trong, khi ấy, mọi sự đều sẽ tốt đẹp. Mặc dù đôi khi Đức Chúa Trời muốn đưa chúng ta ra khỏi những cảm thức của mình và làm cho chúng ta dường như phải rơi vào hang sâu, thế nhưng ngay cả lúc ở trong đó, chúng ta vẫn cảm nhận được sự sống và sự bình an trong phần sâu thẳm nhất của mình. Dù những cảm thức bên ngoài tiên biến, những vẫn còn có cảm nhận của sự sống và bình an trong phần sâu thẳm nhất.

Sự sống và bình an là những cảm thức tích cực mà cảm nhận của sự sống trong chúng ta cho biết, bởi đó chúng tỏ tình trạng của chúng ta trong sự sống là bình thường. Yếu đuối và bứt rứt là những cảm thức tiêu cực mà cảm nhận của sự sống trong chúng ta cho biết, bởi đó chúng tỏ chúng ta có vấn đề trong sự sống. Cảm thức vừa yếu đuối vừa bứt rứt là cảm nhận của sự chết. Cảm nhận của sự chết dứt khoát đến từ tình trạng đặt tâm trí vào xác thịt và đã tiếp xúc với một điều gì đó ngoài Đức Chúa Trời. Mỗi một cảm nhận của sự chết chúng tỏ chúng ta đã ít nhiều đặt tâm trí vào xác thịt và đã tiếp xúc với những điều ở bên ngoài Đức Chúa Trời đến một mức độ nào đó. Vì vậy, tùy thuộc vào sự sống và bình an hay yếu đuối và bứt rứt bên trong, mà chúng ta biết mình đang đặt tâm trí vào xác thịt hay đang sống trong linh, và đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời. Nếu có sự sống và bình an bên trong, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang sống trong linh, đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời. Nếu cảm thấy yếu đuối và bứt rứt bên trong, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang đặt tâm trí vào xác thịt và tiếp xúc với những điều ở bên ngoài Đức Chúa Trời.

Một Cơ Đốc nhân không nhất thiết là chẳng bao giờ cảm thấy mình yếu đuối, nhưng ngay cả khi cảm thấy yếu đuối,

người ấy vẫn nên cảm thấy mạnh mẽ. Anh em cảm thấy yếu đuối vì anh em nhận biết chính mình; anh em cảm thấy mạnh mẽ vì anh em chạm được Christ và biết Ngài là sự sống của mình. Nếu chúng ta liên tục cảm thấy yếu đuối và không khi nào cảm thấy mạnh mẽ thì có điều gì đó đã sai. Vị sứ đồ đã nói rằng khi ông yếu đuối, ấy là lúc ông mạnh mẽ (2 Cô. 12:10). Một người mạnh mẽ, cho dù cảm biết sự yếu đuối của mình cũng không bận tâm đến sự yếu đuối ấy. Nếu luôn luôn bận tâm đến sự yếu đuối và không thể mạnh mẽ được, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang có vấn đề. Có lẽ không nhiều thì ít, chúng ta đang ở trong xác thịt, bởi vì yếu đuối là cảm nhận của sự chết, và cảm nhận của sự chết luôn luôn đến từ việc đặt tâm trí vào xác thịt.

Một Cơ Đốc nhân có thể yếu đuối, tuy nhiên vẫn cảm thấy mạnh mẽ; người ấy có thể đau đớn, dầu vậy vẫn cảm thấy bình an. Người ấy đau đớn vì gặp những hoạn nạn từ bên ngoài, nhưng lại cảm thấy bình an vì được gặp gỡ Chúa và tiếp xúc với Ngài từ bên trong. Nếu gặp hoạn nạn bên ngoài mà bên trong không có sự bình an, thì có điều gì đó đã sai. Chúa nói rằng chúng ta có khổ nạn trong thế giới, nhưng có sự bình an trong Ngài (Gi. 16:33). Một người sống trong Chúa, hoặc một người sống trong linh có thể gặp nhiều thử thách từ bên ngoài, tuy nhiên, bên trong người ấy vẫn có sự bình an, nếu không, điều ấy chứng tỏ người ấy không sống trong linh. Trong hoạn nạn, nếu chúng ta thiếu sự bình an, điều ấy chứng tỏ chúng ta không đang sống trong linh. Còn nếu chúng ta không gặp hoạn nạn mà vẫn không có sự bình an bên trong thì điều này càng chứng tỏ chúng ta không sống trong linh.

Vì vậy, về tình trạng của chúng ta trong sự sống, dù chúng ta đang đặt tâm trí vào xác thịt hay vào linh, đang sống trong xác thịt hay trong linh, tất cả đều được xác nhận và bày tỏ cho chúng ta nhờ cảm nhận của sự sống. Qua sự xác nhận này mà cảm nhận của sự sống dẫn dắt chúng ta từ bên trong. Chỉ khi nào bước theo sự dẫn dắt của sự xác

nhận này, chúng ta mới có thể sống trong sự sống. Vì vậy, nếu khao khát muốn tiến lên trong sự sống, chúng ta phải quan tâm đến sự xác nhận và sự dẫn dắt của cảm nhận sự sống từ bên trong chúng ta.

CHƯƠNG 6

SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Trong sách này, chúng tôi lưu tâm đến vấn đề sự sống và hi vọng đạt được hai điều: thứ nhất, giúp mỗi anh chị em nhận biết mình đã kinh nghiệm được sự sống mà chúng tôi đang đề cập hay chưa; thứ hai, hướng dẫn các anh chị em hiểu biết con đường sự sống một cách thấu đáo, để sau này mọi người đều có thể ra đi khắp nơi mà trình bày lại điều này trong linh. Sách này không phải là một sự dạy dỗ chung chung mà là một sự nghiên cứu đặc biệt. Chúng tôi ao ước trình bày mọi điều thuộc về sự sống để xem các anh em đã có những điều ấy chưa. Và nếu đã có, anh em có thể trình bày về điều ấy không? Anh em có thể chia sẻ mà chạm được cảm xúc của người khác không? Anh em có thể nói về điều ấy như một giáo lí hay như kinh nghiệm của mình? Vì lí do đó, chúng tôi không những muốn tìm hiểu xem chúng ta đã có những điều mà mỗi một thuật ngữ của sự sống đề cập đến hay chưa, mà còn muốn khám phá ra định nghĩa và cách dùng của từng thuật ngữ ấy.

Tôi có một gánh nặng rất lớn và một cảm thức rất sâu xa bên trong, ấy là những gì mỗi một Hội thánh ngày nay đang cần hơn hết là những điều thuộc về sự sống. Mọi công tác và hoạt động của chúng ta phải ra từ sự sống. Điều này không có nghĩa là chúng ta không nên tham gia nhiều vào các công tác và hoạt động. Có thể về sau, công tác và hoạt động của chúng ta sẽ nhiều hơn và mạnh mẽ hơn cả hiện nay. Nhưng nếu không ra từ sự sống, thì công tác và phụng

sự của chúng ta sẽ không bền lâu và cũng không có giá trị bao nhiêu. Nếu muốn công tác của mình có kết quả nhiều và vững bền, chúng ta phải có nền tảng trong sự sống. Chính chúng ta phải chạm được Chúa trong sự sống và hướng dẫn người khác chạm được Chúa trong sự sống. Chỉ khi ấy, chúng ta mới thích hợp với công tác mà Đức Chúa Trời muốn thực hiện trong thời đại này.

Mọi kết quả công tác của chúng ta phải được đo lường bằng sự sống. Chỉ có những gì ra từ sự sống mới được Đức Chúa Trời công nhận. Trong Ma-thi-ơ chương 7, Chúa nói có một số người giảng phúc âm và đuổi quỷ nhưng không được Ngài chấp nhận (cc. 22-23). Hơn nữa, trong thư Phi-líp chương 1, vị sứ đồ nói có người giảng phúc âm vì lòng ganh tị (c. 15). Những công tác ấy chắc chắn không ra từ sự sống, mà ra từ công việc của con người. Chúng ta không thể và không nên làm những việc như vậy. Chúng ta nên học tập sống trong sự sống của Chúa và để sự sống của Ngài hướng dẫn chúng ta làm công việc Ngài. Chúng ta không nên có tham vọng về những việc lớn, hay về những thành tựu nào đó trong công tác. Chúng ta chỉ nên có một ước ao duy nhất – biết và kinh nghiệm sự sống của Chúa nhiều hơn, và có khả năng chia sẻ cho người khác những gì chúng ta biết và kinh nghiệm để họ cũng nhận được điều gì đó. Khi làm việc, chúng ta không nên thiết lập một công tác, cũng không nên thành lập một tổ chức. Công tác của chúng ta chỉ nên là sự tuôn đổ sự sống của Chúa, truyền đạt và cung ứng sự sống của Ngài cho người khác. Nguyên Chúa thương xót và mở mắt chúng ta thấy rằng công tác trung tâm của Đức Chúa Trời trong thời đại này là làm cho con người có thể nhận được sự sống của Ngài để được lớn lên và trưởng thành trong sự sống. Chỉ có công tác ra từ sự sống của Ngài mới đạt đến tiêu chuẩn đời đời của Ngài và được Ngài chấp nhận.

Trong chương vừa qua, chúng ta đã thấy cảm nhận của sự sống. Liên quan chặt chẽ với cảm nhận của sự sống là sự

tương giao của sự sống. Vậy, bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu sự tương giao của sự sống.

I. NGUỒN CỦA SỰ TUONG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Sự tương giao của sự sống đến từ đâu? Nguyên nhân của sự tương giao này là gì? Và sự tương giao này bắt nguồn từ điều gì? 1 Giăng 1:2-3 nói: “Chúng tôi (các sứ đồ)... truyền cho anh em (các tín đồ) *sự sống* đời đời... hầu cho anh em cũng được *tương giao* với chúng tôi. Thật, chúng tôi vẫn được *tương giao* với Cha và với Con Ngài là Jesus Christ”. Những câu này cho thấy các sứ đồ rao giảng cho chúng ta “sự sống đời đời” để chúng ta có “sự tương giao”. Sự sống đời đời là sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta làm cho chúng ta có sự tương giao. Vì sự tương giao này ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, nên đây là sự tương giao của sự sống. Vì vậy, sự tương giao của sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời; sự tương giao này tồn tại là do sự sống của Ngài; sự tương giao này bắt nguồn từ sự sống của Ngài và được đem đến cho chúng ta cũng nhờ sự sống của Ngài. Ngay khi chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời bên trong, sự sống này làm cho chúng ta có sự tương giao của sự sống. Vì vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn của sự tương giao của sự sống.

II. TRUNG GIAN CỦA SỰ TUONG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Sự sống của Đức Chúa Trời nằm trong Thánh Linh của Ngài, và nhờ Thánh Linh Ngài mà sự sống Ngài vào trong chúng ta và sống trong chúng ta. Vì vậy, sự tương giao được đem đến cho chúng ta nhờ sự sống của Đức Chúa Trời, và mặc dù bắt nguồn từ sự sống Đức Chúa Trời, sự tương giao này đến qua phương tiện là Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy, Kinh Thánh cũng gọi sự tương giao này là sự tương giao của Thánh Linh” (2 Cô. 13:14, “*thông công*” là “*tương giao*” trong nguyên văn).

Chính Thánh Linh làm cho chúng ta kinh nghiệm sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, chính Thánh Linh làm cho chúng ta có khả năng tương giao của sự sống của Đức Chúa Trời. Mọi sự tương giao của sự sống đều ở trong Thánh Linh và do Thánh Linh. Đây là lí do Phi-líp 2:1 nói "...có sự tương giao nào của Linh...". Thánh Linh của Đức Chúa Trời chuyển động, đòi hỏi, và giục giã bên trong chúng ta làm cho chúng ta có sự tương giao ra từ sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu khao khát có sự tương giao của sự sống, không những chúng ta phải có sự sống của Đức Chúa Trời, mà còn phải sống trong Thánh Linh của Đức Chúa Trời nữa. Sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn của sự tương giao của sự sống, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời là trung gian của sự tương giao của sự sống. Mặc dù sự sống của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sự tương giao của sự sống, tuy nhiên, Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng làm cho chúng ta vui hưởng sự tương giao của sự sống này cách thực tiễn. Chỉ khi nào sống trong Thánh Linh và bước đi bằng cách đặt tâm trí vào Thánh Linh, chúng ta mới có thể vui hưởng sự tương giao của sự sống của Đức Chúa Trời cách thực tiễn.

III. Ý NGHĨA CỦA SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Trước khi định nghĩa sự tương giao của sự sống, chúng ta phải làm sáng tỏ một điều. Sự sống của Đức Chúa Trời ban đầu vốn ở trong Đức Chúa Trời, và về sau, sự sống ấy vào trong chúng ta là những người thuộc về Đức Chúa Trời. Thế thì sự sống này của Đức Chúa Trời đã vào trong chúng ta là tất cả hay chỉ là một phần mà thôi? Sau khi suy ngẫm, cuối cùng chúng tôi nhận định rằng sự sống ấy không phải là một phần cũng không phải là tất cả, mà là một sự tuôn chảy.

Chúng ta hãy lấy điện trong bóng đèn làm ví dụ. Điện là một phần hay là tất cả điện của nhà máy điện? Câu trả lời là cả hai đều không phải, bởi vì chính dòng điện trong nhà

máy cũng là điện trong các bóng đèn. Đây là dòng điện truyền dẫn không ngừng. Khi dòng điện bị ngắt, các bóng đèn đều ngừng phát ánh sáng.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ khác về máu lưu thông trong tay tôi. Đây là máu của riêng bàn tay hay máu của toàn cơ thể? Nếu là máu của riêng bàn tay thì nó không có sự lưu thông. Nếu là máu của toàn cơ thể thì cũng không có sự lưu thông. Nhưng đây là máu tuần hoàn, máu lưu thông. Đây là máu của toàn cơ thể tuần hoàn liên tục và lưu thông không ngừng. Đây là tất cả và cũng là một phần; và đây là một phần mà cũng là tất cả.

Sự sống của Đức Chúa Trời cũng vậy. Sự sống ấy tuôn chảy từ Đức Chúa Trời và chảy vào trong hàng ngàn thánh đồ, trong đó có cả chúng ta. Sự sống tuôn chảy này tuôn tràn từ Đức Chúa Trời, chảy qua Đức Chúa Trời, chảy qua hàng ngàn thánh đồ kể cả chúng ta. Như vậy, sự sống này làm cho chúng ta tương giao với Đức Chúa Trời và với hàng ngàn thánh đồ.

Điều này cũng giống như bóng đèn điện chiếu sáng. Điện trong bóng đèn liên tục được dẫn đến, nhờ đó làm cho bóng đèn ấy có sự liên hệ với nhà máy phát điện và với rất nhiều bóng đèn chiếu sáng khác. Sự liên hệ này có được là do dòng điện bên trong bóng đèn. Cũng vậy, sự tương giao của sự sống trong chúng ta cũng do nơi dòng sự sống trong chúng ta. Sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta đem đến một sự tuôn chảy của sự sống, và như vậy, chúng ta có sự tương giao của sự sống. Sự sống này làm cho chúng ta có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và với hàng ngàn thánh đồ khác. Vì vậy, ý nghĩa của sự tương giao của sự sống là *sự tuôn chảy* của sự sống. Sự tuôn chảy của sự sống không tách rời khỏi sự sống; hơn nữa, đây là sự tương giao của chính dòng chảy sự sống. Sự tương giao của dòng chảy sự sống này đòi hỏi chúng ta liên tục bước đi và sống bằng cách chảy theo và thuận phục dòng chảy sự sống. Bất cứ khi nào chúng ta không chảy theo hoặc thuận phục dòng chảy sự

sống thì dòng chảy sự sống sẽ ngưng tuôn chảy. Như vậy, sự tương giao giữa chúng ta với Đức Chúa Trời sẽ bị gián đoạn, và chúng ta cũng sẽ mất sự tương giao với các thánh đồ.

IV. CHỨC NĂNG CỦA SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Chức năng hay công dụng của sự tương giao của sự sống là gì? Ấy là từ bên trong sự tương giao này cung ứng cho chúng ta tất cả những gì trong sự sống của Đức Chúa Trời, hay tất cả những gì trong chính Đức Chúa Trời. Mọi sự đầy đủ trong Đức Chúa Trời được cung ứng cho chúng ta qua sự tương giao của sự sống. Càng để cho dòng sự sống tuôn chảy vào trong mình, chúng ta càng được cung ứng sự đầy đủ của Đức Chúa Trời ở bên trong. Sự cung ứng của sự tương giao của sự sống cũng giống như máu tuần hoàn nuôi dưỡng cơ thể và dòng điện truyền điện năng cho bóng đèn.

Cảm nhận sự sống minh chứng chúng ta có đang sống trong Đức Chúa Trời hay không, và sự tương giao của sự sống liên tục cung ứng cho chúng ta những điều thuộc về sự sống. Bất cứ khi nào sự cung ứng sự sống cho anh em bị cắt đứt, điều đó có nghĩa là sự tương giao của sự sống trong anh em bị gián đoạn. Nếu liên tục sống trong sự tương giao của sự sống, chúng ta sẽ được cung ứng sự sống cách liên tục và không ngưng nghỉ.

Sự tương giao của sự sống và cảm nhận của sự sống có một mối liên hệ hỗ tương. Ngay khi sự tương giao của sự sống bị gián đoạn, cảm nhận của sự sống làm chúng ta cảm biết mình bị mất sự cung ứng sự sống. Khi sự tương giao của sự sống không bị gián đoạn, cảm nhận của sự sống làm chúng ta cảm biết mình đang được cung ứng sự sống. Thế thì, hoàn toàn nhờ vào cảm nhận của sự sống mà chúng ta biết mình có đang sống trong sự tương giao của sự sống hay không và có đang nhận được sự cung ứng sự sống hay không. Càng bước đi trong mối tương giao của

sự sống, cảm nhận sự sống của chúng ta càng nhạy bén, và lượng sự sống cung ứng cho chúng ta càng dồi dào hơn.

Về sự tương giao của sự sống, nói bấy nhiêu là đủ. Chúng ta cần phải nhớ cảm nhận của sự sống luôn thử nghiệm và tra xét chúng ta, trong khi sự tương giao của sự sống luôn cung ứng cho chúng ta. Cảm nhận của sự sống xác định tình trạng của chúng ta trước mặt Chúa; và sự tương giao của sự sống cung ứng sự sống thuộc linh cho chúng ta.

CHƯƠNG 7

CẢM NHẬN CỦA LINH VÀ BIẾT LINH

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu thứ bảy, tức là cảm nhận của linh và biết linh. Vì tất cả kinh nghiệm sự sống đều ở trong linh, nên nhận biết linh là một vấn đề cơ bản trong kinh nghiệm sự sống.

Vậy, vấn đề được gọi là linh thật sự là gì? Làm thế nào chúng ta có thể nhận biết linh? Làm sao chúng ta có thể chạm được linh? Tôi phải thừa nhận rằng những câu hỏi như thế không dễ trả lời. Giải thích linh là gì thật là một vấn đề khó. Nói về thân thể thì dễ vì chúng ta có thể trông thấy và chạm được. Nói về hồn cũng không mấy khó khăn, vì mặc dù hồn rất trừu tượng nhưng chúng ta có thể cảm biết được nhờ những chức năng và hoạt động của hồn, chẳng hạn như suy nghĩ, xem xét, quyết tâm, quyết định, và tình trạng thỏa lòng, giận dữ, buồn rầu, vui mừng. Nhưng nói đến linh thì thật sự là khó. Ngay cả biết linh đã là điều không dễ, huống chi là nói về linh. Tuy nhiên, chúng ta sẽ cố gắng bàn về điều này.

La Mã chương 8 nói về linh. Khó tìm được chỗ nào khác trong Kinh Thánh nói đến tình trạng ở trong linh của chúng ta rõ ràng bằng chương này. Vì vậy, nếu chúng ta muốn biết linh, bắt buộc chúng ta phải chú ý đến chương này.

I. BỐN ĐIỀU

Khi nói về linh, vị sứ đồ dùng bốn điều:

A. Sự sống

Trong câu 2, ông nói: “Linh sự sống”. Khi nói như vậy, ông cho biết Linh mà ông đang nói đến là Linh sự sống, Linh có liên quan đến sự sống, chứa đựng sự sống và thuộc về sự sống. Kế đến, trong câu 6, ông lại nói: “đặt tâm trí vào linh là sự sống”. Điều này có nghĩa là sự sống là bông trái của linh, và linh là nguồn của sự sống; vì vậy, chúng ta chạm được sự sống bằng cách chúng ta chạm được linh. Sự sống và linh có một mối liên hệ hỗ tương; thế thì chúng ta có thể nhận biết linh nhờ sự sống. Mặc dù nhận biết linh có thể là một điều khó nhưng hiểu biết sự sống lại tương đối dễ dàng.

B. Luật

Trong câu 2, vị sứ đồ không những nói “Linh sự sống” mà còn nói “luật của Linh sự sống”. Điều này cho chúng ta thấy rằng Linh mà ông nói ở đây không những thuộc về sự sống mà còn có luật của Linh này nữa. Vì vậy, khi nói về Linh, ông nói về sự sống và khi nói về luật ấy, ông cũng nói giống như vậy. Ông nói kết ba điều là sự sống, Linh và luật lại với nhau. Sự sống và Linh không thể tách rời; luật và Linh cũng không thể phân chia. Sự sống là nội dung và kết quả của Linh, trong khi luật là chức năng và hoạt động của Linh. Bằng cách tiếp xúc với sự sống, chúng ta chạm được linh; bằng cách cảm nhận luật, chúng ta cảm nhận linh. Mặc dù linh thì khó tìm, nhưng luật không khó tìm. Vì vậy, qua luật chúng ta có thể tìm thấy linh.

C. Sự bình an

Trong câu 6, vị sứ đồ nói: “Đặt tâm trí vào linh là sự sống và bình an”. Điều này có nghĩa là kết quả của việc đặt tâm trí vào linh không những là sự sống mà còn là sự bình an. Vì vậy, sự sống là bông trái của Linh và sự bình an cũng là bông trái của Linh. Khi chạm được linh, chúng ta chạm được sự sống và cũng chạm được sự bình an. Như sự sống có

thể làm cho chúng ta hiểu biết linh, thì sự bình an cũng làm cho chúng ta nhận thức được linh.

D. Sự chết

Trong câu 6, trước khi nói đặt tâm trí vào linh là sự sống và bình an, vị sứ đồ nói: “Đặt tâm trí vào xác thịt là sự chết”. Ở đây, ông dùng điều tiêu cực để làm tương phản với điều tích cực. Xác thịt và linh là hai điều trái ngược nhau, sự chết và sự sống cũng vậy. Sự sống là bông trái của linh và đến từ Linh. Sự chết là bông trái của xác thịt và ra từ xác thịt. Sự sống làm cho chúng ta nhận biết những điều đến từ linh, như vậy, làm cho chúng ta nhận biết linh về phương diện tích cực. Sự chết làm cho chúng ta nhận biết những điều đến từ xác thịt và như vậy bày tỏ linh theo hướng tiêu cực. Vì vậy, giống như sự sống làm cho chúng ta nhận biết linh theo phương diện tích cực, thì sự chết làm cho chúng ta hiểu biết linh theo phương diện tiêu cực. Để nhận biết linh, chúng ta cần nhận biết sự sống và chúng ta cần hiểu điều tương phản của sự sống là sự chết.

Như vậy, theo những gì vị sứ đồ nói thì bốn điều này – sự sống, luật, sự bình an và sự chết – liên quan mật thiết với linh cả về mặt tiêu cực lẫn về mặt tích cực. Nếu hiểu rõ bốn điều này, chúng ta có thể nhận biết linh một cách rõ ràng, vì linh liên quan chặt chẽ với bốn điều này. Cả bốn điều này đều chứa đựng hay truyền đạt một loại ý thức nào đó.

II. Ý THỨC

Ngoại trừ sự sống thấp nhất là sự sống của thực vật, mọi loại sự sống rõ ràng có một ý thức riêng. Sự sống càng cao, ý thức càng phong phú. Sự sống của Linh sự sống được đề cập đến ở đây là sự sống của chính Đức Chúa Trời, tức sự sống cao nhất; vì vậy, sự sống này có ý thức phong phú nhất. Sự sống này ở trong chúng ta, làm cho chúng ta đầy dẫy ý thức thuộc linh để có khả năng cảm nhận linh và những điều của linh.

Mặc dù luật của một vật không ý thức thì không thuộc về lãnh vực ý thức nhưng luật của một sự sống có ý thức thì đương nhiên thuộc về lãnh vực ý thức. Chẳng hạn nếu tôi đánh một anh em, lập tức anh ấy sẽ cảm thấy đau; nếu tôi đưa thẳng tay về mắt anh ấy, lập tức anh sẽ chớp mắt. Anh ấy phản ứng như vậy vì trong cơ thể anh có một luật sự sống bắt buộc anh làm như vậy. Ngay giây phút tôi đánh anh, anh cảm thấy đau, đây là một luật. Ngay giây phút tôi đưa tay về phía anh, anh chớp mắt, đây cũng là một luật. Mặc dù đây là các luật, tuy nhiên, nếu tôi hỏi anh đó là gì, anh sẽ nói đó là một điều thuộc về ý thức. Điều này chứng tỏ rằng luật sự sống vật lí thuộc về loại ý thức. Vì sự sống của Linh sự sống là sự sống của Đức Chúa Trời, có cảm thức rất phong phú, nên luật của Linh sự sống cũng tự nhiên đầy đầy ý thức.

Sự bình an được nói đến ở đây dĩ nhiên là sự bình an bên trong chúng ta. Sự bình an bên trong hoàn toàn là vấn đề của ý thức. Không thể nào chúng ta có sự bình an bên trong mà mình lại không cảm thấy bình an. Vì vậy, sự bình an được nói đến ở đây cũng là một vấn đề của ý thức.

Hơn nữa, ngay cả vấn đề sự chết được nói đến ở đây cũng là vấn đề của ý thức. Sự chết làm cho người ta mất ý thức. Khi một người chết, người ấy mất ý thức của mình. Vì vậy, khi một người mất hết ý thức, chúng ta trong người ấy có sự chết hành động; mặc dù người ấy có thể chưa chết hoàn toàn nhưng người ấy gần như đã chết.

Hơn nữa, trong lãnh vực thuộc linh, sự chết không những làm cho người ta mất cảm nhận của sự sống, mà nó cũng làm cho người ta cảm nhận sự chết. Khi chúng ta đặt tâm trí vào xác thịt, sự chết trở nên tích cực hoạt động trong chúng ta. Một mặt, nó làm cho chúng ta mất cảm nhận của sự sống bên trong, mặt khác, nó làm cho chúng ta cảm thấy bứt rứt, bần khoăn, nản lòng, nặng nề, tối tăm và trống rỗng. Cảm thức bứt rứt, bần khoăn, nản lòng, nặng nề, tối tăm và trống rỗng này là cảm nhận của sự chết và làm cho chúng ta cảm nhận sự chết.

Như vậy, cả bốn điều này: sự sống, luật, sự bình an và sự chết đều có liên quan đến ý thức. Ý thức về những điều này làm cho chúng ta có thể chạm được cảm nhận của linh và bởi đó biết linh. Vì vậy, chúng ta nên dành thêm thì giờ xem xét ý thức của bốn điều này.

III. CẢM NHẬN CỦA SỰ SỐNG

Sự sống được đề cập đến ở đây chỉ về sự sống của Linh sự sống. Vì vậy, sự sống này là sự sống của Linh, đến từ Linh và lệ thuộc Linh. Linh mà sự sống này lệ thuộc không những là Linh của Đức Chúa Trời mà cũng là linh của chúng ta. Linh này là Linh của Đức Chúa Trời và linh chúng ta hòa quyện với nhau thành một linh. Trong Cựu Ước, Linh của Đức Chúa Trời chỉ giáng trên con người để họ nhận được quyền năng của Đức Chúa Trời ở bên ngoài. Ngài không vào trong con người để họ nhận được sự sống của Ngài ở bên trong. Như vậy, trong Cựu Ước, Linh của Đức Chúa Trời chỉ là Linh quyền năng; chưa phải là Linh sự sống, mãi cho đến Tân Ước, Linh của Đức Chúa Trời mới vào trong con người như Linh sự sống để họ nhận được sự sống của Ngài ở bên trong. Ngày nay, trong Tân Ước, Linh của Đức Chúa Trời không chỉ là Linh quyền năng mà cũng là Linh sự sống. Ngài không chỉ giáng trên loài người, làm cho họ nhận được quyền năng của Đức Chúa Trời ở bên ngoài, và Ngài không chỉ cảm động người ta, làm cho họ nhận biết tội, xưng nhận, ăn năn và tin Chúa, nhưng Ngài còn vào trong con người để con người có sự sống của Đức Chúa Trời ở bên trong và Ngài cũng ở trong con người là Linh sự sống. Khi được Ngài cảm động, chúng ta ăn năn, tin, và tiếp nhận Chúa Jesus làm Đấng Cứu Rỗi của mình, lúc ấy Ngài vào trong chúng ta và đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Lúc đó, Ngài vào trong chúng ta như Linh sự sống, tức Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Ngài và Ngài là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, khi Ngài vào trong chúng ta, sự

sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Ngài vào trong chúng ta với sự sống của Đức Chúa Trời như *Linh* sự sống. Khi Ngài vào, thì Ngài vào *linh chúng ta* chứ không vào trong tâm trí, tình cảm hay ý chí của chúng ta. Ngài vào trong *linh* chúng ta, đặt sự sống của Đức Chúa Trời trong *linh* chúng ta, và Ngài cư ngụ trong *linh* chúng ta; như vậy, *Linh* sự sống hòa quyện với *linh* chúng ta. Bây giờ, *Linh* của Đức Chúa Trời cùng với sự sống của Đức Chúa Trời (Ngài chính là sự sống của Đức Chúa Trời) ở trong *linh* chúng ta, để chính Ngài, sự sống của Đức Chúa Trời và *linh* chúng ta, cả ba có thể hòa làm một và không bao giờ phân cách.

Chúng ta có thể minh họa điều này qua hình ảnh một cái li ban đầu chỉ đựng nước trong mà thôi. Sau đó chúng ta pha vào trong li ấy nước cốt trái cây và thêm một ít đường. Vì vậy, nó trở thành một li nước-trái-cây-có-đường, thức uống ba-trong-một. Nước tượng trưng cho *linh* chúng ta, nước cốt trái cây tượng trưng cho *Linh* của Đức Chúa Trời và đường tượng trưng cho sự sống của Đức Chúa Trời. *Linh* của Đức Chúa Trời chứa đựng sự sống của Đức Chúa Trời được hòa quyện với *linh* chúng ta, do đó làm cho ba điều – *Linh* của Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời và *linh* chúng ta – trở nên *Linh* sự sống ba-trong-một. Đây là điều La Mã 8:2 đề cập đến.

Vậy *linh* mà chúng ta đang nói đến ở đây, là nơi mà sự sống của *Linh* sự sống đang ngụ, bao gồm cả *Linh* của Đức Chúa Trời lẫn *linh* chúng ta. *Linh* ấy là sự hoà quyện của *Linh* Đức Chúa Trời và *linh* chúng ta. Những người dịch Kinh Thánh hiểu *Linh* được đề cập trong La Mã chương 8 là Thánh *Linh*, vì vậy, họ đã viết hoa chữ *Linh* ấy. Nhiều người đọc Kinh Thánh cũng nghĩ rằng *Linh* được nhắc đến ở đây chỉ về Thánh *Linh* mà thôi. Nhưng sự kiện thuộc *linh* và kinh nghiệm thuộc *linh* cho chúng ta biết rằng *Linh* đề cập ở đây là sự hoà quyện của Thánh *Linh* và *linh* chúng ta. Trong câu 16 của chương này, vị sứ đồ đã đưa ra một sự kiện thuộc *linh* (đây cũng là kinh nghiệm thuộc *linh* của

chúng ta). Ông nói rằng: “Chính Linh cùng linh chúng ta đồng chúng...”. Bằng cách diễn tả như vậy, ông cho chúng ta thấy rõ rằng linh mà ông đề cập trước là một linh hoà quyện giữa “Thánh Linh cùng linh chúng ta”. Nếu nói linh này là Thánh Linh cũng đúng và nói rằng đó là linh của chúng ta cũng không sai. Ấy cũng giống như nước trong li pha với nước cốt trái cây. Anh em có thể nói đó là nước trái cây và cũng có thể nói đó là nước. Ấy là vì hai thứ đã được hòa quyện nên một. Cũng vậy, Thánh Linh và linh chúng ta được hòa quyện nên một linh. Trong một linh này, là sự hoà quyện của hai linh, có sự sống mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta; vì vậy, linh ấy trở nên Linh sự sống. Nói đơn giản là sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Linh của Đức Chúa Trời, và Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh của chúng ta; thế thì cả ba hòa quyện nên một và trở thành Linh sự sống.

Linh của chúng ta ban đầu vốn chỉ là linh của con người, và linh ấy đã chết. Bây giờ, khi Linh của Đức Chúa Trời ngự vào trong, không những Ngài làm sống động linh chúng ta, mà còn ban thêm sự sống của Đức Chúa Trời vào linh chúng ta. Lúc này, không những linh chúng ta sống động, nhưng linh ấy cũng có sự sống của Đức Chúa Trời; và đó không chỉ là linh, mà còn là linh sự sống. Tất cả những ý thức của sự sống trong linh này làm cho chúng ta có thể biết được linh này. Khi chúng ta bước đi bằng cách đặt tâm trí mình vào linh ấy và khi những hành động và việc làm của chúng ta phù hợp với linh ấy, sự sống trong linh ấy sẽ làm cho chúng ta có một ý thức về sự sống đó. Vì sự sống này thuộc về Đức Chúa Trời, là một sự sống tươi mới và sống động, mạnh mẽ với quyền năng, chói sáng và thánh biệt, thiết thực và không trống rỗng, nên cảm nhận của sự sống này chắc chắn làm cho chúng ta cảm nhận được sự hiện diện của Đức Chúa Trời; do đó, chúng ta sẽ cảm thấy tươi mới và sống động, mạnh mẽ với quyền năng, chói sáng và thánh biệt, thiết thực và không trống rỗng. Khi có những

cảm thức như vậy, chúng ta biết rằng mình đang đặt tâm trí vào linh, bước đi theo linh và sống trong linh. Những cảm thức như vậy là cảm nhận của sự sống trong linh chúng ta, hay là ý thức của linh chúng ta về sự sống, dẫn dắt chúng ta từ bên trong để bước đi theo linh và sống bởi linh. Khi chạm được những cảm thức như vậy, chúng ta chạm được linh. Khi quan tâm đến những cảm thức ấy, chúng ta quan tâm đến linh. Cảm nhận chính linh thì tương đối khó, nhưng chúng ta có thể dễ dàng cảm nhận những cảm thức về sự sống như vậy trong linh. Nếu theo sát những cảm thức như thế, chúng ta có thể biết linh và sống trong linh.

Có thể nói sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta là chính Đức Chúa Trời; vì vậy, cảm nhận của sự sống này chắc chắn sẽ làm cho chúng ta cảm nhận được chính Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta sống trong linh và bước đi bằng cách đặt tâm trí vào linh, cảm nhận của sự sống sẽ làm cho chúng ta cảm biết rằng mình đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời đang ở trong chúng ta là sự sống, quyền năng và là tất cả của chúng ta; thế thì chúng ta sẽ vui mừng, yên nghỉ, thoải mái và thỏa lòng. Vậy khi chạm được Đức Chúa Trời trong cảm nhận sự sống bên trong, chúng ta chạm được sự sống; nhờ đó chúng ta biết mình đang sống trong linh và đặt tâm trí mình vào linh.

Sự sống của Linh sự sống đang ngự trong linh mà linh này là sự hoà quyện giữa Linh Đức Chúa Trời với linh chúng ta, nên bất cứ cảm thức nào mà cảm nhận của sự sống tạo nên trong chúng ta phải là sự kiện về Linh của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta. Linh của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta bày tỏ Đấng Christ cho chúng ta, truyền đạt Đức Chúa Trời trong Đấng Christ vào trong chúng ta và làm cho chúng ta kinh nghiệm Christ, tiếp xúc với Đức Chúa Trời trong linh. Bởi đó, Linh ấy làm cho chúng ta kinh nghiệm Christ, tức là kinh nghiệm Đức Chúa Trời, là sự sống của chúng ta; điều này cũng có nghĩa là Linh ấy làm cho chúng ta kinh nghiệm sự sống, tức là kinh nghiệm sự

sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta. Vậy khi chúng ta kinh nghiệm sự sống này, sự sống ấy làm cho chúng ta cảm thức sự thỏa mãn của sự sống, quyền năng của sự sống, sự tươi sáng của sự sống, sự tươi mới của sự sống, sự sống động và vượt trội của sự sống. Khi có một cảm nhận của sự sống như vậy bên trong mình, chúng ta biết mình đang sống trong linh và chạm được linh.

IV. CẢM NHẬN VỀ LUẬT CỦA LINH SỰ SỐNG

Trong Linh sự sống ở bên trong chúng ta, không những có sự sống của Đức Chúa Trời mà còn có một luật. Luật này là luật của sự sống của Đức Chúa Trời. Mỗi sự sống đều có luật riêng của nó. Sự sống trong thân thể chúng ta có luật nằm trong thân thể chúng ta. Điều gì thích hợp với bản chất của sự sống ấy thì luật ấy chấp thuận và tiếp nhận; bất cứ điều gì khác với bản chất ấy, luật ấy sẽ đối kháng và khước từ. Tương tự như thế, sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta cũng có luật sự sống đó. Sự sống này thuộc về linh và nằm ở nơi linh; vì vậy, bản chất của sự sống ấy hoàn toàn và tuyệt đối thuộc linh. Nếu những gì chúng ta là và làm mà phù hợp với bản chất thuộc linh của sự sống ấy thì luật bên trong linh chúng ta sẽ chấp thuận và tiếp nhận; nếu không thì luật ấy sẽ chống trả và từ chối. Tất cả những điều gì luật ấy chấp thuận và tiếp nhận đều chắc chắn ra từ linh, vì chỉ có điều gì ra từ linh mới có thể phù hợp với bản chất thuộc linh của sự sống ấy. Vì vậy, tất cả những gì chúng ta là và làm phải ra từ linh và ở trong linh; khi ấy, luật sự sống trong linh chúng ta sẽ chấp thuận và tiếp nhận.

Luật sự sống này ở trong linh chúng ta thuộc về một loại ý thức và có ý thức riêng của nó. Tất cả những gì luật ấy chấp thuận và tiếp nhận, hoặc chống lại và khước từ, đều được nhận biết qua những gì luật ấy cảm thấy và những gì luật ấy muốn chúng ta cảm thấy. Nếu những gì chúng ta là và làm ở trong linh mà phù hợp với bản chất của Linh sự

sống trong mình thì luật này sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rằng điều ấy được chấp thuận và tiếp nhận; ngược lại, luật này sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rằng nó chống lại và khước từ điều ấy. Thế thì, nhờ cảm nhận của luật này, chúng ta có thể biết được mình có đang ở trong linh và bước đi bởi linh hay không. Vì luật này là luật của Linh sự sống trong chúng ta, nên cảm nhận của luật này là cảm nhận của Linh sự sống bên trong chúng ta; vì vậy, cảm nhận của luật này có thể làm cho chúng ta nhận biết linh ở bên trong.

Luật là một điều tự nhiên; vì vậy, cảm nhận mà luật ấy đem lại cho chúng ta cũng rất tự nhiên. Ví dụ, khi uống một li nước trái cây, tự nhiên chúng ta cảm thấy hương vị ngọt ngào. Đó là vì có một luật thuộc sự sống vật lí trong thân thể chúng ta tự nhiên tạo cho chúng ta có vị giác đó. Ngay khi lưỡi mình chạm đến nước trái cây, lập tức chúng ta nếm thấy vị ngọt. Cảm nhận tự nhiên này là luật sự sống trong thân thể chúng ta. Luật này tự nhiên làm cho chúng ta nếm được hương vị của nước trái cây. Luật sự sống trong linh chúng ta cũng giống như vậy. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không cần người khác cho chúng ta biết những gì chúng ta là và những gì chúng ta làm có ở trong linh hay không hoặc chúng ta có lưu tâm đến linh và làm vui lòng Đức Chúa Trời hay không. Luật sự sống trong linh chúng ta sẽ tự nhiên bày tỏ cho chúng ta tình trạng của mình bằng cách tạo cho chúng ta một cảm nhận nào đó. Cảm nhận tự nhiên này do luật sự sống ban cho chúng ta là chức năng tự nhiên của Linh sự sống trong chúng ta. Nhờ đó, chúng ta có thể dễ dàng nhận biết chính mình có đang sống trong linh hay không.

Không những luật sự sống ban cho chúng ta cảm nhận tự nhiên mà luật ấy cũng làm cho chúng ta được tự nhiên. Chúng ta càng sống trong linh, và những gì chúng ta là và làm càng phù hợp với bản chất của Linh sự sống bên trong mình, thì luật của Linh sự sống bên trong chúng ta sẽ càng làm cho chúng ta cảm thấy tự nhiên. Nếu chúng ta là

những Cơ Đốc nhân mà không tự nhiên, điều ấy bày tỏ rằng chúng ta đang có nan đề và chúng ta không đang sống trong linh. Vì Linh sự sống trong chúng ta là luật tự nhiên của linh ấy nên chỉ khi nào đời sống và công việc của chúng ta phù hợp với bản chất thuộc linh của linh ấy, chúng ta mới cảm thấy tự nhiên ở bên trong. Khi chúng ta cảm thấy tự nhiên ở bên trong, điều ấy chứng tỏ rằng chúng ta đang sống phù hợp với luật sự sống trong linh mình. Cảm thức tự nhiên này do luật sự sống ban cho chúng ta làm cho chúng ta nhận biết mình đang sống trong linh và bước đi theo linh. Vậy, nếu chúng ta tuân theo luật sự sống trong linh mình, hoặc nếu chúng ta tuân theo ý thức tự nhiên do luật sự sống ban cho mình, điều ấy có nghĩa là chúng ta đang bước theo Linh sự sống bên trong. Nói cách đơn giản, bước theo cảm nhận của luật sự sống trong linh là bước theo linh vì cảm nhận của luật sự sống trong linh là cảm nhận của chính linh.

V. CẢM NHẬN BÌNH AN

Linh sự sống trong chúng ta không những là nơi Linh của Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài cư ngụ mà đó còn là chỗ ở của người mới. Hơn nữa, linh trong chúng ta, tức linh được hòa quyện với sự sống của Đức Chúa Trời, cũng chính là người mới trong chúng ta. Nếu trong những hành động và cách cư xử bề ngoài, chúng ta quan tâm đến linh sự sống bên trong, thì chúng ta đang sống bởi người mới thuộc linh bên trong mình. Bằng cách đó, người bề trong và những hành động bên ngoài của chúng ta mới phù hợp với nhau; do đó, chúng ta cảm thấy tự nhiên và bình an. Chúng ta có thể nói rằng ý thức được bình an và tự nhiên này là kết quả ra từ cảm nhận của luật của linh sự sống. Nếu đặt tâm trí vào linh sự sống bên trong chúng ta, tự nhiên chúng ta sẽ bước đi và sống phù hợp với luật của linh sự sống bên trong mình. Điều đó làm cho chúng ta cảm thấy tự nhiên từ bên trong và cảm nhận bình an. Cảm nhận được bình an và cảm

nhận được sự sống đi kèm với nhau. Cảm nhận của sự sống thì tươi mới và sống động; cảm nhận của sự bình an thì tự nhiên và thoải mái, dễ chịu. Cảm nhận của sự sống là thỏa mãn và tràn đầy sinh lực; cảm nhận của sự bình an là yên nghỉ và thoải mái. Nếu đặt tâm trí vào linh, bước đi và sống bởi linh, không những chúng ta có cảm nhận của sự sống, tức là cảm thấy tươi mới, sống động, thỏa mãn và đầy sinh lực, mà còn có cảm nhận của sự bình an, tức là cảm thấy tự nhiên, yên nghỉ, thoải mái và dễ chịu. Một cảm nhận như vậy cũng là cảm nhận của linh. Khi có một cảm nhận như vậy, chúng ta có thể biết rằng mình đang sống trong linh. Khi đi theo một cảm nhận như vậy, chúng ta đang đi theo cảm nhận của linh, nghĩa là chúng ta đang theo linh. Một cảm nhận như vậy làm cho chúng ta có thể biết linh và nhận biết linh. Càng bước đi theo linh và sống trong linh, cảm nhận này càng trở nên phong phú hơn và sâu xa hơn bên trong chúng ta.

VI. CẢM NHẬN CỦA SỰ CHẾT

Có một sự tương phản trong La Mã 8:6. Vị sứ đồ nói rằng đặt tâm trí vào xác thịt kết quả là sự chết, tương phản với việc đặt tâm trí vào linh thì có kết quả là sự sống và bình an. Lời này bày tỏ rằng như xác thịt đối nghịch với linh thì kết quả của việc đặt tâm trí vào xác thịt, tức là sự chết, cũng tương phản với kết quả của việc đặt tâm trí vào linh, tức là sự sống và bình an. Vì vậy, ở đây vị sứ đồ bảo chúng ta rằng sự chết không những tương phản với sự sống mà còn tương phản với sự bình an. Bởi thế, cảm nhận của sự chết không những tương phản với cảm nhận của sự sống mà cũng tương phản với cảm nhận về sự bình an. Cảm nhận sự sống làm cho chúng ta cảm thấy tươi mới, sống động, thỏa mãn và đầy sinh lực; cảm nhận của sự chết làm cho chúng ta cảm thấy trái ngược với những điều trên, tức là cảm thấy cũ kĩ, chán nản, trống trải và không có năng lực. Cảm nhận về sự bình an làm cho chúng ta cảm thấy tự

nhiên, an nghỉ, thoải mái và dễ chịu. Ý thức về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy trái ngược với những điều trên, tức là cảm thấy không tự nhiên, không yên nghỉ, không thoải mái và không dễ chịu. Thế thì, bất cứ khi nào bên trong chúng ta cảm thấy hiu quạnh, chán nản, trống trải, khô hạn, yếu đuối và không năng lực, tối tăm và mờ mịt, hoặc không dễ chịu, không an toàn, không thoải mái, không hòa hợp, đầy xung đột, không tự nhiên, buồn rầu và bị cột trói, chúng ta phải biết rằng mình không đang sống trong linh mà thật ra, chúng ta đang sống nghịch lại với linh, tức là sống trong xác thịt.

Xác thịt mà vị sứ đồ nói đến ở đây không những chỉ về những dục vọng của xác thịt mà cũng chỉ về toàn bộ người cũ của chúng ta. Tất cả những gì thuộc về người mới bên trong chúng ta đều thuộc về linh; cũng vậy, tất cả những gì thuộc về người cũ bên ngoài đều thuộc về xác thịt. Bất cứ điều gì không ra từ linh và không thuộc về linh, đều ra từ xác thịt và thuộc về xác thịt. Mặc dù hồn khác với xác thịt nhưng vì hồn đã sa ngã và làm phu tù cho xác thịt nên tất cả những gì ra từ hồn hoặc thuộc về hồn cũng ra từ xác thịt và thuộc về xác thịt. Vậy nên, nếu chúng ta sống bởi hồn thì chúng ta sống bởi xác thịt. Hễ chúng ta đặt tâm trí vào xác thịt hay đặt tâm trí vào hồn, ấy là chúng ta đang đặt tâm trí vào xác thịt. Kết quả của việc đặt tâm trí vào xác thịt là sự chết. Cảm nhận này về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy chán nản và trống trải hoặc không dễ chịu và không an ninh. Bất cứ khi nào có một ý thức như vậy, chúng ta cần biết rằng mình đang đặt tâm trí vào xác thịt và đang sống trong xác thịt hay trong hồn. Một cảm nhận như vậy làm cho chúng ta biết điều tương phản với linh, tức là xác thịt và nhận ra xác thịt. Vì thế, nhờ biết sự tương phản của linh, chúng ta có thể biết chính linh.

Bất cứ điều gì chúng ta làm, bất kể chúng ta nghĩ điều ấy đúng hay sai, thuộc linh hay không thuộc linh, nếu từ sâu thẳm bên trong chúng ta cảm thấy bồn chồn, bất ổn,

trống trải và chán nản, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang bước đi bởi xác thịt và không sống trong linh. Ngay cả khi cầu nguyện và rao giảng, không kể đến những việc khác hoặc những việc làm không tốt, nếu chúng ta cảm thấy trống trải và chán nản bên trong, không thỏa mãn hoặc không vui mừng, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang cầu nguyện hoặc rao giảng bởi xác thịt, không ở trong linh. Nhiều lần, bởi tâm trí hay bởi xác thịt (vì không phải ở trong linh), chúng ta cầu nguyện như đang đọc thuộc lòng từ một quyển sách. Càng cầu nguyện, chúng ta càng cảm thấy khô hạn và chán nản, không thấy được tươi mát và vui mừng. Sau khi cầu nguyện, chúng ta chỉ cảm thấy trống trải, không thấy thỏa mãn. Lời cầu nguyện bởi đầu óc như thế làm cho linh chúng ta không thể nhận được sự cung ứng sự sống; thay vì vậy, linh ấy chỉ chạm được cảm nhận của sự chết. Dù điều chúng ta cầu nguyện có thể khá thích hợp, nhưng nó không ở trong linh; vì vậy, chúng ta không thể chạm được sự tươi mát và niềm vui của sự sống và sự bình an, nhưng chỉ cảm nhận sự khô hạn và sự chán nản của sự chết. Nhiều lần, sự rao giảng của chúng ta cũng giống như vậy. Khi rao giảng không theo linh nhưng theo trí óc, chúng ta cảm thấy trống trải và khô hạn bên trong, hoặc cảm thấy chết chóc; chúng ta không cảm thấy thỏa mãn hay được tươi mát và không cảm nhận được sự sống. Nếu chúng ta ở trong linh, nói bởi linh, chúng ta sẽ cảm thấy thỏa mãn và yên nghỉ bên trong, nghĩa là chúng ta sẽ cảm nhận được sự sống và sự bình an. Thế thì, nhờ một cảm nhận như vậy, chúng ta có thể biết điều mình đang làm là ở trong xác thịt hay ở trong linh. Một cảm nhận như vậy có thể làm cho chúng ta nhận biết xác thịt và nhờ nhận biết xác thịt, chúng ta nhận biết linh.

Sự chết không những gây cho chúng ta những cảm thức chán nản, trống trải, khó chịu và không vui mừng, mà cũng làm cho chúng ta mất đi cảm nhận sự sống. Những cảm thức như vậy về sự chết đang cảnh cáo, thúc giục chúng ta

phải được giải phóng khỏi xác thịt để sống trong linh. Nếu có một cảm nhận như vậy về sự chết nhưng chúng ta cứ tiếp tục hành động và cư xử bằng sự sống của xác thịt thì sau một thời gian liên tục nào đó, sự chết sẽ làm cho linh chúng ta bên trong mất đi ý thức và trở nên tê liệt. Nếu linh bên trong tê liệt và không ý thức, ấy là vì chúng ta đã sống bởi xác thịt một thời gian dài đến nỗi linh chúng ta bị tổn hại bởi sự chết. Do đó, chúng ta có thể biết và nên biết mình đang đối xử với linh mình như thế nào và thử xem chúng ta có đang sống trong linh hay không.

VII. NHẬN BIẾT LINH BẰNG CẢM NHẬN CỦA LINH

Tất cả các cảm nhận mà chúng ta đã nói đến là những cảm nhận chúng ta có được do linh sự sống ở bên trong tạo nên; vì vậy, chúng ta có thể nói rằng đó là những cảm nhận của linh. Nếu chúng ta muốn biết linh một cách trực tiếp thì điều đó có phần khó khăn, nhưng biết chính linh qua những cảm nhận như vậy của linh thì tương đối dễ. Không thể trực tiếp biết linh thật sự là gì nhưng nhờ cảm nhận của linh, chúng ta không khó mà nhận biết linh mình. Nếu bước đi và sống bằng cách theo sát cảm nhận của linh, thì chúng ta đang bước đi theo linh và đặt tâm trí vào linh. Nếu chúng ta bước theo tính tự nhiên của luật của Linh sự sống, quan tâm đến cảm nhận của sự sống và sự bình an, chú ý đến lời cảnh cáo qua cảm nhận của sự chết và sống trong những cảm nhận này, thì chúng ta đang sống trong linh. Những cảm nhận này ra từ linh; vì vậy, những cảm nhận ấy có thể làm cho chúng ta chạm được linh và nhờ đó nhận biết linh.

CHƯƠNG 8

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA LINH VÀ HỒN

Chúng ta đã thấy vấn đề cảm nhận của linh và biết linh; bây giờ, chúng ta sẽ xem sự khác biệt giữa linh và hồn.

I. SỰ TÁCH BIỆT GIỮA LINH VÀ HỒN

Những người được gọi là các nhà tâm lí phân tích và chia con người ra làm hai phần: siêu hình và thuộc thể. Phần thuộc thể nói đến thân thể và phần siêu hình nói đến linh hồn, tức là phần hồn được nói đến trong Kinh Thánh. Họ nói rằng bên trong thân thể con người chỉ có phần linh hồn, tức là hồn. Nhưng Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng bên trong con người, ngoài hồn ra, còn có linh. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 không chỉ nói “hồn”, nhưng còn nói “linh và hồn”. Linh và hồn là hai điều và là hai điều khác nhau. Vì vậy, Hê-bơ-rơ 4:12 nói về việc chia hồn và linh.

Nếu muốn có sự lớn lên thuộc linh đích thực trong sự sống, chúng ta phải nhận biết linh và hồn là hai phần khác nhau và chúng ta cũng phải biện biệt được linh là gì và hồn là gì, điều gì là thuộc linh và điều gì là thuộc hồn. Nếu có thể biện biệt được sự khác nhau giữa linh và hồn, chúng ta có thể từ chối hồn, được giải cứu khỏi hồn và sống bởi linh trước mặt Đức Chúa Trời.

A. Hồn đối kháng linh

1 Cô-rin-tô 2:14-15 nói về hai loại người: một là người thuộc hồn (trong nguyên bản, chữ “người thiên nhiên” là

“người thuộc hồn”) và hai là người thuộc linh. Điều này cho chúng ta thấy người ta có thể sống bởi và thuộc về hai điều khác nhau này, hồn hay linh. Một người có thể sống bởi hồn và thuộc về hồn, do đó trở thành một người thuộc hồn; hoặc người ấy có thể sống bởi linh và thuộc về linh, do đó trở thành một người thuộc linh. Nếu là người thuộc linh, anh có thể biện biệt và nhận được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời; tuy nhiên, nếu là người thuộc hồn, anh không thể nhận được những điều ấy và thậm chí không thể biết được những điều ấy. Qua điều này chúng ta thấy rõ hồn tương phản với linh. Linh có thể tương giao với Đức Chúa Trời và phân biệt được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Đối với hồn, những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời là phi lí và không phù hợp. Linh vui mừng đánh giá cao và nhận lãnh những điều thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng hồn thì không; không những hồn không tiếp nhận những điều ấy mà còn cho những điều ấy là ngu dại.

Trong Kinh Thánh, không chỉ La Mã chương 8 cho chúng ta biết xác thịt chống nghịch linh, nhưng 1 Cô-rin-tô chương 2 cũng bày tỏ hồn chống nghịch linh. Khi một người sống bởi xác thịt, người ấy thuộc về xác thịt, không thuộc về linh; cũng vậy, khi một người sống bởi hồn, người ấy thuộc về hồn, không thuộc về linh. Khi nói về xác thịt, La Mã chương 8 nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa xác thịt và tội; vì vậy, tất cả những ai phạm tội đều thuộc xác thịt. Nhưng hồn thì không nhất thiết có liên hệ trực tiếp với tội. Lắm lúc có thể một người không phạm tội và không xác thịt (theo cái nhìn của con người), dầu vậy, người ấy vẫn thuộc hồn và không thuộc linh. (Nói một cách nghiêm túc, một người thuộc hồn cũng là một người thuộc xác thịt, vì hồn người ta đã sa ngã dưới xác thịt. Nhưng khi nói về chính hồn, chúng ta thấy có sự khác biệt giữa tình trạng thuộc hồn và tình trạng thuộc xác thịt). Vì vậy, mặc dù chúng ta không phạm tội và đã được giải thoát khỏi tội, đến nỗi theo cách nhìn của con người, chúng ta không thuộc xác thịt, nhưng không chắc

chúng ta đã thuộc linh và không thuộc hồn; đồng thời, điều này cũng không có nghĩa là chúng ta chắc đã hiểu những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời, hoặc có thể hiểu được, đánh giá cao và nhận lãnh những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Chúng ta thường nghĩ nếu chỉ cần được giải cứu khỏi tội, không còn điên cuồng chạy theo xác thịt, khi ấy chúng ta đã là người thuộc linh, tương giao được với Đức Chúa Trời và hiểu được những điều của Linh Đức Chúa Trời. Không, không chắc như vậy. Rất có thể mặc dù dường như chúng ta đã được cứu khỏi tội, không còn điên cuồng trong xác thịt, tuy nhiên, chúng ta vẫn còn sống bởi hồn và không bởi linh.

Sự cứu rỗi của Chúa không những giải cứu chúng ta khỏi tội và xác thịt mà còn khỏi hồn nữa. Mục đích của sự cứu rỗi của Chúa không những để chúng ta không còn ở trong tội và xác thịt, mà còn để chúng ta không ở trong hồn, nhưng ở trong linh. Sự cứu rỗi của Ngài không chỉ cứu chúng ta đến mức đạo đức để chúng ta trở nên một người đạo đức, mà còn đến mức thuộc linh để chúng ta trở nên một người thuộc linh. Một người đạo đức không nhất thiết đã là một người thuộc linh; trái lại, rất có thể người ấy là một người thuộc hồn, một người sống bởi hồn. Như vậy, một anh em hay một chị em có thể là một người rất đạo đức và rất tốt; tuy nhiên, anh em hay chị em ấy có thể không được soi sáng về những điều thuộc linh của Đức Chúa Trời, và có thể họ không ao ước, hoặc không cho là quý báu, và ngay cả không thể nhận lãnh được, bởi vì họ đang sống bởi hồn và thuộc hồn.

B. Sự bất lực của hồn trong những điều thuộc linh

1 Cô-rin-tô 2:14 nói: “Người *thuộc hồn* không nhận được những sự thuộc về Linh của Đức Chúa Trời... người cũng chẳng có thể biết được những sự ấy”. Những lời này nói một cách sáng tỏ và đầy đủ về tình trạng của hồn đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Hồn “không nhận

được” những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và “chẳng có thể biết được”. Hồn không ao ước những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và cũng không thể nhận được những điều ấy; ngay cả nếu muốn cũng không thể nhận được, vì hồn không thể biết cũng không thể hiểu được. Bản chất của hồn không phù hợp với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời; do đó, hồn không thể muốn, cũng không thể nhận được những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Hơn nữa, hồn cũng không có khả năng để biết những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Do đó, đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời, người sống bởi hồn không có cảm thức, không quan tâm, cũng không ao ước; người cũng không tìm kiếm, không thể nhận lãnh và không hiểu được những điều ấy. Vì thế, Đức Chúa Trời phải giải cứu chúng ta khỏi hồn để chúng ta không sống bởi hồn; khi ấy, Ngài có thể làm cho chúng ta yêu thương, hiểu biết, và nhận lãnh được những điều của Linh Ngài.

Chúng ta cần sáng tỏ về sự bất lực của hồn trong những điều thuộc linh và kể đây là một điều quan trọng. Hồn không nhận được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và cũng không thể biết những điều ấy. Một anh em hay một chị em sống bởi hồn có thể rất tốt, cư xử rất tử tế và có nhiều mỹ đức, nhưng chắc chắn anh ấy hay chị ấy không thể nhận biết những điều thuộc linh và có thể ngay cả không khao khát những điều ấy. Tôi đã gặp rất nhiều anh chị em như vậy. Họ rất cẩn thận trong từng hành vi, cử chỉ và có thể nói, cách cư xử của họ không thể chê vào đâu được. Nhưng tâm trí họ bị bế tắc đối với những điều thuộc linh và cũng không có lòng tìm kiếm những điều ấy. Họ đánh giá chính mình và người khác theo tiêu chuẩn đạo đức loài người, tốt xấu, đúng sai, và trong mọi vấn đề, họ thiếu cảm thức và sự hiểu thấu sâu sắc của Linh Đức Chúa Trời. Có thể tâm trí họ rất sáng suốt và trí tuệ mạnh mẽ, nhưng linh của họ không được soi sáng và cảm thức của linh không nhạy bén. Anh em có thể gọi họ là những Cơ Đốc nhân *tốt*

nhưng không thể gọi họ là những Cơ Đốc nhân *thuộc linh*. Xét về hành vi, họ thật là tốt. Họ biết cách cư xử và biết cách giải quyết mọi việc; họ thông minh và nhanh nhẹn, siêng năng và chu đáo. Nhưng họ không hiểu gì khi nói đến những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Đường như họ là gỗ hay đá, không có cảm thức hay khả năng hiểu biết gì cả. Hơn nữa, lòng họ thường lạnh lẽo đối với những điều thuộc linh; không những họ chậm hiểu mà còn biếng nhác, chẳng thiết tìm kiếm.

Vì vậy, Cơ Đốc nhân tốt không chắc là Cơ Đốc nhân thuộc linh. Cơ Đốc nhân thuộc linh không những tốt trong cách cư xử, mà họ còn sống trong linh, có cảm nhận của linh, hiểu những điều thuộc linh, biết đường lối của Đức Chúa Trời ở bên trong và thành thạo đối với những điều thuộc linh. Tốt và thuộc linh là hai điều rất khác nhau. Nhiều anh chị em tốt nhưng không thuộc linh; họ tốt nhưng không sống trong linh. Anh em bắt gặp sự tốt lành của họ nhưng không tiếp xúc được linh của họ. Anh em thấy các mĩ đức loài người trong họ, nhưng không ngửi thấy mùi vị của Đức Chúa Trời. Theo một quan điểm nào đó, dường như họ không ở trong xác thịt, nhưng rõ ràng là họ ở trong hồn. Mặc dù không để xác thịt cai trị, nhưng họ không sống trong linh; mặc dù không tán đồng những điều tội lỗi, họ cũng không khao khát những điều thuộc linh; mặc dù không phạm tội theo xác thịt nhưng họ sống theo bản ngã, tức là hồn. Hồn là nguồn sự sống của họ và là phương tiện của cuộc đời họ. Họ là những người thuộc hồn, sống trong hồn và bởi hồn; vì vậy, họ không ao ước những điều thuộc linh và cũng không hiểu những điều ấy.

C. Nội dung của hồn

Hồn là nhân vị riêng của chúng ta, bản ngã của chúng ta; vì vậy, hồn chính là cái tôi. Phân tích ra, hồn gồm có: tâm trí, tình cảm và ý chí, tức là ba phần. Tâm trí là cơ quan suy nghĩ của con người, đó là điều người ta thường gọi

là trí óc, (về mặt vật lí, đó là não bộ, về mặt tâm lí, đó là tâm trí). Đây là phần chính yếu của hồn. Suy nghĩ, trầm tư, suy xét, ghi nhớ là những chức năng của tâm trí trong hồn. Con người sau sự sa ngã, đặc biệt là con người ngày nay, phần lớn sống trong tâm trí và được dẫn dắt bởi tư tưởng của tâm trí. Con người suy nghĩ thế nào thì hành động thế ấy. Hành động của con người luôn luôn gắn liền với tư tưởng của họ. Hiếm ai mà không sống trong tư tưởng của mình. Vì vậy, ngày nay, bất kể chúng ta đang nói đến ai hay điều gì, chúng ta phải bắt đầu với tư tưởng con người để chinh phục tâm trí loài người. Ngày nay, có rất nhiều lí thuyết, trường phái, phương pháp giáo dục và tất cả đều có cùng một đích nhắm: ấy là đối phó với tư tưởng con người để chinh phục tâm trí của họ. Nếu anh em có thể chinh phục tâm trí con người qua tư tưởng của họ, anh em có thể chinh phục được chính họ, vì con người sống trong tâm trí tức là não bộ, và bị tư tưởng của tâm trí điều chỉnh.

Tình cảm trong hồn là cơ quan yêu, giận, buồn, vui của con người. Chức năng của tình cảm trong hồn người là yêu, ghét, vui mừng, than khóc, phấn khởi hay nản lòng. Nhiều người dễ xúc động. Họ rất giàu cảm xúc và tình cảm rất dễ bị khuấy động. Họ thường giải quyết vấn đề bằng cảm xúc của mình. Đối với những người như vậy, rất khó dùng lí luận để làm cho họ hiểu được, nhưng anh em dễ dàng dùng tình cảm để lay động họ. Anh em không dễ gì thuyết phục họ bằng tâm trí nhưng lại rất dễ lay động tình cảm của họ.

Ý chí trong hồn là cơ quan quyết định của con người. Con người quyết định, quyết tâm, đánh giá, lựa chọn, tiếp nhận và chối từ – đây là những chức năng của ý chí trong hồn người. Một số người thiên về tâm trí, một số khác thiên về tình cảm, một số khác nữa thiên về ý chí. Người ở trong tâm trí hay tình cảm sống theo tâm trí hay tình cảm thế nào thì người ở trong ý chí sống trong ý chí cũng như vậy. Giống như tâm trí hay tình cảm là phần mạnh mẽ nhất trong những người sống theo các phần ấy thì ý chí cũng thế.

Ai sống thiên về ý chí là người rất mạnh mẽ trong các quyết định. Một khi người ấy đã quyết định chương trình hành động nào, anh em không có cách nào thay đổi người ấy được. Anh em có thể lí luận với người ấy, nhưng người ấy không quan tâm đến lí luận; có thể anh em sẽ dùng tình cảm để lôi kéo người ấy nhưng người ấy không bị ảnh hưởng bởi tình cảm. Người ấy là một người hành động theo ý chí và ở trong ý chí.

Ba phần ở trong hồn là tâm trí, tình cảm và ý chí. Ba phần này đồng thời hiện diện trong mỗi con người. Ai cũng có tư tưởng, tình cảm và ý chí. Tuy nhiên, một số người thiên về tâm trí, một số giàu tình cảm và một số khác mạnh mẽ về ý chí.

Một số người suy nghĩ rất sáng suốt. Cho dù anh em có dùng tình cảm đến đâu cũng không lay động họ được. Nếu muốn chinh phục họ, anh em phải dùng lí luận. Họ đang sống trong tâm trí hay trí óc; họ là những con người của trí tuệ.

Một số người đặc biệt giàu tình cảm. Dường như họ không có đầu óc và không suy nghĩ, nhưng chỉ có tình cảm mà thôi. Những người như vậy thường gây nên nhiều chuyện lộn xộn do tình cảm của họ. Nếu anh em lí luận với họ, họ thường không quan tâm và cũng không hiểu, lòng họ chẳng chút lay động. Nếu anh em dùng tình cảm đối phó với họ, anh em sẽ chạm được lòng họ một cách dễ dàng. Một ngàn hay mười ngàn lí do cũng không mạnh mẽ bằng một, hai giọt nước mắt. Đôi lúc, anh em lí luận cách nào cũng không thuyết phục được họ; tuy nhiên, nếu chỉ rơi vài giọt nước mắt thì anh em có thể chinh phục họ. Họ chỉ quan tâm đến tình cảm, không quan tâm đến lí luận. Lí do là vì họ không ở trong trí tuệ nhưng ở trong tình cảm.

Có một số người đặc biệt mạnh về ý chí. Trong mọi việc họ đều đưa ra đề nghị hay có một ý kiến nào đó. Một khi đã quyết định, họ rất cứng rắn và không dễ gì thay đổi. Những người như vậy thường rất vững vàng và cũng rất ngoan cố,

không quan tâm gì đến tình cảm hay lí luận. Trong mọi việc, họ đưa ra những ý kiến và định ra những kế hoạch hành động. Anh em lí luận với họ, nhưng họ không hiểu. Anh em dùng tình cảm với họ, nhưng họ không lay động. Họ không ở trong trí tuệ, cũng không ở trong tình cảm, nhưng ở trong ý chí.

II. NGƯỜI THUỘC HỒN VÀ NGƯỜI THUỘC LINH

A. Người thuộc hồn

Bất kể một người có ở trong tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy vẫn là người thuộc hồn. Dù sống trong tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy vẫn đang sống trong hồn. Dù người ấy sống bởi tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy đều sống bởi hồn. Vì vậy, rất dễ đánh giá xem một người có phải ở trong hồn hay không. Chúng ta chỉ cần xem người ấy hành động bởi tâm trí, tình cảm hay ý chí, và người ấy sống trong tâm trí, tình cảm, hay ý chí. Nếu người ấy hành động và cư xử bởi một trong ba điều này, hoặc nếu người ấy sống trong một trong ba điều này, thì đó là một người thuộc hồn.

Người thuộc hồn thường được người ta gọi là “người tốt”. Người ấy thường không có lỗi lầm gì theo cách nhìn của con người. Người ta thường khen ngợi những ai hành động theo sự suy nghĩ sáng suốt. Người ta cũng thường chấp nhận những ai sống trong tình cảm quân bình. Và họ cũng thường ca tụng những ai nương dựa vào ý chí vững chắc. Nhưng khi sống trong những điều này, dù không sống trong tội, họ cũng không sống trong linh. Dù trước mặt loài người, họ dường như không có tội, cũng không có lỗi lầm gì, nhưng trước mặt Đức Chúa Trời, linh của họ vẫn bị bết tắc và sự hiểu biết thuộc linh của họ vẫn mù mờ.

Có lần tại một nơi nọ, tôi gặp một đồng công. Hành vi của anh ấy rất tốt, nhưng anh sống trong tâm trí hay đầu óc quá nhiều; vì vậy, anh khó có thể hiểu biết hay nắm được những điều thuộc linh. Mỗi khi nói chuyện với anh về vấn

đề phụng sự Chúa, tôi rất sợ thấy cầu mắt của anh xoay. Khi tôi nói, anh sẽ lắng nghe cho đến khi hầu như anh gần hiểu ra vấn đề và sau đó cầu mắt anh xoay và rồi anh lại bối rối. Khi cầu mắt anh xoay nghĩa là tâm trí anh đang suy xét. Anh chỉ dùng tâm trí để suy xét; anh không dùng linh để cảm nhận những điều thuộc về Đức Chúa Trời; vì vậy, việc hiểu và cảm nhận những điều thuộc linh trở nên cực kì khó khăn đối với anh.

Suy nghĩ thường gây ra nan đề và trở ngại cho các anh em trong các vấn đề thuộc linh. Nhiều anh em thường dùng sự suy nghĩ của mình để giải quyết những điều thuộc linh. Họ nghĩ họ có thể hiểu những điều thuộc linh bằng cách vận dụng tâm trí. Họ không hiểu rằng vì là một phần của hồn, tâm trí không thể hiểu được những điều thuộc linh. Một người sống trong tâm trí là người sống trong hồn và chắc chắn trở nên một người thuộc hồn, không có khả năng hiểu những điều thuộc linh.

Tâm trí là nan đề đối với các anh em trong những điều thuộc linh thế nào thì tình cảm thường là trở ngại cho các chị em thế ấy. Lí do làm cho các chị em không thể hiểu hay cảm nhận được những điều thuộc linh là vì họ ở trong tình cảm quá nhiều. Tại Hội thánh ở nhiều nơi, tôi từng thấy nhiều chị em tốt, có lòng nhiệt thành và tình yêu thương, rất thận trọng trong cách cư xử và hành vi thật chừng mực; tuy nhiên, khi nói đến những điều thuộc linh, họ thiếu ý thức và không hiểu được bao nhiêu. Vì họ sống trong tình cảm và hành động theo cảm xúc quá nhiều. Hiển nhiên tình cảm không phải là tội, nhưng tình cảm ngăn trở họ sống trong linh, làm cho họ không chạm được những điều thuộc về Đức Chúa Trời bằng linh của mình, không có nhận thức thuộc linh và không hiểu được những điều thuộc linh. Tình cảm là một cái bẫy cho họ; tình cảm giữ họ lại trong lãnh vực thuộc hồn, sống bởi hồn và làm một người thuộc hồn.

Đối với nhiều anh em, ý chí cũng là nan đề và trở ngại cho họ trong việc hiểu biết những điều thuộc linh. Ngay cả

một vài chị em cũng gặp nan đề này. Họ đánh giá và quyết định mọi việc theo ý chí quá nhiều; cho nên họ sống trong hồn mà không biết, không có nhận thức thuộc linh hay hiểu biết những điều thuộc linh.

Người ta ở trong phần nào của hồn thì sẽ dễ hành động và sống theo phần ấy. Khi một người ở trong tâm trí gặp bất cứ chuyện gì, tự nhiên người ấy sẽ suy đi nghĩ lại, xem xét sự việc từ nhiều góc độ. Người ở trong tình cảm sẽ quan tâm nhiều đến tình cảm cách không ý thức trong khi giao thiệp với người khác và khi giải quyết công việc. Người có ý chí mạnh mẽ rất dễ nương dựa vào ý chí của mình khi giao tiếp với người khác và giải quyết công việc, đi đến những quyết định vững chắc và những sự lựa chọn không thể sửa đổi. Người ta sống một cách dễ dàng và tự nhiên trong phần nào thì chắc chắn thuộc về phần ấy. Nếu anh em thấy một người suy nghĩ, cân nhắc, đánh giá, và đo lường mọi vấn đề một cách tự nhiên, anh em có thể biết chắc anh ấy là một người hành động theo trí tuệ; như vậy, anh là một người ở trong tâm trí. Nếu một người dễ bị khuấy động khi đối diện với các sự việc, mau cười, mau khóc, mới vui lại buồn, anh em biết đó là người giàu tình cảm hay đầy cảm xúc. Những khi phải đối diện với các sự việc, nếu anh em trù tính và quyết định không chút khó khăn, ý chí của anh em đối phó và thi hành chức năng mà anh em không phải nỗ lực một cách đặc biệt, trong trường hợp ấy, chắc chắn anh em là người có ý chí mạnh mẽ và sống theo ý chí. Phần nào của hồn là mạnh mẽ và thái quá trong một người thì đó cũng là phần lãnh đạo khi người ấy đối diện và xử lí với mọi việc, điều này chứng tỏ người ấy sống trong phần đó và cũng chứng tỏ đó là người thuộc hồn.

B. Người thuộc linh

Khi đã nhận biết thế nào là người thuộc hồn, chúng ta sẽ không khó nhận ra loại người nào là người thuộc linh. Vì người thuộc hồn sống theo tâm trí, tình cảm và ý chí nên

người thuộc linh phải là người không sống theo những điều này. Vì người thuộc hồn sống bởi hồn chứ không bởi linh, nên người thuộc linh phải sống trong linh mà không sống trong hồn. Mặc dù người thuộc linh vẫn có hồn và mặc dù tâm trí, tình cảm, ý chí trong hồn của họ có thể mạnh hơn và phong phú hơn các phần ấy của một người thuộc hồn bình thường, nhưng họ không sống bởi những cơ quan thuộc hồn ấy và cũng không sống trong những cơ quan ấy. Họ sống bởi linh và trong linh, họ để linh làm chủ và làm nguồn của mọi hoạt động cũng như mọi cách cư xử của mình. Linh trong họ chiếm ưu thế. Linh là nguồn của mọi hành vi và là khởi điểm cho mọi hành động của họ. Hồn trong họ ở vị trí vâng phục. Mặc dù tâm trí, tình cảm và ý chí trong hồn của họ cũng thi hành chức năng, nhưng tất cả đều phải phục dưới quyền cai trị của linh và sự hướng dẫn của linh. Mặc dù sử dụng tâm trí, tình cảm hay ý chí nhưng họ luôn bước theo cảm nhận của linh trong việc sử dụng các cơ quan của hồn. Họ không giống những người thuộc hồn, là những người để cho hồn làm chủ trong mọi sự, là người cho phép tâm trí, tình cảm hay ý chí của hồn dẫn đầu để lãnh đạo và hành động. Họ không để cho hồn chiếm ưu thế, và từ chối sự lãnh đạo của tâm trí, tình cảm hay ý chí. Như vậy, họ để cho linh làm chủ, cho phép linh hướng dẫn trọn bản thể của mình để có thể bước theo cảm nhận của linh. Bất cứ khi nào gặp một việc gì, trước hết, họ không dùng tâm trí, tình cảm hay ý chí của hồn để tiếp xúc và giải quyết; trái lại, họ dùng linh để tiếp xúc và cảm nhận. Trước hết trong linh mình, họ tìm kiếm xem Chúa cảm thấy thế nào về việc này. Sau khi đã chạm được cảm nhận của Chúa trong linh, họ dùng tâm trí trong hồn để hiểu cảm nhận trong linh, dùng tình cảm trong hồn để diễn tả cảm nhận trong linh và sử dụng ý chí trong hồn để thực hiện cảm nhận ấy. Mặc dù họ sử dụng các cơ quan của hồn nhưng họ không thuộc hồn và họ không sống bởi sự sống của hồn. Họ là người thuộc linh, sống bởi sự sống của linh và hồn chỉ là một cơ quan để họ sử dụng.

III. MỘT TÌNH TRẠNG BẤT THƯỜNG

Chúng ta đã thấy một người sa ngã, đã chết trong linh, chỉ có thể sống trong hồn mà thôi. Nhưng chúng ta là những người được cứu và có một linh sống động thì có thể sống bởi linh. Hơn nữa, Đức Chúa Trời cứu chúng ta để chúng ta có thể hướng về linh và sống bởi linh. Sự sa ngã của con người làm cho con người từ linh mà rơi vào hồn, để rồi họ không còn sống bởi linh mà sống bởi hồn. Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời cứu con người khỏi hồn mà trở về linh, để họ không còn sống bởi hồn mà sống bởi linh. Tuy nhiên, nhiều người đã được cứu nhưng không sống như vậy. Một số người vẫn ở trong hồn vì họ không nhận biết sự khác biệt giữa linh và hồn và những vấn đề liên quan đến linh và hồn. Hơn nữa, họ không biết Đức Chúa Trời mong muốn họ được cứu khỏi hồn và sống trong linh. Mặc dù một số người biết Chúa đã làm cho linh mình sống lại, biết linh khác với hồn và biết Đức Chúa Trời muốn mình sống trong linh, thế nhưng họ vẫn sống trong hồn và sống bởi hồn. Lí do là vì họ đã quen sống bởi hồn mà không sống bởi linh và vì họ không cho việc sống trong linh là quan trọng. Những ai không nhận biết sự khác biệt giữa linh và hồn, và không biết Đức Chúa Trời mong muốn mình được giải cứu khỏi hồn để sống trong linh thì họ sẽ nghĩ rằng sống bởi tâm trí, tình cảm, ý chí của hồn là điều phù hợp và cần thiết. Họ cho rằng nếu cẩn thận và không có lỗi lầm gì thì tình trạng của mình đã là tốt lắm. Nhưng họ không biết rằng một đời sống Cơ Đốc nhân như vậy là quá nghèo nàn!

Đức Chúa Trời không dự định chỉ giải cứu chúng ta khỏi những lầm lỗi để đạt đến một tình trạng không khuyết điểm; hơn nữa, Ngài muốn cứu chúng ta khỏi hồn để sống trong linh. Không những Ngài muốn chúng ta sống một cuộc đời không có lỗi lầm gì mà còn là sống một cuộc đời thuộc linh, một đời sống không lỗi lầm về mặt thuộc linh. Ngài muốn chúng ta sống một cuộc đời không lỗi lầm, chẳng

phải bởi hồn mà là bởi linh. Dù vậy, vì thiếu hiểu biết, nhiều tín đồ vẫn sống bởi hồn; họ nỗ lực, phấn đấu, để trở nên những người không lỗi lầm bằng sự sống thuộc hồn. Mặc dù linh của họ sống động nhưng họ không biết mình nên sử dụng linh và sống bởi linh. Họ muốn làm cho mình trở nên những con người hoàn hảo, sống một cuộc đời thỏa mãn bởi năng lực của hồn mà thôi. Quan niệm và sự đánh giá của họ về mọi việc, tình yêu và các khuynh hướng của họ đều ở trong hồn, chứ không ở trong linh. Mặc dù họ là những Cơ Đốc nhân cư xử rất tốt đẹp và hành vi của họ không có lỗi lầm gì cả, dầu vậy, họ vẫn còn sống trong hồn chứ không trong linh. Coi như tư tưởng họ tinh sạch, tình cảm họ quân bình và những quyết định của họ đúng đắn nhưng họ vẫn thuộc hồn, chứ không thuộc linh. Là những Cơ Đốc nhân, họ đang ở trong một tình trạng bất thường. Họ đang sống một đời sống Cơ Đốc bất thường. Cho dù họ có thể thành công, nhưng chỉ đi đến chỗ tự mãn mà thôi. Và một số người đôi khi rất tự mãn về những thành công của họ (một loại thành công thật sự đáng nghi ngờ); nhưng họ không thể làm vui lòng Đức Chúa Trời, vì Ngài muốn người ta được giải cứu khỏi hồn và sống bởi linh.

Những ai biết phần nào về sự khác biệt giữa linh và hồn và biết rằng Đức Chúa Trời mong muốn chúng ta được giải cứu khỏi hồn để sống trong linh mà vẫn tiếp tục sống trong hồn, thì cũng là người sống nếp sống Cơ Đốc bất thường. Dù biết rằng linh của mình đã được làm cho sống động, nhưng họ vẫn không sống bởi linh. Dù biết Đức Chúa Trời muốn giải cứu họ khỏi hồn và sống trong linh, tuy nhiên, họ vẫn ở trong hồn và sống bởi hồn. Dù họ biết con người nên tiếp xúc Đức Chúa Trời trong linh nhưng họ vẫn sử dụng hồn để tiếp xúc mọi điều thuộc về Đức Chúa Trời. Họ biết mình có linh nhưng không sử dụng linh. Họ biết mình nên sống bởi linh nhưng họ lại không sống bởi linh. Họ thấy thuận tiện hơn khi sử dụng tâm trí, tình cảm và ý chí của hồn, và họ không quen sử dụng linh; vì vậy, họ xao lãng việc sống bởi

linh. Khi có việc gì xảy ra, trước hết, họ luôn sử dụng tâm trí, tình cảm hay ý chí để giải quyết. Họ không dùng linh để chạm được vấn đề. Cùng lắm, họ chỉ có thể là những Cơ Đốc nhân tốt và không có lầm lỗi (và đây cũng là điều đáng nghi ngại); họ không thể là những Cơ Đốc nhân thuộc linh. Họ chỉ có thể làm cho chính mình thỏa mãn; họ không thể làm thỏa mãn Đức Chúa Trời. Họ chỉ có thể được loài người khen ngợi, họ không thể được Đức Chúa Trời khen ngợi. Họ vẫn cần sự giải cứu của Ngài, không phải giải cứu khỏi tội, mà giải cứu khỏi hôn; không phải giải cứu khỏi xác thịt ô uế bị loài người kết án, nhưng giải cứu khỏi hôn tinh sạch được loài người khen ngợi. Nếu không, họ vẫn là khách lạ và người ngoài cuộc đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời.

IV. PHƯƠNG CÁCH GIẢI CỨU KHỎI HÔN

Làm thế nào chúng ta được giải cứu khỏi hôn? Điều này cần có sự khám thị từ hai quan điểm: một quan điểm liên quan đến hôn và quan điểm kia liên quan đến thập tự giá. Chúng ta cần thấy rằng hôn bất năng trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời và vô giá trị đối với những điều thuộc linh. Cho dầu một phần nào đó của hôn có xuất sắc và mạnh mẽ đến đâu chăng nữa, nó vẫn không thể hiểu được những điều thuộc về Đức Chúa Trời hay hiểu những điều thuộc linh. Dù tâm trí chúng ta tinh sạch, dù tình cảm chúng ta quân bình, dù ý chí chúng ta đúng đắn đến đâu, những điều này cũng không thể làm cho chúng ta trở nên thuộc linh. Chúng ta phải thấy hôn của mình và mọi điều thuộc về hôn đều đã bị đóng đinh trên thập tự giá của Đấng Christ. Trong Ga-la-ti 2:20, khi vị sứ đồ nói: “Tôi đã bị đóng đinh với Đấng Christ”, chữ “tôi” ông nói đến là hôn. Trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời, hôn chỉ đáng chết mà thôi. Và hôn đã bị Đức Chúa Trời giải quyết qua thập tự giá của Đấng Christ. Vậy thì chúng ta không nên cho những điều thuộc hôn là có giá trị; mà nên thừa nhận hôn chúng ta cần

chết, đáng chết và đã chết rồi. Một khái thị và khái tượng như vậy làm cho chúng ta có khả năng kết án hồn, khước từ hồn, từ bỏ hồn, cấm không cho hồn dẫn đầu trong mọi điều, và không nhường một chỗ nào cho hồn trong mọi sự. Bởi Thánh Linh, chúng ta kết liễu phần hồn; chúng ta cho Thánh Linh kết liễu phần hồn và nhờ thập tự giá mà xử lý hoạt động của hồn.

Chúng ta phải thấy hồn bất lực như thế nào trước mặt Đức Chúa Trời, hồn không thể nào am hiểu những điều thuộc về Đức Chúa Trời và không thể nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời được. Chúng ta cũng phải thấy Ngài đánh giá hồn như thế nào và cách Ngài xử lý hồn. Chỉ khi ấy, chúng ta mới có thể từ chối hồn, từ bỏ hồn và được giải cứu khỏi hồn. Vì vậy, chúng ta phải cầu xin Chúa không những cho chúng ta thấy sự bất năng của hồn, mà còn thấy sự xử lý của thập tự giá đối với hồn; như vậy, trong mọi sự chúng ta sẽ biết từ bỏ hồn và không sống bởi hồn. Người nào ở trong tâm trí nên từ chối trí tuệ của mình trong mọi điều thuộc linh. Người ấy nên hoàn toàn để qua một bên những chức năng như suy nghĩ, cân nhắc, và quay về linh, sử dụng linh để nhận biết cảm thức của Đức Chúa Trời. Khi đọc Kinh Thánh, cầu nguyện, hay nói chuyện về những điều thuộc linh, người ấy nên từ chối việc suy nghĩ, tưởng tượng, tạo ra các lý thuyết và tra xét, nhưng theo sát cảm nhận trong linh mà tiến vào trong sự tương giao với Đức Chúa Trời. Người nào giàu tình cảm nên từ chối cảm xúc của mình trong mọi sự, không nên để cho tình cảm lãnh đạo và dẫn dắt, nhưng để Thánh Linh xử lý tình cảm của mình; như vậy, người ấy sẽ cảm nhận ý muốn của Đức Chúa Trời trong linh. Người ấy nên sợ tình cảm của mình như sợ tội, và run rẩy, sợ hãi mà sống trong linh, không để cho tình cảm dẫn dắt hay ảnh hưởng mình. Người ở trong ý chí nên xem ý chí mình như kẻ thù của Đức Chúa Trời trong những điều thuộc về Ngài, như là đối thủ của linh. Như vậy, người ấy sẽ lên án, từ khước, chối bỏ ý chí của mình. Người ấy nên để cho Thánh

Linh bẻ gãy ý chí của mình bởi thập tự giá để rồi không sống trước mặt Đức Chúa Trời bởi ý chí cứng rắn và mạnh mẽ của mình nữa, nhưng bởi ý thức trong linh.

Chúng ta mạnh mẽ trong phần nào của hồn thì nên kết án và từ chối phần ấy. Cho dù đó là tâm trí, tình cảm hay ý chí của mình, chúng đều cần bị phá vỡ và xử lí. Trong mọi điều thuộc về Đức Chúa Trời, chúng ta nên từ chối sự dẫn dắt của tâm trí, tình cảm và ý chí. Trái lại, chúng ta nên để linh chiếm vị trí đầu nhất trong sự lãnh đạo, hướng dẫn, và sử dụng tâm trí, tình cảm và ý chí của chúng ta. Bằng cách ấy, chúng ta sẽ được giải cứu khỏi hồn. Sau đó, một mặt, chúng ta có thể bởi linh mà sử dụng mọi cơ quan hay các phần trong hồn; mặt khác, chúng ta sẽ không sống bởi hồn; như thế, chúng ta sẽ không thuộc hồn, nhưng thuộc linh.

CHƯƠNG 9

BA SỰ SỐNG VÀ BỐN LUẬT

Bây giờ, chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu thứ chín trong vấn đề biết sự sống, đó là ba sự sống và bốn luật. Đây là một lẽ thật vô cùng quan trọng trong Kinh Thánh. Nếu chúng ta muốn biết rõ tình trạng sự sống thuộc linh bề trong của mình, hoặc ao ước có một đời sống đặc thẳng, thoát khỏi tội, chúng ta cần hiểu biết lẽ thật cơ bản này một cách thấu đáo.

I. BA SỰ SỐNG

A. Định nghĩa về ba sự sống

Ba sự sống được nói đến ở đây là ba sự sống ở bên trong mỗi người đã được cứu, đó là sự sống của con người, sự sống của Sa-tan và sự sống của Đức Chúa Trời.

Thông thường người ta nghĩ rằng chỉ có một sự sống bên trong con người, tức là sự sống loài người mà chúng ta nhận được từ cha mẹ. Nhưng Kinh Thánh cho thấy vì sự sa ngã, ngoài sự sống loài người, trong con người còn có sự sống của Sa-tan. Vì vậy, La Mã 7:18, 20 nói trong con người, tức là trong xác thịt con người, còn có Tội cư ngụ. Tội ở đây ám chỉ sự sống của Sa-tan. Xác thịt này vốn chứa đựng sự sống của Sa-tan, theo Ga-la-ti 5:17, lại tiếp tục tồn tại trong con người sau khi họ được cứu, và thường ham muốn nghịch lại với Linh. Vì vậy, sau khi được cứu, một người vẫn có sự sống của Sa-tan ở bên trong người ấy.

Hơn nữa, Giăng 3:36 nói: “Ai tin Con thì có sự sống đời đời”. 1 Giăng 5:12 cũng nói: “Ai có Con thì có sự sống”, tức là sự sống của Đức Chúa Trời. Điều này bày tỏ rằng ai tin Con của Đức Chúa Trời và được cứu không những có sự sống ban đầu của con người và sự sống của Sa-tan mà họ đã có qua sự sa ngã, nhưng còn có sự sống đời đời của Đức Chúa Trời.

B. Nguồn gốc của ba sự sống

Kinh Thánh nói khi Đức Chúa Trời tạo dựng A-đam, Ngài thở hơi thở sự sống vào trong mũi ông; như vậy A-đam nhận được sự sống thọ tạo của con người. Sau đó, Đức Chúa Trời đặt con người trong vườn Ê-đen trước hai loại cây: cây sự sống và cây tri thức thiện ác. Theo những sự khả thị được ban cho về sau trong Kinh Thánh, cây sự sống chỉ về Đức Chúa Trời, cây tri thức thiện ác chỉ về Sa-tan, và A-đam đại diện cho nhân loại. Như vậy, vào ngày ấy trong vườn Ê-đen, tức là trong cả vũ trụ, một tình thế đang biến chuyển với ba nhóm: con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan.

Sa-tan là kẻ thù của Đức Chúa Trời và tiêu điểm của hấn trong việc chống chọi lại Đức Chúa Trời là con người. Cả Sa-tan và Đức Chúa Trời đều muốn chiếm hữu con người. Đức Chúa Trời muốn chiếm hữu con người để hoàn thành ý muốn của Ngài, trong khi Sa-tan cũng cần con người để thực hiện ước muốn độc ác của hấn. Phương pháp của cả Sa-tan lẫn Đức Chúa Trời để giành lấy con người đều là qua sự sống. Ý định của Đức Chúa Trời là con người sẽ ăn trái của cây sự sống và qua đó nhận lấy sự sống phi thọ tạo và được liên hiệp với Ngài. Tuy nhiên Sa-tan cám dỗ con người ăn trái của cây tri thức thiện ác, như vậy hấn làm cho con người nhận lấy sự sống sa ngã của hấn và pha trộn với chính hấn.

Vào ngày ấy, A-đam bị Sa-tan lừa dối đã ăn trái của cây tri thức thiện ác. Từ đó về sau, sự sống của Sa-tan đã vào trong con người và làm cho con người bại hoại. Vì vậy, ngoài sự sống thọ tạo ban đầu của mình, con người đã nhận lấy sự sống sa ngã của Sa-tan.

Trong Tân Ước, Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong Con Ngài để Ngài được bày tỏ giữa loài người, hầu cho bởi tin Con Ngài và tiếp nhận Con ấy, loài người nhận được sự sống của Ngài. Như vậy, ngoài việc nhận được sự sống con người thọ tạo ban đầu của mình và sự sống của Sa-tan qua sự sa ngã, chúng ta còn nhận được sự sống của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, là những người được cứu, chúng ta đã lần lượt nhận lấy ba sự sống vào trong mình qua sự sáng tạo, sự sa ngã và sự cứu rỗi. Ra từ bàn tay sáng tạo của Đức Chúa Trời, chúng ta đã nhận lấy sự sống con người thọ tạo. Rồi qua A-đam, chúng ta đã sa ngã và nhận lấy sự sống sa ngã của Sa-tan. Rồi vào trong Đấng Christ, chúng ta được cứu và nhận lấy sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời.

C. Vị trí của ba sự sống

Theo những sự khải thị của Kinh văn, ba sự sống khác nhau của con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời đã theo thứ tự mà vào trong hồn, thân và nhân linh của chúng ta, tức là ba phần của bản thể chúng ta. Khi Đức Chúa Trời tạo dựng con người từ bụi đất, Ngài thở hơi thở sự sống vào trong con người, và “người trở nên một hồn sống” (Sáng. 2:7). Điều này nghĩa là sự sống con người nhận được qua sự sáng tạo thì ở trong hồn của con người. Khi bị Sa-tan dụ dỗ và sa ngã, con người hấp thụ vào trong cơ thể mình trái của cây tri thức thiện ác, tượng trưng cho Sa-tan. Vì vậy, sự sống của Sa-tan mà con người nhận được qua sự sa ngã đang ở trong cơ thể họ. Khi con người tiếp nhận Chúa Jesus làm Đấng Cứu Rỗi và được cứu, Linh của Đức Chúa Trời mang theo sự sống của Đức Chúa Trời với Ngài vào trong nhân linh. Vì vậy, sự sống của Đức Chúa Trời mà con người nhận được qua sự cứu rỗi đang ở trong nhân linh. Như thế, một người được cứu sẽ có sự sống của Đức Chúa Trời trong linh mình, có sự sống của con người trong hồn mình, và sự sống của Sa-tan trong thân thể mình.

Để hiểu rõ hơn về ba phần là nơi ba sự sống cư ngụ, chúng ta nên dành ít thì giờ để thảo luận về cảm thức của ba phần này. Cơ thể, là phần ngoài cùng của chúng ta, phần vật lí, là phần thấy được và chạm được, bao gồm tất cả các chi thể của cơ thể chúng ta và có năm giác quan là thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác để tiếp xúc với thế giới vật lí. Vì vậy ý thức của cơ thể được gọi là giác quan về thế giới hay cảm thức vật lí.

Linh là phần trong cùng và sâu thẳm nhất của chúng ta, bao gồm lương tâm, trực giác và sự tương giao. Lương tâm là cơ quan phân biệt đúng, sai; và theo nguyên tắc đúng sai này, lương tâm làm cho chúng ta cảm nhận được điều gì là đúng và được chấp nhận trong cách nhìn của Đức Chúa Trời, và điều gì là sai và bị từ khước trong cách nhìn của Ngài. Trực giác cho chúng ta có khả năng cảm biết ý muốn của Đức Chúa Trời một cách trực tiếp, không cần qua một phương tiện trung gian nào cả. Phần tương giao làm cho chúng ta có khả năng thông công và tương giao với Đức Chúa Trời. Mặc dù phần tương giao làm cho chúng ta có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời, nhưng cả lương tâm lẫn trực giác đều làm cho chúng ta cảm biết Đức Chúa Trời và những sự việc thuộc linh, tức là làm cho chúng ta tiếp xúc được với thế giới thuộc linh. Cảm nhận của hai phần này là cảm nhận trong linh; vì vậy, nó được gọi là cảm nhận thuộc linh hay cảm nhận của Đức Chúa Trời.

Hồn nằm giữa linh và thân thể, là phần bên trong, phần tâm lí bao gồm tâm trí, tình cảm và ý chí. Tâm trí là cơ quan để suy nghĩ, cân nhắc. Tình cảm là cơ quan dành cho vui thích, giận dữ, buồn rầu và vui mừng, và ý chí là cơ quan tạo ra các ý kiến và đưa đến mọi quyết định. Mặc dù hồn bao gồm ba phần nhưng chỉ có hai phần tâm trí và tình cảm là có ý thức mà thôi. Cảm nhận của tâm trí dựa trên lí luận, trong khi cảm nhận của tình cảm dựa trên những điều thích và không thích. Hai cảm nhận trong hồn làm chúng ta có khả năng cảm nhận phần tâm lí của con người, tức là cái

tôi hay bản ngã của con người và tiếp xúc được với thế giới tâm lí; vì vậy, chúng được gọi là những cảm nhận tâm lí hay tự ý thức.*

D. Bản chất và tình trạng của ba sự sống

Vì trong ba sự sống khác nhau này, mỗi một sự sống chúng ta nhận được bên trong mình có nguồn gốc riêng và cư ngụ riêng rẽ trong mỗi một phần khác nhau của bản thể chúng ta, nên bản chất của ba sự sống này và tình trạng của mỗi sự sống bên trong chúng ta hẳn cũng khác biệt và khá phức tạp. Ngay sau khi con người được tạo dựng trong tay Đức Chúa Trời, Ngài thấy con người “rất tốt” (Sáng. 1:31) và “ngay thẳng” (Truyền. 7:29). Vì vậy, sự sống thọ tạo của con người ban đầu vốn là tốt và ngay thẳng; không những không có tội mà còn không có hiểu biết về tội và cũng không ý thức về sự hổ thẹn; sự sống này vô tội và đơn sơ.‡

Sau khi A-đam phạm tội và sa ngã, con người không những xúc phạm Đức Chúa Trời trong cách cư xử của họ với

* Thông thường, khi nói về “ý thức của con người”, chúng ta nói đến cảm nhận về những điều thích hoặc không thích trong tình cảm của hồn. Mặc dù cảm nhận này có thể bị ảnh hưởng bởi tâm trí của hồn, ngũ quan của cơ thể và lương tâm của linh, và bị chút ít ảnh hưởng bởi trực giác trong linh như trong trường hợp của một người thuộc linh, nhưng cảm nhận này chính yếu được cấu tạo do cảm nhận thích và không thích trong tình cảm của hồn.

‡ Sau sự sa ngã, Đức Chúa Trời làm cho con người có cảm nhận về sự hổ thẹn. Cảm nhận này có chức năng nhị diện: một mặt, nó chứng tỏ chúng ta có tội; mặt khác, ngăn cản chúng ta khỏi phạm tội. Nếu một người không có cảm nhận về sự hổ thẹn, người ấy sẽ có khuynh hướng cố ý phạm tội. Càng cảm thấy xấu hổ, một người càng được gìn giữ khỏi phạm tội. Chúng tôi có một thành ngữ nói rằng phụ nữ chớ nên không biết hổ thẹn. Một người không biết hổ thẹn chắc chắn là một người thuộc về giai cấp thấp nhất.

kết cuộc là rơi vào một tình trạng tội lỗi, nhưng còn tệ hơn nữa, sự sống con người đã bị Sa-tan đầu độc, làm cho sự sống ấy trở nên ô uế và bại hoại. Chẳng hạn như tôi dạy con tôi ở nhà dùng lấy khăn lau bảng ra chơi. Sau khi tôi rời khỏi nhà, vì tò mò, chúng lấy khăn lau bảng ra chơi; và khi tôi trở về, tôi khám phá chúng đã vi phạm. Lỗi lầm này chỉ là một sự vi phạm luật lệ gia đình; chúng chưa ăn uống điều gì độc hại vào trong cơ thể. Tuy nhiên, giả sử lần sau tôi để một chai thuốc độc ở nhà và nói với các con tôi: “Đừng bao giờ uống chai này”. Sau khi tôi đi khỏi, chúng thấy cái chai có thể chơi được, và than ôi, chúng uống thuốc độc vào trong người. Lần này, không những chúng không vâng lời tôi và vi phạm luật gia đình, nhưng còn tệ hơn nữa, chất độc đã vào trong chúng. Đây là điều đã xảy ra vào ngày A-đam ăn trái của cây tri thức. Không những ông không vâng theo lệnh cấm của Đức Chúa Trời nhưng ông còn đem sự sống của Sa-tan vào trong chính mình. Từ đó về sau, phần bên trong con người trở nên phức tạp; không những con người có sự sống ngay thẳng và tốt lành ban đầu của con người mà còn có sự sống gian ác và bại hoại của Sa-tan.

Sự sống của Sa-tan đương nhiên đầy dẫy mọi loại tội, chứa đựng mầm mống của mọi sự bại hoại và mọi nhân tố gian ác. Sa-tan sống trong con người, làm cho con người có những dục vọng (Gi. 8:44), và phạm tội (1 Gi. 3:8). Vì vậy, sự sống này là cội rễ của các tội, làm cho con người sống ra tội. Những tội khác nhau mà con người đã vi phạm ra từ sự sống của Sa-tan hay sự sống của ma quỷ trong họ. Kể từ khi sự sống của ma quỷ vào trong con người, dù đôi lúc con người vẫn có thể sống biểu lộ chút ít sự tốt lành của con người theo sự sống con người của mình, nhưng hầu như trong mọi lúc họ vẫn sống ra sự gian ác xấu xa của ma quỷ theo sự sống ma quỷ. Đôi lúc họ rất hiền hòa; họ có thể thật sự hành động như một con người và “tỏa ra hương vị” của một con người đích thực. Nhưng những lúc khác, khi nổi giận, họ thật sự giống như quỷ, đầy dẫy mùi của ma quỷ.

Khi người ta buông tuồng trong sự say sưa, nhậu nhẹt, mại dâm, cờ bạc và phạm nhiều loại tội, bề ngoài của họ thật giống một con quỷ và họ đầy mùi ma quỷ. Không phải tự ý con người muốn sống ra sự sống của ma quỷ nhưng ấy là sự sống của ma quỷ trong họ làm cho họ trở nên một con người quỷ quái và dẫn dắt họ sống một cuộc sống pha trộn giữa người và quỷ.

Đây là tình trạng thật bên trong của người thế giới ngày nay. Dựa trên sự kiện con người có hai sự sống của cả con người lẫn Sa-tan, một sự sống có bản chất thiện còn sự sống kia rất gian ác nên, một mặt, họ ao ước trở nên tốt lành và ngay thẳng, mặt khác, họ lại có khuynh hướng bại hoại và gian ác. Vì lí do này, trải qua nhiều thế hệ, các triết gia tham gia nghiên cứu bản chất con người đã ủng hộ cho hai dòng tư tưởng khác nhau: một tư tưởng cho rằng bản chất con người là thiện, trong khi tư tưởng kia cho rằng bản chất con người là ác. Thật ra, chúng ta có cả hai bản chất này bên trong vì trong chúng ta có cả sự sống thiện lẫn sự sống ác.

Nhưng cảm ơn Chúa, ngày nay, là những người được cứu, không những chúng ta chỉ có sự sống của con người và ma quỷ nhưng cũng có sự sống của Đức Chúa Trời. Giống như Sa-tan, trong khi phá hoại đã tiêm sự sống của hắn vào trong chúng ta, khiến chúng ta liên hiệp với hắn, giành lấy chúng ta và làm cho chúng ta có tất cả mọi điều gian ác trong bản chất của hắn; thì cũng vậy, Đức Chúa Trời qua sự giải cứu của Ngài, Ngài đã đặt sự sống của Ngài vào trong chúng ta, làm cho chúng ta được liên hiệp với Ngài, chiếm hữu chúng ta, làm cho chúng ta sở hữu được mọi điều tốt lành thần thượng của bản chất Ngài. Vì vậy, điểm rất quan trọng của sự sa ngã là sự sống, và cũng vậy, điểm rất quan trọng của sự cứu rỗi cũng là sự sống. Khi đến với bàn Chúa, trước hết chúng ta bẻ bánh sự sống, sau đó chúng ta mới uống chén tha thứ của Ngài. Điều này có ý nghĩa là khi chúng ta kinh nghiệm sự cứu rỗi của Chúa, dù trước hết

chúng ta nhận lấy huyết và sau đó là sự sống, nhưng trong sự cứu rỗi của Ngài, biểu hiện chính yếu là bánh, tượng trưng cho sự sống. Chén, tượng trưng cho huyết, là điều thứ nhì. Vì vậy, trước hết chúng ta nhận lấy bánh và sau đó là chén.

Khi sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, bản thể bề trong của chúng ta trở nên phức tạp hơn người thế giới. Chúng ta có sự sống ngay thẳng của con người, sự sống gian ác của Sa-tan và sự sống tốt lành thần thượng của Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là chúng ta có con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời. Tình trạng ba bên gồm con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan đã hiện diện ngày hôm ấy trong vườn Ê-đen cũng hiện hữu trong chúng ta hôm nay. Có thể nói, trong chúng ta là một vườn Ê-đen thu nhỏ, có con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan, cả ba đều có mặt tại đây. Vì vậy, sự đấu tranh giữa Sa-tan với Đức Chúa Trời để giành lấy con người trong vườn Ê-đen cũng xảy ra trong chúng ta hôm nay. Sa-tan chuyển động trong chúng ta ngày nay, ao ước chúng ta hợp tác với hắn để hắn có thể hoàn thành ý định gian ác là chiếm hữu chúng ta; Đức Chúa Trời cũng vận hành trong chúng ta, ao ước chúng ta hợp tác với Ngài để hoàn thành niềm vui thích tốt lành của Ngài. Nếu sống theo sự sống của Sa-tan trong mình, chúng ta sẽ sống ra những điều gian ác của Sa-tan và như vậy giúp hắn có khả năng hoàn thành ý định gian ác của hắn trên chúng ta. Nếu sống theo sự sống của Đức Chúa Trời trong mình, chúng ta sẽ sống ra những điều tốt đẹp thần thượng của Đức Chúa Trời và như vậy làm cho Ngài có thể hoàn thành niềm vui thích tốt lành của Ngài trong chúng ta. Mặc dù đôi lúc dường như chúng ta có thể độc lập, không sống theo sự sống của Sa-tan cũng không sống theo sự sống của Đức Chúa Trời mà chỉ theo sự sống loài người, thế nhưng thật ra chúng ta không thể độc lập; chúng ta chỉ có thể sống theo sự sống của Đức Chúa Trời hoặc sống theo sự sống của Sa-tan.

Kết quả là, một Cơ Đốc nhân có thể hành động theo ba loại người khác nhau và sống theo ba loại sự sống khác nhau. Một anh em có thể rất lịch sự vào buổi sáng như một con người; vào buổi trưa, khi nổi giận với vợ mình, anh giống như một con quỷ, và vào buổi tối trong giờ cầu nguyện, cảm thấy mình đã đối xử sai với vợ, anh xưng tội trước mặt Chúa và với vợ mình, trông anh giống Đức Chúa Trời. Như vậy, chỉ trong một ngày anh hành động như ba con người khác nhau và sống biểu lộ ba tình trạng khác nhau. Buổi sáng anh lịch sự như một con người, buổi trưa anh nổi nóng như một con quỷ, và ban đêm, sau khi xử lí tội lỗi, anh bày tỏ hình trạng Đức Chúa Trời. Chỉ trong một ngày, con người, ma quỷ, và Đức Chúa Trời đều được biểu hiện trong đời sống anh. Lí do anh có thể hành động như vậy là vì trong anh có sự sống của cả ba, đó là con người, ma quỷ và Đức Chúa Trời. Khi anh sống theo sự sống của con người, anh giống một con người, khi anh bước đi theo sự sống của ma quỷ, anh giống như ma quỷ; và khi anh hành động theo sự sống của Đức Chúa Trời, anh bày tỏ hình trạng của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta sống theo sự sống nào thì bất kể sự sống ấy là gì, sự sống ấy quyết định điều chúng ta sẽ sống ra.

Vì vậy, chúng ta cần thấy rõ trong một người được cứu, có ba sự sống khác nhau: sự sống thọ tạo của con người, sự sống sa ngã của Sa-tan và sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời. Mặc dù có ba sự sống bên trong, nhưng chúng ta nhận được ba sự sống ấy trong ba giai đoạn khác nhau và theo ba biến cố khác nhau. Trước hết, vào thời điểm sáng tạo và qua sự sáng tạo, chúng ta nhận được sự sống thọ tạo của con người. Thứ hai, trong sự sa ngã, vì tiếp xúc với Sa-tan và cây tri thức thiện ác, chúng ta nhận lấy sự sống sa ngã của Sa-tan. Thứ ba, khi được cứu, vì tin Con Đức Chúa Trời và tiếp nhận Ngài, chúng ta nhận được sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời. Dựa theo sự kiện của ba biến cố này: sự sáng tạo, sự sa ngã và sự cứu rỗi diễn ra trong chúng ta,

chúng ta đã nhận lấy ba sự sống, đó là sự sống của con người, của Sa-tan và của Đức Chúa Trời, và bản chất của mỗi sự sống này khác nhau. Sau khi đã thấy và nhận biết điều này, con đường sự sống sẽ sáng tỏ hơn đối với chúng ta. Do ba sự sống khác biệt của con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời đồng tồn tại trong chúng ta, chúng ta nên sống theo sự sống nào đây? Sự sống của con người? Sự sống của Đức Chúa Trời? Hay sự sống của Sa-tan? Chúng ta sống theo sự sống nào thì sẽ bày tỏ sự sống ấy. Con đường sự sống nằm ở đây.

II. BỐN LUẬT

Mỗi sự sống trong ba sự sống bên trong chúng ta là những người được cứu đều có một luật riêng của nó. Vì vậy, trong chúng ta không những chỉ có ba sự sống mà còn có ba luật thuộc về ba sự sống ấy. Ngoài ra còn có luật của Đức Chúa Trời ở bên ngoài chúng ta. Vì vậy, tổng cộng có bốn luật bên trong và bên ngoài chúng ta. Điều này được bày tỏ cho chúng ta trong La Mã chương 7 và 8.

A. Định nghĩa về bốn luật

Chủ đề chính của La Mã chương 7 và 8 là luật. Trước đó, trong chương 6, vị sứ đồ nói: “Vì tội không chủ trị anh em được đâu: bởi anh em chẳng ở dưới kinh luật”. Lí do duy nhất làm cho tội không cai trị trên chúng ta là vì chúng ta không ở dưới kinh luật. Vì vậy, để giải thích nhóm chữ “không ở dưới kinh luật”, vị sứ đồ tiếp tục nói về luật trong chương 7 và 8. Chương 7 bắt đầu bằng những lời sau: “Anh em ơi, (tôi nói với những kẻ biết kinh luật), anh em há chẳng biết rằng kinh luật chỉ chủ trị người ta đương khi còn sống hay sao?” Và một lần nữa, câu 6 nói: “Nhưng bây giờ chúng ta đã được giải thoát khỏi kinh luật, vì đã chết đối với điều đã đè giữ mình”. Sau đó, ông lại nói: “Nhưng nếu không bởi kinh luật thì tôi chẳng biết tội là gì” (c. 7). Và một lần nữa: “Vì theo người bên trong, tôi vẫn lấy làm vui thích kinh luật của Đức Chúa

Trời” (c. 22). Mọi lời này liên quan đến kinh luật của Cựu Ước. Sau cùng, ông nói: “Nhưng tôi thấy trong chi thể tôi có một luật khác chiến đấu với luật của tâm trí tôi, bắt tôi làm phu tù cho luật của tội vẫn ở trong chi thể tôi”. Và lại nữa, “như vậy, chính mình tôi lấy tâm trí phục luật của Đức Chúa Trời, nhưng lấy xác thịt phục luật của tội” (c. 25). Sau đó, trong chương 8, ông nói: “Vì luật của Linh sự sống trong Christ Jesus đã buông tha tôi khỏi luật của tội và sự chết” (c. 2). Qua những lời này, vị sứ đồ nói đến bốn luật khác nhau có liên quan đến chúng ta một cách cá nhân.

Trước hết là “luật của Đức Chúa Trời” (7:22, 25), tức là kinh luật Cựu Ước, nói lên tất cả những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi chúng ta. Thứ hai là “luật của tâm trí” (7:23), là luật trong tâm trí chúng ta, làm cho chúng ta ao ước làm điều thiện; vì vậy, có thể gọi là luật điều thiện trong tâm trí chúng ta. Thứ ba là “luật của tội trong các chi thể” (7:23) gây cho chúng ta phạm tội. Vì chức năng của luật này trong chúng ta làm cho chúng ta phạm tội, chức năng này biểu lộ qua các chi thể của thân thể chúng ta, nó được gọi là “luật của tội trong các chi thể”. Thứ tư, “luật của Linh sự sống” (8:2) làm cho chúng ta sống trong sự sống của Đức Chúa Trời. Linh mà từ đó luật này phát sinh là Linh sự sống, một linh hòa quyện gồm có Linh của Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời và nhân linh của chúng ta. Vì vậy, nó được gọi là “luật của Linh sự sống”. Hơn nữa, vì Linh này chứa đựng sự sống, thuộc về sự sống và là sự sống, nên luật của Linh này được gọi là “luật sự sống”. Về bốn luật này, có một luật ở bên ngoài chúng ta, là kinh luật của Đức Chúa Trời; trong khi ba luật kia ở bên trong chúng ta, là luật điều thiện trong tâm trí, luật của tội trong thân thể và luật của Linh sự sống trong linh chúng ta.

B. Nguồn gốc của bốn luật

Mỗi luật này có nguồn gốc khác nhau. Luật của Đức Chúa Trời viết trên các bảng đá, được Ngài ban cho con

người qua Môi-se trong Cựu Ước. Ba luật kia đến từ ba sự sống mà chúng ta đã đề cập ở trên. Chúng ta biết rằng mỗi sự sống có một luật. Mặc dù luật có thể không luôn luôn ra từ một sự sống, tuy nhiên mỗi sự sống luôn luôn có một luật. Vì có ba sự sống khác nhau bên trong nên chúng ta có ba luật tương ứng với ba sự sống khác nhau này.

Luật điều thiện trong tâm trí ra từ sự sống thọ tạo tốt lành. Chúng ta nhận được sự sống này không vào thời điểm được cứu mà vào lúc chúng ta ra đời. Đây là sự ban cho tự nhiên trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời, không phải là một ân tứ trong sự cứu rỗi của Ngài. Trước khi được cứu, tư tưởng và tâm trí chúng ta thường có một khuynh hướng tự nhiên hay ước muốn làm thiện, hiếu kính cha mẹ, nhân từ đối với người khác, hối hận, hi vọng tự cải thiện và quyết định hướng thượng. Những tư tưởng làm thiện và hướng thượng này ra từ luật làm thiện trong tâm trí chúng ta. Chúng cũng minh chứng rằng luật điều thiện này đã có sẵn trong chúng ta ngay cả trước khi chúng ta được cứu.

Dựa trên La Mã 7:18 (“Vả, tôi biết rằng trong tôi... chẳng có điều gì tốt cả”), một số người kết luận rằng trước khi hay sau khi được cứu, trong chúng ta chẳng có điều gì tốt cả; nên luật điều thiện trong tâm trí không thể ra từ sự sống thọ tạo ban đầu, hướng chỉ là trước khi chúng ta được cứu. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ La Mã 7:18, chúng ta sẽ thấy kết luận này không chính xác, vì khi Phao-lô nói chẳng có điều gì tốt trong chúng ta, ông đang nói đến tình trạng trong xác thịt của chúng ta. Và theo văn mạch của các câu 21, 23 và 24, xác thịt ở đây chỉ về thân thể sa ngã và biến chất của chúng ta. Trong thân thể đã sa ngã và bị biến chất của chúng ta, tức là trong xác thịt mình, chẳng có điều gì tốt cả. Điều này không có nghĩa là trong con người sa ngã của chúng ta không có điều gì tốt cả. Trái lại, về sau trong chương này, vị sứ đồ nói với chúng ta một cách rõ ràng là trong con người sa ngã của chúng ta có một ý chí ao ước làm thiện và một luật điều thiện trong tâm trí. Cả ý chí lẫn tâm

trí đều là các phần của hồn chúng ta. Vì vậy, dù không có điều gì tốt trong thân thể đã sa ngã và bị biến chất, nhưng trong ý chí và tâm trí của hồn chúng ta vẫn có yếu tố tốt lành, ngay cả sau khi sa ngã. Yếu tố tốt lành này thuộc về sự sống thọ tạo tốt lành của chúng ta một cách tự nhiên. Vì vậy, luật điều thiện trong tâm trí thuộc về sự sống thọ tạo ban đầu của chúng ta và hiện hữu trước khi chúng ta được cứu, thậm chí ngay khi chúng ta ra đời.

Một vài người nói rằng sự sống thọ tạo tốt lành của chúng ta đã bị bại hoại bởi Sa-tan qua sự sa ngã nên đã mất đi yếu tố tốt lành của nó. Nói như vậy cũng không chính xác. Chẳng hạn như, khi thêm chất chua vào một li nước mật ong, chúng ta làm hỏng vị ngọt của li nước, nhưng không loại hẳn chất ngọt được. Mặc dù Sa-tan đã làm hư hoại con người, nhưng yếu tố tốt lành của họ vẫn còn đó. Sự thật là yếu tố tốt lành được tạo dựng trong con người đã bị Sa-tan làm hư hoại đến nỗi không thể chữa trị được, nhưng chúng ta không thể nói rằng nó bị bại hoại đến nỗi không còn tồn tại. Nếu anh em đập vỡ một cái li, nó sẽ vỡ làm nhiều mảnh, nhưng yếu tố của nó vẫn còn. Một thỏi vàng có thể bị ném vào một cái ao dơ bẩn, nhưng yếu tố vàng vẫn còn. Mặc dù lòng hiếu kính cha mẹ, thương yêu anh em, tính trung thành, chân thật, đứng đắn, đạo đức, khiêm tốn và cảm nhận về sự xấu hổ của chúng ta có phần không thuần khiết và bị pha trộn, nhưng những yếu tố này vẫn rất thật. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận mặc dù những yếu tố tốt lành của mình đã bị ô uế, chúng vẫn tồn tại sau khi bị phá hoại; dù rất yếu ớt nhưng chúng vẫn còn đó. Vì lí do này, các nhà thông thái và các triết gia Trung Hoa đã khám phá rằng bên trong con người vẫn còn một vài “mĩ đức xuất sắc”, và “ý thức bẩm sinh”,... và họ kết luận rằng bản chất con người là tốt lành. Sự khám phá của các triết gia này về bản chất con người thật sự là đúng vì bên trong con người sa ngã của chúng ta vẫn có những yếu tố tốt lành và có một luật làm cho chúng ta tự nhiên ao ước làm thiện.

Luật của tội trong các chi thể ra từ sự sống sa ngã và gian ác của Sa-tan. Như chúng ta đã nói trước đây, do sự sa ngã qua việc phạm tội của A-đam, tức là ăn trái của cây tri thức thiện ác, mà sự sống của Sa-tan đã vào trong con người. Bên trong sự sống này của Sa-tan có một luật điều ác, tức là luật của tội trong các chi thể. Vì sự sống của Sa-tan là gian ác nên luật ra từ sự sống của hắn đương nhiên làm cho con người phạm tội và làm điều gian ác.

Luật của Linh sự sống ra từ Linh sự sống. Luật này ở trong linh chúng ta và từ sự sống phi thọ tạo và thần thượng của Đức Chúa Trời mà ra. Khi chúng ta tiếp nhận Chúa và được cứu, Linh của Đức Chúa Trời cùng với sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta và hòa quyện với linh chúng ta để trở nên Linh sự sống. Trong sự sống của Linh sự sống có chứa đựng một luật, là luật của Linh sự sống hay luật sự sống.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rõ rằng khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời không đặt luật điều thiện nhưng đặt luật sự sống vào trong chúng ta. Mục đích của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta là sự sống chứ không phải là điều thiện, điều thiện. Khi Đức Chúa Trời cứu chúng ta, Ngài đặt luật sự sống vào trong chúng ta. Luật điều thiện không được ban cho chúng ta qua sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời mà qua sự sáng tạo của Ngài. Yếu tố làm thiện ở trong chúng ta là một điều cố hữu đã được thừa hưởng trước. Nhưng khi Đức Chúa Trời cứu chúng ta, Ngài đặt sự sống của Ngài vào trong chúng ta. Trong sự sống này có chứa đựng luật sự sống, luật của Linh sự sống. Chúng ta nhận được luật này vào lúc được cứu, và luật này ra từ sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời về phương diện sự sống.

Vì vậy, về nguồn gốc của bốn luật này, chúng ta có thể nói: kinh luật của Đức Chúa Trời ra từ Đức Chúa Trời thì thuộc về Đức Chúa Trời; luật điều thiện trong tâm trí ra từ sự sống của con người thì thuộc về con người; luật của tội ở trong các chi thể ra từ sự sống của Sa-tan thì thuộc về Sa-

tan; và luật của Linh sự sống ra từ Linh sự sống thì thuộc về linh.

C. Vị trí của bốn luật

Để hiểu biết chính xác về bốn luật này, chúng ta cần sáng tỏ về vị trí của chúng theo từng luật một.

Kinh luật của Đức Chúa Trời được viết trên các bảng đá; vì vậy, luật này ở bên ngoài chúng ta.

Luật điều thiện ở trong tâm trí, tức là trong hồn chúng ta. Vì sự sống làm thiện ở trong hồn chúng ta nên luật ra từ sự sống ấy đương nhiên cũng ở trong hồn chúng ta. Chức năng của luật này đặc biệt được bày tỏ trong tâm trí của hồn mình, vì vậy luật này được gọi là “luật của tâm trí”. Do đó, trong hồn mình, chúng ta có sự sống của con người, luật điều thiện ra từ sự sống ấy và bản chất tốt lành của con người.

Luật của tội ở trong các chi thể, tức là ở trong thân thể của chúng ta. Trong sự sa ngã, con người đã ăn trái của cây tri thức. Do đó, sự sống gian ác của Sa-tan đã vào trong thân thể con người chúng ta. Như vậy, luật của tội, ra từ sự sống của Sa-tan, cũng ở trong thân thể chúng ta. Vì luật này ở trong thân thể, và thân thể gồm có các chi thể, nên luật này ở trong các chi thể của chúng ta. Vậy, trong thân thể chúng ta có Sa-tan, sự sống của Sa-tan, luật của tội ra từ sự sống của Sa-tan và bản chất gian ác của Sa-tan. Bởi sự kiện Sa-tan và các điều gian ác của hắn đã vào trong thân thể chúng ta rồi pha trộn với nó, nên thân thể đã bị biến chất và trở thành xác thịt bại hoại.

Luật của Linh sự sống ở trong linh chúng ta. Vì Linh sự sống cùng với sự sống của Đức Chúa Trời ở trong linh chúng ta nên luật ra từ Linh sự sống cũng ở trong linh chúng ta. Luật này ra từ Linh của Đức Chúa Trời và ở trong linh chúng ta; vì vậy, không những nguồn gốc của luật này là Linh mà vị trí của luật cũng là linh. Bởi thế, luật này hoàn toàn thuộc về linh; luật này không thuộc về thân thể, cũng

không thuộc về hồn. Vì vậy, trong linh mình, chúng ta có Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời, luật ra từ Linh sự sống của Đức Chúa Trời và bản chất sự sống của Ngài.

D. Bản chất và chức năng của bốn luật

Bản chất và các chức năng của bốn luật bên ngoài và bên trong chúng ta là gì? Kinh luật của Đức Chúa Trời gồm có các luật của Đức Chúa Trời, và bản chất của luật này là thánh biệt, công chính và tốt lành. Luật này ở bên ngoài chúng ta, làm cho chúng ta có khả năng nhận biết những gì Đức Chúa Trời định tội và những gì Ngài xưng công chính; luật này đòi hỏi chúng ta từ khước những gì Đức Chúa Trời định tội và đòi hỏi chúng ta làm những gì Ngài xưng công chính để xứng với luật lệ thánh biệt, công chính và tốt lành của Đức Chúa Trời.

Luật điều thiện trong tâm trí chúng ta, ra từ sự sống của con người thọ tạo, có tính chất tốt lành, chứa đựng bản chất tốt lành của con người và hoàn toàn phù hợp với bản chất của kinh luật của Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta. Luật này tạo nên trong chúng ta, tức là trong tâm trí chúng ta, ước muốn làm thiện. Đặc biệt khi kinh luật của Đức Chúa Trời ở bên ngoài đòi hỏi chúng ta phải tốt lành, thì luật điều thiện trong chúng ta ban cho chúng ta khuynh hướng làm thiện. Vì vậy, tâm trí trong chúng ta ưa thích vâng theo kinh luật của Đức Chúa Trời ở bên ngoài. Đây là điều vị sứ đồ nói: “Chính mình tôi lấy tâm trí phục kinh luật của Đức Chúa Trời” (La. 7:25).

Luật của tội trong các chi thể chúng ta, ra từ sự sống gian ác và sa ngã của Sa-tan trong xác thịt chúng ta, chứa đựng bản chất ác của Sa-tan. Sự sống gian ác của Sa-tan là điều “ác” hiện diện trong xác thịt của chúng ta và “tội” cư ngụ bên trong chúng ta (La. 7:21, 20). Luật ra từ sự sống gian ác này gây cho chúng ta phạm tội vì nó là “luật của tội”. Luật này từ trong xác thịt chúng ta phơi bày quyền lực tự nhiên làm điều gian ác. Nó cũng tranh chiến chống

ngịch lại luật điều thiện trong tâm trí chúng ta. Khi luật điều thiện trong tâm trí chúng ta ban cho chúng ta ước muốn làm thiện thì luật của tội này nổi dậy chống nghịch lại luật điều thiện và đem chúng ta vào tình trạng phu tù (La. 7:23). Vì vậy, không những chúng ta không thể làm trọn ước muốn làm thiện của mình hay thỏa đáp những đòi hỏi tốt lành của kinh luật của Đức Chúa Trời; trái lại, chúng ta còn vâng theo luật của tội trong các chi thể của chúng ta, phạm mọi loại tội và nhận lãnh sự chết, như đã được mô tả trong La Mã 7:21-24. Vì vậy, chúng ta phạm tội không theo sự lựa chọn hay ý muốn riêng của mình, nhưng là luật của tội xúi giục chúng ta từ bên trong.

Như vậy, chúng ta có thể thấy trong con người sa ngã của mình có hai luật trái nghịch nhau. Một luật ra từ sự sống thọ tạo tốt lành và hành động trong tâm trí của hồn chúng ta, ban cho chúng ta ước muốn làm thiện. Luật kia ra từ sự sống sa ngã, gian ác của Sa-tan và hành động trong các chi thể của thân thể, gây cho chúng ta phạm tội. Hai luật trái ngược này thực hiện những điều mâu thuẫn trong tâm trí và các chi thể của thân thể chúng ta, tranh chiến với nhau trong chúng ta. Kết quả là luật của tội thường thắng hơn luật điều thiện; vì vậy, chúng ta không làm được điều thiện mình ao ước và bị bắt buộc làm điều ác mà mình không muốn làm. Đây là điều người Hoa gọi là cuộc chiến giữa lí trí và dục vọng. Lí trí là yếu tố làm thiện vốn có sẵn trong sự sống thọ tạo của chúng ta; dục vọng là tội cư ngụ trong thân thể sa ngã của chúng ta, hay điều ác trong xác thịt chúng ta. Mặc dù lí trí có phần nào ra từ lương tâm của con người chúng ta, hành động trong tâm trí chúng ta; nhưng sự tốt lành, tức là kết quả của sự hành động của lí trí ra từ hoặc đi qua trí tuệ. Mặc dù dục vọng có liên quan đến bản chất sa ngã của con người chúng ta nhưng nó hành động trong các chi thể của thân thể chúng ta; như vậy, điều ác là hoạt động của dục vọng, ra từ dục vọng. Vì vậy, một người mạnh mẽ về trí tuệ là người có khả năng làm thiện

nhiều hơn, trong khi một người hay đam mê thái quá lại dễ phạm điều ác hơn. Nói cách khác, mọi điều thiện mà con người thực hiện bắt nguồn từ trí tuệ hoặc đi qua trí tuệ của tâm trí, trong khi mọi điều ác con người vi phạm là sự hoạt động của dục vọng trong các chi thể. Khi lí trí trong tâm trí chiếm được ưu thế, nó sẽ làm cho con người làm thiện; khi dục vọng trong các chi thể chiếm ưu thế, nó sẽ làm cho con người làm điều ác.

Một số người nghĩ rằng cuộc chiến này là sự tranh chiến được đề cập trong Ga-la-ti chương 5. Nghĩ như vậy là không chính xác. Ga-la-ti chương 5 nói về sự tranh chiến của xác thịt với Linh. Điều này chỉ xảy ra sau khi chúng ta được cứu và nhận được Thánh Linh. Nhưng cuộc chiến giữa hai luật liên quan đến cuộc chiến giữa sự sống sa ngã, gian ác của Sa-tan và sự sống thọ tạo tốt lành, và cuộc chiến này đã có ngay cả trước khi chúng ta được cứu. Vì vậy đây là một cuộc tranh chiến bên trong hiện hữu trước khi chúng ta được cứu. Đây cũng là sự tranh chiến giữa thiện và ác đang xảy ra trong mọi người trên thế giới.

Luật của tội ra từ “Tội”, “Tội” này là sự sống của Sa-tan và vì vậy nó năng động. “Tội” được viết hoa, nghĩa là được nhân cách hóa và chỉ có một. Trong vũ trụ, chỉ có một Đức Chúa Trời và chỉ có một Tội. Tội là một chữ đặc biệt và là một đối tượng duy nhất; Tội cũng là một tên khác của Sa-tan. Vì vậy, La Mã từ chương 5 đến chương 8 cho chúng ta biết Tội có thể cai trị trên chúng ta, có quyền thống trị trên chúng ta, làm cho chúng ta trở nên nô lệ của hấn mà chống nghịch lại Đức Chúa Trời; hấn có thể cư ngụ trong chúng ta, chế ngự chúng ta, xui chúng ta làm điều ác mà chúng ta không muốn. Nhiều tội bên ngoài chúng ta chỉ là những hành động ra từ sự hành động của Tội duy nhất này trong chúng ta. Tội duy nhất này là gốc rễ và là mẹ của mọi tội phạm.

Làm thế nào Tội khiến chúng ta phạm tội ở bên ngoài? Chúng ta đã thấy Tội cư ngụ trong thân thể mình. Tuy

nhiên, chính ý chí chứ không phải thân thể, là cơ quan thúc đẩy xúi giục. Ý chí vốn thuộc về hồn con người, bị Tội kiểm soát và vâng theo các mệnh lệnh của Tội, nên ý chí xúi giục thân thể con người phạm tội. Vì vậy, mặc dù Tội cư ngụ trong thân thể chúng ta, nhưng công tác phá hoại của nó tiến từ chu vi đến trung tâm. Lấy thân thể làm chỗ, nó phóng ra chất độc tội lỗi, gây thiệt hại cho hồn và linh chúng ta đến khi toàn thể con người chúng ta bị bại hoại. Vì vậy, Giê-rê-mi chương 17 nói: “Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật”. La Mã chương 1 và Mác chương 7 cũng tuyên bố có tất cả mọi loại tội lỗi trong con người. Những câu Kinh Thánh này minh chứng con người hoàn toàn bại hoại do Tội bên trong và đẩy dẩy tội lỗi. Vì lí do này, ngày nay trong hồn con người, tâm trí họ gian ác, tình cảm họ ô uế, ý chí họ nổi loạn và ngay cả linh của họ tối tăm. Đây là những hậu quả của công tác của Tội trong con người.

Nhưng chúng ta phải cảm ơn Chúa, vì trong chúng ta là những người được cứu, không những có hai luật thiện và ác, con người và Sa-tan, mà còn có luật của Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Vì luật này ra từ sự sống của Linh Đức Chúa Trời nên luật này ra từ sự sống thần thượng, phi thọ tạo của Đức Chúa Trời. Xét về bản chất vừa thần thượng vừa đời đời, giữa tất cả những gì được gọi là sự sống trong vũ trụ này, chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là “sự sống”. (Điều này đã được thảo luận chi tiết trong chương một, *Sự sống là gì?*). Vì vậy, bản chất của sự sống Đức Chúa Trời là “sự sống”. Vì luật của Linh sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời nên bản chất của luật này là “sự sống”, cũng như bản chất của sự sống Đức Chúa Trời là “sự sống”. Luật của Linh không giống như hai luật đã được đề cập đến trong phần trên tức là các luật “thiện” hoặc “ác” do nơi sự sống mà chúng đã phát sinh ra.

Theo sự khai thị của Kinh Thánh, sự sống và điều thiện là hai điều khác nhau. Ở đây, chúng ta có ba điều chính yếu: trước hết, sự sống là bản chất của sự sống Đức Chúa

Trời, trong khi điều thiện là bản chất của sự sống con người; thứ hai, sự sống thì tốt lành, nhưng điều thiện không nhất thiết là sự sống; thứ ba, cây sự sống và cây tri thức thiện ác trong vườn Ê-đen cho chúng ta thấy sự sống và điều thiện rõ ràng là khác nhau hoàn toàn nhưng sự sống thì không tốt, không xấu. Sự sống, điều thiện và điều ác là ba điều khác nhau và độc lập với nhau.

Chúng ta nên nhận biết chẳng những sự sống và điều thiện không giống nhau mà còn có sự khác biệt giữa những điều thiện với nhau nữa. Có điều thiện của Đức Chúa Trời và cũng có điều thiện của con người. Điều thiện của Đức Chúa Trời ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và chứa đựng bản chất của sự sống Ngài. Điều thiện của con người ra từ sự sống của con người và chỉ chứa đựng bản chất tốt lành của con người. Sự tốt lành đề cập đến trong Ê-phê-sô 2:10, và 2 Ti-mô-thê 2:21 là điều thiện mà chúng ta sống ra qua sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, đây là điều thiện ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và là điều thiện của Ngài. Điều thiện được đề cập đến trong Ma-thi-ơ 12:35, La Mã 7:18, 19, 21 và 9:11 là điều thiện chúng ta sống biểu lộ ra theo sự sống của chính chúng ta; vì vậy, đây là điều thiện ra từ sự sống của con người và là điều thiện của con người. Điều thiện ra từ sự sống của con người chỉ là điều thiện của con người, không có bản chất của “sự sống” hay yếu tố của Đức Chúa Trời. Chỉ có điều thiện của Đức Chúa Trời, ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, mới không những tốt lành mà còn có bản chất “sự sống” và chính yếu tố của Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi nói sự sống và điều thiện khác nhau, chúng ta muốn nói rằng sự sống của Đức Chúa Trời và điều thiện của con người khác nhau. Điều thiện của con người, ra từ sự sống của con người và không chứa đựng điều gì của bản chất sự sống của Đức Chúa Trời nên đương nhiên khác với sự sống của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, vì điều thiện của Đức Chúa Trời ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và chứa đựng bản chất sự sống của Đức Chúa Trời nên chúng ta

không thể nói điều thiện của Đức Chúa Trời khác với sự sống của Ngài được.

Như vậy, chúng ta thấy luật của Linh sự sống chứa đựng bản chất “sự sống” của Đức Chúa Trời có thể làm cho chúng ta sống ra sự sống của Đức Chúa Trời, tức là sống ra điều thiện của Đức Chúa Trời.

Hơn nữa, ba luật khác biệt này bên trong chúng ta cũng có mức độ sức mạnh khác nhau. Chúng ta biết rằng các luật khác nhau về sức mạnh tùy theo mức độ sức mạnh của đối tượng mà từ đó các luật ấy lần lượt phát sinh. Luật điều thiện ra từ sự sống con người, và sự sống của con người là yếu nhất; vì vậy, sức mạnh làm thiện của luật làm thiện là yếu nhất; luật của tội ra từ sự sống mạnh hơn của Sa-tan; vì vậy, năng lực phạm tội của luật này mạnh hơn năng lực làm thiện của luật điều thiện. Năng lực này không những làm cho chúng ta bất lực trong điều thiện mà còn làm chúng ta phạm tội và làm điều ác. Luật của Linh sự sống ra từ sự sống mạnh nhất, tức là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, năng lực của luật này cũng mạnh nhất; không những năng lực này giữ chúng ta khỏi theo luật của tội mà phạm tội nhưng còn làm cho chúng ta có thể phục theo chính luật sự sống và sống ra sự sống của Đức Chúa Trời một cách tự nhiên.

Trái qua các thế hệ, các triết gia đã hỗ trợ nhiều cách khác nhau để vun trồng đạo đức hay cải thiện hành vi. Thật ra, những gì họ hỗ trợ là sự hành động qua trí tuệ con người, ý chí riêng, nỗ lực riêng, trên một thân thể và hồn đã bại hoại, để phục hồi hay khơi động lại sự tốt lành ban đầu của con người. Tất cả những điều này không thể thắng hơn năng lực tự nhiên của luật của tội. Trong khi năng lực của luật rất bền bỉ thì sức người có hạn. Trong khi năng lực của luật là tự phát thì sự phấn đấu của con người chỉ là nỗ lực riêng. Bằng cách sử dụng nỗ lực riêng, người ta có thể duy trì được ít lâu, nhưng một khi sức lực đã kiệt quệ thì năng lực của luật lại bộc phát. Vì vậy, phương cách giải cứu của

Đức Chúa Trời không phải là hành động nơi thân thể bên ngoài bằng cách đối phó với Tội quanh chúng ta, cũng không phải hành động trên hồn, là phần ở giữa thân thể và linh, bằng cách làm cho ý chí chúng ta mạnh mẽ lên để làm thiện. Nhưng ấy là tại nơi trung tâm của chúng ta, tức là linh chúng ta, Đức Chúa Trời thêm vào trong chúng ta một yếu tố mới có mang theo năng quyền sự sống mạnh mẽ. Sau đó, Ngài có thể tiến từ trung tâm ra chu vi, xuyên suốt mọi phần của bản thể chúng ta, bằng cách dùng một luật này để khống chế một luật khác và thắng hơn quyền lực phạm tội trong luật của tội. Hơn nữa, chúng ta có khả năng để sống ra điều thiện mà kinh luật của Đức Chúa Trời đòi hỏi, là những điều trước đây chúng ta không thể sống biểu lộ được nhờ luật điều thiện. Hơn thế nữa, nhờ sự sống đến từ luật của Linh sự sống, chúng ta có thể sống ra sự sống mà Đức Chúa Trời mong muốn.

Vì vậy, Kinh Thánh cho chúng ta thấy có bốn luật liên quan đến mình, một luật ở bên ngoài và ba luật kia ở bên trong. Luật bên ngoài là kinh luật của Đức Chúa Trời. Còn ba luật ở bên trong chúng ta thì một ở trong hồn, một ở trong thân thể, và một ở trong linh chúng ta. Luật trong hồn ra từ sự sống thọ tạo tốt lành của con người, luật này là luật điều thiện và ban cho chúng ta ước muốn làm thiện. Luật trong thân thể chúng ta, ra từ sự sống sa ngã, gian ác của Sa-tan, luật này là gian ác và làm cho chúng ta phạm tội. Luật trong linh chúng ta ra từ sự sống phi thọ tạo và thần thượng của Đức Chúa Trời, luật này là thần thượng và làm cho chúng ta sống ra sự sống thần thượng của Đức Chúa Trời.

Kinh luật của Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta đại diện Đức Chúa Trời để ban cho chúng ta những đòi hỏi về sự thánh biệt, công chính và tốt lành. Luật điều thiện trong hồn chúng ta, khi tiếp xúc với những đòi hỏi thánh biệt và tốt lành của kinh luật của Đức Chúa Trời, sẽ ao ước và quyết định làm trọn những đòi hỏi ấy. Nhưng khi luật của

tội trong các chi thể của chúng ta nhận biết luật điều thiện trong hồn chúng ta ao ước làm trọn những đòi hỏi thánh biệt và tốt lành của kinh luật của Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta, chắc chắn luật ấy sẽ chống đối, kháng cự và thường thắng hơn luật điều thiện trong hồn chúng ta. Như vậy, chúng ta không những bất năng trong việc làm trọn kinh luật của Đức Chúa Trời, mà thay vào đó, lại vi phạm những đòi hỏi thánh biệt và tốt lành của kinh luật của Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta. Lí do là vì luật của tội trong thân thể chúng ta mạnh hơn luật điều thiện trong hồn chúng ta. Tuy nhiên, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta còn mạnh mẽ hơn luật điều thiện trong hồn chúng ta. Vì vậy, nếu chúng ta quay về linh và sống theo linh, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta sẽ giải cứu chúng ta khỏi luật của tội trong thân thể chúng ta và làm cho chúng ta sống ra sự sống thần thượng của Đức Chúa Trời. Như vậy, không những chúng ta sẽ có khả năng làm trọn những đòi hỏi thánh biệt và tốt lành của Đức Chúa Trời, mà còn đáp ứng được tiêu chuẩn thần thượng của chính Đức Chúa Trời nữa.

Chẳng hạn như kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta không được tham lam. Luật điều thiện trong hồn chúng ta khi tiếp xúc với đòi hỏi này của kinh luật của Đức Chúa Trời bèn ao ước làm trọn điều ấy và quyết định không bao giờ tham lam nữa. Nhưng ngay lúc ấy, luật của tội trong thân thể chúng ta nổi lên chống đối, làm cho chúng ta tham lam trong lòng; như vậy chúng ta không thể làm trọn kinh luật của Đức Chúa Trời, là luật đòi hỏi chúng ta không được tham lam. Khi ấy, dù muốn và quyết tâm thế nào chăng nữa, chúng ta vẫn không loại bỏ lòng tham khỏi chính mình. Trái lại, càng mong muốn và nỗ lực loại bỏ, lòng tham càng dấy lên trong chúng ta. Bất cứ khi nào luật điều thiện trong hồn chúng ta ao ước làm thiện do sự đòi hỏi bên ngoài của kinh luật của Đức Chúa Trời, thì luật của tội ở trong thân thể chúng ta liền làm cho điều

ác hành động trong chúng ta và tranh chiến lại tư tưởng tốt lành. Hơn nữa, luật điều thiện trong hồn chúng ta không cân xứng với luật của tội trong thân thể chúng ta; trong hầu hết mọi cuộc đụng độ, luật điều thiện đều thua luật của tội trong thân thể chúng ta. Nhưng ngợi khen Chúa, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta mạnh hơn luật của tội trong thân thể chúng ta và có khả năng giải cứu chúng ta, buông tha chúng ta khỏi luật của tội. Nếu chúng ta ngừng nỗ lực và phấn đấu bởi luật điều thiện trong hồn mình, mà thay vào đó, chúng ta bước đi theo luật của Linh sự sống thì chúng ta sẽ được giải cứu khỏi lòng tham do luật của tội xui giục trong thân thể mình. Chúng ta sẽ có thể đáp ứng đòi hỏi của kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời là không được tham lam và sống ra sự thánh biệt vượt trội của Đức Chúa Trời.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rõ kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta một số điều, và ngay lập tức luật điều thiện trong hồn chúng ta mong muốn đáp ứng những đòi hỏi ấy. Nhưng luật của tội ở giữa hai luật này, tức là kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời và luật điều thiện trong hồn chúng ta, ngăn chặn và cản trở chúng ta làm cho luật điều thiện trong hồn chúng ta không thể làm trọn những đòi hỏi của kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời mà nó ước ao. Như thân thể vây quanh hồn chúng ta, thì luật của tội trong thân thể chúng ta cũng vây quanh luật điều thiện trong hồn chúng ta và mạnh hơn luật này. Vì vậy, luật điều thiện trong hồn chúng ta rất khó thắng hơn luật của tội trong thân thể chúng ta để phá vỡ sự bao vây này mà làm trọn đòi hỏi của kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta mạnh mẽ hơn hết; vì vậy, luật này có thể thắng hơn luật của tội trong thân thể chúng ta và giải cứu chúng ta khỏi bị luật kia bủa vây. Do đó, luật của Linh sự sống có thừa khả năng đáp ứng trọn vẹn đòi hỏi của kinh luật của Đức Chúa Trời.

Chúng ta có thể dùng một ví dụ khác để giải thích mối quan hệ của bốn luật này đối với chúng ta. Kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời giống như một người đàn ông đáng kính đến cầu hôn chúng ta, trong khi luật điều thiện bên trong chúng ta giống như một thiếu nữ đức hạnh ưng thuận lời cầu hôn ấy. Tuy nhiên, luật của tội trong các chi thể chúng ta giống như một kẻ bất lương luôn luôn theo đuổi thiếu nữ ấy và cố gắng gây ra nan đề giữa thiếu nữ và người đàn ông. Bất cứ khi nào hắn thấy thiếu nữ này đáp “vâng” với lời cầu hôn của ông ấy, hắn bắt cóc cô và ép buộc cô không làm theo ý muốn của chính cô hay theo ước muốn của lòng cô. Ngay lúc ấy, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta, giống như một thiên sứ từ trời, đến giải cứu cô ta khỏi tay kẻ bất lương kia và giúp cô đáp ứng lời cầu hôn của người đàn ông; như vậy, lòng ước muốn của cô được toại nguyện. Kết quả là cô khám phá ra vị thiên sứ đến từ trời ấy chính là Đấng mà người đàn ông kia đại diện cho. Vì vậy, bằng cách giúp cô đáp ứng lời cầu hôn của người đàn ông, thiên sứ ấy đã giúp cô thực hiện niềm ước ao của chính vị thiên sứ.

Qua ví dụ này, chúng ta thấy mặc dù luật bề ngoài của Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta nhiều điều, nhưng không làm cho chúng ta thực hiện được những đòi hỏi ấy. Luật điều thiện trong tâm trí chúng ta ao ước làm trọn những đòi hỏi của kinh luật bên ngoài của Đức Chúa Trời, nhưng không có năng lực để thắng hơn luật của tội trong các chi thể chúng ta. Hơn nữa, luật của tội luôn luôn chống đối luật điều thiện, và khi thấy luật điều thiện cố gắng đáp ứng đòi hỏi của luật Đức Chúa Trời, chắc chắn luật này sẽ ngăn chặn và cản trở việc thực hiện ao ước ấy. Nhưng luật của Linh sự sống trong linh chúng ta, là sự giải cứu của chúng ta đến từ Đức Chúa Trời với quyền năng mạnh mẽ của sự sống Ngài, giải thoát chúng ta khỏi luật của tội, như vậy làm cho chúng ta có khả năng đáp ứng mọi đòi hỏi của kinh luật của Đức Chúa Trời và sống ra sự sống thần thượng của

Ngài. Nếu sống theo luật này của Linh sự sống, chúng ta sẽ được giải cứu khỏi luật của tội trong các chi thể mình và tự động trở nên một Cơ Đốc nhân đặc thánh.

KẾT LUẬN

Đến đây, chúng ta có thể rút ra vài kết luận: Thứ nhất, sự giải cứu của Đức Chúa Trời khác với sự sửa đổi của con người. Trước hết, nền tảng hay cơ sở của hai bên khác nhau. Sự sửa đổi của con người dựa trên sự tốt lành ban đầu của họ, trong khi sự giải cứu của Đức Chúa Trời dựa trên sự sống của Ngài và Linh của Ngài, tức là Linh sự sống. Kế đến, có sự khác biệt về phương pháp. Con người cố gắng sửa đổi bằng cách gắng sức sử dụng năng lực của mình, ngược đãi thân thể, đè nén dục vọng, để tạo nên điều thiện trong con người. Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta bằng cách đặt Linh Ngài và sự sống Ngài vào trong linh chúng ta, như vậy làm cho linh chúng ta sống động; sau đó, Ngài bắt đầu công tác đổi mới từ linh chúng ta bằng cách trước hết Ngài đổi mới các phần khác nhau trong linh chúng ta, rồi đến các phần khác nhau trong hồn chúng ta, và sau cùng là thân thể vật lí của chúng ta. Cuối cùng, kết quả thật khác hẳn. Kết quả của sự sửa đổi của con người chỉ là điều tốt đẹp cao cả nhất của con người; sự sửa đổi ấy không thể làm cho con người sống ra tiêu chuẩn thần thượng của bản chất Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, kết quả của sự giải cứu của Đức Chúa Trời là chúng ta trở nên những Thần-nhân, sống ra sự sống thần thượng của Đức Chúa Trời.

Thứ hai, sự giải cứu của Đức Chúa Trời không làm cho chúng ta thành những người tốt, nhưng thành những người-sự sống. Tổng cộng có ba hạng người trong vũ trụ, đó là Thần-nhân, người thiện, và người ác. Sự giải cứu của Đức Chúa Trời không làm cho chúng ta thành những người ác hay những người thiện, nhưng trở nên những người-sự sống.

Thứ ba, là những người được Đức Chúa Trời giải cứu, chúng ta phải sống trong Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là

sự sống, và sự giải cứu của Đức Chúa Trời là làm cho chúng ta trở nên những người—sự sống. Sự sống là Đức Chúa Trời; trở thành một người—sự sống tức là trở nên một Thần—nhân. Để trở nên những con người như vậy, chúng ta cần phải sống trong Đức Chúa Trời. Nhưng sống trong Đức Chúa Trời là một giáo lí mơ hồ. Nếu muốn sống trong Đức Chúa Trời, chúng ta cần sống trong luật của Linh sự sống. Điều này đòi hỏi chúng ta sống trong linh, vì luật của Linh sự sống ở trong linh. Điều này cũng đòi hỏi chúng ta sống theo cảm nhận của sự sống vì cảm nhận của sự sống là cảm nhận của luật của Linh sự sống. Nếu vâng theo cảm nhận của sự sống, chúng ta đặt tâm trí vào linh và sống trong linh. Nếu đặt tâm trí vào linh, chúng ta sống trong luật của Linh sự sống. Khi sống trong luật của Linh sự sống, chúng ta sống trong Đức Chúa Trời. Kết quả, điều chúng ta sống ra là chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là sự sống; vì vậy, điều chúng ta sống ra là sự sống, và chúng ta trở nên người—sự sống.

Thứ tư, mục tiêu của sự giải cứu của Đức Chúa Trời là sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời với con người. Khi chúng ta vâng theo luật của Linh sự sống và sống trong Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời cũng sống trong chúng ta, Ngài và chúng ta hòa quyện một cách thực tiễn cho đến khi cả hai hoàn toàn hiệp một.

Có hai điểm khác nữa về phương diện chủ quan. Trước hết, chúng ta phải chạm được cảm nhận bên trong, tức là vâng phục cảm thức bên trong. Thứ hai, chúng ta phải sống trong sự tương giao. Sự tương giao là dòng chảy của sự sống. Sống trong sự tương giao là sống trong dòng chảy của sự sống. Hai điều này giúp chúng ta kinh nghiệm sự sống một cách thực tiễn. Mục tiêu của chương này khi bàn về ba sự sống và bốn luật là để đưa chúng ta đến điểm này. Nếu chúng ta chạm được cảm nhận bên trong một cách thực tiễn và sống trong sự tương giao, chúng ta sẽ tự động (1) được giải cứu khỏi tội, (2) làm những việc thiện mà chúng ta

không thể làm được, (3) làm trọn kinh luật của Đức Chúa Trời, và (4) sống ra sự sống của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, chúng ta có thể trở thành những Thần-nhân, biểu lộ sự sống của Đức Chúa Trời. Đây là mục tiêu cứu rỗi của Đức Chúa Trời và điều này cũng bao hàm mọi vấn đề liên quan đến sự sống.

CHƯƠNG 10

LUẬT SỰ SỐNG

Trong chương vừa qua, chúng ta đã thấy có ba sự sống và có bốn luật. Bây giờ, chúng ta đặc biệt xem xét luật sự sống, cũng là luật của Linh sự sống như được đề cập trong chương trước. Trong bốn luật này, chỉ có luật sự sống là khả năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, làm cho chúng ta có thể sống ra sự sống của Đức Chúa Trời một cách thật tự nhiên; vì vậy, nếu muốn chạm được con đường sự sống, chúng ta phải có tri thức sáng tỏ về luật sự sống.

I. NỀN TẢNG KINH THÁNH

Chúng ta có thể nói trong toàn bộ Kinh Thánh, chỉ có năm phần sau đây đề cập đến luật sự sống một cách trực tiếp hoặc gián tiếp:

A. La Mã 8:2: *“luật của Linh sự sống...”*.

Luật của Linh sự sống được đề cập ở đây là luật sự sống. Linh là nguồn của luật này chứa đựng sự sống, hoặc có thể nói Ngài là sự sống; vì vậy, luật này là luật của Linh và cũng là luật sự sống.

B. Hê-bơ-rơ 8:10: *“Chúa lại nói: Đây là giao ước Ta sẽ lập với nhà Israel sau những ngày đó: Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong tâm trí họ, Ta sẽ viết nó vào lòng họ; Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, họ sẽ làm dân Ta”*.

C. Hê-bơ-rơ 10:16: *“Chúa nói: này là giao ước Ta lập với họ sau những ngày đó, Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong lòng họ, Ta sẽ viết nó vào tâm trí họ”*.

Hai phần Kinh Thánh trên trong Hê-bơ-rơ chương 8 và 10 trước hết đề cập đến việc “đặt” và sau đó là “viết”, và cả hai đều nói về tâm trí và lòng; như thế, cả hai câu đều nói cùng một ý và đều được trích từ Giê-rê-mi 31:33.

D. Giê-rê-mi 31:33: *“Đức Giê-hô-va nói: này là giao ước mà Ta sẽ lập với nhà Israel sau những ngày đó: Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong các phần bẻ trong của họ và Ta sẽ viết nó trong lòng họ. Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, họ sẽ làm dân Ta”.*

E. Ê-xê-chi-ên 36:25-28: *“Ta sẽ rưới nước trong trên các ngươi và các ngươi sẽ trở nên sạch; Ta sẽ làm sạch hết mọi sự ô uế và mọi thần tượng của các ngươi. Ta sẽ ban lòng mới cho các ngươi, và đặt linh mới trong các ngươi. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khỏi thịt các ngươi, và ban cho các ngươi lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Linh Ta trong các ngươi, và làm cho các ngươi noi theo các luật lệ Ta, thì các ngươi sẽ giữ các quy định Ta và làm theo... và các ngươi sẽ là dân Ta và Ta sẽ là Đức Chúa Trời các ngươi”.*

Trong vài câu Kinh Thánh trên, có ít nhất năm điều được nói đến: (1) tẩy sạch bằng nước trong, (2) ban cho chúng ta lòng mới, (3) ban cho chúng ta linh mới, (4) cắt lòng bằng đá khỏi chúng ta và ban cho chúng ta lòng bằng thịt, (5) đặt Linh của Đức Chúa Trời trong chúng ta. Năm điều này kết hợp với nhau sẽ đưa đến kết quả là Ngài sẽ làm cho chúng ta bước đi trong các luật lệ của Đức Chúa Trời, giữ và làm theo các quy định của Ngài. Chúng ta sẽ là dân Ngài và Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của chúng ta. Điều này nghĩa là Thánh Linh ở trong chúng ta ban cho chúng ta sức lực mới để thực hiện ý chỉ của Đức Chúa Trời và làm hài lòng Đức Chúa Trời, để Đức Chúa Trời có thể là Đức Chúa Trời của chúng ta và chúng ta làm dân của Đức Chúa Trời. Như vậy, kết quả được đề cập ở đây giống như kết quả được đề cập trong Giê-rê-mi 31:33.

II. NGUỒN GỐC CỦA LUẬT SỰ SỐNG – SỰ TÁI SINH

Nếu muốn nói đến nguồn gốc của luật sự sống, chúng ta phải bắt đầu từ sự tái sinh, vì tái sinh là tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời vào trong linh chúng ta. Một khi được tái sinh, chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời trong linh mình, và một khi có sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta tự nhiên có luật sự sống là luật ra từ sự sống của Đức Chúa Trời.

A. Sự sáng tạo nên con người

Khi nói đến sự tái sinh, chúng ta phải bắt đầu với sự sáng tạo nên con người. Khi con người được bàn tay Đức Chúa Trời sáng tạo nên, họ chỉ có sự sống tốt lành và ngay thẳng của sự sống con người; họ không có sự sống thần thượng và đòi đòi của Đức Chúa Trời. Nhưng khi Đức Chúa Trời sáng tạo nên con người, mục tiêu chính của Ngài là hòa quyện sự sống Ngài vào trong con người, để liên hiệp với con người, và để đạt đến mục tiêu là sự hiệp một giữa Đức Chúa Trời và con người. Vì vậy, khi sáng tạo nên con người, ngoài thân và hồn, Đức Chúa Trời còn đặc biệt tạo một linh cho họ. Linh này là cơ quan mà bởi đó loài người nhận sự sống của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta sử dụng linh này để tiếp xúc với Đức Chúa Trời là Linh, chúng ta nhận được sự sống của Ngài và liên hiệp với Ngài, qua đó hoàn thành mục đích trung tâm của Đức Chúa Trời.

B. Sự sa ngã của con người

Nhưng con người đã sa ngã trước khi nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Nhân tố quan trọng nhất trong sự sa ngã của con người không chỉ khiến con người phạm tội và xúc phạm Đức Chúa Trời, mà còn làm cho linh của họ chết, hay đem sự chết đến trên chính cơ quan mà bởi đó con người nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Nói rằng linh

chết không có nghĩa là linh không tồn tại, mà là linh đã mất chức năng tương giao với Đức Chúa Trời và bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời; vì vậy, con người không còn tương giao được với Đức Chúa Trời. Từ đó về sau, họ không thể dùng linh mình để tiếp xúc với Đức Chúa Trời và do đó không nhận sự sống của Ngài được nữa.

Khi ấy, nhu cầu của con người gồm hai phương diện: một mặt, vì đã sa ngã, họ cần Đức Chúa Trời xử lí tội họ đã phạm; mặt khác, họ cần Đức Chúa Trời nhiều hơn để được Ngài tái sinh bằng cách ban sự sống cho linh chết của họ để họ có thể nhận được sự sống của Ngài và hoàn thành mục đích trung tâm của Đức Chúa Trời khi Ngài sáng tạo nên con người.

C. Phương cách giải cứu của Đức Chúa Trời

Vì những nhu cầu này nên phương cách giải cứu của Đức Chúa Trời gồm hai phương diện, tiêu cực và tích cực. Về mặt tiêu cực, nhờ Chúa Jesus đổ huyết trên thập tự giá, sự cứu chuộc đã được hoàn thành và nan đề tội của con người được giải quyết. Về mặt tích cực, bởi sự chết của Chúa Jesus, sự sống của Đức Chúa Trời được giải phóng; sau đó, bởi sự phục sinh của Chúa Jesus, sự sống của Đức Chúa Trời được đặt vào trong Thánh Linh; cuối cùng, Thánh Linh đã vào trong chúng ta, làm cho chúng ta nhận được sự sống thần thượng và đòi đòi của Đức Chúa Trời.

Như vậy, việc Thánh Linh làm cho chúng ta có khả năng nhận được sự sống của Đức Chúa Trời nghĩa là Ngài tái sinh chúng ta. Nhưng làm thế nào Thánh Linh tái sinh chúng ta? Bởi Lời Đức Chúa Trời. Trước hết, Thánh Linh sắp đặt hoàn cảnh để chúng ta có cơ hội nghe lời phúc âm. Kế đến, bởi những lời này, Ngài soi sáng và cảm động chúng ta; Ngài làm cho chúng ta nhìn nhận tội mình, tự cáo trách, ăn năn và tin, nhờ đó chúng ta thừa nhận Lời Đức Chúa Trời và tiếp nhận sự sống của Ngài. Sự sống của Đức Chúa Trời ẩn giấu trong Lời Ngài, và Lời Ngài “là sự sống” (Gi.

6:63). Khi chúng ta tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời, sự sống của Ngài vào trong chúng ta và tái sinh chúng ta.

Vì vậy, sự tái sinh không gì khác hơn là sự kiện con người nhận được sự sống của Đức Chúa Trời thêm vào sự sống của mình. Khi nhận được sự sống của Đức Chúa Trời như vậy, chúng ta nhận được uy quyền làm cho chúng ta trở nên con cái của Đức Chúa Trời (Gi. 1:12). Chính uy quyền ấy là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, khi có sự sống này, chúng ta có uy quyền làm con cái của Đức Chúa Trời.

Khi có sự sống của Đức Chúa Trời và trở nên con cái của Ngài, tự nhiên chúng ta có bản chất thần thượng (2 Phi. 1:4). Nếu sống bởi sự sống này và bởi bản chất của sự sống này, chúng ta có thể trở nên giống Đức Chúa Trời và sống ra hình ảnh của Ngài.

Sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta hành động như thế nào để làm cho chúng ta giống Ngài? Sự sống này hành động từ trung tâm ra đến chu vi, hay từ linh đến hồn rồi đến thân thể, hoàn thành sự lan rộng ra bên ngoài. Khi sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, trước hết là vào linh chúng ta, làm sống động linh đã chết của chúng ta, làm cho linh ấy sống động, tươi mới, mạnh mẽ, đầy sinh lực, có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời, cảm nhận Đức Chúa Trời và có mối tương giao ngọt ngào với Ngài. Sau đó, sự sống dần dần lan tràn từ linh chúng ta vào trong mỗi một phần của hồn chúng ta và làm cho tư tưởng, tình cảm và các quyết định của chúng ta dần dần trở nên giống như tư tưởng, tình cảm và các quyết định của Đức Chúa Trời, có hương vị của Đức Chúa Trời; ngay cả con giận của chúng ta cũng có điều gì đó giống Ngài, có hương vị của Ngài. Thật là một sự thay đổi kì diệu biết bao!

Hơn thế nữa, sự sống này sẽ liên tục hành động cho đến khi lan rộng sang thân thể chúng ta, để thân thể chúng ta cũng có yếu tố của sự sống. Đây là điều La Mã 8:11 nói đến: Linh của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta làm sống động thân thể hay chết của chúng ta.

Sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta sẽ hành động và lan rộng ngày càng hơn cho đến khi làm cho linh, hồn và thân thể chúng ta, hay cả bản thể chúng ta hoàn toàn đầy đầy bản chất của Đức Chúa Trời, yếu tố của Ngài, hương vị hay tính chất của Ngài cho đến khi chúng ta được cất lên và biến hóa; cho đến khi chúng ta bước vào vinh hiển và trở nên hoàn toàn giống Ngài.

Sự sống của Đức Chúa Trời liên tục hành động và lan rộng trong chúng ta nhưng không phải cứ thẳng tiến mà chẳng màng gì đến chúng ta; trái lại, sự sống này đòi hỏi xu hướng của tình cảm, sự hợp tác của tâm trí và sự thuận phục của ý chí chúng ta. Nếu chúng ta từ chối không muốn sự sống hành động, không theo sát và hợp tác với sự sống, sự sống sẽ không có cách nào bày tỏ quyền năng hay chức năng của nó được. Bởi vì con người là một hữu thể sống có tình cảm, tâm trí và ý chí, nên việc họ có muốn hợp tác và có khả năng hợp tác hay không vẫn là một vấn đề. Vì lí do này, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, không những Ngài ban sự sống cho chúng ta, Ngài còn ban cho chúng ta lòng mới và đặt linh mới trong chúng ta (Êxc. 36:26), bởi đó chúng ta được làm cho vừa sẵn sàng vừa có khả năng hợp tác với Ngài.

Lòng liên quan đến sự sẵn sàng, còn linh liên quan đến vấn đề khả năng. Vì đã phản loạn với Đức Chúa Trời, lòng ban đầu của chúng ta trở nên cứng cõi và cũ kĩ; vì vậy, nó được gọi là “lòng bằng đá” hay “lòng cũ”. Lòng cũ này chống nghịch Đức Chúa Trời, không muốn chính Ngài và không bằng lòng hợp tác với Ngài. Bây giờ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một lòng mới. Không phải Ngài ban cho chúng ta một lòng khác thêm vào lòng cũ, mà qua sự tái sinh bởi Thánh Linh, Ngài làm mềm mại lòng bằng đá để nó trở nên “lòng bằng thịt”, như thế Ngài biến đổi nó thành một lòng mới. Lòng này hướng về Đức Chúa Trời, yêu Ngài và những điều thuộc về Ngài. Đây là một cơ quan mới để hướng về Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài, làm cho chúng ta muốn

hợp tác với Ngài và bằng lòng để sự sống của Ngài lan rộng và hành động một cách tự do từ trong ra ngoài.

Vì phân rẽ với Đức Chúa Trời, linh của chúng ta chết và trở nên cũ kĩ; vì vậy, nó được gọi là “linh cũ”. Vì linh cũ này mất khả năng tương giao và tiếp xúc với Đức Chúa Trời, nên tự nhiên nó không thể hợp tác với Ngài được. Bây giờ, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một “linh mới”. Điều này không có nghĩa là Ngài ban cho chúng ta một linh mới thêm vào linh cũ, mà qua sự tái sinh bởi Thánh Linh, Ngài làm cho linh chết của chúng ta trở nên một linh sống động, như vậy, Ngài đổi mới nó thành một linh mới. Linh mới này có thể tương giao với Đức Chúa Trời, có khả năng hiểu Ngài và những điều thuộc linh. Đây là cơ quan mới để tiếp xúc với Đức Chúa Trời, làm cho chúng ta có khả năng hợp tác với Ngài, và qua sự tương giao với Ngài, linh này để cho sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta lan rộng và hành động ra bên ngoài.

Với lòng mới, chúng ta sẵn sàng hợp tác với Đức Chúa Trời, và với linh mới, chúng ta có khả năng hợp tác với Ngài. Tuy nhiên, lòng mới và linh mới nhiều lắm thì cũng chỉ làm cho chúng ta có khả năng khao khát Đức Chúa Trời và tiếp xúc Ngài, và như vậy, để cho sự sống của Ngài tự do lan rộng và hành động ra bên ngoài, chứ không thể đáp ứng đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Đòi hỏi ấy là chúng ta phải đạt đến tiêu chuẩn thần thượng của chính Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm thêm một điều vinh hiển, vượt trội tất cả: Ngài đặt chính Linh Ngài, là Thánh Linh vào trong linh mới của chúng ta. Thánh Linh là hiện thân của Đấng Christ, và Đấng Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời. Như vậy, Thánh Linh vào trong chúng ta là Đức Chúa Trời Tam Nhất vào trong chúng ta. Bằng cách này, Đấng tạo hóa và tạo vật liên hiệp với nhau. Điều này thật đáng ngợi khen! Hơn thế nữa, Linh của Đức Chúa Trời, Linh đời đời hay Linh vô hạn có những chức năng vô hạn và sức mạnh

vượt trên tất cả. Vì vậy, khi Ngài cư ngụ trong linh mới của chúng ta, Ngài có thể dùng năng lực vô hạn của Ngài để xúc dầu và cung ứng cho chúng ta để hành động và chuyển động bên trong chúng ta; như vậy, Ngài làm cho chúng ta đáp ứng được đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời đối với chúng ta, bởi đó cho phép sự sống của Đức Chúa Trời lan tràn liên tục từ linh qua hồn và vào trong thân thể chúng ta. Cuối cùng, Ngài làm cho chúng ta đạt đến giai đoạn vinh hiển, hoàn toàn giống như Đức Chúa Trời! Ha-lê-lu-gia!

Ở đây, một điều được bày tỏ rõ ràng cho chúng ta: phương cách giải cứu của Đức Chúa Trời và sự tự cải thiện của con người trên căn bản đã khác nhau. Sự tự cải thiện của con người chỉ là một công việc thực hiện dựa trên những gì họ có từ đầu, ấy là hồn và thân thể loài người với những khả năng của chúng. Cho dù sự cải thiện có thành công chẳng nữa, nó vẫn rất giới hạn vì năng lực con người có hạn. Nhưng với sự giải cứu của Đức Chúa Trời, dù sự sống của Đức Chúa Trời tiến vào từ từ làm mới lại từng phần của hồn và cũng vào thân thể chúng ta, nhưng điểm quan trọng là Linh của Đức Chúa Trời đã đem sự sống của Đức Chúa Trời thêm vào linh chúng ta. Với năng lực thần thượng, vô hạn, linh chúng ta có thể đáp ứng mọi đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn. Đây là thêm vào, chứ không phải cải thiện. Nỗ lực cải thiện chỉ là sửa đổi những gì chúng ta đã có, đó là một điều giới hạn; nhưng thêm vào một điều gì của chính Đức Chúa Trời thì vô hạn.

Qua những gì chúng tôi vừa trình bày, chúng ta cần phải thấy cách rõ ràng sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Sự sống này chứa đựng một chức năng tự nhiên, và chức năng tự nhiên của sự sống là “luật sự sống”. Như vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn cội của luật sự sống, và sự tái sinh là khởi điểm của luật sự sống này. Mặc dù luật sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, nhưng nhờ sự tái sinh mà sự sống này vào trong chúng ta.

III. Ý NGHĨA CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Nếu muốn biết ý nghĩa của luật sự sống, chúng ta cần phải biết luật là gì. Luật là một quy định tự nhiên, là một nguyên tắc cố định, bất di bất dịch. Một luật không nhất thiết phải ra từ một loại sự sống, nhưng một sự sống thì chắc chắn phải có một luật đi kèm. Luật đi kèm theo sự sống được gọi là luật sự sống. Luật của một sự sống nào đó cũng là đặc tính tự nhiên, chức năng bẩm sinh của sự sống ấy. Chẳng hạn như mèo có khả năng bắt chuột và chó có khả năng giữ nhà ban đêm; hoặc như tai chúng ta có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, dạ dày có thể tiêu hóa thức ăn. Tất cả những khả năng này là những đặc tính tự nhiên và những chức năng bẩm sinh của một loại sự sống. Bất cứ khi nào một loại sự sống nào đó tồn tại và được tự do, nó có thể phát triển đặc tính và biểu lộ khả năng của nó một cách tự nhiên. Nó không cần sự dạy dỗ hay thúc giục của con người; trái lại, nó phát triển một cách rất tự nhiên, không phải cố gắng chút nào. Những đặc tính tự nhiên và những khả năng bẩm sinh của một loại sự sống cấu tạo nên luật của sự sống ấy.

Sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống cao nhất; đây là sự sống vượt trội; vì vậy, các đặc tính và khả năng của sự sống này chắc chắn phải cao nhất và vượt trội mọi sự. Bởi vì những đặc tính cao nhất và những khả năng vượt trội này tạo cấu nên luật sự sống của Đức Chúa Trời, đương nhiên luật này là luật cao nhất và vượt trội tất cả. Vì đã nhận được sự sống của Đức Chúa Trời từ khi được tái sinh nên chúng ta đương nhiên nhận được luật cao nhất và vượt trội tất cả từ sự sống ấy.

Trong chương thứ nhất, *Sự sống là gì?*, chúng tôi đã nói chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống; vì vậy luật sự sống mà chúng ta đang nói đến đặc biệt chỉ về luật sự sống của Đức Chúa Trời.

Luật sự sống là luật Đức Chúa Trời đặc biệt ban cho chúng ta trong giao ước mới. Luật này rất khác với những

luật lệ Đức Chúa Trời ban truyền tại Núi Si-nai. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời ban luật thành văn được viết trên những bảng đá bên ngoài thân thể con người. Đó là luật bên ngoài, luật văn tự. Luật này đòi hỏi loài người những điều bên ngoài, từng điều luật một đòi hỏi họ phải làm điều này và không được làm điều kia. Nhưng không có kết quả gì cả; không người nào có thể giữ được những điều ấy. Mặc dù kinh luật là tốt nhưng loài người xấu xa và chết chóc không có năng lực sự sống để đáp ứng những đòi hỏi của kinh luật ấy. Trái lại, họ vấp ngã dưới sự định tội của kinh luật ấy. La Mã 8:3 chỉ về điều này khi nói rằng: “Điều kinh luật không làm nổi, vì xác thịt làm cho nó ra yếu đuối...”.

Trong Tân Ước, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta bởi Thánh Linh, Ngài đặt chính sự sống của Ngài, cùng với luật sự sống này, vào trong chúng ta. Luật sự sống này là luật bên trong, là ân tứ đặc biệt mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong Tân Ước. Lời hứa của Đức Chúa Trời viết trong Cựu Ước được thành tựu qua điều này: “Ta sẽ đặt luật pháp Ta vào những phần bên trong của họ” (Giê. 31:33).

Luật sự sống này được đặt bên trong chúng ta; vì vậy, về mặt vị trí đây là luật bề trong. Không như luật Cựu Ước là luật ở bên ngoài con người và vì vậy, là luật bề ngoài. Hơn nữa luật sự sống này ra từ sự sống Đức Chúa Trời và thuộc về sự sống Đức Chúa Trời; vì vậy, theo bản chất đây là luật sự sống; vì lí do này, luật ấy có khả năng cung ứng. Không như luật Cựu Ước, là luật văn tự, chỉ có thể đòi hỏi mà không thể cung ứng. Luật sự sống này trong chúng ta, là luật có những đặc tính và những khả năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, có thể điều chỉnh từng điều một của toàn bộ những gì chứa đựng trong sự sống Đức Chúa Trời tuôn ra bên ngoài một cách rất tự nhiên. Kết quả là sự điều chỉnh này thỏa đáp mọi đòi hỏi của luật bên ngoài của Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy dùng hai ví dụ sau để minh họa cách luật sự sống thi hành chức năng. Hãy xem một cây đào đang héo.

Giả sử chúng ta đặt ra vài luật cho nó: “Người phải trở lá xanh, nở hoa đỏ và ra trái đào”. Chúng ta biết dù chúng ta có truyền lệnh từ đầu năm đến cuối năm cũng hoàn toàn vô ích, vì cây đào này đã héo, nó không có sức sống để đáp ứng những đòi hỏi của các luật bên ngoài. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể truyền sự sống vào trong nó và làm cho nó sống lại, thì dù chúng ta không ra lệnh từ bên ngoài, sự sống ấy cũng có khả năng tự nhiên làm cho cây ra lá, hoa và kết quả đúng mùa, thậm chí nó còn có thể kết quả vượt mức yêu cầu của luật bên ngoài ấy. Đây là chức năng của luật sự sống.

Bây giờ, giả sử chúng ta đòi hỏi một người chết mà bảo rằng: “Anh nên thở; anh nên ăn; anh nên ngủ; anh nên cử động”. Chúng ta biết những đòi hỏi của các luật bên ngoài không có hiệu lực gì trên người chết này; người ấy sẽ chẳng thực hiện được một điều nào cả. Tuy nhiên nếu chúng ta đặt sự sống phục sinh vào trong anh ta và làm cho anh sống lại, tự nhiên anh sẽ muốn thở, ăn, ngủ và cử động. Điều này tùy thuộc vào chức năng của luật sự sống.

Qua hai ví dụ này, chúng ta có thể thấy rõ rằng trọn đời sống thuộc linh của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời không thể được hoàn thành bởi nỗ lực riêng hay bởi sự tự cải thiện với tất cả sức cố gắng của chúng ta; trái lại, đây là trách nhiệm của sự sống Đức Chúa Trời mà chúng ta đã tiếp nhận vào trong mình. Sự sống của Đức Chúa Trời cùng với luật sự sống này cư ngụ trong linh chúng ta; nếu chúng ta sống và hành động theo luật sự sống này trong linh chúng ta, thì một cách rất tự nhiên và từ bên trong, luật này sẽ điều chỉnh từng điều một của toàn bộ nội dung của sự sống Đức Chúa Trời từ bên trong chúng ta tuôn ra ngoài một cách rất tự nhiên. Luật này rất tương xứng với những đòi hỏi của luật bên ngoài của Đức Chúa Trời, và thậm chí vượt trội hơn luật bên ngoài mà không có khuyết điểm nào cả. La Mã 8:4 nói về điều này: “Hầu cho sự công chính của luật pháp được thành tựu trong chúng ta, là kẻ chẳng bước theo xác thịt, nhưng theo Linh”.

Luật sự sống viết trên bảng lòng chúng ta được gọi là “luật của Linh sự sống” trong La Mã 8:2. Có nghĩa là luật này không nhúng ra từ sự sống Đức Chúa Trời và thuộc về sự sống Đức Chúa Trời mà còn tùy thuộc vào Linh Đức Chúa Trời và thuộc về Linh Đức Chúa Trời. Lí do là vì sự sống của Đức Chúa Trời tùy thuộc vào Linh Đức Chúa Trời, và Linh của Đức Chúa Trời cũng được gọi là sự sống của Đức Chúa Trời. Khi nói về sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhấn mạnh đó chính là sự sống của Ngài; khi nói về Linh của Đức Chúa Trời, chúng ta nhấn mạnh đến Đấng thi hành sự sống của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, sự sống của Đức Chúa Trời không phải là một thân vị, nhưng Linh của Ngài là một thân vị. Sự sống này không phải là một thân vị nhưng thuộc về Linh, là một thân vị. Sự sống này cũng không thể tách rời khỏi Linh, là một thân vị. Linh này là một thân vị đem sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta mà sự sống này có một luật đi kèm, tức là luật sự sống hay luật của Linh sự sống. Luật này có nguồn là sự sống đời đời của Đức Chúa Trời, và luật này có Linh của Đức Chúa Trời tức là một thân vị có quyền năng lớn lao, là Đấng thi hành luật. Vì vậy, luật của Linh sự sống có quyền năng đời đời và vô hạn để đáp ứng những đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời.

Như vậy chúng ta thấy luật Cựu Ước là luật văn tự viết trên bảng đá. Mặc dù luật này đòi hỏi loài người rất nhiều, nhưng chẳng được kết quả gì. Luật của Tân Ước là luật sự sống viết trên bảng lòng. Mặc dù luật này không đòi hỏi gì nơi chúng ta cả, nhưng cuối cùng luật này làm cho mọi sự phong phú của Đức Chúa Trời từ bên trong chúng ta tuôn ra bên ngoài một cách tự nhiên và như thế làm cho chúng ta dễ dàng đáp ứng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời. Điều này thật kì diệu và vinh hiển biết bao! Đây là ân điển trung tâm mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong Giao Ước Mới! Chúng ta nên cảm tạ và ngợi khen Ngài biết dường nào!

IV. VỊ TRÍ CỦA LUẬT SỰ SỐNG

A. Nơi luật sự sống hành động

Sự sống mà luật sự sống bắt nguồn từ đó là sự sống của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta tiếp nhận sự sống này vào thời điểm tái sinh, sự sống này ở trong chúng ta, mặc dù trọn vẹn về mặt hữu cơ, nhưng sự sống này vẫn chưa lớn lên và trưởng thành trong mỗi một phần của toàn bản thể chúng ta. Sự sống này giống như trái kết trên cây. Khi trái vừa mới mọc ra trên cây, sự sống của trái dù là trọn vẹn, cũng chỉ trọn vẹn về mặt hữu cơ. Để được trọn vẹn về mọi mặt, cần phải có thời gian để trái lớn lên và trưởng thành. Cũng vậy, sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta nhận được khi tái sinh chỉ trọn vẹn về mặt hữu cơ. Để đạt đến mức trưởng thành trọn vẹn, sự sống này phải lớn lên dần dần và trưởng thành trong mỗi một phần của toàn bản thể chúng ta. Sự lớn lên và trưởng thành của sự sống này là do sự hành động của luật sự sống trong mỗi một phần của toàn bản thể chúng ta. Điều này bày tỏ mỗi một phần trong toàn bản thể chúng ta đều là nơi sự sống hành động. Đây là điều Giê-rê-mi 31:33 muốn nói khi đề cập đến “các phần bên trong”.

B. Các phần bên trong và các loại luật

Các phần bên trong của chúng ta là gì? Đây là các phần của linh, hồn và lòng. Lòng này không phải là trái tim theo sinh học, mà là lòng theo tâm lí học. Bên trong con người chúng ta, linh và hồn là những phần độc lập, nhưng lòng có một bản chất kết hợp. Theo những gì được ghi lại trong Kinh Thánh, ít nhất lòng gồm có:

1. Tâm trí. Ví dụ: “Sao các ngươi suy nghĩ điều ác trong lòng vậy?” (Mat. 9:4), và “các tư tưởng của lòng” (Hê. 4:12).

2. Ý chí. Ví dụ: “vững lòng” (Công. 11:23), và “ý định của lòng” (Hê. 4:12).
3. Tình cảm. Ví dụ: “Lòng các người chớ hề bối rối” (Gi. 14:1), “lòng các người sẽ vui mừng” (Gi. 16:22).
4. Lương tâm. Ví dụ: “lòng được rửa sạch khỏi lương tâm xấu” (Hê. 10:22), và “vì nếu lòng chúng ta cáo trách mình” (1 Gi. 3:20).

Những câu Kinh Thánh tham khảo trên cho chúng ta thấy lòng chứa đựng tâm trí, ý chí và tình cảm, là ba phần của hồn và lương tâm, mà lương tâm là một phần của linh. Đây là những thành phần cấu tạo của lòng. Như vậy, lòng không những gồm có một phần của linh và tất cả các phần của hồn, mà còn thật sự nối kết linh và hồn với nhau.

Trong những phần khác nhau bên trong chúng ta, trực giác và phần tương giao của linh là các phần liên quan nhiều hơn đến Đức Chúa Trời và dành cho Đức Chúa Trời; còn phần lương tâm trong linh, là phần có năng lực biệt điều đúng điều sai, liên quan nhiều hơn đến con người và dành cho con người. Tâm trí, ý chí, tình cảm ở trong hồn, tức là vị trí của nhân cách con người, là phần dành cho con người nhiều hơn và cũng có liên hệ về phía con người hơn. Bởi vì lòng bao hàm tâm trí, tình cảm, ý chí và lương tâm, nên đây là phần tổng hợp, là phần kết hợp các phần bề trong khác nhau của con người lại. Chúng ta có thể xem lòng là đại diện chính yếu của con người.

Luật sự sống bên trong chúng ta liên tục hoạt động trong những phần bề trong khác nhau này. Hoạt động của luật sự sống tiến đến đâu thì luật sự sống trở nên luật đến đó. Khi hoạt động của luật này tiến đến tâm trí, luật này sẽ trở nên luật của tâm trí. Khi hoạt động của luật này tiến đến ý chí, luật này sẽ trở nên luật của ý chí. Khi hoạt động của luật này tiến đến tình cảm, luật này sẽ trở nên luật của tình cảm. Khi hoạt động của luật này tiến đến lương tâm, luật này sẽ trở nên luật của lương tâm. Bằng cách này, luật

sự sống trở nên luật của mỗi một phần bên trong con người chúng ta. Như vậy, Hê-bơ-rơ 8:10 và 10:16 gọi luật này là “các luật”. “Các luật” này thật ra cũng chỉ là một luật bên trong, là luật sự sống hay là “luật” mà Đức Chúa Trời nói đến trong Giê-rê-mi 31:33; nhưng luật này được đặt trong những “phần” khác nhau bên trong chúng ta.

Trong sách Giê-rê-mi, luật sự sống được gọi là “luật”, trong khi trong sách Hê-bơ-rơ, luật này được gọi là “các luật”. Nơi này dùng số ít, nơi kia dùng số nhiều. Bởi vì khi nói về chính luật ấy, thì chỉ có một luật, do đó luật này ở thể số ít. Nhưng khi nói đến ảnh hưởng hoạt động của luật này, vì luật sự sống biểu lộ những khả năng và chức năng khác nhau ở các phần khác nhau trong con người chúng ta, nên luật này là số nhiều. Cho dù sách Giê-rê-mi gọi đó là luật số ít hay sách Hê-bơ-rơ gọi đó là luật số nhiều, cả hai đều chỉ về một luật mà thôi.

C. Mối quan hệ giữa lòng và luật sự sống

Chúng ta đã thấy các phần khác nhau bên trong chúng ta là nơi luật sự sống hành động. Trong các phần khác biệt này, lòng là chính yếu vì lòng kết hợp các phần bên trong con người và là đại diện chính yếu của con người. Vậy nên lòng có liên quan mật thiết với luật sự sống, là luật hành động ở các phần khác nhau bên trong chúng ta và do đó trở nên các luật khác nhau. Vì lí do này, chúng ta nên bàn chi tiết về tình trạng của lòng.

1. Lòng là lối vào và lối ra của sự sống

Chúng ta đã đề cập lòng nối kết linh và hồn; như vậy, lòng ở giữa linh và hồn. Nếu sự sống phải vào trong linh, bắt buộc sự sống phải đi qua lòng; nếu sự sống phải tuôn đổ từ linh, sự sống cũng phải tuôn chảy qua lòng. Như vậy, lòng là đường mà sự sống phải đi qua. Có thể nói đây là lối vào và lối ra của sự sống. Chẳng hạn như khi một người nghe phúc âm của Chúa và cảm thấy đau đớn, buồn rầu về

tội hay cảm thấy sự ngọt ngào của tình yêu của Đức Chúa Trời, tình cảm của lòng người ấy được đụng chạm, lương tâm buồn rầu, tâm trí ăn năn, và ý chí quyết định tin. Khi đó, lòng anh mở ra cho Chúa, anh tiếp nhận sự cứu rỗi, và sự sống của Đức Chúa Trời vào trong linh mình. Ngược lại, nếu lòng anh không đồng ý và không mở ra, dù anh em có giảng cho anh ấy bao nhiêu đi nữa, sự sống của Đức Chúa Trời vẫn không thể vào linh anh được. Vì lí do này mà ông Spurgeon, nhà truyền giáo vĩ đại người Anh từng nói, để có thể lay chuyển linh một người, chúng ta phải lay chuyển lòng người ấy trước. Câu nói này thật đúng; chỉ khi nào một lòng bị lay chuyển, linh mới nhận được sự sống của Đức Chúa Trời.

Cũng vậy, sau khi một người được cứu, nếu sự sống của Đức Chúa Trời cần phải tuôn ra từ bên trong người ấy, thì sự sống đó phải đi qua lòng anh và phải được lòng anh hợp tác. Khi lòng đồng ý, sự sống có thể đi qua được. Nếu lòng không đồng ý, sự sống không thể đi qua. Đôi khi lòng chỉ đồng ý một phần nào. Có thể chỉ có lương tâm đồng ý, còn các phần khác thì không. Hoặc chỉ có tâm trí của lòng đồng ý, trong khi tình cảm thì không. Trong trường hợp này, sự sống không thể đi qua. Như vậy, lòng thật là lối vào và lối ra của sự sống. Sự sống được tiếp nhận bắt đầu từ lòng như thế nào thì sự sống cũng được tuôn ra bắt đầu từ lòng thế ấy.

2. Lòng là công-tác của sự sống

Lòng là lối vào và lối ra của sự sống; sự vào ra của sự sống đều tùy thuộc vào lòng. Hơn nữa lòng là công-tác sự sống. Nếu lòng đóng lại, sự sống không thể vào cũng không thể ra. Tuy nhiên, nếu lòng mở ra, sự sống có thể vào ra tự do. Bất cứ phần nào của lòng đóng lại, sự sống của Đức Chúa Trời không thể nào điều chỉnh phần đó được. Bất cứ phần nào của lòng mở ra, sự sống của Đức Chúa Trời có thể điều chỉnh phần đó. Như vậy, lòng thật là công-tác sự sống.

Mặc dù có quyền năng lớn lao nhưng sự sống ấy vẫn bị kiểm soát bởi lòng nhỏ bé của chúng ta. Sự sống có thể hành động hay không là hoàn toàn tùy thuộc vào sự mở ra của lòng. Cũng giống như điện năng tại một nhà máy điện. Dù rất mạnh nhưng nó vẫn bị kiểm soát bởi một công-tắc nhỏ bé mà nhờ đó cung cấp ánh sáng trong phòng chúng ta, nếu công-tắc không mở, điện không thể vào được.

Đĩ nhiên điều này không có nghĩa là một lòng đúng đắn là đã đủ. Lòng chỉ có thể làm cho chúng ta yêu Đức Chúa Trời và hướng về Đức Chúa Trời, chứ không thể làm cho chúng ta tiếp xúc với Ngài và tương giao với Ngài được. Chỉ có linh mới có thể làm chúng ta tiếp xúc với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài mà thôi. Đây là lí do vì sao nhiều anh chị em dù rất yêu Chúa, vẫn không thể tiếp xúc với Ngài trong sự cầu nguyện. Họ có lòng nhưng lại không sử dụng linh. Nhiều nhà phục hưng đã thất bại trong công tác cũng vì lí do này. Họ chỉ lay động tình cảm con người, khuấy động ý chí con người và làm cho người ta yêu Chúa, khao khát Chúa, nhưng không hướng dẫn họ vận dụng linh để tương giao với Ngài.

Đĩ nhiên để có thể hiểu được những điều thuộc linh, chúng ta cần sử dụng tâm trí của lòng. Tuy nhiên, trước hết chúng ta phải sử dụng linh để tiếp xúc những điều này, vì linh là cơ quan tiếp xúc với thế giới thuộc linh. Trước hết chúng ta phải tiếp xúc mọi điều thuộc linh bằng linh của mình, rồi thông hiểu và am tường bằng tâm trí của lòng. Cũng giống như nghe âm thanh: chúng ta tiếp xúc với âm thanh bằng tai và rồi hiểu âm thanh bằng tâm trí. Hoặc cũng như chúng ta nhìn một màu sắc nào đó: chúng ta tiếp xúc bằng mắt và rồi nhận biết bằng tâm trí. Vì vậy, khi rao giảng phúc âm, nếu linh chúng ta yếu, chúng ta chỉ có thể dùng lời nói để người ta thông hiểu và am hiểu bằng tâm trí; về sau chúng ta mới dẫn dắt họ tiếp xúc Linh. Tuy nhiên, khi linh mình mạnh mẽ, chúng ta có thể dùng lời phúc âm để trực tiếp đưa sự cứu rỗi vào trong linh người ta.

Ngay khi người ta nghe phúc âm, họ chạm được linh và được cứu. Sau đó, chúng ta sẽ dần dần dẫn tâm trí họ đến chỗ am hiểu tường tận.

Mặc dù vận dụng linh là chức năng chính yếu trong sự tiếp xúc với Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh, nhưng nếu lòng con người thờ ơ, linh sẽ bị giam cầm bên trong và không thể bày tỏ khả năng của mình. Mặc dù Đức Chúa Trời muốn, Ngài cũng không thể tương giao và tiếp xúc với con người được. Vì vậy, để có thể tiếp xúc Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh chúng ta cần vận dụng linh, và chúng ta cũng cần một lòng hướng về Chúa. Linh là cơ quan tiếp xúc sự sống của Đức Chúa Trời, và lòng là chìa khóa, là công-tác, là vị trí chiến lược cho phép sự sống của Đức Chúa Trời tuôn chảy qua.

3. Lòng có thể ngăn trở hành động của sự sống

Bởi vì lòng là lối vào và lối ra của sự sống và cũng là công-tác của sự sống, lòng có ảnh hưởng lớn lao trên sự sống; một nan đề nhỏ nhất của lòng cũng có thể hoàn toàn ngăn trở hành động của sự sống. Khi bất cứ phần nào của lòng có vấn đề, sự sống sẽ bị ngăn cản và lâm vào tình trạng ứ đọng tại đó, và luật sự sống không thể thi hành chức năng điều chỉnh được nữa.

Sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta cần phải được tự do hoạt động và lớn lên, làm cho chúng ta hằng ngày nhận được sự khả thị và thường xuyên nhận được ánh sáng. Đây là tình trạng bình thường và đúng đắn. Nhưng thật ra, chúng ta thường không được như vậy. Nhiều anh chị em có sự sống thuộc linh không lớn lên và tình trạng thuộc linh không bình thường. Không phải vì sự sống của Đức Chúa Trời trong họ không có thật, cũng không phải vì họ có nan đề gì với sự sống Đức Chúa Trời bên trong nhưng ấy là vì họ có điều rắc rối trong lòng. Lòng họ không hướng về Chúa đúng mức, không yêu Chúa đủ, không tìm kiếm Chúa đủ, không tinh sạch đủ và không mở ra đủ. Điều này

bày tỏ lòng có trục trặc, có rắc rối, hoặc có nan đề trong lương tâm; lương tâm cảm biết có sự lên án mà không chịu điều chỉnh; hoặc có vấn đề trong tâm trí, liên hệ đến vài mối lo lắng, quan tâm, tư tưởng gian ác, tranh cãi, nghi ngờ nào đó v.v. hoặc ý chí có vấn đề vì ương ngạnh, cứng cổ, hoặc tình cảm có vấn đề với những ao ước thuộc xác thịt và xu hướng thiên nhiên. Tất cả những vấn đề này trong lòng trở thành một chướng ngại ngăn cản sự sống hành động trong chúng ta, làm cho luật sự sống không thể điều chỉnh được. Vì vậy, nếu mong muốn lớn lên trong sự sống, trước hết chúng ta cần xử lý lòng mình, và sau đó vận dụng linh. Nếu lòng không được xử lý thì đề cập đến linh chỉ là vô ích. Nan đề của nhiều anh chị em không phải ở linh, mà là ở lòng. Nếu lòng không đúng đắn, sự sống trong linh bị ngăn trở, và luật sự sống không thể hành động tự do. Nếu ao ước tìm kiếm sự sống và bước đi trên con đường sự sống, chúng ta cần có một lòng không có vấn đề; khi ấy, luật sự sống mới có thể hành động tự do và chuyển động mà không bị ngăn trở, bởi đó có thể tiến vào mọi phần của cả bản thể chúng ta.

4. Làm thế nào để xử lý lòng

Bởi vì lòng vô cùng quan trọng trong mối liên hệ với sự sống, Đức Chúa Trời không có cách nào khác hơn là phải xử lý lòng chúng ta để sự sống của Ngài có thể được điều chỉnh ra từ chúng ta. Đối với Đức Chúa Trời, lòng chúng ta có bốn nan đề lớn: cứng cõi, bất khiết, không yêu thương, không bình an. Cứng cõi là vấn đề của ý chí, bất khiết không những là vấn đề tâm trí mà còn là vấn đề tình cảm, không yêu thương là vấn đề tình cảm, và bất an là vấn đề lương tâm. Khi Đức Chúa Trời xử lý lòng của chúng ta, Ngài xử lý bốn phương diện này để lòng chúng ta mềm mại, thuần khiết, yêu thương và bình an.

Trước hết, Đức Chúa Trời muốn lòng chúng ta mềm mại. Mềm mại nghĩa là ý chí của lòng đối với Chúa phải thuận phục và nhượng bộ, không cứng cổ và phản loạn. Khi

xử lí lòng chúng ta để nó trở nên mềm mại, Đức Chúa Trời lấy lòng bằng đá khỏi xác thịt chúng ta và ban cho chúng ta lòng bằng thịt (Êxc. 36:26). Điều này có nghĩa là Ngài làm mềm mại lòng cứng cõi bằng đá của chúng ta để trở nên lòng mềm mại bằng thịt.

Khi mới được cứu, lòng chúng ta luôn luôn mềm mại. Nhưng sau một thời gian, lòng chúng ta hơi thoái lui và cứng cõi trở lại. Không còn thuận phục Chúa, thậm chí không còn kính sợ Ngài, dần dần lòng chúng ta xa khỏi sự hiện diện của Ngài. Bất cứ khi nào lòng mình cứng cõi, chúng ta đang có nan đề trước mặt Chúa. Nếu muốn một tình trạng thuộc linh đứng đắn trước mặt Chúa, lòng chúng ta không được cứng cõi; trái lại, lòng phải luôn mềm mại. Thật vậy, chúng ta không nên sợ điều này điều kia mà chỉ nên sợ mình xúc phạm đến Đức Chúa Trời. Đừng sợ trời, cũng đừng sợ đất; chỉ sợ xúc phạm đến Đức Chúa Trời. Lòng chúng ta cần được xử lí cho đến khi nó mềm mại đến mức như vậy mới là tốt. Thật đáng buồn khi nhiều anh chị em mềm mại trong nhiều điều, nhưng khi đề cập đến Đức Chúa Trời và ý muốn của Đức Chúa Trời thì lòng họ cứng lại. Thậm chí họ còn nói: “Tôi là vậy đó; để xem Đức Chúa Trời phản ứng ra sao”. Thật là kinh khủng! Cũng có những anh chị em cứng cõi đối với mọi sự nhưng khi đề cập đến Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài, thì lòng họ mềm mại. Đó là những người có lòng mềm mại. Chúng ta nên xin Đức Chúa Trời làm cho lòng chúng ta mềm mại như vậy.

Đức Chúa Trời làm cho lòng chúng ta mềm mại bằng cách nào? Ngài làm sao cho lòng chúng ta mềm mại? Đôi khi Ngài dùng tình yêu để cảm động chúng ta, đôi khi Ngài dùng sự sửa phạt để đánh chúng ta. Đức Chúa Trời thường dùng tình yêu để cảm động chúng ta trước; nếu tình yêu không thể cảm động chúng ta, Ngài sẽ đưa tay ra, dùng hoàn cảnh để đánh đòn chúng ta cho đến khi lòng chúng ta mềm mại. Một khi lòng chúng ta đã mềm mại, sự sống Ngài có thể hành động trong chúng ta.

Thứ hai, Đức Chúa Trời muốn lòng chúng ta thuần khiết. Một lòng thuần khiết là một lòng đặt tâm trí của mình đặc biệt vào Đức Chúa Trời. Đây cũng là lòng có tình cảm cực kì tinh khiết và đơn thuần hướng về Đức Chúa Trời (Xem 2 Cô. 11:3). Lòng này chỉ yêu Đức Chúa Trời và ước muốn Ngài; ngoài Đức Chúa Trời, lòng này chẳng có tình yêu nào, xu hướng nào hay ao ước một điều nào khác. Ma-thi-ơ 5:8 nói: “người thuần khiết trong lòng... sẽ thấy Đức Chúa Trời”. Như vậy, nếu lòng không thuần khiết, chúng ta không thể thấy Đức Chúa Trời. Nếu tư tưởng chúng ta chỉ hướng về những điều ngoài Đức Chúa Trời một chút, hoặc nếu tình cảm của lòng chúng ta chỉ yêu những điều ngoài Đức Chúa Trời một chút, thì lòng chúng ta không còn thuần khiết nữa; sự sống trong linh chúng ta cũng bị cản trở bởi điều này. Vì vậy, chúng ta phải theo đuổi sự “hiệp với kẻ lấy lòng thuần khiết kêu cầu Chúa” (2 Ti. 2:22), và hãy là những người yêu Chúa, muốn Đức Chúa Trời với một lòng thuần khiết; khi ấy, chúng ta có thể để sự sống của Đức Chúa Trời hành động tự do trong chúng ta.

Thứ ba, Đức Chúa Trời muốn chúng ta có lòng yêu thương. Một lòng yêu thương là một lòng mà tình cảm của lòng ấy yêu Chúa, muốn Chúa, khao khát Chúa, mong mỏi Ngài, trứu mến Ngài. Trong Kinh Thánh, có một sách đặc biệt nói về tình yêu của các thánh đồ đối với Chúa, đó là sách Nhã Ca trong Cựu Ước. Sách này nói: là dân của Chúa, chúng ta nên yêu Ngài như một người nữ yêu người yêu của mình. Tình yêu này sâu xa, không đổi thay và mạnh hơn sự chết (8:6-7). Bởi vì sách này đặc biệt nói về tình yêu của chúng ta đối với Chúa, nên cũng đặc biệt bày tỏ sự lớn lên của chúng ta trong sự sống của Chúa. Trong Tân Ước, Giăng chương 21, Chúa hỏi Phi-e-rơ ba lần: “Ngươi yêu Ta chăng?” nghĩa là Chúa mong muốn hướng dẫn tình cảm của Phi-e-rơ để ông trở nên một người có lòng yêu Chúa. Chúa làm điều này vì Ngài muốn Phi-e-rơ để cho sự sống của Ngài có cơ hội hành động và lớn lên trong ông. Sự kiện này

được ghi lại trong Phúc Âm Giảng, là sách nói về cách chúng ta có thể tiếp nhận Chúa là sự sống và làm thế nào để sống trong sự sống này. Nếu lòng chúng ta có một tình yêu như vậy đối với Chúa, sự sống của Ngài trong chúng ta có thể chuyển động một cách thông suốt và hành động như ý muốn.

Thứ tư, Đức Chúa Trời muốn lòng chúng ta bình an. Lòng bình an là lòng có một lương tâm không bị cáo trách (Công. 24:16), không bị lên án hoặc không bị quả trách; lương tâm này yên ổn và an toàn. Lương tâm ở trong chúng ta đại diện cho Đức Chúa Trời cai trị chúng ta. Nếu lương tâm định tội chúng ta, Đức Chúa Trời còn lớn hơn lương tâm và Ngài biết tất cả mọi điều (1 Gi. 3:20). Thậm chí, Ngài còn định tội chúng ta nhiều hơn. Vì thế, chúng ta phải giải quyết mọi sự cáo trách, lên án hay quả trách để “lòng chúng ta được yên ổn ở trước mặt Ngài” (1 Gi. 3:19). Như vậy, khi lòng chúng ta bình an, Đức Chúa Trời có thể xuyên suốt, và luật sự sống của Ngài có thể tiếp tục hành động trong chúng ta.

Nếu lòng chúng ta mềm mại, thuần khiết, yêu thương và bình an, thì ấy là một lòng ngay thẳng. Chỉ có một lòng ngay thẳng như vậy mới là một đối tượng xứng hợp với luật sự sống. Lòng ấy có thể để cho sự sống của Đức Chúa Trời tuôn chảy tự do từ bên trong chúng ta ra ngoài. Đối với Đức Chúa Trời, dường như lòng chúng ta thường mang bằng hiệu: “Đường cụt”. Vì vậy, chúng ta làm cho Đức Chúa Trời không thể đi xuyên qua; chúng ta làm cho sự sống của Ngài bị ngăn trở, dừng lại, và rồi sự sống của Ngài không thể hành động và tự do lan tràn từ bên trong ra bên ngoài chúng ta được.

Mặc dù đây không phải là những lời hùng biện và khôn ngoan, nhưng chúng giúp chúng ta xem xét cẩn thận mọi tình trạng của lòng mình, giống như đi khám sức khỏe. Chúng ta phải tự hỏi: Ý chí của lòng tôi có thật sự lựa chọn Đức Chúa Trời không? Ý chí đó có thuận phục và thuận

phục trước mặt Ngài không? Hay nó cứng cổ và phản loạn? Chúng ta cũng nên hỏi: “Tâm trí của lòng tôi có thuần khiết trước mặt Ngài không? Hay nó cong queo? Tư tưởng của chúng ta, những mối quan tâm của mình có thuần khiết dành cho chính Ngài không? Ngoài Đức Chúa Trời ra, có một người nào, một vấn đề nào, hay một vật nào mà chúng ta quan tâm đến cách sâu xa và đã chiếm hết lòng của mình không? Kế đến chúng ta cần hỏi: Tình cảm của lòng chúng ta có dành riêng cho Chúa không? Lòng chúng ta có hoàn toàn yêu Chúa và muốn Ngài không? Hay chúng ta có một tình yêu nào khác, một khuynh hướng nào khác, và lòng chúng ta gắn bó với một điều nào ngoài Chúa? Chúng ta cũng nên hỏi: Lương tâm chúng ta trước mặt Chúa ra sao? Có không bị cáo trách chẳng? Có yên ổn chẳng? Hay đang bị lên án và cáo trách? Chúng ta nên xem xét mọi chi tiết này và giải quyết một cách cẩn thận, để lòng mình trở nên mềm mại, thuần khiết, yêu thương và bình an, nói cách khác ấy là một lòng ngay thẳng. Nếu như vậy, sự sống trong linh chúng ta chắc chắn sẽ có một lối ra và luật sự sống chắc chắn sẽ từ bên trong chúng ta mà phát ra ngoài.

Như vậy, bất cứ phần nào của lòng chúng ta một khi đã được xử lý, tại đó sự sống của Đức Chúa Trời có thể hành động, và luật của sự sống của Đức Chúa Trời cũng có thể điều chỉnh. Khi mọi phần của lòng chúng ta đã được xem xét và xử lý, luật sự sống của Đức Chúa Trời khi ấy sẽ điều chỉnh từ linh chúng ta mà tuôn ra ngoài, qua lòng chúng ta, đến mọi phần của toàn bản thể chúng ta. Vì lí do này, mỗi phần của toàn bản thể chúng ta có thể bày tỏ khả năng của luật sự sống và được đầy dẫy mọi yếu tố của sự sống Đức Chúa Trời, bởi đó đạt đến sự kết thúc vinh hiển của sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời và con người.

V. NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Vì đã thấy vị trí của luật sự sống, chúng ta biết luật này hành động trong những phần bên trong của cả bản thể

chúng ta. Tuy nhiên, trong sự thực hành, nếu muốn luật sự sống hành động một cách tự do ở những phần bên trong, chúng ta phải thỏa đáp hai điều kiện:

A. Yêu Đức Chúa Trời

Điều kiện thứ nhất là phải yêu Đức Chúa Trời. Phúc Âm Giảng đặc biệt nói về sự sống và cũng nhấn mạnh về niềm tin và tình yêu. Tin là nhận sự sống vào, trong khi yêu là tuôn sự sống ra. Nếu muốn nhận sự sống, chúng ta phải tin. Nếu muốn sống tuôn tràn sự sống, chúng ta phải yêu. Chỉ có niềm tin mới có thể để cho sự sống chảy vào, và chỉ có tình yêu mới để cho sự sống tuôn ra. Vì vậy, tình yêu là điều kiện cần để luật sự sống có khả năng hành động.

Ở một nơi khác, chúng ta thấy Kinh Thánh muốn chúng ta yêu Đức Chúa Trời trọn lòng, trọn hồn, trọn tâm trí và trọn sức lực của chúng ta (Mác 12:30). Khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời đến mức để tình yêu của chúng ta đối với Ngài chạm đến mọi phần bên trong mình thì lúc ấy, sự sống của Ngài mới có thể bắt đầu thi hành chức năng và điều chỉnh những phần này bên trong chúng ta. Như vậy, những phần này sẽ dần dần trở nên giống Đức Chúa Trời.

Vì vậy, trước hết Đức Chúa Trời gieo sự sống của Ngài vào trong chúng ta; kế đến, Ngài dùng tình yêu của Ngài lay động tình cảm của lòng chúng ta, làm cho lòng chúng ta yêu Ngài, quay về Ngài, trở nên gắn bó với Ngài. Bằng cách này, bức màn bên trong chúng ta bị cất khỏi (xem 2 Cô. 3:16), và chúng ta có thể thấy ánh sáng, nhận được sự khai thị, biết Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài. Hơn nữa, khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời trọn lòng, tự nhiên chúng ta muốn thuận phục Ngài và hợp tác với Ngài. Bằng cách này, chúng ta để cho luật sự sống của Đức Chúa Trời tự do hành động bên trong chúng ta và cung ứng tất cả sự phong phú của sự sống Đức Chúa Trời cho mỗi một phần của cả bản thể chúng ta. Phần nào đầy dẫy tình yêu của Đức Chúa Trời, phần ấy có luật của Linh sự sống điều chỉnh. Nếu toàn

bản thể chúng ta yêu Chúa, luật sự sống của Đức Chúa Trời khi ấy sẽ hành động xuyên suốt cả bản thể chúng ta. Khi ấy, toàn bản thể chúng ta từ trong ra ngoài sẽ trở nên giống Đức Chúa Trời và được đầy đầy sự phong phú của sự sống Ngài.

B. Vâng theo cảm nhận đầu tiên của sự sống

Đòi hỏi thứ hai là vâng theo cảm nhận đầu tiên của sự sống. Trong chương bảy, *Cảm nhận của linh và biết linh*, chúng ta đã đề cập luật sự sống thuộc về ý thức, làm cho chúng ta có được cảm nhận. Ngay khi chúng ta được tái sinh và có sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống bên trong chúng ta chắc chắn làm cho chúng ta có một ý thức nào đó. Trách nhiệm của chúng ta là vâng theo cảm nhận của luật sự sống, và như vậy để cho luật sự sống này tự do hành động trong chúng ta.

Tuy nhiên, lúc đầu ý thức về luật sự sống này có thể khá yếu ớt và không thường xuyên. Tuy nhiên, nếu chúng ta sẵn lòng vâng theo cảm nhận đầu tiên, mặc dù cảm nhận này còn khá yếu ớt, nhưng những ý thức sau đó sẽ càng ngày càng mạnh mẽ hơn. Chúng ta chỉ phải bắt đầu thuận phục ý thức yếu ớt đầu tiên này và tiếp tục thuận phục. Bằng cách này, luật sự sống sẽ liên tục hành động trong chúng ta cho đến khi đặng đến mọi phần bề trong của cả bản thể chúng ta. Như vậy, sự sống bên trong chúng ta sẽ có khả năng lan tỏa ra bên ngoài một cách tự nhiên và gia tăng về chiều sâu lẫn chiều cao.

Có lẽ có anh em sẽ hỏi: Sau khi vâng theo ý thức đầu tiên, tiếp theo chúng ta phải làm gì? Câu trả lời của chúng tôi là: Trước khi vâng theo cảm nhận đầu tiên, chúng ta đừng bận tâm về những gì mình sẽ làm sau đó. Đức Chúa Trời chỉ ban cho chúng ta từng ý thức một mà thôi, cũng như Ngài chỉ ban cho chúng ta từng ngày một. Chúng ta sống từng ngày thế nào thì cũng hãy vâng theo từng cảm nhận một như vậy. Khi Đức Chúa Trời ban cho chúng ta

một ý thức, hãy đơn sơ vâng theo ý thức ấy. Khi chúng ta đã vâng theo ý thức đầu tiên, tự nhiên Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta ý thức thứ hai. Khi Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham, Ngài chỉ nói với ông về bước đầu tiên: “Ngươi hãy ra khỏi quê hương, vòng bà con và nhà cha ngươi”. Sau khi ông ra đi, những gì ông phải làm và nơi nào ông phải đến mới được bày tỏ cho ông. Ngài nói: “Ta sẽ chỉ cho” (Sáng. 12:1). Khi Chúa Jesus ra đời và vua Hê-rốt tìm cách giết Ngài, Đức Chúa Trời chỉ dặn bảo Giô-sép bước đầu tiên, là chạy trốn qua Ai Cập; ông phải ở đó *cho đến khi* Ngài ban lời cho ông về bước kế tiếp (Mat. 2:13).

Điều này cho chúng ta thấy lí do Đức Chúa Trời chỉ ban cho chúng ta từng ý thức một là vì Ngài muốn chúng ta ngửa trông Ngài từng bước và lệ thuộc Ngài từng giây phút, do đó phải thuận phục Ngài. Như vậy, cảm nhận về luật sự sống có cùng nguyên tắc như cây sự sống: nguyên tắc lệ thuộc. Nguyên tắc này làm cho chúng ta lệ thuộc Đức Chúa Trời, tức là lệ thuộc Đức Chúa Trời là Đấng ban cho chúng ta từng ý thức một. Chúng ta không những lệ thuộc Ngài một lần là đủ, mà phải lệ thuộc Ngài liên tục. Điều đó không giống như nguyên tắc của cây tri thức thiện ác là độc lập với Đức Chúa Trời. Như vậy, muốn sống theo luật sự sống, mỗi người chúng ta phải xem trọng và vâng theo cảm nhận đầu tiên, rồi sau đó cứ tiếp tục vâng theo.

Luật sự sống đôi khi cũng cho chúng ta những cảm thức tiêu cực. Tức là khi chúng ta làm một điều gì nghịch lại Đức Chúa Trời, không phù hợp với sự sống của Ngài, luật sự sống sẽ làm cho chúng ta cảm thấy bất ổn, không an ninh, và cảm nhận sự chết. Đây là cảm biết Đức Chúa Trời “cấm” và “không cho” bên trong chúng ta (Công. 16:6, 7). Bất kể chúng ta muốn làm gì hoặc đang làm gì, ngay khi cảm thấy bị ngăn trở từ bên trong, chúng ta nên dừng lại. Nếu chúng ta biết chuyển động hay dừng lại theo ý thức của luật sự sống bên trong, thì luật sự sống có thể hành động trong chúng ta mà không bị ngăn trở; sự sống trong chúng ta có

thể lớn lên và phát triển không ngừng. Vì vậy, vâng theo ý thức của luật sự sống, đặc biệt là ý thức đầu tiên cũng là một điều kiện rất quan trọng để luật sự sống hành động trong chúng ta. Trong Phi-líp chương 2, lí do vị sứ đồ muốn chúng ta vâng theo với lòng run rẩy sợ sệt là để Đức Chúa Trời có thể hành động trong chúng ta (cc. 12-13). Sự hành động của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta đòi hỏi chúng ta hợp tác bằng cách vâng theo; vì vậy, sự vâng theo của chúng ta là một đòi hỏi bắt buộc để Đức Chúa Trời có thể hành động.

VI. CHỨC NĂNG CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Chúng ta đã thấy tình yêu và sự vâng phục là hai đòi hỏi để luật sự sống có thể hành động. Đây cũng là hai trách nhiệm của chúng ta đối với luật sự sống. Nếu chúng ta có khả năng yêu và sẵn lòng vâng lời, luật sự sống có thể tự phát hành động trong những phần bên trong chúng ta và bày tỏ ra chức năng tự nhiên của luật này.

Luật sự sống có hai loại chức năng. Một là cắt bỏ hoặc giết chết, hai là thêm vào hoặc cung ứng. Một mặt, luật sự sống cắt bỏ những gì chúng ta không nên có; mặt khác, luật ấy thêm vào những gì chúng ta nên có. Những gì phải cắt bỏ là yếu tố của A-đam trong chúng ta, và những gì phải thêm vào là yếu tố của Đấng Christ như là Linh ban-sự-sống. Những gì cũ kĩ phải cắt bỏ và những gì tươi mới phải thêm vào. Những gì phải cắt bỏ là chết chóc và những gì phải thêm vào là sống động. Khi hành động trong chúng ta, luật sự sống bày tỏ hai loại chức năng: một là loại bỏ dần dần tất cả những gì thuộc sáng tạo cũ của chúng ta, và hai là dần dần cung ứng những gì thuộc sáng tạo mới của Đức Chúa Trời. Bằng cách ấy, sự sống trong chúng ta dần dần lớn lên.

Lí do luật sự sống trong chúng ta có thể có hai loại chức năng là vì sự sống mà từ đó luật này phát sinh có hai yếu tố đặc biệt: một là yếu tố của sự chết, hai là yếu tố của sự sống. Yếu tố sự chết là sự chết kì diệu của Chúa Jesus trên

thập tự giá, sự chết ấy bao hàm tất cả và kết liễu tất cả. Yếu tố sự sống là sự phục sinh của Chúa Jesus hay sự sống của năng quyền phục sinh của Chúa; vì vậy cũng được gọi là yếu tố phục sinh.

Chức năng cất bỏ trong luật sự sống đến từ yếu tố của sự chết bao-hàm-tất-cả của Chúa, mà yếu tố này được chứa đựng trong sự sống. Vì vậy, như sự chết của Chúa trên thập tự giá tiêu trừ mọi trở ngại mà Đức Chúa Trời tìm thấy trong con người thì tương tự như vậy, ngày nay, qua hành động của luật sự sống, sự chết của Ngài cũng đang được thực hiện trong chúng ta. Sự chết này giết chết và lần lượt loại bỏ từng điều một tất cả những gì không phù hợp với Đức Chúa Trời và ở ngoài Ngài, chẳng hạn như những yếu tố của tội, thế giới, xác thịt, dục vọng, yếu tố của sáng tạo cũ và yếu tố ra từ cấu tạo thiên nhiên của con người. Chức năng thêm vào trong luật sự sống ra từ yếu tố của sự phục sinh của Chúa được chứa đựng trong sự sống. Vì vậy, như sự phục sinh của Chúa đã đem loài người vào trong Đức Chúa Trời làm cho họ có khả năng tham dự vào tất cả những gì của chính Ngài, thì cũng như vậy, ngày nay, qua sự hành động của luật sự sống, sự phục sinh của Ngài cũng đang được áp dụng trong chúng ta. Điều này có nghĩa là sự phục sinh của Ngài ban phát và cung ứng cho chúng ta quyền năng của Đức Chúa Trời, sự thánh biệt, tình yêu, sự kiên nhẫn và mọi yếu tố của Đức Chúa Trời hay những yếu tố của sáng tạo mới để chúng ta được đổ đầy mọi sự đầy đủ của Thần Cách.

Điều này tương tự như thuốc mà chúng ta uống, một vài loại thuốc chứa đựng hai yếu tố: yếu tố giết chết vi trùng và yếu tố nuôi dưỡng. Chức năng của yếu tố giết chết là cất đi bệnh tật mà chúng ta không đáng phải có; chức năng của yếu tố nuôi dưỡng là cung cấp những yếu tố sự sống mà chúng ta cần.

Cũng giống như máu trong cơ thể chúng ta chứa đựng hai loại yếu tố: hồng cầu và bạch cầu. Bạch cầu có chức

năng diệt trùng và hồng cầu có chức năng nuôi dưỡng. Khi máu tuần hoàn và tuôn chảy trong chúng ta, bạch cầu diệt sạch những loại vi trùng xâm chiếm cơ thể chúng ta, trong khi hồng cầu cung ứng chất bổ cần thiết cho từng bộ phận của toàn cơ thể chúng ta. Cũng vậy, khi luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta, hoặc khi sự sống của Đức Chúa Trời hành động bên trong chúng ta, hai yếu tố sự sống và sự chết hàm chứa trong sự sống của Đức Chúa Trời có các chức năng giết chết và cung ứng trong chúng ta: giết chết vi trùng thuộc linh, chẳng hạn như thế giới và xác thịt; và cung cấp dưỡng chất thuộc linh, gồm mọi sự phong phú của chính Đức Chúa Trời.

Như vậy chúng ta cần nhận biết đây là phương cách đúng đắn để theo đuổi sự lớn lên trong sự sống. Ngay khi chúng ta được cứu và có sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta làm cho chúng ta có một ý thức nào đó. Nếu muốn được lớn lên trong sự sống, chúng ta phải yêu Đức Chúa Trời và vâng theo ý thức này để xử lý lương tâm, tình cảm, tư tưởng và ý chí. Qua những sự xử lý như vậy, sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta tiếp tục ban cho chúng ta một ý thức nào đó. Khi chúng ta vâng theo những cảm thức này, luật sự sống sẽ điều chỉnh trong chúng ta và bày tỏ hai chức năng: loại bỏ những gì bên ngoài Đức Chúa Trời và thêm vào tất cả những gì của chính Ngài. Bằng cách này, chúng ta có thể dần dần lớn lên và trưởng thành trong sự sống của Đức Chúa Trời. Đây là những kinh nghiệm có thật và thực tiễn. Con đường sự sống mà chúng ta đang nói đến nằm ở đây!

VII. QUYỀN NĂNG CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Ngoài hai chức năng đề cập ở trên, luật sự sống còn có quyền năng. Chúng ta đã nói luật Cựu Ước là luật thành văn ở bên ngoài con người, là luật chết, luật văn tự. Luật này chỉ đòi hỏi con người chứ không có quyền năng để cung cấp cho con người để họ có thể đáp ứng những đòi hỏi của

luật này. Vì vậy, luật này “không làm nổi” (La. 8:3), và cũng “không làm gì trọn vẹn được” (Hê. 7:19). Nhưng luật Tân Ước được viết lên các phần bẻ trong của chúng ta, là luật sống, luật sự sống. Sự sống này là “sự sống bất diệt” của Đức Chúa Trời, sự sống có “quyền năng” (Hê. 7:16). Như vậy, luật ra từ sự sống này cũng có quyền năng và ban khả năng cho chúng ta trong mọi sự.

Đến đây, chúng ta nên nhận biết quyền năng của luật sự sống là quyền năng của sự sống Đức Chúa Trời mà từ đó luật này đã phát sinh. Chính quyền năng này đã làm cho Chúa Jesus sống lại từ sự chết và thắng thiên, vượt trên tất cả. Cũng chính quyền năng này đang tìm cách điều chỉnh trong chúng ta mỗi ngày và có khả năng làm vượt trội vô cùng mọi điều chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng (Êph. 1:20; 3:20). Quyền năng này có thể hoàn thành những điều sau đây trong chúng ta:

A. Làm lòng chúng ta hướng về Đức Chúa Trời

Trước hết, quyền năng này có thể làm cho lòng chúng ta hướng về Đức Chúa Trời. Khi nói đến mối quan hệ giữa luật sự sống và lòng, chúng ta nói luật sự sống có thể bị lòng cản trở. Nếu lòng chúng ta không hướng về Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời không thể đi qua được. Nhưng cảm ơn Đức Chúa Trời, sự sống của Ngài bên trong chúng ta không dừng lại ở đó mà trái lại, vẫn tiếp tục hành động trong chúng ta đến mức làm cho lòng vốn không hướng về Ngài có thể hướng về Ngài được. Châm Ngôn 21:1 nói: “Lòng của vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào dòng nước chảy, Ngài muốn làm nghiêng lệch nó bề nào tùy ý Ngài muốn”. Như vậy chúng ta có thể xin Chúa: “Xin làm cho lòng con hướng về chúng có Chúa chớ đừng hướng về sự tham lam” (Thi. 119:36). Khi bằng lòng xin như vậy, quyền năng của luật sự sống của Đức Chúa Trời có thể xoay lòng chúng ta lại một cách rất tự nhiên và làm cho lòng chúng ta hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời.

B. Làm chúng ta thuận phục Đức Chúa Trời

Thứ hai, quyền năng này có thể làm cho chúng ta thuận phục Đức Chúa Trời. Khi nói đến những đòi hỏi của luật sự sống, chúng ta cũng đã nói rằng sự hành động của luật sự sống trong chúng ta đòi hỏi mình phải thuận phục cho phù hợp với luật này. Tuy nhiên biết bao nhiêu lần chúng ta không những không thuận phục mà còn không muốn thuận phục. Vào những lúc như vậy, quyền năng của luật sự sống hoàn toàn có thể xử lí tình trạng của chúng ta để làm cho chúng ta thuận phục.

Mặc dù đã được cứu và có sự sống của Đức Chúa Trời, đôi khi chúng ta ngã lòng và lòng trở nên cứng cõi, không thể vâng lời Ngài. Đức Chúa Trời thương xót chúng ta đến nỗi sự sống của Ngài trong chúng ta vẫn không ngưng điều chỉnh. Bởi quyền năng của Ngài, Ngài điều chỉnh tình cảm và điều chỉnh ý chí của chúng ta. Như vậy, chúng ta được điều chỉnh đi điều chỉnh lại để Ngài có thể làm cho chúng ta lại thuận phục Ngài.

Phi-líp 2:13 nói rằng ý chí của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời cũng do sự hành động của Ngài trong chúng ta. Như vậy, sự thuận phục của ý chí chúng ta cũng là kết quả do sự hành động đến từ năng quyền của luật sự sống Đức Chúa Trời trong chúng ta. Quyền năng này có thể thay đổi ý chí bất phục của chúng ta thành ra vâng phục Ngài.

Một ngày kia, có một chị em cảm thấy không muốn vâng phục Chúa. Không những tâm trí chị bối rối, mà lương tâm chị cũng bị định tội nữa. Chị cầu xin Chúa giải cứu chị. Khi chị kêu khóc với Chúa, Ngài bày tỏ cho chị ánh sáng trong Phi-líp 2:13. Lúc ấy, chị biết Đức Chúa Trời có thể làm cho chị vâng phục Ngài. Do đó chị vui mừng và an nghỉ.

C. Làm chúng ta có thể làm những việc lành mà Đức Chúa Trời định cho chúng ta

Thứ ba, quyền năng này có thể làm cho chúng ta làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước để

chúng ta bước đi trong đó (Êph. 2:10). Những việc lành ấy đến từ Đức Chúa Trời và ra từ sự sống của Ngài; vì vậy, làm những việc lành ấy là sống ra chính Đức Chúa Trời. Những việc lành ấy vượt trội hơn việc lành của con người mà sự sống con người không bao giờ có thể sống ra được. Nhưng sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta điều chỉnh chúng ta bởi quyền năng Ngài, có thể làm cho chúng ta sống ra những việc lành phi thường như vậy.

D. Làm chúng ta hết lòng hết sức làm việc

Thứ tư, quyền năng này có thể làm chúng ta làm việc cho Chúa hết lòng, hết sức. Sứ đồ Phao-lô nói rằng lí do ông có thể lao nhọc nhiều hơn những sứ đồ khác không phải do chính ông, mà là do ân điển Đức Chúa Trời ban cho ông, hay ân điển của sự sống Đức Chúa Trời ở cùng ông (1 Cô. 15:10). Ông cũng nói ông lao nhọc, gắng sức theo sự vận hành của Đấng vận hành trong ông “trong quyền năng” (Côl. 1:29). Chữ “quyền năng” còn có thể được dịch là “thuốc nổ”. Nghĩa là công tác của ông không dựa vào năng lực của chính hồn ông, mà dựa trên quyền năng rất mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời đã ngự trong ông. Trong mọi thế hệ trước, những ai được Đức Chúa Trời dùng đều liên tục lao nhọc và không ngừng chịu khổ trong công tác của Chúa. Họ không lao khổ bằng năng lực riêng, nhưng vì yêu Đức Chúa Trời và hướng về Ngài nên họ đã để cho sự sống của Ngài hành động trong họ, điều chỉnh trong họ, thể hiện ra họ như một hoạt động, bùng nổ ra thành một công tác. Hoạt động thể hiện ra bên ngoài hay công tác bùng nổ ra bên ngoài này là do quyền năng mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời thực hiện. Khi quyền năng rất mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời điều chỉnh con người từ bên trong, không ai có thể thụ động được. Tất cả những ai để cho quyền năng mạnh mẽ của luật sự sống Đức Chúa Trời hành động bên trong mình chắc chắn sẽ hoạt động với tất cả sức lực, trong mọi công tác đều không tiếc gì mạng sống mình.

Sau cuộc chiến Hoa-Nhật, chúng tôi đến công tác tại một vài Hội thánh địa phương. Chúng tôi thật được phước và kết nhiều quả. Khi chúng tôi trở về Thượng Hải, anh Nee nói với tôi: “Anh à, chúng ta là ‘những người gây rối’. Chúng ta vừa mới ‘gây rối’ tại các Hội thánh khác, bây giờ chúng ta sắp ‘gây rối’ trong Hội thánh tại Thượng Hải”. Mặc dù đây là những lời nói có ý hài hước, nhưng nói một cách nghiêm túc, tất cả những ai sống trong sự sống của Đức Chúa Trời và để cho luật sự sống của Ngài hành động chắc chắn sẽ là “những người gây rối”. Bởi vì sự sống của Đức Chúa Trời trong họ là một sự sống quyền năng vô tận, sự sống tích cực thôi thúc, một sự sống có quyền năng bùng nổ. Bất cứ khi nào sự sống này hành động và chỉ đạo bên trong, họ sẽ bùng nổ bên trong; họ sẽ thực hiện công tác với quyền năng rất mạnh mẽ này. Kết quả là họ tự nhiên trở nên những người gây rối. Trái lại, khi nào một người làm việc cho Chúa không chút khuấy động, công việc Chúa của họ không phát ra âm thanh hay mùi vị gì, không cần nói, chắc chắn sự sống bên trong người ấy đang bị hạn chế, và luật sự sống không thể hành động tự do.

Nếu anh chị em không hiểu lắm thì tôi xin làm chứng rằng nhiều lúc tôi không dám để thì giờ cầu nguyện. Mỗi ngày nếu tôi chỉ cầu nguyện nửa giờ, bán xe sự sống bắt đầu quay, luật sự sống bắt đầu điều chỉnh, và quyền năng thúc đẩy bắt đầu giục giã trong tôi, cho đến khi tôi không thể không đi ra công tác. Và cho dù có phải chết chẳng nữa, tôi vẫn phải làm. Nếu không làm việc, tôi rất khốn khổ; nhưng nếu làm việc, tôi sẽ thỏa lòng. Ôi, đây là quyền năng thúc giục của công tác!

E. Làm sự phụng sự của chúng ta sống động và tươi mới

Thứ năm, quyền năng này có thể làm cho chúng ta có sự phụng sự sống động và tươi mới. Sự phụng sự trong Cựu Ước là phụng sự theo văn tự. Vì sự phụng sự này cũ, nên nó chết chóc và làm cho người ta chết. Sự phụng sự của Tân

Ước là phụng sự theo Linh; sự phụng sự này tươi mới, sống động và làm cho người ta sống. Sự phụng sự trong Cựu Ước là một hoạt động dựa trên những quy luật chết bên ngoài; vì vậy không thể cung ứng sự sống cho người ta được. Sự phụng sự trong Tân Ước là kết quả của sự điều chỉnh của luật sự sống trong linh. Công tác này ra từ sự sống; vì vậy có thể ban sự sống cho con người và làm cho họ nhận lãnh một sự cung ứng sống động. Lấy ví dụ về những sinh hoạt chúng ta có trong các buổi nhóm. Nếu luật sự sống trong chúng ta đang hoạt động thì dù chúng ta chỉ chia sẻ ít lời, làm chúng hay thông báo cũng có thể sống động và làm cho người ta nhận được sự cung ứng của sự sống.

Chúng ta trở nên những chấp sự thành thực của Tân Ước với sự phụng sự sống động, không phải bởi tài năng, tài hùng biện, hay học thức của mình, nhưng bởi Linh của Đức Chúa Trời (2 Cô. 3:5-6) và theo “ân tứ của ân điển Đức Chúa Trời” (Êph. 3:7). Một ân tứ như vậy không chỉ về những ân tứ siêu nhiên như ơn nói tiếng lạ, ơn thấy khải tượng, ơn chữa bệnh, ơn đuổi quỷ..., mà là ân tứ của ân điển đã được ban cho chúng ta theo sự vận hành của quyền năng Đức Chúa Trời, mà chúng ta đã nhận được do sự vận hành liên tục của quyền năng chứa đựng trong sự sống mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một cách vô điều kiện. Vì vậy, sứ đồ Phao-lô nói rằng ân tứ của ân điển này có thể làm cho ông rao giảng những điều phong phú không dò lường được của Đấng Christ và làm cho mọi người thấy được huyền nhiệm ấy là gì, tức là điều mà trải qua các thời đại đã giấu kín trong Đức Chúa Trời, Đấng tạo dựng mọi sự (Êph. 3:8-9). Ô, quả là một ân tứ lớn lao dường nào! Dầu vậy ân tứ lớn lao ấy đã được ban cho ông qua sự vận hành của quyền năng luật sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, ân tứ của ân điển mà chúng ta nhận được bởi sự vận hành của quyền năng luật sự sống của Đức Chúa Trời hoàn toàn có thể làm cho chúng ta phụng sự Ngài một cách sống động và tươi mới.

VIII. KẾT QUẢ CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Khi để cho luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động một cách không bị ngăn trở bên trong chúng ta trong những phạm vi không ngừng mở rộng, thì sự sống của Ngài trong chúng ta có thể lan tràn đến mức “Đấng Christ được thành hình” trong chúng ta (Ga. 4:19). Như vậy, khi Đấng Christ dần dần được thành hình trong chúng ta, chúng ta dần dần được biến đổi theo hình ảnh của Ngài (2 Cô. 3:18) và mang hình ảnh của Con Đức Chúa Trời (La. 8:29), cho đến cuối cùng, chúng ta hoàn toàn giống Ngài (1 Gi. 3:2). Đây là kết quả vinh hiển của luật sự sống hành động trong chúng ta.

Đấng Christ được thành hình trong chúng ta nghĩa là gì? Chúng ta hãy dùng một ví dụ đơn giản. Trong quả trứng có sự sống của một con gà. Tuy nhiên, vào những ngày đầu tiên khi con gà được thành hình, nếu dùng ánh sáng đèn điện để nhìn xuyên qua quả trứng, chúng ta không thể nhận ra phần nào là cái đầu và phần nào là cái chân. Đến giai đoạn cuối cùng, khi con gà nhỏ bé bên trong sắp phá vỡ vỏ trứng để chui ra, nếu dùng ánh sáng đèn điện một lần nữa để nhìn xuyên qua, chúng ta sẽ thấy một hình dạng hoàn chỉnh của một con gà, nghĩa là con gà đã thành hình trong quả trứng. Cũng vậy, Đấng Christ thành hình trong chúng ta nghĩa là hình dạng của Đấng Christ được hoàn chỉnh trong chúng ta. Khi chúng ta mới nhận được sự sống của Ngài qua sự tái sinh, Đấng Christ chỉ mới được sinh ra trong chúng ta, tức là về mặt hữu cơ, Ngài đã hoàn chỉnh, nhưng Ngài chưa hoàn chỉnh trong hình dạng. Về sau, khi luật sự sống này cứ tiếp tục hoạt động ở các phần bên trong của chúng ta, yếu tố của sự sống này dần dần gia tăng trong các phần ấy; như vậy, Đấng Christ lớn lên bên trong chúng ta cho đến lúc sự sống của Ngài hoàn toàn thành hình trong chúng ta.

Khi Đấng Christ dần dần thành hình trong chúng ta, chúng ta cũng dần dần được biến đổi. Đấng Christ thành

hình trong chúng ta đến mức nào, chúng ta được biến đổi đến mức ấy. Sự thành hình của Đấng Christ và sự biến đổi của chúng ta xảy ra đồng thời bên trong và bên ngoài. Bởi vì sự thành hình của Đấng Christ là sự gia tăng các yếu tố của Đấng Christ trong các phần khác nhau của chúng ta từ bên trong ra bên ngoài, nên sự biến đổi của chúng ta cũng ở trong các phần này từ bên trong ra bên ngoài, cho đến khi chúng ta dần dần trở nên giống Đấng Christ. Như vậy, sự biến đổi diễn tiến từ linh đến sự hiểu biết (hay hồn), và rồi đến hành vi cử chỉ (hay thân thể). Khi linh chúng ta được sống động bởi sự tái sinh, linh ấy được biến đổi bởi sự đổi mới (xem các trang 44, 45 về linh mới). Sau đó, bởi sự hành động của luật sự sống, sự hiểu biết trong hồn cũng được biến đổi bởi sự đổi mới. Sau đó, bởi sự soi sáng của ánh sáng sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận biết bản ngã của mình, chúng ta chống cự bản ngã, và bởi Thánh Linh, chúng ta đóng đinh bản ngã và chỉ để sự sống của Đức Chúa Trời sống ra từ chúng ta mà thôi. Như vậy, trong những kinh nghiệm thuộc linh của mình, chúng ta lột bỏ người cũ, mặc lấy người mới ngày càng hơn trong hành vi cử chỉ của mình; vì vậy, các hành vi cử chỉ bên ngoài của chúng ta cũng dần dần được đổi mới và biến đổi. Như vậy Đấng Christ được thành hình trong chúng ta nghĩa là bản chất của chúng ta được biến đổi nên giống như hình trạng của Chúa. Khi chúng ta được biến đổi từ linh qua sự hiểu biết, đến hành vi, nghĩa là hình trạng của chúng ta đang được biến đổi thành hình trạng của Chúa. Kết quả của sự biến đổi như vậy luôn luôn làm cho chúng ta trở nên giống Chúa Jesus, hay nói cách khác, giống như bản chất con người vinh hiển của Chúa. Đây là sự đồng hóa theo hình ảnh của Con Ngài được đề cập đến trong La Mã 8:29. Cũng giống như chúng ta được đúc khuôn theo khuôn của Con Đức Chúa Trời. Như vậy sự biến đổi là một tiến trình, và giống Chúa hay trở nên cùng hình ảnh và bản chất như Chúa là kết quả cuối cùng của sự biến đổi. Đây là công tác “từ vinh hiển đến vinh hiển” mà

Chúa hành động trên chúng ta. Chúng ta nên ngợi khen Ngài biết bao!

Chúng ta cũng cần nhận biết mục tiêu của sự biến đổi không những làm cho chúng ta giống như Chúa hay làm cho chúng ta có cùng hình ảnh và bản chất của Chúa mà hơn thế nữa làm cho chúng ta hoàn toàn “giống Ngài”. Đây là “sự cứu chuộc thân thể chúng ta” được nói đến trong La Mã 8:23. Khi Chúa trở lại và hiện ra cho chúng ta, Ngài sẽ “biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta để được đồng hóa theo thân thể vinh hiển của Ngài, theo sự vận hành của Ngài, mà bởi đó Ngài có thể thậm chí bắt phục mọi sự cho chính Ngài” (Phil. 3:21). Như vậy, Ngài làm cho chúng ta không chỉ giống Ngài trong bản chất của linh chúng ta, trong hình dạng của hồn và trong hành vi cử chỉ của mình, nhưng còn hoàn toàn giống Ngài trong thân thể, là thân thể vinh hiển không bao giờ hư nát, không bao giờ tan biến đi. Đây là kết quả cuối cùng của sự hành động của luật sự sống Đức Chúa Trời trong chúng ta. Ôi, kì diệu biết bao! Vinh hiển biết bao! Vì vậy tất cả chúng ta là những người có hi vọng này nên tự tẩy sạch mình cũng như Ngài là thuần khiết (1 Gi. 3:3). Bởi ánh sáng của sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nên nhận biết chính mình và tất cả những gì ở bên ngoài Đức Chúa Trời, hằng ngày xử lí tội, thế giới, xác thịt và mọi điều thuộc về sáng tạo cũ để chúng ta trở nên thuần khiết, không pha trộn. Khi ấy, Đức Chúa Trời có thể nhanh chóng đạt đến mục đích vinh hiển của Ngài, và chẳng bao lâu chúng ta có thể vui hưởng vinh hiển với Chúa.

IX. ĐỨC CHÚA TRỜI MUỐN LÀM ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG LUẬT SỰ SỐNG

Trong Hê-bơ-rơ 8:10, sau khi Đức Chúa Trời nói: “Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong tâm trí họ, Ta sẽ viết nó vào lòng họ”, Ngài nói: “Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, họ sẽ làm dân Ta”. Điều này cho thấy Đức Chúa Trời đặt luật sự sống

của Ngài bên trong chúng ta vì Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống, và Ngài muốn chúng ta làm dân của Ngài trong luật sự sống này. Điều này được nêu ra trong ý định, hay trong chủ đích của Ngài, và đây là một vấn đề rất quan trọng; vì vậy, chúng ta không thể bỏ qua mà không xem xét đến điều này.

A. Đức Chúa Trời muốn làm Đức Chúa Trời của con người

Tại sao Đức Chúa Trời sáng tạo nên con người? Và tại sao ma quỷ đánh cắp con người? Những điều này không được bày tỏ rõ ràng trong phần đầu Kinh Thánh. Mãi cho đến khi Đức Chúa Trời tuyên bố mười điều răn trên núi Si-nai, ý định của Đức Chúa Trời đối với loài người mới được bày tỏ rõ ràng. Trong ba điều răn đầu, chúng ta thấy Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của con người. Và mãi về sau, khi ma quỷ cám dỗ Chúa trong hoang mạc và muốn Chúa thờ phượng hắn, ý định của ma quỷ trong việc đánh cắp con người mới được bày tỏ: hắn muốn chiếm vị trí của Đức Chúa Trời và muốn con người thờ phượng hắn như thờ phượng Đức Chúa Trời. Điều này cho chúng ta thấy rõ cuộc xung đột giữa ma quỷ và Đức Chúa Trời nằm trong vấn đề ai là Đức Chúa Trời đối với con người và ai nhận được sự thờ phượng của con người. Nhưng chỉ có Đức Chúa Trời mới xứng đáng là Đức Chúa Trời của con người và nhận được sự thờ phượng của con người. Trong Cựu Ước, Ngài sống giữa dân Israel như Đức Chúa Trời của họ. Trong Tân Ước, qua sự nhục hóa, Ngài sống giữa con người và tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Sau đó, qua Thánh Linh, Ngài sống trong Hội thánh và là Đức Chúa Trời của con người trong Hội thánh. Trong tương lai, trong thiên hi niên, Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của cả gia đình Israel; hơn nữa, Ngài sẽ ở giữa loài người đời đời trong trời mới đất mới, và là Đức Chúa Trời đời đời của con người.

B. Đức Chúa Trời muốn làm Cha và kế đến làm Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời không những muốn làm Đức Chúa Trời của con người, nhưng hơn thế nữa, Ngài còn muốn làm Cha của họ. Ngài không những muốn con người nhận Ngài làm Đức Chúa Trời, nhưng hơn thế nữa, Ngài còn muốn con người có sự sống của Ngài. Ngài muốn làm Cha của con người và bởi đó làm Đức Chúa Trời của họ trong sự sống của Ngài. Chỉ khi nào có sự sống của Ngài và trở nên con của Ngài thì con người mới thật sự nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời và thật sự để Ngài làm Đức Chúa Trời.

Vào buổi sáng Chúa Jesus phục sinh, Ngài nói với Ma-ri Ma-đo-len: “Ta lên với Cha của Ta, cũng là Cha của các em, và Đức Chúa Trời của Ta, cũng là Đức Chúa Trời của các em” (Gi. 20:17). Ngài đề cập đến Cha và sau đó đến Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là Đức Chúa Trời phải là Cha của chúng ta rồi Ngài mới là Đức Chúa Trời của chúng ta được. Trong lời cầu nguyện của Chúa Jesus vào đêm cuối cùng, Ngài cũng khẳng định chỉ khi nào có sự sống đời đời của Đức Chúa Trời, chúng ta mới có thể biết Ngài là Đức Chúa Trời thật và duy nhất (Gi. 17:3). Vì vậy chúng ta phải kinh nghiệm Đức Chúa Trời là Cha trong sự sống, khi ấy chúng ta mới biết Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời. Càng để cho sự sống của Cha hành động trong mình, chúng ta càng thờ phượng và phụng sự Đức Chúa Trời vinh hiển này! Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta vì Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong sự sống của Cha. Điều này cũng có nghĩa là Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong sự hành động của sự sống Ngài.

C. Đức Chúa Trời muốn làm Đức Chúa Trời trong luật sự sống

Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta vì chúng ta có sự sống của Ngài. Từ khi vào trong chúng ta, sự sống của Ngài cũng mang theo luật sự sống vào trong chúng ta. Khi hành

động, luật này làm cho chính Đức Chúa Trời tuôn đổ ra từ chúng ta. Như vậy, Đức Chúa Trời có ý định làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống này.

Người Hồi giáo thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, và người theo Do Thái giáo còn thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời hơn nữa. Nhưng họ chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời một cách khách quan, một Đấng cao cả hơn hết; họ không để Ngài làm Đức Chúa Trời bên trong họ. Ngày nay, thậm chí giữa vòng Cơ Đốc nhân cũng có nhiều người thờ phượng một Đức Chúa Trời ở xa hơn hết mọi sự và khách quan. Họ chỉ thờ phượng một Đấng ở bên ngoài họ, theo những sự dạy dỗ, luật lệ, chữ nghĩa bên ngoài. Họ không để Ngài làm một Đức Chúa Trời sống động của họ trong sự sống ở bên trong họ. Nhưng chúng ta phải sáng tỏ rằng khi thờ phượng Ngài và để Ngài làm Đức Chúa Trời của mình, chúng ta không nên theo các giáo lí hay luật văn tự; trái lại, chúng ta nên thờ phượng Đức Chúa Trời trong sự sống của Đức Chúa Trời hay trong luật sự sống của Đức Chúa Trời. Luật này là chức năng được bày tỏ bởi sự sống của Đức Chúa Trời. Khi luật sự sống của Đức Chúa Trời điều chỉnh trong chúng ta hoặc khi chính Ngài hành động trong chúng ta, Đức Chúa Trời chính là Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật này, tức là trong sự hành động của Ngài.

Ngày nay khi phụng sự Đức Chúa Trời, chúng ta phải phụng sự Ngài trong luật sự sống này, trong sự hành động của Ngài. Bất cứ khi nào chúng ta để sự sống của Ngài hành động trong chúng ta và luật sự sống của Ngài điều chỉnh trong mình thì sự phụng sự của chúng ta sẽ là sự phụng sự của sự sống, sự phụng sự thuộc linh hay sự phụng sự sự sống động. Như vậy khi chúng ta để Đức Chúa Trời làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống, thì Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng không phải là một Đức Chúa Trời trong giáo lí hay trí tưởng tượng nữa mà là một Đức Chúa Trời hằng sống, một Đức Chúa Trời thực tiễn, một Đức Chúa Trời có thể chạm được. Trong kinh nghiệm

sự sống, trong cuộc sống hằng ngày và trong mọi công tác hoạt động của chúng ta, Ngài thật là một Đức Chúa Trời sống động, một Đức Chúa Trời mà chúng ta có thể chạm được và Đấng mà chúng ta có thể gặp gỡ. Ngài không phải là Đức Chúa Trời trong niềm tin; cũng không phải là Đức Chúa Trời trong điều lệ; nhưng Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống rất sống động, với chức năng sống động của sự sống.

Thế nhưng đôi khi do lòng chúng ta có vấn đề, chúng ta không yêu Ngài cũng không để cho luật sự sống điều chỉnh mình. Khi ấy, dù chúng ta có Đức Chúa Trời nhưng Ngài chỉ là Đức Chúa Trời trong giáo lí và niềm tin mà thôi. Khi chúng ta phục hồi tình yêu ban đầu đối với Ngài và lại để Ngài điều chỉnh bên trong chúng ta bởi sự vận hành của sự sống của Ngài, thì chức năng vận hành của sự sống Ngài lại được bày tỏ, và luật sự sống của Ngài lại hành động bằng cách chuyển động và điều chỉnh bên trong chúng ta. Lúc ấy, Ngài lại là Đức Chúa Trời của chúng ta một cách thiết thực; Ngài không còn là một Đức Chúa Trời trên danh nghĩa hay trong giáo lí, nhưng là một Đức Chúa Trời sống động.

Vì vậy, chúng ta phải đặt mình vào bàn tay Ngài, để luật sự sống của Ngài điều chỉnh chúng ta; khi ấy chúng ta sẽ thật sự có Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của mình. Bất cứ khi nào chúng ta không để luật sự sống điều chỉnh mình, Ngài không thể là Đức Chúa Trời của chúng ta được, và chúng ta không làm dân Ngài được. Để Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta và chúng ta là dân của Ngài một cách thiết thực, chúng ta phải để cho luật của sự sống Ngài điều chỉnh chúng ta và để Ngài làm Đức Chúa Trời chúng ta trong luật của sự sống Ngài.

Ngài phải là Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật của sự sống Ngài, và chúng ta cũng phải là dân Ngài trong luật của sự sống Ngài, vì mối quan hệ của chúng ta với Ngài phải là một mối quan hệ sống động. Khi sự sống của Ngài chuyển động và điều chỉnh chúng ta, luật sự sống của Ngài

đem Ngài đến với chúng ta và đem chúng ta đến với Ngài. Chính trong sự vận hành của luật sự sống Ngài mà chúng ta có thể đạt được Ngài và Ngài có thể đạt được chúng ta. Bất cứ khi nào luật của sự sống Ngài bên trong chúng ta ngưng điều chỉnh, thì mối quan hệ sống động giữa Ngài, là Đức Chúa Trời của chúng ta, với chúng ta, là dân của Ngài, cũng sẽ ngưng lại. Vì vậy, chúng ta phải để cho luật của sự sống Đức Chúa Trời điều chỉnh chúng ta; chỉ khi ấy, chúng ta mới có Đức Chúa Trời làm Đức Chúa Trời của mình và chúng ta mới thật sự là dân của Ngài một cách sống động rõ ràng.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rõ sự khác biệt rất lớn giữa Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của con người trong Cựu Ước và Đức Chúa Trời của con người trong Tân Ước. Trong Cựu Ước, Ngài là Đức Chúa Trời của dân Israel trên ngai cao hơn hết theo các quy định của kinh luật. Ngài cũng muốn dân Israel làm dân của Ngài theo các quy định này. Vì vậy, nếu chỉ làm theo các quy định này thì họ không có vấn đề gì trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng trong Tân Ước, Đức Chúa Trời vào trong chúng ta để làm sự sống của chúng ta, và chính trong luật sự sống này mà Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta và chúng ta làm dân của Ngài. Vì vậy, chúng ta nhất thiết phải sống bởi luật của sự sống này.

X. KẾT LUẬN

Sau khi xem xét những điểm chính yếu trong mọi phương diện của luật sự sống, chúng ta thấy luật sự sống quan trọng dường nào đối với kinh nghiệm thuộc linh của mình. Bởi thế chúng ta cần phải thấy rõ và hiểu thấu mỗi một điểm chính của chủ đề này; khi ấy chúng ta sẽ thật kinh nghiệm sự sống. Vì vậy tôi không ngần ngại lặp lại những điều này. Bây giờ, một lần nữa chúng ta hãy tóm lược các điểm chính để có thể có được một ấn tượng sâu xa.

Khi được tái sinh, chúng ta tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời. Vào thời điểm này, mặc dù đã có sự sống của Đức

Chúa Trời trong mình, sự sống này chỉ mới trọn vẹn về mặt hữu cơ, chứ chưa hoàn toàn lớn lên và trưởng thành. Vì vậy, chúng ta phải để cho quyền năng của sự sống này liên tục và không dứt hành động trong chúng ta để chúng ta có thể đạt đến mục tiêu trọn vẹn của Ngài là lớn lên và trưởng thành. Sự sống này hoạt động theo chức năng và tính chất tự nhiên của mình; nói cách khác, hoạt động ấy ra từ luật sự sống này.

Để luật sự sống có thể điều chỉnh sao cho những gì chứa đựng trong luật này được tuôn tràn ra từ chúng ta, luật này cần phải hành động qua lòng chúng ta. Vì thế, hành động của luật sự sống này trong chúng ta đòi hỏi lòng chúng ta phải hợp tác. Ngay khi lòng chịu hợp tác, luật sự sống liền có cơ hội điều chỉnh trong chúng ta một cách tự do. Kết quả là chúng ta sẽ có một ý thức nào đó ở bên trong. Khi có được ý thức này, chúng ta cần phải vâng phục ý thức ấy bởi quyền năng của sự sống. Khi chúng ta vâng phục, ấy là lúc chúng ta cho luật này có cơ hội điều chỉnh mình, do đó luật sự sống lại ban cho chúng ta một ý thức khác, làm cho chúng ta tiến tới trong sự vâng phục. Càng vâng phục, chúng ta càng để cho Ngài có cơ hội hành động. Tác động hỗ tương giữa nguyên nhân và kết quả ấy trong chúng ta đưa đến tình trạng không ngừng thể hiện rõ ràng các chức năng của hai yếu tố, đó là sự chết và sự phục sinh, hàm chứa trong sự sống. Sự chết có chức năng loại bỏ tất cả những gì không nên có trong chúng ta. Sự sống phục sinh có chức năng thêm cho chúng ta những gì bao hàm trong sự sống của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, hành động của luật này và hai chức năng của sự chết và sự sống phục sinh này đều đầy đầy quyền năng để làm cho chúng ta đáp ứng được đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời và sống ra tất cả những gì hàm chứa trong sự sống của Ngài. Như vậy, chúng ta để cho sự sống của Đức Chúa Trời dần dần lớn lên và trưởng thành trong mình.

Đồng thời, khi sự sống hành động trong chúng ta, liên tục điều chỉnh chúng ta, thì việc chúng ta xu hướng về Đức

Chúa Trời, thuận phục Đức Chúa Trời và phụng sự Đức Chúa Trời trở nên tự nhiên và dễ dàng, sống động và tươi mới. Chính trong luật sống động này mà Đức Chúa Trời trở nên Đức Chúa Trời sống động của chúng ta, và chúng ta là dân sống động của Ngài. Chúng ta có thể nói rằng mối quan hệ giữa chúng ta với Đức Chúa Trời hoàn toàn nằm trong luật sự sống này. Chúng ta đáng phải hết lòng lưu tâm đến điều này!

CHƯƠNG 11

SỰ HIỂU BIẾT BỀ TRONG

Bây giờ, chúng ta sẽ xem xét đến điểm quan trọng thứ mười một liên quan đến sự sống: sự hiểu biết bề trong, hoặc sự biết Đức Chúa Trời bởi luật sự sống bề trong và sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Mức độ chúng ta biết Đức Chúa Trời từ bên trong quyết định mức độ chúng ta có Đức Chúa Trời và kinh nghiệm Ngài là sự sống của mình được bao nhiêu. Như vậy sự hiểu biết bề trong và sự lớn lên trong sự sống có liên quan mật thiết với nhau. Nếu muốn biết sự sống để sự sống có thể lớn lên, chúng ta cần xem xét sự hiểu biết bề trong một cách chi tiết.

I. TÂM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời vui thỏa khi con người biết Ngài; vì vậy, Ngài muốn con người “gắng sức nhìn biết Ngài” (Ôs. 6:6, 3). Tất cả những gì Ngài thực hiện trong Tân Ước là để chúng ta có thể biết Ngài (Hê. 8:10-11). Khi chúng ta được tái sinh, Linh của Ngài, hàm chứa sự sống của Ngài vào trong chúng ta để chúng ta có khả năng biết Ngài từ bên trong. Một mặt, việc biết Ngài dần dần gia tăng cùng với sự lớn lên của sự sống trong chúng ta; mặt khác, biết Ngài cũng làm cho sự sống bên trong chúng ta lớn lên. Vì Đức Chúa Trời đã ban sự sống của Ngài cho chúng ta, nên chúng ta có thể biết Ngài. Sự sống của Ngài càng lớn lên trong chúng ta thì chúng ta càng biết Ngài. Càng biết Ngài, chúng ta sẽ càng

kinh nghiệm Ngài là sự sống, vui hưởng Ngài và để Ngài sống ra qua chúng ta. Như vậy, chúng ta có thể nói tất cả sự lớn lên của sự sống thuộc linh tùy thuộc vào việc biết Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy cầu xin Đức Chúa Trời ban cho chúng ta linh của sự khôn ngoan và khả thị để có thể thật sự biết Ngài (Êph. 1:17) và được “lớn lên bởi sự thông biết Đức Chúa Trời” (Côl. 1:10).

II. BA BƯỚC ĐỂ BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Thi Thiên 103:7 chép: “Ngài bày tỏ cho Môi-se đường lối Ngài và cho con cái Israel biết các công việc Ngài”. Câu này cho thấy con cái Israel biết các công việc của Đức Chúa Trời, nhưng Môi-se biết đường lối của Ngài. Hê-bơ-rơ 8:10-11 cũng chép: “Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong tâm trí họ,... vì họ hết thấy, từ kẻ nhỏ cho đến kẻ lớn, đều sẽ biết Ta”. Qua câu này chúng ta thấy tất cả những ai nhận lãnh luật bề trong dưới thời Tân Ước đều có thể biết chính Đức Chúa Trời. Hai phân đoạn Kinh Thánh này cho chúng ta thấy việc con người biết Đức Chúa Trời trải qua ba bước: thứ nhất là biết công việc của Đức Chúa Trời; thứ hai, biết đường lối của Đức Chúa Trời; và thứ ba, biết chính Đức Chúa Trời.

A. Biết công việc của Đức Chúa Trời

Con người biết công việc của Đức Chúa Trời qua những gì Ngài làm và thực hiện. Chẳng hạn như, con cái Israel tại Ai Cập thấy mười tai họa Đức Chúa Trời giáng xuống để đánh dân Ai Cập. Tại Biển Đỏ, họ thấy Đức Chúa Trời rẽ nước ra cho họ đi qua. Trong hoang mạc, họ thấy Ngài truyền vàng đá tuôn nước ra để họ được thỏa cơn khát. Và hằng ngày, Đức Chúa Trời ban ma-na từ trời nuôi dưỡng họ. Khi chúng kiến những phép lạ của Đức Chúa Trời, họ biết các công việc Ngài. Một lần nữa, ví dụ như khi các đám đông thấy các phép lạ Chúa Jesus thực hiện, chẳng hạn như khi Ngài nuôi năm ngàn người với năm ổ bánh và hai con cá, làm cho bão yên biển lặng, chữa lành người bệnh, đuổi

quý, gọi người chết sống lại, họ biết các công việc Ngài. Hoặc khi chúng ta đau ốm và được Chúa chữa lành, khi chúng ta gặp nguy hiểm được Ngài giữ gìn, khi chúng ta có nhu cầu và được Ngài đáp ứng, chúng ta được biết các công việc Ngài. Vì thế, khi chúng ta biết các công việc của Đức Chúa Trời thì đây là bước thứ nhất trong việc biết Đức Chúa Trời. Sự hiểu biết ấy nông cạn và ở bên ngoài, vì mãi đến khi thấy công việc Ngài, chúng ta mới biết Đức Chúa Trời đã làm gì.

B. Biết đường lối của Đức Chúa Trời

Biết đường lối của Đức Chúa Trời có liên quan đến sự hiểu biết các nguyên tắc hành động của Ngài. Khi câu thay cho thành Sô-đôm, Áp-ra-ham biết rằng Đức Chúa Trời là công chính và Ngài không bao giờ hành động trái với sự công chính của Ngài. Vì vậy, ông thưa chuyện với Ngài theo sự công chính của Ngài (Sáng. 18:23-32). Điều này có nghĩa là ông biết các đường lối Đức Chúa Trời hành động. Khi con cái Israel tiếp tục lầm bầm sau sự thiêu hủy Cô-rê với đồng bọn phản loạn của ông, Môi-se trông thấy sự hiện ra vinh hiển của Đức Giê-hô-va, ông nói với A-rôn: “Hãy cầm lấy lư hương để lửa từ trên bàn thờ vào, bỏ hương lên trên, mau mau đi đến hội chúng và làm lễ chuộc tội cho họ; vì sự thạnh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên, và tai vạ đã phát khởi” (Dân. 16:46). Điều này chứng tỏ Môi-se biết đường lối của Đức Chúa Trời. Ông biết Đức Chúa Trời sẽ phản ứng tùy theo cách người ta hành động.

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ: “Vả, sự vâng lời tốt hơn của tế lễ, sự nghe theo tốt hơn mỡ chiên đực” (1 Sa. 15:22). Và Đa-vít: “Ta không muốn dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta những của lễ thiêu không đáng giá chi” (2 Sa. 24:24). Những lời này chứng tỏ họ biết đường lối của Đức Chúa Trời.

Khi chia sẻ lời Chúa, chúng tôi tin một cách sâu xa rằng lời Ngài sẽ không vô ích, nhưng sẽ hoàn thành điều Ngài

đẹp lòng (Ês. 55:10-11). Cũng vậy, nếu gieo cho Linh, chúng ta biết mình sẽ bởi Linh mà gặt sự sống đời đời (Ga. 6:8). Lí do là vì chúng ta biết đường lối của Đức Chúa Trời.

Khi đường lối của Đức Chúa Trời, chúng ta đến bước thứ hai trong việc biết Ngài. Sự hiểu biết này cao hơn sự hiểu biết công việc Ngài một bước. Trước khi Đức Chúa Trời thực hiện công việc của Ngài, chúng ta biết Ngài sẽ làm gì và làm như thế nào. Sự hiểu biết này làm cho đức tin chúng ta gia tăng trong sự cầu nguyện, và cũng làm cho chúng ta có thể thương lượng với Ngài. Tuy nhiên, dù sự hiểu biết này là tốt nhưng vẫn chưa ở bên trong và chưa sâu xa đủ.

C. Biết chính Đức Chúa Trời

Biết chính Đức Chúa Trời là biết bản chất của Ngài. Ngay khi được tái sinh và nhận được sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta có bản chất của Ngài. Qua sự sống của Đức Chúa Trời bên trong mình, chúng ta có thể chạm được bản chất của Ngài. Khi chạm được bản chất của Ngài, chúng ta chạm được chính Đức Chúa Trời; nói cách khác chúng ta biết chính Đức Chúa Trời. Sự hiểu biết này khác với hai bước đầu tiên là biết công việc Ngài và đường lối Ngài từ bên ngoài. Đây là biết Đức Chúa Trời từ bên trong.

Chẳng hạn, chúng ta hãy xem trường hợp một anh em mắc một chứng bệnh nan y nhưng đã được Chúa chữa lành. Anh ấy vui mừng reo lên: “Cảm ơn Đức Chúa Trời, Ngài thật quan tâm đến con!” Qua đó, anh biết chút ít về công việc của Đức Chúa Trời. Về sau anh bị bệnh trở lại. Lần này anh biết vì anh đã có một sự vi phạm nào đó, nên Đức Chúa Trời sửa phạt và kỉ luật anh. Vì thế, anh phải xử lí lỗi lầm của mình. Khi làm điều này, anh biết Chúa sẽ chữa lành cho anh (1 Cô. 11:30-32). Kết quả là Đức Chúa Trời thật sự đã chữa lành anh. Nhưng trước khi được chữa lành, anh đã biết Chúa sẽ chữa lành anh rồi, đó là vì anh biết đường lối của Đức Chúa Trời. Lần này, mặc dù sự hiểu biết của anh về Đức Chúa Trời đã gia tăng từ biết công việc Ngài đến

biết đường lối Ngài, nhưng đây vẫn chỉ là biết Ngài một cách khách quan, từ bên ngoài, chưa phải là biết Ngài từ bên trong, một cách chủ quan. Về sau, bên trong anh cảm thấy có một vài điều gì đó không phù hợp với bản chất thánh biệt của Đức Chúa Trời nên anh đã xử lí và trừ bỏ chúng. Cảm nhận ấy, sự nhận biết ấy không đến từ bất cứ một điều gì ở bên ngoài nhưng đến từ ý thức được sự sống bề trong của Đức Chúa Trời ban cho anh. Như vậy, lần này anh đến chỗ biết chính Đức Chúa Trời từ bên trong; anh đã biết Đức Chúa Trời một cách chủ quan.

Chúng ta cũng hãy xem trường hợp của một anh em khác khi mới gặp một nan đề nghiêm trọng, anh cầu nguyện với Đức Chúa Trời và Ngài đem anh qua khỏi. Vì vậy, anh biết công việc của Đức Chúa Trời. Về sau, khi gặp một nan đề khác, anh biết mình nên làm gì để được Đức Chúa Trời đem mình qua khỏi. Điều này chứng tỏ anh biết đường lối của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, khi anh lại gặp một nan đề khác, anh có một cảm nhận lạ lùng bên trong, anh cảm biết Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đem anh qua khỏi. Cảm nhận này hay sự nhận biết này không do anh thấy những gì Ngài hành động từ bên ngoài, hay do anh biết những nguyên tắc hành động của Ngài, mà do chạm được chính Đức Chúa Trời ở bên trong; vì vậy, anh có cảm nhận này hay sự nhận biết này. Sự biết Đức Chúa Trời như vậy có thể nói là cao nhất, sâu nhất và nội tại nhất.

Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời chỉ bày tỏ công việc và đường lối của Ngài cho con người. Vì vậy, vào thời ấy con người chỉ có thể đạt đến hai bước đầu của việc biết Đức Chúa Trời. Bây giờ, khi Tân Ước đã đến, mặc dù chúng ta vẫn cần biết công việc và đường lối của Đức Chúa Trời, nhưng điều quan trọng nhất và vinh hiển nhất là chính Đức Chúa Trời trong Linh cư ngụ trong chúng ta để trở nên sự sống của chúng ta. Điều này làm cho chúng ta có thể trực tiếp chạm được chính Đức Chúa Trời và biết Ngài từ bên trong. Bước thứ ba của việc biết Đức Chúa Trời, tức là biết

chính Đức Chúa Trời, là một phúc hạnh đặc biệt dành cho chúng ta, những người được cứu dưới giao ước mới.

III. HAI LOẠI HIỂU BIẾT VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Mặc dù chúng ta biết Đức Chúa Trời qua ba bước, nhưng thật ra chỉ có hai loại hiểu biết về Ngài: hiểu biết bề ngoài và hiểu biết bề trong. Biết công việc và đường lối của Đức Chúa Trời là sự hiểu biết về bản chất bên ngoài. Mặc dù hai bước này khác nhau về mức độ chiều sâu, nhưng cả hai đều là sự hiểu biết về Đức Chúa Trời ra từ công việc và đường lối của Ngài ở bên ngoài chúng ta, vì vậy đây là sự hiểu biết khách quan và bề ngoài. Nhưng biết chính Đức Chúa Trời là loại hiểu biết bề trong. Loại hiểu biết này có được khi chúng ta chạm được chính Đức Chúa Trời bởi sự sống của Ngài ở bên trong và do đó, biết Ngài một cách chủ quan từ bên trong.

Trong nguyên ngữ Kinh Thánh, có hai từ khác nhau được dùng để mô tả sự hiểu biết bề ngoài và bề trong. Hê-bơ-rơ 8:11 nói về việc biết Chúa của chúng ta. Từ “biết” được dùng hai lần trong câu này, nhưng trong nguyên ngữ, đó là hai chữ khác nhau được dùng với hai nghĩa khác nhau. Chữ “biết” thứ nhất nói đến sự hiểu biết tổng quát ở bên ngoài chúng ta mà sự hiểu biết này cần sự dạy dỗ của con người. Chữ “biết” thứ hai chỉ về sự nhận biết của cảm nhận bên trong chúng ta. Đối với loại nhận biết này, chúng ta không cần sự dạy dỗ của con người. Điều này cho thấy biết Đức Chúa Trời ở bên ngoài hay biết Đức Chúa Trời từ bên trong là hai điều thật sự khác biệt.

Ví dụ như chúng ta đặt một ít đường trắng mịn bên cạnh một ít muối trắng mịn. Nhìn bên ngoài, cả hai đều trắng và mịn, rất khó phân biệt đâu là đường và đâu là muối. Chúng ta có thể hỏi người khác để họ chỉ cho chúng ta biết, nhưng sự hiểu biết này đến từ sự dạy dỗ của người khác và từ bên ngoài, có tính khách quan và chung chung, lại có thể nhầm lẫn. Tuy nhiên, nếu chỉ nếm chúng, ngay lập tức chúng ta biết cái nào ngọt là đường và cái nào mặn là muối. Chúng ta

không cần người khác chỉ bảo mình. Sự nhận biết này đến từ cảm nhận bên trong, nên có tính chủ quan và thuộc về cảm nhận bên trong.

Bất cứ khi nào nếm Đức Chúa Trời từ bên trong, chúng ta vui hưởng và nếm được những điều mình không thể nhận được do biết Ngài qua các công việc và đường lối của Ngài từ bên ngoài. Thi Thiên 34:8 nói: “Khá nếm thử xem Đức Giê-hô-va tốt lành dường bao”. Cảm tạ Đức Chúa Trời, chúng ta có thể nếm Ngài! Hê-bo-ơ 6:4-5 cũng nói: “Vì kẻ đã được soi sáng một lần, đã nếm ân tứ trên trời, đã có phần trong Thánh Linh, đã nếm lời tốt lành của Đức Chúa Trời, và các quyền năng của đời tương lai”. Điều này cho thấy không những chúng ta có thể nếm Đức Chúa Trời, mà còn có thể nếm những điều thuộc về Ngài, những điều của Linh. Sự nếm biết này làm cho chúng ta nhận biết từ bên trong. Một khi “nếm” Đức Chúa Trời và những điều của Ngài từ bên trong, tự nhiên chúng ta có một sự nhận biết đúng đắn nào đó đến từ cảm nhận bên trong, và chúng ta không cần người khác dạy mình. Đây thật là phúc hạnh vinh hiển dưới giao ước mới!

IV. SỰ HIỂU BIẾT BỀ TRONG

Trong Tân Ước, có bốn chỗ nói rất rõ về sự hiểu biết bề trong. Hai nơi đầu nằm trong Hê-bo-ơ 8:11 và 1 Giăng 2:27. Cả hai câu này đều nói chúng ta không cần người khác dạy dỗ mình, nhưng chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời từ bên trong. Tuy nhiên, hai câu này nói một cách khác nhau. Hê-bo-ơ chương 8 nói luật sự sống của Đức Chúa Trời, tức là chức năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời. Và 1 Giăng chương 2 nói sự dạy dỗ của sự xúc dầu, tức là sự chuyển động khai thị của Thánh Linh, có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời. Biết Đức Chúa Trời bởi luật sự sống là biết Ngài bởi sự sống của Ngài. Biết Đức Chúa Trời bởi sự dạy dỗ của sự xúc dầu là biết Ngài bởi Linh của Ngài.

Hai chỗ khác nói về sự hiểu biết bề trong là Giăng 17:3 và Ê-phê-sô 1:17. Giăng 17:3 nói những ai có sự sống đời đời của Đức Chúa Trời là những người nhận biết Ngài. Điều này nghĩa là sự sống của Đức Chúa Trời bên trong có thể làm cho chúng ta biết Ngài. Ê-phê-sô 1:17 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta linh của sự khôn ngoan và sự khai thị để chúng ta biết Ngài. Linh được đề cập đến ở đây là nhân linh của chúng ta có liên quan đến Linh của Đức Chúa Trời. Nghĩa là linh chúng ta và Linh của Đức Chúa Trời có khả năng làm cho chúng ta nhận biết Ngài từ bên trong.

Bốn phân đoạn Kinh Thánh này cho thấy chúng ta biết Đức Chúa Trời bên trong do hai phương tiện: một là luật sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời; hai là sự dạy dỗ của sự xúc dầu, đến từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì có hai phương tiện để biết Đức Chúa Trời từ bên trong nên sự hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời có thể ở trong hai phương diện. Luật sự sống cốt yếu làm cho chúng ta biết bản chất của Ngài, tức là đặc điểm của sự sống Ngài. Bất cứ khi nào sự sống của Ngài hành động và thi hành chức năng trong chúng ta để bày tỏ đặc điểm này, sự sống sẽ tự nhiên bày tỏ bản chất của Đức Chúa Trời cho chúng ta và làm cho chúng ta nhận biết bản chất của Ngài. Sự dạy dỗ của sự xúc dầu cốt yếu làm cho chúng ta biết chính Đức Chúa Trời. Vì sự dạy dỗ của sự xúc dầu đến từ Thánh Linh, và Thánh Linh là hiện thân của chính Đức Chúa Trời. Khi Thánh Linh xúc dầu và hành động trong chúng ta, Ngài luôn luôn xúc chính Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, làm cho chúng ta nhận biết chính Đức Chúa Trời. Luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho chúng ta nhận biết bản chất của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời từ bên trong. Đây là điều chúng ta gọi là sự hiểu biết bề trong.

V. KINH LUẬT VÀ CÁC TIÊN TRI

Chúng ta có thể thấy hình bóng của hai phương diện này về sự hiểu biết bản chất của Đức Chúa Trời và chính

Ngài trong Cựu Ước. Đức Chúa Trời ban kinh luật và các tiên tri để qua đó con cái Israel có thể biết bản chất của Ngài và biết chính Ngài. Sự hiểu biết này là từ bên ngoài.

Đặc tính của Cựu Ước là kinh luật và các tiên tri. Lí do Đức Chúa Trời ban kinh luật và lập các tiên tri là để làm cho dân Ngài biết Ngài. Như vậy, kinh luật và các tiên tri là hai phương tiện để Đức Chúa Trời dẫn dắt dân Israel đến chỗ biết Ngài. Bởi hai phương tiện này, họ có thể biết Đức Chúa Trời theo hai phương diện.

Đức Chúa Trời ban kinh luật để dẫn dân Israel đến chỗ hiểu biết bản chất của Ngài. Kinh luật ra từ bản chất của Đức Chúa Trời vì nói lên những gì Ngài muốn và những gì Ngài không muốn. Những gì bản chất của Đức Chúa Trời muốn là những gì Ngài muốn họ làm. Những gì bản chất Ngài ghét thì Ngài cấm họ làm. Ví dụ: Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời ghen tuong; vì vậy, Ngài cấm họ thờ hình tượng. Ngài là Đấng yêu thương nên cấm họ giết người. Ngài thánh biệt nên muốn họ thánh biệt. Ngài chân thật nên Ngài muốn họ chân thật. Loại kinh luật được ban cho họ là theo loại bản chất của Đức Chúa Trời. Vì thế, cả kinh luật bày tỏ cho họ bản chất của Đức Chúa Trời. Một số điều luật nói lên sự sáng của Đức Chúa Trời, những điều luật khác nói lên sự thánh biệt và sự tốt lành của Đức Chúa Trời, và những điều khác nữa nói lên tình yêu của Đức Chúa Trời. Ngài đã dùng những lệnh truyền và lệnh cấm của từng điều luật để dẫn dân Israel đến chỗ hiểu biết mọi phương diện của bản chất Ngài.

Đức Chúa Trời cũng lập các tiên tri để dẫn dân Israel đến chỗ biết chính Ngài vì các tiên tri trong Cựu Ước được Ngài lập lên để đại diện cho chính Ngài, cho Thân vị của Ngài. Lời họ nói ra là sự khải thị và dẫn dắt do Đức Chúa Trời ban theo ý muốn của Ngài. Ví dụ như Môi-se là một tiên tri do Đức Chúa Trời lập lên (Phục. 18:15). Những lời ông nói với con cái Israel về việc xây đền tạm là sự khải thị của Đức Chúa Trời cho họ về vấn đề ấy. Khi ông dẫn họ đi

trong hoang mạc thì đó là chính Đức Chúa Trời dẫn dắt họ đi trong hoang mạc. Như vậy, Đức Chúa Trời dùng mọi loại khả thị và dẫn dắt bởi các tiên tri để dẫn dân Israel đến chỗ biết Ngài, biết Thân vị của Ngài.

Vì kinh luật ra từ bản chất của Đức Chúa Trời nên đặc điểm của kinh luật là cố định và bất biến. Kinh luật dạy chúng ta phải hiểu kính cha mẹ, không được giết người, không được phạm tội tà dâm và không được trộm cắp. Những điều luật này là cố định, là luật thép và không thể thay đổi. Chúng được áp dụng cho người này cũng như cho người kia, cho một người ở Giê-ru-sa-lem cũng như cho một người ở Sa-ma-ri. Chúng không thay đổi theo sự thay đổi của con người, sự kiện, nơi chốn, thời gian hay không gian. Nếu dân Israel bằng lòng chấp nhận tiêu chuẩn của những điều luật này, không những họ được biết bản chất đời đời không thay đổi của Đức Chúa Trời, mà cả lối sống, đặc điểm và sở trường của nếp sống họ cũng sẽ phù hợp với bản chất ấy.

Mặt khác, vì các tiên tri đại diện cho chính Đức Chúa Trời và nói ra ý muốn của Ngài ở một thời điểm đặc biệt nào đó, nên hoạt động của họ rất uyển chuyển và có thể thay đổi chứ không giới hạn và cố định vì Đức Chúa Trời làm mọi sự theo ý muốn của riêng Ngài, và chính Ngài thì linh động và không thể bị giới hạn. Vào một thời điểm, các tiên tri có thể cho dân Israel biết loại khả thị này, và vào thời điểm khác, họ có thể bày tỏ một loại khả thị khác. Tại đây họ có thể hướng dẫn theo cách này và tại đó họ có thể hướng dẫn theo cách khác. Như vậy, tiêu chuẩn kinh luật ban cho con người là cố định và giới hạn nhưng sự khả thị và hướng dẫn mà các tiên tri truyền cho họ thì linh động và vô hạn. Nếu dân Israel bằng lòng vâng theo sự khả thị và hướng dẫn của các tiên tri thì bởi đó, họ có thể biết Đức Chúa Trời trong chính Thân vị của Ngài và biết được ý muốn của Ngài tại chính thời điểm đó. Họ cũng có thể làm cho mình phù hợp với chính Ngài và với ý muốn của Ngài khi hành động hay an nghỉ, lúc làm việc hay khi chiến đấu.

VI. LUẬT SỰ SỐNG VÀ SỰ DẠY DỠ CỦA SỰ XỨC DẦU

Mặc dù kinh luật và các tiên tri của Cựu Ước có thể làm cho con cái Israel biết Đức Chúa Trời, nhưng đó chỉ là sự hiểu biết bên ngoài, không phải từ bên trong. Vì vậy trong Tân Ước, Đức Chúa Trời đặt Linh Ngài cùng với sự sống của Ngài bên trong chúng ta, làm cho chúng ta có thể biết Ngài từ bên trong. Luật sự sống, là luật ra từ sự sống của Ngài thay thế cho kinh luật Cựu Ước và làm cho chúng ta có khả năng nhận biết bản chất của Ngài từ bên trong. Sự dạy dỗ của sự xúc dầu thay thế các tiên tri Cựu Ước, và làm cho chúng ta có khả năng biết chính Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài từ bên trong.

A. Luật sự sống

Luật sự sống là đặc điểm và chức năng tự nhiên của sự sống, và đặc điểm của sự sống này là bản chất của sự sống. Vì vậy, khi luật sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta biểu lộ chức năng và điều chỉnh chúng ta, thì cũng luôn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất của Đức Chúa Trời. Do đó, luật sự sống làm cho chúng ta biết bản chất của Đức Chúa Trời. Sự nhận biết ấy không đòi hỏi sự dạy dỗ hay tri thức bên ngoài, cũng không cần luật thành văn hay các mệnh lệnh bên ngoài, nhưng bởi ý thức tự nhiên được ban cho chúng ta do luật bề trong của sự sống. Chẳng hạn như nếu chúng ta cho một em bé ném giấm, nó sẽ nhả ra ngay. Nhưng nếu chúng ta cho bé ăn đường, nó sẽ chịu nuốt. Khả năng phân biệt chất chua và ngọt của đứa bé không dựa trên sự dạy dỗ nào, nhưng do chức năng tự nhiên của sự sống. Cũng vậy, một người vừa mới được cứu và nhận lãnh sự sống của Đức Chúa Trời thì không muốn phạm tội. Không phải vì người ấy sợ hình phạt của tội, mà vì bản chất thánh biệt của sự sống Đức Chúa Trời ở trong người ấy tự nhiên ghê tởm, gớm ghiếc và có ý thức không chịu phạm tội.

Ý thức ấy sâu hơn sự định tội của lương tâm. Do ý thức gồm ghiếc tội lỗi này mà chúng ta được đến chỗ biết bản chất thánh biệt của Đức Chúa Trời.

Phao-lô nói với các thánh đồ ở Cô-rin-tô: “Chúng tôi chịu lao khổ, dùng chính tay mình làm việc, khi bị mắng nhiếc thì chúng tôi chúc phước; khi bị bắt bớ thì chúng tôi nhịn chịu; khi bị phi báng thì chúng tôi khuyên lơn” (1 Cô. 4:12-13). Phao-lô có thể cư xử như vậy không chỉ vì sự sống của Đức Chúa Trời trong ông làm cho ông được như vậy, mà còn vì bản chất của sự sống Đức Chúa Trời trong ông là như vậy. Khi sống theo sự sống của Đức Chúa Trời, ông chạm được bản chất của Ngài; nói cách khác, ông đã đến chỗ biết bản chất của Đức Chúa Trời.

Bản chất của sự sống Đức Chúa Trời, như sự thánh biệt, yêu thương, chân thật, sáng láng, v.v. không bao giờ thay đổi từ đời đời đến đời đời, bất chấp những thay đổi của không gian và thời gian. Vì vậy, đặc tính của luật sự sống cũng cố định và bất biến. Bất kể thời gian và không gian, khi nào luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động, bản chất của Ngài mà luật sự sống làm cho chúng ta có thể chạm được thì luôn cố định và không thay đổi.

Khi luật sự sống hành động trong chúng ta, làm cho chúng ta có khả năng biết bản chất của Đức Chúa Trời thì kết quả là luật này làm cho cung cách, tính chất và sở thích của toàn bộ cuộc sống chúng ta đều phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời. Không như luật văn tự của Cựu Ước, vốn chỉ là những quy định bên ngoài, đòi hỏi cuộc sống bên ngoài của con người phải phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời. Đây là luật sự sống của Tân Ước, bởi sự hành động của sự sống bên trong, hòa quyện bản chất của Đức Chúa Trời vào bản chất của chúng ta. Như vậy, làm cho bản chất của chúng ta chứa đựng yếu tố của bản chất Đức Chúa Trời và dần dần trở nên giống như bản chất của Ngài. Bất cứ điều gì bản chất của Ngài yêu hay ghét, bản chất của chúng ta cũng yêu hay ghét như vậy. Bây giờ, hễ khi nào

chúng ta làm hay ngay cả chúng ta muốn làm những điều tối tăm hay ô uế của quá khứ, luật sự sống bên trong sẽ làm cho chúng ta cảm thấy khó chịu, bất thường và bất an. Trái lại, càng làm những điều trong sáng, thánh biệt, phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời thì chúng ta càng cảm thấy sự sống và bình an từ bên trong. Bằng cách này, nếp sống của chúng ta tự nhiên thay đổi để phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời từ bên trong.

B. Sự dạy dỗ của sự xúc dầu

Trong Kinh Thánh, chỉ có 1 Giăng 2:27 nói về “sự dạy dỗ của sự xúc dầu”. Tất cả chúng ta đều biết sự xúc dầu là một danh động từ nói đến hoạt động của dầu xúc, sự chuyển động và hành động của sự xúc dầu. Theo hình bóng Cựu Ước và sự ứng nghiệm của Tân Ước, dầu xúc hay dầu trong Kinh Thánh chỉ về Thánh Linh (Ês. 61:1; Lu. 4:18). Vì dầu xúc hay dầu chỉ về Thánh Linh nên “sự xúc dầu” chắc chắn chỉ về hành động của Thánh Linh. Sự hành động của Thánh Linh trong chúng ta giống như sự xúc dầu của dầu xúc; vì vậy, Kinh Thánh gọi hành động này của Thánh Linh là “sự xúc dầu”.

Vì sự xúc dầu là hành động của Thánh Linh trong chúng ta, nên tự nhiên sự xúc dầu làm chúng ta có một cảm nhận bên trong để có thể biết Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài. Khi sự xúc dầu làm chúng ta biết Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài theo cách này thì sự xúc dầu dạy dỗ chúng ta từ bên trong. Như vậy, Kinh Thánh gọi sự dạy dỗ này là “sự dạy dỗ của sự xúc dầu”.

Vì sự xúc dầu là hành động của Thánh Linh trong chúng ta, và Thánh Linh là hiện thân của chính Đức Chúa Trời bên trong chúng ta, nên sự xúc dầu cũng là chính Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta. Đức Chúa Trời là Đấng vô hạn; nên đặc điểm của sự dạy dỗ do sự hành động và xúc dầu của Ngài bên trong chúng ta cũng không thể bị giới hạn. Đôi khi Ngài ban cho chúng ta sự dạy dỗ này; đôi khi Ngài ban cho

chúng ta sự dạy dỗ khác. Điều này không giống như luật sự sống của Ngài, là luật có tính cố định và không thay đổi. Luật sự sống Ngài ra từ bản chất cố định của sự sống Ngài và làm chúng ta chạm được bản chất cố định của sự sống ấy; vì vậy, chức năng của luật này bên trong chúng ta là cố định. Nhưng sự hành động của Thánh Linh Ngài đến từ bản chất vô hạn của Ngài, và làm cho chúng ta chạm được bản chất vô hạn của chính Ngài. Vì vậy, sự dạy dỗ ra từ hành động của Ngài bên trong chúng ta cũng vô hạn, làm chúng ta nhận được sự khai thị và sự dẫn dắt của Ngài, bởi đó làm cho chúng ta biết bản chất vô hạn và ý muốn vô hạn của Ngài.

Vì sự dạy dỗ của sự xúc dầu ban cho chúng ta sự khai thị và hướng dẫn từ chính bản chất vô hạn của Đức Chúa Trời, nên sự dạy dỗ ấy có thể làm cho mọi hành vi cử chỉ, hành động và sự chọn lựa của chúng ta phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này không giống như các tiên tri Cựu Ước là những người dạy dỗ người khác từ bên ngoài và đòi hỏi hành động của họ phải phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây là Thánh Linh như dầu xúc bên trong chúng ta, xúc vào chúng ta yếu tố của chính Đức Chúa Trời và làm cho chúng ta có thể hiểu ý muốn Đức Chúa Trời từ bên trong vì chúng ta chạm được chính Đức Chúa Trời. Kết quả là không những hành động của chúng ta mà cả bản thể chúng ta được đổ đầy yếu tố của Đức Chúa Trời và phù hợp với ý muốn Ngài.

Như vậy, luật sự sống làm cho chúng ta chạm được bản chất của sự sống Đức Chúa Trời, điều chỉnh từ bên trong chúng ta theo bản chất của sự sống Ngài. Nhưng sự xúc dầu làm chúng ta chạm được Đức Chúa Trời, chạm được Thân vị của Ngài và xúc vào trong chúng ta chính thể yếu của Ngài. Vì có luật sự sống và sự xúc dầu liên tục hành động và dạy dỗ bên trong, chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời trong mọi sự mà không cần người khác dạy dỗ mình. Bất cứ khi nào chúng ta gặp một vấn đề về cách sống hay lối sống, luật sự sống sẽ bày tỏ cho chúng ta biết bản chất của Đức Chúa Trời

trong những vấn đề này. Và khi chúng ta gặp một vấn đề về hành động hay lựa chọn thì sự dạy dỗ của sự xúc dầu sẽ làm chúng ta hiểu được Đức Chúa Trời xem Ngài cảm thấy thế nào về những vấn đề ấy.

Ví dụ như chúng ta muốn mua vài bộ quần áo. Chúng ta có nên mua hay không là vấn đề được Thánh Linh dẫn dắt trong hành động. Khi ấy, sự xúc dầu sẽ dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta. Khi chúng ta đến cửa hàng, kiểu cách và màu sắc mà chúng ta chọn là những vấn đề có liên quan đến sở thích của bản chất của Đức Chúa Trời. Luật sự sống sẽ làm cho chúng ta cảm thấy được kiểu nào và màu nào là phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời. Sự dẫn dắt về việc chúng ta có nên đi đến cửa hàng để mua quần áo hay không, không phải là điều cố định. Có thể lần này chúng ta nên đi, và lần tới chúng ta không nên. Tuy nhiên, sở thích về kiểu nào và màu nào chúng ta nên chọn thì không bao giờ thay đổi; lần nào chúng ta đi cũng giống như vậy.

Hoặc như, hãy xem xét có hai anh chị kia muốn lập gia đình với nhau. Họ nên thành hôn vào ngày nào, đó là vấn đề cần được hướng dẫn trong hành động; điều ấy không liên quan đến bản chất của Đức Chúa Trời. Không phải ngày 1 hay ngày 15 là phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời, còn tất cả những ngày khác thì không. Vì đây là vấn đề hướng dẫn trong hành động, nên vấn đề ấy được quyết định bởi sự xúc dầu hay sự hành động của Thánh Linh. Tuy nhiên, vào ngày cưới, kiểu áo cưới, cách tổ chức, buổi nhóm phải được sắp xếp ra sao, đặc điểm, thẩm mỹ và kiểu cách sao cho phù hợp với Hội thánh và thích hợp với các thánh đồ, đó là những vấn đề liên hệ đến bản chất của Đức Chúa Trời. Vì vậy, những điều này không được dạy dỗ bởi sự xúc dầu nhưng được điều chỉnh bởi luật sự sống.

C. Mối liên hệ giữa hai điều này

Mặc dù luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu không giống nhau và có những chức năng khác nhau, nhưng hai

điều này liên hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi tương quan nhân quả của hai điều này không thể tách rời.

Luật sự sống bắt nguồn từ sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống của Đức Chúa Trời dựa trên và hàm chứa trong Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy, luật này còn được gọi là “luật của Linh sự sống” (La. 8:2), và cũng là luật của Thánh Linh. Mặc dù luật này ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và tùy thuộc vào sự sống ấy, nhưng lại được thực hiện bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời, và sự hành động của Thánh Linh là sự xúc dầu. Vì thế, chức năng của luật này nhất thiết phải được bày tỏ với sự xúc dầu. Khi nào sự xúc dầu dừng lại, chức năng của luật này chắc chắn cũng biến mất. Điều này chứng tỏ sự xúc dầu và chức năng của luật sự sống thật sự liên hiệp với nhau và không thể tách rời.

Hơn nữa, sự dạy dỗ của sự xúc dầu cũng liên quan đến sự am hiểu của chúng ta về luật sự sống. Vì luật sự sống là chức năng tự nhiên của sự sống nên sự hành động của luật này trong chúng ta thuộc về cảm nhận sự sống. Do luật sự sống này, chúng ta chỉ có thể có một cảm nhận trong nơi sâu thẳm nhất của bản thể mình, một cảm nhận làm cho chúng ta cảm thấy được giục giã hay ngăn cấm, ưa thích hay ghét bỏ. Tuy nhiên, chúng ta vẫn không thể hiểu được ý nghĩa của cảm nhận ấy. Để hiểu được ý nghĩa của cảm nhận bên trong ấy, chúng ta cần sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Chỉ khi nào được sự xúc dầu dạy dỗ, chúng ta mới hiểu ý nghĩa của sự cảm nhận ban cho chúng ta từ luật sự sống. Chẳng hạn như một đứa bé lần đầu tiên nếm đường và muối có thể do khả năng tự nhiên của sự sống bên trong cảm nhận được sự khác nhau về mùi vị; tuy nhiên, nó vẫn không biết hai điều này là gì. Thế nhưng, khi mẹ đứa bé nói cho nó biết loại ngọt gọi là đường và loại mặn gọi là muối, thì không những nó biết vị của hai loại này khác nhau mà còn biết hai vị này là gì nữa.

Cũng vậy, khi một anh em được cứu, anh có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong. Do đó, nếu anh đi xem phim,

uống rượu hay hút thuốc, là những điều không phù hợp với bản chất của sự sống Đức Chúa Trời trong anh, thì bản chất của sự sống này sẽ làm cho anh cảm thấy bứt rứt và không bình an cho đến khi anh từ bỏ chúng. Đây là cảm nhận bẩm sinh của sự sống Đức Chúa Trời bày tỏ cho anh. Tuy nhiên, dù anh cảm thấy bứt rứt khó chịu khi làm những điều này, anh vẫn không hiểu vì sao mình lại bứt rứt khó chịu. Cho đến khi nhờ sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự xúc dầu bày tỏ cho anh biết tất cả những điều này là không phù hợp với bản chất của sự sống thánh biệt của Đức Chúa Trời trong anh, anh mới biết nguyên nhân của sự bứt rứt khó chịu ấy. Vào thời điểm này, không những anh có ý thức về cảm nhận bẩm sinh của sự sống Đức Chúa Trời đã ban cho anh, mà anh còn có sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho anh hiểu biết nữa. Như vậy, không những chức năng của luật sự sống được bày tỏ bởi sự xúc dầu, mà ý nghĩa của cảm nhận của luật sự sống cũng được bày tỏ qua sự dạy dỗ của sự xúc dầu nữa.

Mặt khác, sự hành động của luật sự sống cũng liên quan đến sự am hiểu của chúng ta về sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Theo kinh nghiệm, chúng ta biết rằng khả năng hiểu được sự dạy dỗ của sự xúc dầu tùy thuộc vào sự lớn lên của sự sống. Mức độ lớn lên của sự sống quyết định mức độ hiểu biết của chúng ta về sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Chẳng hạn nếu dưa bẻ nếm đường và muối khi còn quá nhỏ, dù mẹ nó đã dạy chất ngọt là đường, chất mặn là muối, nó vẫn không thể hiểu rõ được. Cần phải chờ cho đến khi sự sống của nó lớn lên đến một mức độ nào đó, khi ấy nó mới hiểu rõ được. Nguyên tắc này cũng được áp dụng cho việc hiểu biết sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Sự sống cần phải lớn lên một cách đầy đủ. Nếu muốn hiểu rõ hơn về sự dạy dỗ của sự xúc dầu, chúng ta càng phải lớn lên trong sự sống. Sự lớn lên của sự sống là do sự hành động của luật sự sống. Luật sự sống càng hành động, chúng ta sẽ càng lớn lên trong sự sống, và chúng ta sẽ càng am hiểu sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Như

vậy, sự hành động của luật sự sống có thể làm gia tăng sự hiểu biết của chúng ta về sự xúc dầu.

Vì vậy, chúng ta cần nhớ rằng luật sự sống và sự xúc dầu không những có liên quan với nhau mà còn ảnh hưởng lẫn nhau. Chính mối tương quan và tác động hỗ tương giữa hai điều này làm cho sự hiểu biết bề trong của chúng ta về Đức Chúa Trời càng ngày càng lớn lên cho đến khi chúng ta biết Ngài một cách đầy đủ và phong phú.

D. Sự so sánh giữa hai điều này

Chúng ta đã thấy luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu khác nhau như thế nào, và hai điều này có liên hệ hỗ tương và bổ sung cho nhau ra sao. Bây giờ, chúng ta sẽ so sánh một cách đơn giản và rõ ràng về sự hiểu biết Đức Chúa Trời để xem hai điều này giúp chúng ta hiểu biết Ngài như thế nào. Sự so sánh này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn.

Vì luật sự sống là chức năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, nên sự hiểu biết Đức Chúa Trời mà luật sự sống ban cho chúng ta chỉ thuộc về một loại mà thôi, đó là làm cho chúng ta biết bản chất của sự sống Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, vì sự dạy dỗ của sự xúc dầu là hành động của chính Linh Đức Chúa Trời, nên ít nhất cho chúng ta ba loại hiểu biết về Đức Chúa Trời:

Trước hết, sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho chúng ta biết chính Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là chúng ta chạm được chính Ngài, bởi đó kinh nghiệm Ngài và nhận được chính Ngài.

Thứ hai, sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho chúng ta biết ý chỉ của Đức Chúa Trời, có nghĩa là chúng ta hiểu sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời trong hành động của mình. Điều này có thể chia ra làm hai loại: sự hướng dẫn thông thường và sự hướng dẫn đặc biệt. Sự hướng dẫn thông thường dành cho đời sống hằng ngày của chúng ta. Sự hướng dẫn đặc biệt dành cho kế hoạch công tác của Chúa.

Như chúng ta đã nói, việc chúng ta nên hay không nên mua một bộ quần áo nào đó, hay nên làm đám cưới vào ngày nào,... đều là những ví dụ về sự hướng dẫn thông thường trong đời sống hằng ngày. Mặt khác, việc anh Hudson Taylor cảm thấy anh nên đem phúc âm của Chúa đến Trung Hoa nội địa là một sự hướng dẫn đặc biệt trong công tác của Chúa.

Thứ ba, sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho chúng ta biết lẽ thật, có nghĩa là chúng ta nhận được sự khai thị về lẽ thật. Điều này cũng được chia ra làm hai loại: thông thường và đặc biệt. Sự khai thị thông thường liên quan đến cách cư xử giữa con người chúng ta với nhau. Chẳng hạn như tín đồ chúng ta “không mang ách chung với kẻ chẳng tin” (2 Cô. 6:14), hoặc mọi điều chúng ta làm, nên “làm vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (1 Cô. 10:31). Mặt khác, sự khai thị đặc biệt liên quan đến kế hoạch của Đức Chúa Trời, chẳng hạn như sự nhận thấy huyền nhiệm của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Côl. 2:2) và chức năng của Hội thánh trong mối liên hệ với Đấng Christ (Êph. 1:23).

Sau khi thấy những điểm này, chúng ta nhận thấy sự hiểu biết bề trong được ban cho chúng ta bởi luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu thật là phong phú, bao hàm hầu hết mọi hành động của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta, và như vậy làm cho chúng ta có khả năng hiểu biết thấu đáo, đầy đủ và phong phú về Đức Chúa Trời.

VII. BẰNG CHỨNG CỦA KINH VĂN

Cảm nhận bên trong được ban cho chúng ta do luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu làm cho chúng ta có khả năng biết Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, mặc dù cảm nhận bên trong này có thể hoàn toàn đúng và có thật, cảm nhận này vẫn cần được chứng minh bằng sự dạy dỗ và những nguyên tắc của Kinh văn. Nếu ý thức chúng ta có bên trong không phù hợp với sự dạy dỗ và những nguyên tắc của Kinh văn, chúng ta không nên chấp nhận ý thức ấy. Bằng cách này,

chúng ta sẽ được gìn giữ khỏi tình trạng bị lừa dối hoặc đi đến chỗ cực đoan, và chúng ta có thể đứng đắn và vững vàng.

Cho dù ý thức bề trong đến từ luật sự sống trong linh chúng ta hay đến từ Thánh Linh như sự xúc dầu, cũng đều cần phải phù hợp với lẽ thật của Kinh văn. Nếu ý thức mà chúng ta cảm nhận bên trong không phù hợp với lẽ thật của Kinh văn, chắc chắn ý thức ấy không đến từ luật sự sống hay sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Dù ý thức bên trong có thể sống động, nhưng lẽ thật trong Kinh văn là chính xác và an toàn. Tuy vậy, chỉ có lẽ thật Kinh văn thôi thì sẽ chính xác và an toàn mà không sống động, nhưng chỉ có cảm nhận bên trong thôi thì đôi khi có thể sống động mà không chính xác, hoặc sống động mà không an toàn. Giống như một chiếc xe lửa đang tiến về phía trước: không những có sức mạnh bên trong mà cần phải có cả đường ray bên ngoài. Dĩ nhiên nếu chỉ có đường ray bên ngoài mà không có sức mạnh bên trong thì xe lửa cũng không thể nào chuyển động được. Tuy nhiên, nếu chỉ có sức mạnh bên trong mà không có đường ray bên ngoài, thì dù tàu có thể chạy được nhưng chắc chắn nó sẽ gặp tai họa. Vì vậy, chúng ta không những cần có cảm nhận sống động bên trong, mà cũng cần có lẽ thật chính xác ở bên ngoài. Ý thức sống động bên trong đến từ luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu, còn lẽ thật chính xác bên ngoài tùy thuộc vào sự dạy dỗ của những lời được viết trong Kinh văn và ánh sáng của những nguyên tắc thuộc Kinh văn.

Khi con cái Israel bước đi trong hoang mạc, trụ mây dẫn dắt họ ban ngày và trụ lửa dẫn dắt họ ban đêm. Cũng vậy khi tình trạng thuộc linh của chúng ta sáng tỏ như ban ngày, khi người bên trong của chúng ta sáng rõ như giữa trưa và cảm nhận bên trong của chúng ta rõ ràng và chính xác, thì chúng ta có thể bước đi trên con đường đứng đắn của Đức Chúa Trời với sự hướng dẫn của Thánh Linh được hình bóng bằng trụ mây. Nhưng đôi lúc, tình trạng thuộc linh bên trong chúng ta tăm tối như bóng đêm; cảm nhận

bên trong của chúng ta mù mờ và thiếu ánh sáng. Khi ấy, chúng ta cần Kinh văn, được hình bóng bởi trụ lửa, làm ngọn đèn cho chân chúng ta và ánh sáng cho đường lối của chúng ta để dẫn dắt chúng ta bước trên con đường ngay thẳng của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, nếu muốn đi trên con đường an toàn của sự sống và lẽ thật, chúng ta nên kiểm tra và thử nghiệm mọi ý thức, hướng dẫn và khả thi bằng sự dạy dỗ và các nguyên tắc của quyền năng thật và sức mạnh an toàn. Chỉ có tình trạng quân bình như vậy mới làm cho chúng ta tiến tới mà không bị phiến diện.

VIII. “SỰ DẠY DỠ” BÊN NGOÀI

Dù một mặt, Kinh văn nói do chúng ta có luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu bên trong, nên chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời và không cần người khác dạy dỗ mình; nhưng mặt khác, nhiều nơi trong Kinh văn nói đến sự dạy dỗ của con người. Chẳng hạn, những phân đoạn như 1 Cô-rin-tô 4:17; 14:19; 1 Ti-mô-thê 2:7; 3:2; 2 Ti-mô-thê 2:2, 24, v.v. nói sứ đồ Phao-lô dạy dỗ người ta, và ông muốn những người khác cũng biết cách dạy. Điều này có ba lí do chính yếu.

Thứ nhất, dù cảm nhận bề trong được ban cho chúng ta bởi luật sự sống, và sự dạy dỗ của sự xúc dầu là đủ làm chúng ta biết Đức Chúa Trời, và như vậy chúng ta không cần sự dạy dỗ của con người, tuy nhiên, chúng ta thường không lắng nghe và chú ý đến ý thức ấy. Chúng ta yếu đuối đặc biệt trong việc nghe lời Đức Chúa Trời. Có khi chúng ta không nghe và có khi chúng ta không muốn nghe. Những người có bệnh về tâm trí, những người chủ quan, những người khẳng khẳng theo ý mình, và những người cố ý khép lòng mình lại thường không thể nghe. Và những ai không yêu Chúa, không muốn trả giá, không muốn theo Chúa thì cũng không muốn nghe. Vì không muốn nghe nên đương nhiên họ không nghe, vì không nghe nên họ lại càng không

nghe. Vì vậy, nhiều lần không phải Đức Chúa Trời không phát ngôn, hay sự sống của Ngài không điều chỉnh, hoặc sự xúc dầu của Ngài không dạy dỗ, mà vì chúng ta không nghe. Gióp 33:14 chép: “Đức Chúa Trời nói một lần, hoặc hai lần; nhưng người ta không để ý đến”. Chúng ta còn có những tình trạng tệ hơn nữa. Ngay cả khi Ngài nói năm, mười hoặc hai mươi lần, chúng ta vẫn không nghe. Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời, Ngài vẫn tha thứ và nhẫn nại. Nếu chúng ta không nghe những gì Ngài nói bên trong, Ngài sẽ dùng sự dạy dỗ của con người bên ngoài để lặp lại. Ngài đã nói bên trong chúng ta rồi, nhưng vì chúng ta không nghe, nên Ngài dạy chúng ta từ bên ngoài, qua con người, để lặp lại những gì Ngài đã nói ở bên trong chúng ta rồi.

Dưới thời Tân Ước có nhiều sự dạy dỗ theo nguyên tắc lặp lại này. Trong các thư tín, lời này thường được lặp lại: “Anh em há chẳng biết rằng...”. Điều này nói anh em đã nghe và biết rồi, nhưng anh em không quan tâm và không nghe; vì vậy, Đức Chúa Trời dùng con người để dạy anh em lại. Cho nên, nhiều lần Đức Chúa Trời dùng lời Kinh văn hay các tông đồ Ngài để dạy chúng ta. Ngài không làm như vậy để thay thế sự dạy dỗ của Ngài ở bên trong, nhưng để lặp lại những gì Ngài đã dạy chúng ta ở bên trong rồi. Dù sự hướng dẫn bên ngoài và sự dạy dỗ bên trong hỗ trợ cho nhau, nhưng điều bên ngoài không thể thay thế điều ở bên trong mà chỉ lặp lại điều ở bên trong.

Vì vậy, ngày nay khi giúp đỡ người khác trong các vấn đề thuộc linh, chúng ta không nên cho họ mười điều răn để dạy họ phải làm như thế này hoặc thế kia một cách khách quan. Chúng ta chỉ có thể giải thích những gì Đức Chúa Trời đã chỉ định về nguyên tắc để làm chứng cho lời Ngài đã nói ở bên trong và lặp lại những gì Ngài đã dạy họ từ bên trong. Chúng ta không nên dạy họ một cách khách quan phải làm như thế này hay thế kia một cách chi tiết. Đây là điều các tiên tri trong Cựu Ước đã làm. Trong Tân Ước, chỉ có các tiên tri dành cho Hội thánh, giải thích những gì Đức

Chúa Trời đã chỉ định trên nguyên tắc. Không có tiên tri nào dành cho cá nhân để quyết định các vấn đề một cách chi tiết. Việc giải quyết một cách chi tiết là điều Đức Chúa Trời bày tỏ cho mỗi người từ bên trong bởi luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu. Đây là nguyên tắc của Tân Ước. Như vậy mặc dù chúng ta nên khiêm nhường nhận sự dạy dỗ từ người khác, nhưng những gì luật sự sống bên trong điều chỉnh chúng ta hoặc sự dạy dỗ của sự xúc dầu đã dạy chúng ta mới là điều thật sự chỉ đạo chúng ta. Nếu không, điều này không phù hợp với nguyên tắc Tân Ước.

Lí do thứ hai cho sự dạy dỗ của con người trong Tân Ước là mặc dù luật sự sống và sự xúc dầu có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời, nhưng ý thức và sự dạy dỗ ấy đều ở trong linh chúng ta. Nếu không nhận sự dạy dỗ từ bên ngoài một cách đầy đủ, tâm trí chúng ta sẽ khó có thể hiểu được ý thức và sự dạy dỗ trong linh mình bởi luật sự sống và sự xúc dầu. Để tâm trí chúng ta có thể hiểu được ý thức và sự dạy dỗ ban cho mình bởi luật sự sống và sự xúc dầu từ bên trong, chúng ta cần con người dạy chúng ta đường lối của Đức Chúa Trời từ bên ngoài. Càng được dạy dỗ từ bên ngoài, tâm trí chúng ta càng hiểu được ý thức và sự dạy dỗ của luật sự sống và sự xúc dầu ở bên trong. Càng nhận được sự dạy dỗ từ bên ngoài càng giúp linh chúng ta lớn lên, do đó chúng ta càng nhường bước và tạo cơ hội cho luật sự sống và sự xúc dầu để hai điều này bày tỏ chức năng và cho chúng ta một cảm nhận và sự dạy dỗ sâu xa hơn. Vì vậy, mặc dù luật sự sống và sự xúc dầu thật ra cho chúng ta ý thức và sự dạy dỗ từ bên trong, nhưng chúng ta vẫn cần sự dạy dỗ của con người từ bên ngoài. Tuy nhiên, sự dạy dỗ từ bên ngoài này không thể và không nên thay thế cho ý thức và sự dạy dỗ của luật sự sống và sự xúc dầu từ bên trong. Sự dạy dỗ từ bên ngoài chỉ giúp chúng ta hiểu cảm nhận sự dạy dỗ bên trong và cho luật sự sống và sự xúc dầu có cơ hội dạy chúng ta một cảm nhận và sự dạy dỗ sâu xa hơn. Sự dạy dỗ của con người từ bên ngoài luôn luôn cần có một

tiếng “a-men” hoặc “một tiếng vang” từ ý thức và sự dạy dỗ ở bên trong được ban cho bởi luật sự sống và sự xúc dầu. Đó là điều phù hợp với nguyên tắc của Tân Ước. Sự dạy dỗ và hướng dẫn từ bên trong và bên ngoài không thay thế cho nhau, nhưng hưởng ứng lẫn nhau.

Thứ ba, mặc dù luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời trong mọi sự, tuy nhiên, đối với những lẽ thật thuộc về những điều sâu xa của Đức Chúa Trời và tri thức căn bản về sự sống thuộc linh, chúng ta thường vẫn cần người khác, là những người có chức vụ lời trong sự khai thị của Đức Chúa Trời để dạy chúng ta hiểu. Chúng ta cần sự hiểu biết chủ quan, đến từ sự xúc dầu và luật sự sống từ bên trong, nhưng thông thường, nếu thiếu sự dạy dỗ khách quan của người khác, chúng ta không thể đạt được sự hiểu biết chủ quan từ bên trong. Đương nhiên dưới thời Tân Ước, sự dạy dỗ khách quan bên ngoài không thể thay thế sự hiểu biết chủ quan ở bên trong; nhưng thường thì sự nhận biết chủ quan ở bên trong đạt được do sự dạy dỗ khách quan từ bên ngoài.

Vì ba lí do trên, Đức Chúa Trời thường dấy lên những người có sự hiểu biết và kinh nghiệm thuộc linh trước mặt Ngài và sắp xếp cho họ dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta. Mong rằng, một mặt chúng ta tôn trọng những gì Đức Chúa Trời dạy chúng ta từ bên trong qua luật sự sống và sự xúc dầu; mặt khác, chúng ta cũng không phớt lờ sự dạy dỗ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta qua con người từ bên ngoài. Chúng ta không nên từ chối sự dạy dỗ của con người từ bên ngoài chỉ vì chúng ta có luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu từ bên trong. Chúng ta thật cảm tạ Chúa vì đã ban cho chúng ta luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc dầu, nhưng chúng ta vẫn nên khiêm nhường và làm cho mình trống không để nhận lãnh sự dạy dỗ và sự hướng dẫn Đức Chúa Trời ban cho chúng ta qua con người. Chúng ta hãy nhớ rằng dưới thời Tân Ước, Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta luật sự sống và sự xúc dầu để dạy chúng

ta từ bên trong, mà Ngài cũng ban cho chúng ta những người dạy dỗ và hướng dẫn từ bên ngoài.

IX. BIẾT TRONG LINH VÀ HIỂU TRONG TÂM TRÍ

A. Biết trong linh

Vì sự hiểu biết bề trong đến từ luật sự sống và từ sự dạy dỗ của Linh Đức Chúa Trời là sự xúc dầu, và cả hai đều ở trong linh chúng ta, nên sự hiểu biết bề trong này chắc chắn được bày tỏ cho chúng ta trong linh. Ngoại trừ những vấn đề đúng sai được quyết định do phần lương tâm trong linh chúng ta, sự hiểu biết trong linh có thể kể là trách nhiệm của phần trực giác của linh chúng ta. Vì vậy, nếu muốn hiểu sự hiểu biết bề trong, chúng ta cần phải biết trực giác của linh là gì.

Cả thân và hồn con người đều có những cảm nhận. Như thân thể có thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác, hồn có cảm nhận như vui, buồn, mừng, giận... Vậy, linh của con người cũng có cảm nhận của lương tâm và cảm nhận của trực giác. Cảm nhận của lương tâm xảy ra khi đứng trước vấn đề đúng sai; cảm nhận của trực giác xảy ra trực tiếp mà không có nguyên nhân nào cả. Kinh văn cho chúng ta biết linh có thể “muốn” (Mat. 26:41), có thể “biết rõ” lí luận của lòng con người (Mác 2:8), có thể “than thở” (Mác 8:12), có thể “định” (Công. 19:21) và có thể “bực tức”, “sốt sắng” và “được làm tươi mới” (Công. 17:16; 18:25; 2 Cô. 7:13). Tất cả những điều này là cảm nhận của trực giác của linh. Chúng ta có thể nói trực giác của linh cũng có nhiều cảm nhận như hồn vậy.

Tuy nhiên, trực giác của linh khác với cảm nhận của hồn. Sự khác biệt chính yếu là cảm nhận của hồn nảy sinh từ một nguyên nhân, nhưng trực giác của linh không có nguyên nhân. Nguyên nhân cảm nhận của hồn không gì khác hơn là từ con người, sự kiện và những điều bên ngoài. Dù là một người, một sự việc hay một điều gì, cũng có thể

tạo trong chúng ta một ý thức thuộc hồn. Nếu điều đó vui, chúng ta sẽ vui, nếu điều đó buồn, chúng ta sẽ cảm thấy buồn. Những cảm nhận của hồn do những ảnh hưởng bên ngoài, là những cảm nhận có nguyên nhân. Tuy nhiên, trực giác của linh thì không có nguyên nhân, nghĩa là không có một phương tiện, nhưng trực tiếp bày tỏ sâu trong linh; trực giác ấy không những không chịu ảnh hưởng của con người, sự việc hay sự vật nào ở bên ngoài, mà cũng không chịu ảnh hưởng của cảm nhận của hồn. Thật ra, trực giác thường hoạt động trái ngược với cảm nhận của hồn.

Ví dụ như, đôi lúc chúng ta muốn làm một điều nào đó. Chúng ta có lí luận đầy đủ, lòng rất vui mừng, và chúng ta muốn thực hiện điều đó. Tuy nhiên, chúng ta không biết vì sao linh mình có một tình trạng không thể diễn tả được. Chúng ta cảm thấy rất nặng nề và chán chường, dường như linh đang chống đối điều tâm trí suy nghĩ, tình cảm yêu thích và ý chí quyết định. Dường như linh chúng ta lên tiếng nhắc chúng ta không nên thực hiện điều mình đã dự định. Một ý thức như vậy là sự ngăn cấm của trực giác trong linh. Đôi lúc có điều nào đó mà không có lí do gì để hỗ trợ; điều đó cũng trái với sở thích của chúng ta, mà chúng ta không muốn thực hiện. Tuy nhiên, mặc dù không biết tại sao, chúng ta không ngớt cảm thấy trong linh một sự giục giã, thúc đẩy, ước ao chúng ta thực hiện điều đó. Một khi làm theo, chúng ta cảm thấy dễ chịu bên trong. Ý thức ấy là sự thúc giục của trực giác trong linh.

Sự ngăn cấm hay thúc giục như thế của trực giác trong linh xảy ra không vì một nguyên nhân nào. Đây là một cảm nhận sâu xa hơn do sự hành động của luật sự sống và sự xúc dầu. Vì vậy, chúng ta có thể trực tiếp chạm được Đức Chúa Trời, biết Đức Chúa Trời và biết ý muốn của Ngài. Sự nhận biết trong trực giác của linh như vậy được Kinh văn gọi là “sự khải thị”. Như vậy, sự khải thị không gì khác hơn là Thánh Linh trong linh chúng ta bày tỏ cho chúng ta biết thực tại của một sự kiện nào đó để chúng ta có thể hiểu điều

ấy một cách rõ ràng. Chúng ta có thể nói sự nhận biết này là sự hiểu biết sâu nhất về Đức Chúa Trời trong chúng ta. Đây cũng là sự hiểu biết bề trong mà chúng ta đang nói đến.

B. Hiểu trong tâm trí

Mặc dù sự hiểu biết bề trong nằm trong trực giác của linh chúng ta nhưng vẫn phải được hiểu bởi tâm trí của hồn. Lí do là vì tâm trí là cơ quan để hiểu và nhận thức. Vì vậy, sự hiểu biết bề trong không chỉ cần được nhận biết bởi linh, mà còn cần được nhận thức bởi tâm trí. Nhận biết của trực giác trong linh cần phải có sự hiểu biết của tâm trí kèm theo để có được sự nhận thức. Hiểu biết của tâm trí là một loại thông giải bởi tâm trí của trực giác của linh. Khi nào chúng ta có một ý thức của trực giác trong linh, tâm trí chúng ta cần hiểu và giải thích được ý thức đó. Điều này có nghĩa là chúng ta đem con người, sự việc hay sự vật có liên hệ mà kiểm tra chúng với cảm thức của trực giác trong linh. Chúng ta kiểm nghiệm cho đến khi linh đáp lại. Khi ấy, chúng ta biết ý định của Thánh Linh và có thể hành động phù hợp.

Chẳng hạn như khi đến với Chúa và cảm thấy có gánh nặng trong trực giác sâu thẳm bên trong, chúng ta biết sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời đã đến với mình. Đây là một sự nhận biết trong linh. Tuy nhiên, có thể chúng ta không sáng tỏ Đức Chúa Trời muốn dẫn dắt chúng ta rao giảng phúc âm hay đi thăm một anh em. Nếu là thăm một anh em thì chúng ta nên thăm anh em nào? Tất cả những điều này cần sự hiểu biết của tâm trí. Trong tâm trí mình, chúng ta nên đặt những gì chúng ta cần làm trước mặt Đức Chúa Trời, từng điều một, và kiểm tra bằng trực giác bên trong. Khi dâng trình việc thăm các anh em, nếu có một sự đáp ứng bên trong, chúng ta hiểu Đức Chúa Trời muốn chúng ta đi thăm một vài anh em. Sau đó, trong sự tương giao với Đức Chúa Trời, chúng ta dâng lên thêm nữa, từng anh em một trong số

nhiều anh em chúng ta muốn đi thăm và kiểm tra với trực giác của linh. Khi chúng ta cân nhắc về một anh em đang có nhu cầu, có thể trong linh không có sự đáp ứng. Khi chúng ta cân nhắc về một anh em đang đau ốm, có thể cũng không có sự đáp ứng trong linh. Nhưng khi chúng ta cân nhắc về một anh em khác đang gặp rắc rối, thì trực giác trong linh đáp ứng, và dường như cả bản thể bề trong chúng ta nói: "Amen!" Nếu ngại mình có thể sai lầm, chúng ta có thể rà soát lại thêm những anh em khác cần được thăm viếng. Nếu linh không đáp ứng người nào cả, chúng ta hiểu người mà Chúa muốn chúng ta thăm là anh em đang gặp rắc rối. Đây là sử dụng tâm trí để hiểu những gì chúng ta nhận biết trong linh, hoặc dùng tâm trí để giải thích ý thức trong linh.

Một ví dụ khác, chẳng hạn trong khi cầu nguyện, anh em có gánh nặng, cảm thấy Đức Chúa Trời muốn anh em nói một điều gì đó với các anh chị em. Gánh nặng này là sự nhận biết trong trực giác. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời muốn anh em nói điều gì thì anh em chưa rõ. Việc này đòi hỏi rằng trong tâm trí, anh em phải lấy ra từng sứ điệp và kiểm tra với gánh nặng trong linh mình. Khi kiểm tra về vấn đề xử lý xác thật thì linh đáp ứng. Khi ấy anh em hiểu Đức Chúa Trời muốn anh em nói về chủ đề này. Sự hiểu biết này là sự nhận thức của tâm trí. Như vậy gánh nặng của trực giác trong linh bày tỏ cho anh em hiểu Đức Chúa Trời muốn anh em làm một điều nào đó, và sự hiểu biết của tâm trí trong hồn làm cho anh em có khả năng nhận thức điều Đức Chúa Trời muốn anh em làm là gì.

Có lẽ vào ngày của Chúa, như thường lệ anh em muốn dâng một số tiền. Nhưng linh anh em có gánh nặng, anh em cảm thấy Chúa muốn mình dâng một số tiền đặc biệt. Nhưng Chúa muốn anh em dâng bao nhiêu, cho vấn đề gì, cho người nào là những điều cần phải hiểu bằng tâm trí. Bằng cách này, không những trực giác của anh em có gánh nặng của Đức Chúa Trời, mà tâm trí anh em còn biết ý định của Ngài nữa. Vậy, đây là sự hiểu biết bề trong.

Cách làm việc như vậy có vẻ luộm thuộm. Tuy nhiên, khi một người bắt đầu dùng tâm trí để học cách diễn giải ý thức của linh, người ấy nên thực hiện theo cách ấy. Về sau, khi đã quen thuộc với cách làm việc như vậy và trở nên thành thạo, ngay khi có ý thức hoặc sự hiểu biết trong linh, tâm trí có thể nhận thức và hiểu ngay.

X. PHƯƠNG CÁCH ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC SỰ HIỂU BIẾT BỀ TRONG

Bây giờ, khi đã thấy từng phương diện của sự hiểu biết bề trong, chúng ta cần thấy cách thực hành hay cách đạt được sự hiểu biết bề trong. Để đạt được sự hiểu biết bề trong, chúng ta phải vận dụng linh, đổi mới tâm trí và xử lí lòng.

A. Vận dụng linh

Vì sự hiểu biết bề trong nằm trong trực giác của linh chúng ta, nên nếu muốn đạt được sự hiểu biết ấy, chúng ta phải thường xuyên vận dụng và sử dụng linh để linh mình trở nên sống động và mạnh mẽ. Chỉ khi linh chúng ta sống động và mạnh mẽ, trực giác của linh mới có cảm thức và nhạy bén, bởi đó, làm chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời từ bên trong.

Để vận dụng linh, trước hết chúng ta phải học tập quay về linh. Nếu thường xuyên sống trong con người bề ngoài, chúng ta sẽ không có cách nào biết Đức Chúa Trời trong trực giác của linh. Chúng ta phải học tập gạt bỏ những hoạt động bận rộn bề ngoài và những vương vấn sang một bên. Chúng ta phải kiểm chế để không những đừng quá bận rộn ở bên ngoài, mà còn phải giữ tư tưởng mình đừng chạy lung tung. Trái lại chúng ta nên lưu ý đến chuyển động của linh, là cảm thức sâu xa bên trong. Cậu bé Sa-mu-ên phụng sự Chúa, có thể nghe được tiếng Ngài; Ma-ri yên lặng ngồi dưới chân Chúa, có thể hiểu được lời Ngài. Như vậy, nếu chúng ta có thể quay về linh để được gần Đức Chúa Trời, chúng ta

có thể thật sự chạm được ý thức về Đức Chúa Trời trong linh và do đó biết Ngài.

Chúng ta cũng cần vận dụng và sử dụng linh trong đời sống hằng ngày. Dù cư xử với người khác, điều khiển công việc, hành xử mọi điều hay trong những buổi nhóm phụng sự Chúa và cung ứng lời Đức Chúa Trời; dù trong khi nói chuyện với người khác hoặc ngay cả trong lúc làm ăn, trong mọi việc chúng ta phải từ chối hồn và để linh dẫn dắt. Chúng ta không được để cho tâm trí, tình cảm hay ý chí hướng dẫn, nhưng trong mọi sự, trước hết hãy cố gắng chạm được cảm thức sâu xa trong linh. Tức là, trước hết chúng ta hãy tìm cách hỏi Chúa là Đấng ở trong linh chúng ta muốn nói gì. Nếu chúng ta tiếp tục vận dụng linh như vậy, ý thức trong linh chắc chắn sẽ nhạy bén, khi ấy sự hiểu biết bề trong sẽ dễ dàng gia tăng và ngày càng sâu nhiệm hơn.

Trong việc vận dụng linh, cách thực hành tốt nhất là cầu nguyện, vì cầu nguyện đòi hỏi chúng ta vận dụng linh nhiều hơn bất cứ hoạt động nào khác. Chúng ta thường thích nói chuyện phiếm chứ không muốn cầu nguyện hoặc ngợi khen Chúa; vì vậy linh chúng ta thường khô héo. Nếu mỗi ngày chúng ta có thể để ra một giờ hay hơn mà cầu nguyện, không phải để cầu xin, nhưng để thờ phượng, tương giao và ngợi khen Chúa, chẳng bao lâu chắc chắn linh chúng ta sẽ lớn lên và trở nên mạnh mẽ. Tác giả Thi Thiên nói mỗi ngày ông ngợi khen Chúa bảy lần (Thi. 119:164). Nếu những người luyện quyền anh để ra một giờ tập mỗi ngày, sau một thời gian những cú đấm của họ sẽ rất mạnh. Cũng vậy, nếu vận dụng linh mỗi ngày để cầu nguyện, chắc chắn linh chúng ta sẽ mạnh mẽ. Khi linh mạnh mẽ, chắc chắn trực giác sẽ nhạy bén. Với một trực giác nhạy bén, chúng ta sẽ có sự hiểu biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn.

B. Đổi mới sự hiểu biết

Như chúng ta đã đề cập, sự hiểu biết bề trong không những đòi hỏi sự nhận biết trong linh, mà cả sự hiểu biết

của tâm trí. Vì vậy, nếu muốn có được sự hiểu biết bề trong này, chúng ta cần vận dụng linh và đổi mới sự hiểu biết của tâm trí. Tâm trí là cơ quan để hiểu biết, và sự hiểu biết là khả năng chính của tâm trí.

La Mã 12:2 cho chúng ta thấy chỉ khi nào tâm trí, vốn chứa đựng sự hiểu biết, được đổi mới và biến đổi, chúng ta mới có thể “thử nghiệm ý chỉ tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào”. Cô-lô-se 1:9 cũng bày tỏ khi có “sự hiểu biết thuộc linh”, chúng ta có thể “được đầy dẫy sự thông biết về ý chỉ Ngài”. Vì vậy, đổi mới sự hiểu biết của tâm trí là một điều cần thiết trong vấn đề biết Đức Chúa Trời.

Trước khi được cứu, toàn bản thể chúng ta, kể cả tâm trí, đã sa ngã. Mỗi một sự tưởng tượng thuộc tư tưởng của lòng chúng ta đều là xấu (Sáng. 6:5). Những suy nghĩ và quan niệm của chúng ta cũng đầy dẫy mùi vị của thế giới. Vì tâm trí chúng ta ở trong tình trạng như vậy nên sự hiểu biết của chúng ta bị lu mờ. Vì vậy, chúng ta hoàn toàn không thể nhận thức những điều thuộc linh. Chúng ta lại càng không hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi được cứu, chúng ta được đổi mới bởi Thánh Linh (Tít 3:5). Công tác đổi mới này của Thánh Linh bắt đầu trong linh chúng ta và rồi mở rộng đến hồn để đổi mới sự hiểu biết của tâm trí hầu chúng ta có thể hiểu biết những điều thuộc về linh. Sự hiểu biết của tâm trí chúng ta càng được đổi mới bởi Thánh Linh, chúng ta càng nhận thức những điều thuộc linh và càng hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời.

Mặc dù Thánh Linh là Đấng đổi mới sự hiểu biết của tâm trí nhưng chúng ta cần có hai trách nhiệm:

Trước hết, chúng ta phải dâng chính mình. Trong La Mã chương 12, trước khi tâm trí được đổi mới và biến đổi, chúng ta được đòi hỏi phải dâng thân thể mình làm sinh tế sống. Điều này bày tỏ sự hiểu biết của tâm trí chúng ta được đổi mới dựa trên sự dâng mình. Nếu chúng ta thật muốn dâng mình cho Chúa, Thánh Linh mới có thể mở rộng công tác

đổi mới của Ngài qua hồn chúng ta và bởi đó đổi mới sự hiểu biết của tâm trí chúng ta.

Thứ hai, chúng ta phải chấp nhận sự xử lí của thập tự giá để loại bỏ nếp sống cũ của quá khứ. Ê-phê-sô 4:22-23 cho thấy chỉ khi nào chúng ta từ bỏ con người cũ với lối sống trước kia, thì tâm trí chúng ta, vốn chứa đựng sự hiểu biết, mới được đổi mới. Trước khi được cứu, lối sống cũ của chúng ta đã làm cho sự hiểu biết của tâm trí mình trở nên tăm tối. Sau khi được cứu, bởi sự chết của Chúa trên thập tự giá, chúng ta từ bỏ lối sống cũ của quá khứ, cho phép sự giết chết của thập tự giá xóa bỏ từng điều một và trọn cả lối sống cũ. Chỉ khi ấy sự hiểu biết của tâm trí chúng ta mới được đổi mới. Như vậy, chúng ta phải chấp nhận sự xử lí của thập tự giá để sự hiểu biết của tâm trí mình được đổi mới. Mức độ chúng ta cho phép thập tự giá xóa bỏ lối sống cũ của mình chính là mức độ đổi mới về sự hiểu biết của tâm trí chúng ta.

Ê-phê-sô 4:23 nói “phải được đổi mới trong linh của tâm trí mình”. Chúng ta biết tâm trí là phần chính của hồn. Ban đầu, tâm trí không liên quan đến linh, nhưng bây giờ linh đã trở nên “linh của tâm trí”; vì vậy, linh được nối kết với tâm trí. Lí do là vì linh đã lan rộng đến tâm trí của hồn để chúng ta được đổi mới trong linh tức là tâm trí của chúng ta có thể được đổi mới bởi được liên kết với linh. Vậy, sự đổi mới này đã lan rộng từ linh đến tâm trí.

Công tác của Linh bên trong là từ trung tâm mở rộng ra bên ngoài, cũng có nghĩa là từ linh bên trong ra đến hồn ở bên ngoài. Trước hết Linh đổi mới linh chúng ta, là trung tâm của bản thể bề trong của mình. Sau đó, nếu chúng ta dâng mình và chấp nhận sự xử lí của thập tự giá, Ngài sẽ lan từ linh qua hồn chúng ta, là chu vi bên ngoài. Điều này sẽ đổi mới mỗi một phần của hồn chúng ta. Điều này có nghĩa là khi hồn chúng ta thuận phục sự cai trị của Linh và liên hiệp với linh thì hồn được đổi mới. Vì vậy, sự hiểu biết của tâm trí chúng ta cũng được đổi mới.

Sau khi nhận lãnh sự tái sinh của Thánh Linh trong linh mình, nếu chúng ta dâng chính mình cho Đức Chúa Trời và chấp nhận sự xử lí của Thánh Linh qua thập tự giá để tiêu trừ nếp sống cũ của chúng ta thì Thánh Linh có thể thực hiện công tác mở rộng của Ngài trong chúng ta và đổi mới sự hiểu biết của tâm trí chúng ta trong hồn. Chỉ có một sự hiểu biết được đổi mới như vậy mới phù hợp với trực giác trong linh. Khi nào Đức Chúa Trời bày tỏ một điều gì cho chúng ta trong trực giác của linh mình, thì sự hiểu biết của tâm trí có thể hiểu ngay. Khi chúng ta có một linh mạnh mẽ và nhạy bén cộng với một sự hiểu biết được đổi mới, sáng tỏ, lúc ấy chúng ta có thể có một sự hiểu biết đầy đủ bề trong về bản chất của Đức Chúa Trời và về mọi sự dẫn dắt và khả thi của Ngài.

C. Xử lí lòng

Lòng là cả con người; vì vậy, nếu lòng có vấn đề, toàn bộ hoạt động của linh và sự sống bên trong chúng ta sẽ bị ngăn trở và giới hạn. Dù linh chúng ta nhạy bén và sự hiểu biết của chúng ta đã được đổi mới, nhưng nếu lòng chúng ta có vấn đề, chúng ta vẫn không thể đạt được sự hiểu biết bề trong về Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta cũng cần xử lí lòng để lòng được mềm mại, tinh sạch, yêu Đức Chúa Trời, muốn Ngài và vâng phục Ngài.

Trong Ma-thi-ơ 11:25, Chúa nói rằng Đức Chúa Trời đã giấu những điều thuộc linh khỏi người khôn ngoan và thông minh, mà bày tỏ chúng cho trẻ thơ. Người “khôn ngoan và thông minh” là những người công chính riêng, tự mãn và ngoan cố; vì vậy, họ không thể thấy những điều thuộc linh của Đức Chúa Trời. “Trẻ thơ” là những người khiêm nhường và có lòng mềm mại; vì vậy, họ có thể nhận được sự khả thi của Đức Chúa Trời. Vì vậy, lòng chúng ta cần được xử lí cho đến khi khiêm nhường và mềm mại; chỉ khi nào sự tự mãn và ngoan cố bị cất đi thì chúng ta mới nhận được sự khả thi và sự hiểu biết bề trong về Đức Chúa Trời.

Trong Ma-thi-ơ 5:8, Chúa nói “người thuần khiết trong lòng sẽ thấy Đức Chúa Trời”. Nếu lòng chúng ta không thuần khiết vì có những xu hướng và ao ước khác hơn Đức Chúa Trời, trong chúng ta sẽ có một bức màn làm chúng ta không thấy Đức Chúa Trời cách rõ ràng. Tuy nhiên, khi lòng chúng ta xoay về Đức Chúa Trời, bức màn sẽ bị cất đi (2 Cô. 3:16). Như vậy chúng ta phải xử lí lòng của mình. Lòng chúng ta phải thuần khiết và không “hai lòng” (Gia. 4:8); khi ấy, chúng ta có thể nhận được ánh sáng và sự khai thị trong linh, nhận thức và hiểu trong tâm trí, và bởi đó biết Đức Chúa Trời.

Trong Giăng 14:21, Chúa nói “ai yêu thương Ta... Ta sẽ tỏ chính Ta cho người”. Vì rất yêu Chúa, Ma-ri Ma-đo-len đã tìm kiếm Ngài vào buổi sáng phục sinh. Ma-ri đã nhận được sự hiển lộ đầu tiên của Chúa dành cho các môn đồ sau khi Ngài sống lại và là người đầu tiên được biết Đấng Christ phục sinh (Gi. 20). Anh Law-rence nói nếu ai muốn biết Đức Chúa Trời thì tình yêu là phương cách duy nhất. Lòng chúng ta phải yêu Đức Chúa Trời và tìm kiếm Ngài; khi ấy Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ Ngài cho chúng ta, và chúng ta biết Ngài.

Trong Giăng 7:17, Chúa nói: “Nếu người nào quyết tâm thực hiện ý chỉ của Ngài thì người đó sẽ biết...”. Điều này bày tỏ lòng chúng ta phải muốn Đức Chúa Trời và ý chỉ của Ngài; khi ấy chúng ta sẽ biết Đức Chúa Trời và biết ý chỉ của Ngài.

Trong Phi-líp 2:13, vị sứ đồ nói chính Đức Chúa Trời vận hành trong chúng ta cả về ý muốn lẫn việc làm. Nếu lòng chúng ta không thuận phục và không muốn thuận phục sự hành động của Ngài trong mình, Đức Chúa Trời không thể hành động trong chúng ta được; như vậy, chúng ta sẽ không nhận được ý thức về sự hiểu biết Đức Chúa Trời mà mình sẽ có được khi Ngài hành động trong chúng ta. Vì vậy, lòng chúng ta cần được xử lí cho đến khi không chỉ thuận phục Đức Chúa Trời mà còn muốn thuận phục Ngài.

Khi ấy, chúng ta có thể nhận được ý thức và sự hiểu biết đến qua sự hành động của Đức Chúa Trời trong chúng ta.

Vì vậy, chúng ta phải (1) vận dụng và sử dụng linh cho đến khi linh mạnh mẽ và nhạy bén, (2) để Linh đổi mới sự hiểu biết của chúng ta, (3) xử lí lòng cho đến khi lòng trở nên mềm mại và thuần khiết, yêu Chúa, muốn Chúa và thuận phục Chúa; khi ấy, chúng ta sẽ có sự hiểu biết bề trong về Đức Chúa Trời.

XI. KẾT LUẬN

Vì Đức Chúa Trời vui thích khi con người biết Ngài, nên Ngài đã ban cho họ nhiều phương cách và phương tiện để họ có thể biết Ngài. Trong Cựu Ước, Ngài bày tỏ công việc và đường lối của Ngài cho con người để họ có thể biết Ngài. Nhưng sự hiểu biết mà con người có được qua công việc và đường lối của Ngài chỉ là bề ngoài, khách quan, nông cạn và không trọn vẹn. Vì vậy, đến thời Tân Ước, mặc dù Ngài vẫn dùng công việc và đường lối Ngài để bày tỏ Ngài cho chúng ta, nhưng điều quan trọng nhất và vinh hiển nhất là chính Ngài, như là Linh, đã vào trong chúng ta để trở nên sự sống của chúng ta. Điều này làm cho chúng ta có khả năng biết Ngài ở bề trong một cách chủ quan, sâu xa và đầy đủ.

Khi Đức Chúa Trời ở trong chúng ta như sự sống, Ngài làm cho chúng ta có luật sự sống thần thượng ở bên trong, là luật liên tục điều chỉnh chúng ta từ bên trong, làm cho chúng ta biết bản chất của sự sống Ngài. Vì là một luật, luật sự sống không phải là một thân vị; luật này cố định và không thay đổi. Luật này liên tục điều chỉnh chúng ta từ bên trong theo bản chất của sự sống Đức Chúa Trời. Kết quả là luật sự sống làm cho cung cách, bản chất và sở thích trong nếp sống của chúng ta phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời.

Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta như là dầu xúc, xúc dầu và dạy dỗ chúng ta để chúng ta được biết chính Ngài. Vì sự xúc dầu này là chính Đức Chúa Trời, nên

là một thân vị, vô hạn và linh động. Dầu xúc này ở trong chúng ta, liên tục xúc chính Đức Chúa Trời vô hạn vào trong chúng ta. Kết quả là làm cho toàn bản thể, phẩm hạnh, hành vi của chúng ta được đầy đầy thể yếu của Đức Chúa Trời và phù hợp với ý muốn của Ngài.

Là luật sự sống và sự xúc dầu, Đức Chúa Trời trước hết bắt đầu trong linh chúng ta, và sau đó lan vào hồn chúng ta để tâm trí chúng ta có thể nhận thức và hiểu biết. Vì vậy, chúng ta cần vận dụng linh để trực giác của linh trở nên nhạy bén. Chúng ta cũng cần để tâm trí mình được đổi mới hầu cho sự hiểu biết của tâm trí được minh mẫn. Hơn nữa, chúng ta cần xử lí lòng để lòng mềm mại và thuần khiết, yêu Đức Chúa Trời, muốn Đức Chúa Trời và thuận phục Đức Chúa Trời. Bằng cách này, ngay khi luật sự sống và sự xúc dầu hành động trong chúng ta, trực giác trong linh chúng ta liền nhận biết, sự hiểu biết của tâm trí chúng ta liền nhận thức, và chúng ta có thể có sự hiểu biết bề trong về Đức Chúa Trời trong mọi lúc.

Vì một sự hiểu biết bề trong như thế, Đức Chúa Trời cũng ban cho chúng ta sự dạy dỗ và các nguyên tắc Kinh Thánh từ bên ngoài để kiểm tra và chúng nghiệm rằng chúng ta không lầm lẫn hoặc bị lừa dối. Hơn nữa, qua nhiều tội tó của Ngài từ bên ngoài, Đức Chúa Trời dạy dỗ hoặc lặp lại ý thức chúng ta cảm nhận từ bên trong. Có thể Ngài dạy tâm trí chúng ta để hiểu ý thức mà chúng ta có trong linh, hoặc là Ngài làm cho chúng ta sáng tỏ những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời và sự hiểu biết cơ bản của đời sống thuộc linh.

Vì có nhiều phương tiện và phương cách cả bên trong lẫn bên ngoài để biết Đức Chúa Trời, nên chúng ta có thể được “đầy đầy sự thông biết về ý chỉ Ngài trong mọi sự khôn ngoan và hiểu biết thuộc linh, để bước đi cách xứng đáng với Chúa hầu làm vui lòng Ngài trong mọi sự, kết quả trong mọi công tác tốt lành và lớn lên bởi sự thông biết Đức Chúa Trời” (Còl. 1:9-10, Rcv). Khi biết Đức Chúa Trời như

vậy, không những chúng ta sẽ biết ý muốn của Ngài một cách đầy đủ mà còn lớn lên và trưởng thành trong sự sống của Đức Chúa Trời. Càng được gia tăng trong việc biết Đức Chúa Trời, chúng ta càng lớn lên trong sự sống của Ngài cho đến khi Ngài hoàn toàn chiếm hữu chúng ta. Khi ấy, thể yếu của Đức Chúa Trời sẽ được đem vào trong chúng ta một cách đầy đủ, qua đó hoàn thành mục tiêu vinh hiển của khát vọng của Đức Chúa Trời là được hòa quyện với chúng ta như một.

CHƯƠNG 12

SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ GÌ?

Bây giờ chúng ta sẽ xem đến điểm chính yếu thứ mười hai về sự hiểu biết sự sống, tức là sự lớn lên của sự sống. Nếu muốn có sự hiểu biết thêm lên về sự sống, chúng ta phải cũng biết sự lớn lên của sự sống là gì. Nhiều anh chị em không thiếu lòng nóng cháy yêu Chúa, cũng không ngại trả giá, nhưng vì không biết sự lớn lên của sự sống thật sự là gì, nên họ có nhiều quan điểm và sự theo đuổi sai lạc; do đó, sự lớn lên đích thực của sự sống trong họ rất giới hạn. Thật là một điều đáng tiếc! Do đó, để có sự hiểu biết chính xác và sự theo đuổi đúng đắn trên con đường sự sống, chúng ta nên dành ít thời giờ để xem xét sự lớn lên của sự sống là gì.

Tuy nhiên, trước khi xem sự lớn lên của sự sống là gì, chúng ta sẽ nhìn vào phương diện tiêu cực đó là điều gì không thuộc về sự lớn lên của sự sống. Qua đó, chúng ta sẽ có một ấn tượng sâu xa hơn và có một sự hiểu biết chính xác hơn.

I. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ CẢI THIỆN HÀNH VI

Cải thiện hành vi là thay đổi hành vi của một người từ xấu ra tốt, từ ác ra thiện. Đây là điều người ta thường gọi là “cải tà quy chánh” hay “làm lành lánh dữ”. Chẳng hạn như một người trước kia rất kiêu ngạo, bây giờ khiêm nhường. Anh ấy thường ghét người khác; bây giờ anh biết thương

người. Anh vốn dễ nổi nóng và nhạy giận, bây giờ anh rất điềm đạm và không còn dễ nổi nóng nữa. Tất cả những điều này có thể xem là sự cải thiện hành vi. Khi hành vi của một người được cải thiện thì đó có phải là sự lớn lên của sự sống không? Thưa không!

Vì sao chúng ta nói sự lớn lên của sự sống không phải là sự cải thiện hành vi? Vì sự sống và sự cải thiện hành vi rõ ràng thuộc về hai thế giới khác nhau.

Cũng như điều ác khác với sự sống thì điều thiện cũng khác với sự sống. Cũng như điều ác không phải là sự sống thì điều thiện cũng không phải là sự sống. Thiện và ác, mặc dù khác nhau về bản chất, nhưng lại thuộc về một thế giới; cả hai đều khác với sự sống và cả hai đều không phải là sự sống. Vì vậy, trong Kinh Thánh, thiện và ác không phải là hai cây khác nhau mà chỉ là một; và sự sống là một cây khác, thuộc về một thế giới khác, một vương quốc khác (Sáng. 2:9). Chúng ta có thể nói rằng thiện và ác thuộc về một bên, còn sự sống thuộc về một bên khác, nên hai bên nhất định thuộc về hai phạm trù khác nhau. Vì vậy, với quyết tâm và nỗ lực riêng, một người có thể cải thiện hành vi của mình khá nhiều nhưng vẫn không trưởng thành và yếu ớt trong sự sống của Đức Chúa Trời. Vì sự cải thiện của người ấy hoàn toàn tách rời sự sống, nên đó là công tác của người ấy, chứ không phải của sự sống. Ngoài ra, sự cải thiện của người ấy không phải là kết quả của sự sống lớn lên. Vì vậy, sự lớn lên của sự sống không phải là cải thiện hành vi.

II. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ BÀY TỎ LÒNG MỘ ĐẠO

Bày tỏ lòng mộ đạo là gì? Bày tỏ lòng mộ đạo không phải là cải thiện hành vi. Cải thiện hành vi là đối với con người, nghĩa là hành vi và tính cách của người ấy trước mặt loài người đã được cải thiện và trở nên tốt đẹp hơn trước. Bày tỏ lòng mộ đạo là đối với Đức Chúa Trời, nghĩa là thái độ đầy sự cung kính và kính sợ trước mặt Đức

Chúa Trời, chưa kể đến sự sốt sắng và thành tâm của người ấy. Tuy nhiên, dù là cải thiện hành vi hay bày tỏ lòng mộ đạo, cả hai đều không phải là sự lớn lên của sự sống. Một số tín đồ có lẽ rất cung kính và sốt sắng trước mặt Đức Chúa Trời; họ không dám vô lễ hoặc cầu thả trong cử chỉ hay hành động. Chúng ta không thể nói những biểu lộ này là không tốt, nhưng chúng không phải là sự lớn lên của sự sống. Lí do là vì những tín đồ này chỉ nhìn Đức Chúa Trời như một Đấng cao cả, Đấng đáng kính sợ; vì vậy, họ có lòng cung kính và bày tỏ sự mộ đạo. Tuy nhiên, còn về Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đang cư ngụ trong con người như sự sống, và do sự hành động của luật sự sống Ngài ở trong con người để là Đức Chúa Trời của họ thì có lẽ họ không có một sự hiểu biết hay kinh nghiệm mấy may nào cả. Mặc dù họ bày tỏ lòng mộ đạo, sự bày tỏ này không do sự sống của Đức Chúa Trời lớn lên trong họ. Vì vậy, điều đó không chứng tỏ sự sống lớn lên trong họ. Vậy thì sự sống lớn lên cũng không phải là sự bày tỏ lòng mộ đạo.

III. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ PHỤNG SỰ NHIỆT THÀNH

Phụng sự nhiệt thành là gì? Nghĩa là trước đây một tín đồ thờ ơ, lãnh đạm đối với công việc của Chúa; bây giờ, người ấy nhiệt thành tiến lên trong sự phụng sự Chúa. Hoặc trước kia, hiếm khi nào người ấy đi nhóm, bây giờ, người ấy có mặt tại mỗi buổi nhóm. Trước đây, người ấy không quan tâm đến Hội thánh; bây giờ người ấy tham gia mọi loại sinh hoạt của Hội thánh. Mặc dù sự phụng sự sốt sắng như vậy bày tỏ lòng nóng cháy của một tín đồ đối với Chúa và nói lên sự siêng năng phụng sự Chúa, và dù điều đó cũng thường được loài người khen ngợi, nhưng sự nhiệt thành ấy có thể pha trộn với lòng hăng hái, tánh thích bận rộn và sở thích làm việc của con người. Sự phụng sự ấy rất có thể do năng lực của hồn và tùy thuộc vào sức mạnh loài

người; không do sự dẫn dắt của Thánh Linh; sự nhiệt thành ấy lại càng ít lệ thuộc sự sống của Đấng Christ và không giúp con người có một mối liên hiệp sâu xa hơn với Đức Chúa Trời. Vì vậy, sự phụng sự nhiệt thành ấy không ra từ sự sống và không thuộc về sự sống; do đó, đó không phải là sự lớn lên của sự sống.

Trong Kinh Thánh, chúng ta thấy trước khi được cứu, sứ đồ Phao-lô phụng sự Đức Chúa Trời rất nhiệt thành (Công. 22:3). Vào lúc ấy, mặc dù chưa nhận được sự sống của Đức Chúa Trời, ông vẫn có thể phụng sự Đức Chúa Trời theo cách bề ngoài do sự hăng hái và năng lực của mình một cách rất nhiệt thành. Điều này cho thấy rằng lòng nhiệt thành phụng sự Đức Chúa Trời có thể không liên quan gì đến sự sống, không bày tỏ chút nào về tình trạng sự sống của một người. Vì vậy, sự lớn lên của sự sống cũng không phải là sự phụng sự nhiệt thành.

IV. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ GIA TĂNG VỀ KIẾN THỨC

Mặc dù kiến thức thuộc linh của tín đồ gia tăng qua việc nghe nhiều sứ điệp hơn, biết nhiều lẽ thật hơn, hiểu về Kinh Thánh nhiều hơn, thông thạo các từ ngữ thuộc linh hơn, v.v. Đây là một loại lớn lên, nhưng không phải sự lớn lên của sự sống. Sự gia tăng kiến thức như vậy chỉ làm cho tâm trí người ta tiến bộ hơn, thành thạo hơn và đầu óc của người ấy có nhiều sự thông hiểu hơn hay có khả năng để thông hiểu hơn. Không phải Thánh Linh đã ban cho người ấy sự khải thị lớn lao hơn hay sự sống đã chiếm hữu người bên trong của người ấy nhiều hơn nên tri thức và kinh nghiệm thật về Đấng Christ như sự sống đã gia tăng hơn. Sự gia tăng về kiến thức suông chỉ làm cho người ta lên mặt (1 Cô. 8:1), không có giá trị gì trước mặt Đức Chúa Trời (1 Cô. 13:2) và không có giá trị gì trong sự sống. Vì vậy, sự sống lớn lên không phải là sự gia tăng về kiến thức.

V. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ ĐƯỢC DU DẬT TRONG AN TÚ

Mặc dù một tín đồ có du dật các ân tứ thuộc linh như khả năng chữa bầy, chữa bệnh, nói các thứ tiếng, v.v. là khá quý báu, tuy nhiên điều này cũng không phải là sự lớn lên của sự sống. Chính quyền năng phép lạ của Thánh Linh đến trên một tín đồ làm cho người ấy có những ân tứ như vậy. Không phải do sự sống của Đức Chúa Trời lớn lên và trưởng thành trong người đó làm biểu lộ các ân tứ. Một mặt, người được Thánh Linh dùng có thể bày tỏ nhiều ân tứ hơn, nhưng mặt khác, có thể người ấy không để cho Thánh Linh đem sự sống của Đức Chúa Trời vào trong mình nhiều hơn. Vậy, du dật trong ân tứ không nhất thiết có nghĩa là lớn lên trong sự sống.

Các tín đồ tại Cô-rin-tô rất phong phú về khẩu tài, tri thức và không thua kém ai về ân tứ nào cả (1 Cô. 1:5, 7), dù vậy, họ vẫn rất non trẻ, không trưởng thành; thật thế, họ rất xác thịt và là những em bé trong Đấng Christ (1 Cô. 3:1). Điều này cho thấy sự lớn lên trong sự sống cũng không phải là được du dật trong các ân tứ.

VI. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ GIA TĂNG QUYỀN NĂNG

Một tín đồ có thể có quyền năng hơn trước trong sự phụng sự Đức Chúa Trời, có thể cảm động lòng người hơn trước trong sự rao giảng và làm chứng, có sự khôn ngoan hơn trước trong sự quản trị Hội thánh và sắp xếp các sự vụ. Đây là sự gia tăng trong quyền năng, nhưng cũng không phải là sự lớn lên trong sự sống. Sự gia tăng quyền năng ấy chỉ là quyền năng bên ngoài mà Thánh Linh đã ban xuống trên người ấy. Không phải Thánh Linh đã thêm dật sự sống của Ngài vào trong người ấy, và qua linh ấy, Ngài bày tỏ quyền năng sự sống của Ngài từ bên trong; vì vậy, đó không phải là quyền năng từ sự sống hay thuộc về sự sống. Vậy, sự

gia tăng quyền năng ấy cũng không phải là sự lớn lên của sự sống.

Lu-ca chương 9 nói từ ban đầu, cả mười hai môn đồ theo Chúa đều nhận được quyền năng và uy quyền từ Ngài để có thể bắt phục mọi loại quỷ và chữa lành mọi thứ bệnh tật; tuy nhiên vào thời điểm ấy, tình trạng sự sống thuộc linh của họ còn rất non yếu. Điều này đủ chứng tỏ rằng sự gia tăng quyền năng không phải là sự lớn lên của sự sống.

Từ sáu điểm tiêu cực này, chúng ta thấy không phải do cải thiện hành vi, biểu lộ lòng mộ đạo trước mặt Đức Chúa Trời, nhiệt thành trong sự phụng sự Đức Chúa Trời, gia tăng tri thức thuộc linh, dư dật ân tứ bề ngoài, hoặc gia tăng quyền năng trong công tác mà chúng ta được lớn lên trong sự sống. Không một điều nào kể trên là sự lớn lên của sự sống. Thật đáng thương khi hầu hết các Cơ Đốc nhân ngày nay xem những điều trên là những tiêu chuẩn để đánh giá sự lớn lên của sự sống. Họ khẳng định một Cơ Đốc nhân có lớn lên hay không bằng cách nhìn vào hành vi, lòng mộ đạo, lòng nhiệt thành, tri thức, ân tứ và quyền năng. Cách đánh giá như vậy thật không chính xác. Đồng rất giống vàng, tuy nhiên đồng không phải là vàng. Cũng vậy, mặc dù sáu điểm này khá giống sự lớn lên của sự sống, nhưng chúng không phải là sự lớn lên của sự sống. Dĩ nhiên, sự lớn lên đích thực của sự sống sẽ bày tỏ sáu điểm này đến một mức độ nào đó. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa trên sáu điểm này để đo lường sự lớn lên của sự sống thì không đúng.

Vậy rốt cuộc, sự lớn lên của sự sống là gì? Chúng ta cần xem lại vấn đề này một lần nữa và lần này theo phương diện tích cực.

I. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ SỰ GIA TĂNG YẾU TỐ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Sự gia tăng yếu tố của Đức Chúa Trời nghĩa là chính Ngài hòa quyện vào chúng ta nhiều hơn, chúng ta nhận lãnh Ngài nhiều hơn và Ngài trở thành yếu tố của chúng ta.

Chúng ta đã nói sự sống là chính Đức Chúa Trời, và kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời; vì vậy, sự lớn lên của sự sống là sự gia tăng yếu tố của Đức Chúa Trời trong chúng ta, cho đến khi tất cả những gì của Thần Cách được thành hình trọn vẹn trong chúng ta đến nỗi chúng ta được đổ đầy cho đến mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Êph. 3:19).

II. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ SỰ GIA TĂNG VỐC DÁNG CỦA ĐẮNG CHRIST

Trong khi sự sống là chính Đức Chúa Trời, thì việc Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta là Đấng Christ; vì thế Kinh Thánh nói Đấng Christ là sự sống của chúng ta. Có thể nói khi chúng ta được tái sinh, Đấng Christ được sinh ra lần nữa trong chúng ta để làm sự sống của chúng ta. Nhưng khi chúng ta mới nhận lãnh sự sống, sự sống ấy còn yếu ớt và chưa trưởng thành, nghĩa là vóc dáng của Đấng Christ trong chúng ta còn quá nhỏ bé. Khi chúng ta yêu Christ, tìm kiếm Christ và để Christ sống trong chúng ta nhiều hơn, mà qua đó chiếm hữu chúng ta, thì vóc dáng của Đấng Christ sẽ dần dần được gia tăng trong chúng ta. Đây là sự lớn lên của sự sống. Vì sự sống này là chính Christ sống trong chúng ta, nên sự lớn lên của sự sống này là sự gia tăng vóc dáng của Christ trong chúng ta.

III. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ SỰ MỞ RỘNG CHỖ CỦA THÁNH LINH

Chúng ta đã đề cập rằng sự sống không chỉ là Đức Chúa Trời mà còn là Đấng Christ, và cũng là Thánh Linh. Chúng ta có thể nói kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Thánh Linh; vì vậy, lớn lên trong sự sống cũng có nghĩa là để Thánh Linh chiếm lấy nhiều chỗ hơn trong chúng ta. Khi chúng ta hết lòng theo đuổi sự hành động của Thánh Linh bên trong mình và chăm chú vâng theo sự dạy dỗ của Thánh Linh bên trong tức là sự xúc dầu, thì khi ấy Thánh

Linh có thể mở rộng chỗ của Ngài trong chúng ta nhiều hơn. Như vậy sự sống trong chúng ta sẽ lớn lên rất nhiều. Vì thế, sự sống lớn lên cũng có nghĩa là chỗ của Thánh Linh được mở rộng bên trong chúng ta nhiều hơn.

IV. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ GIẢM HẠ YẾU TỐ CON NGƯỜI

Ba điểm trên bày tỏ nếu yếu tố của Đức Chúa Trời trong một tín đồ gia tăng thì vóc dáng của Đấng Christ cũng gia tăng và chỗ mà Thánh Linh chiếm hữu cũng được mở rộng, khi ấy sự sống của người đó đã lớn lên. Tất cả những điểm này là nói từ phía Đức Chúa Trời. Bây giờ sẽ nói từ phía chúng ta. Trước hết, sự lớn lên của sự sống là sự giảm hạ yếu tố con người. Giảm hạ yếu tố con người là giảm hạ A-đam, tức là sáng tạo cũ, trong con người; cũng có nghĩa là giảm hạ hương vị loài người và gia tăng hương vị Đức Chúa Trời. Có những anh em rất nhiệt thành và có những chị em rất hòa nhã; nhìn bề ngoài, dường như họ đã lớn lên trong sự sống, nhưng họ còn đầy yếu tố con người, hương vị con người; họ không thể làm cho anh em chạm được yếu tố của Đức Chúa Trời hoặc cảm nhận được hương vị của Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu chúng ta muốn biết một anh em hay một chị em đã lớn lên trong sự sống hay chưa, chúng ta không chỉ quan sát bên ngoài họ cư xử như thế nào, họ nhiệt thành và sốt sắng ra sao, hay có bao nhiêu tri thức, ân tứ hoặc quyền năng. Trái lại, chúng ta cần biện biệt xem yếu tố của Đức Chúa Trời có gia tăng trong những điều này không, hay là vẫn còn quá nhiều yếu tố của con người. Giảm hạ yếu tố con người là gia tăng yếu tố thần thượng. Nếu một tín đồ thật sự lớn lên trong sự sống thì mọi sự nói năng, hành động, nếp sống hay công việc của người đó phải truyền một cảm nhận rằng những điều ấy không phải theo chính người đó nhưng mà theo Đức Chúa Trời; không phải thuộc trí thông minh của người đó nhưng bởi ân điển của Đức Chúa Trời; do đó, những điều ấy không mang hương vị của con người

nhưng mang nhiều hương vị của Đức Chúa Trời, điều đó cũng có nghĩa là yếu tố của con người giảm hạ và yếu tố của Đức Chúa Trời gia tăng. Vậy, sự lớn lên của sự sống không những là gia tăng yếu tố của Đức Chúa Trời, mà còn là giảm hạ yếu tố của con người.

Điều này khá quan trọng nhưng tương đối khó hiểu đối với các anh chị em. Là những người phụng sự Chúa trong chức vụ lời, chúng tôi đã liên tục chia sẻ như vậy trong vòng hơn mười năm qua, nhưng nhiều lúc chúng tôi vẫn không thể truyền đạt điều này vào trong các anh chị em. Nhiều lúc chúng tôi đã chia sẻ cho đến khi mọi người đều gật đầu đồng ý; dù vậy, trong khi thực hành, các anh chị em vẫn xem sự cải thiện hành vi hay nhiệt thành trong sự phụng sự, v.v. là các tiêu chuẩn để đánh giá sự lớn lên của sự sống. Có một lần, tại một nơi nọ, các anh em trách nhiệm trong Hội thánh đều đồng một lời mà nói với tôi: “Có một chị em kia ăn nói và đi đứng rất nghiêm trang và nhẹ nhàng, chị ấy rất yên lặng và hiền hòa, thật là thuộc linh và đầy dẫy sự sống”. Tôi bảo: “Nếu gọi điều này là thuộc linh và có sự sống thì tượng Ma-ri trong nhà thờ Công giáo còn thuộc linh và đầy sự sống hơn, vì tượng ấy yên lặng và hiền hòa hơn cả chị em này”. Sự yên lặng và hiền hòa của chị ấy đầy mùi vị và yếu tố con người, hoàn toàn là sản phẩm của nỗ lực con người. Khi mình định tình trạng sự sống của một tín đồ, chúng ta không thể dựa trên những gì người ấy bày tỏ bề ngoài; chúng ta phải cảm nhận mùi vị và yếu tố trong những gì người ấy bày tỏ. Là hương vị của Đức Chúa Trời hay là mùi vị của con người? Là yếu tố của Đức Chúa Trời hay yếu tố của con người? Nhiều lúc sự nhận thức của chúng ta có thể không đúng nhưng “khứu giác” của chúng ta thì rất chính xác. Một cái áo nào đó có thể trông có vẻ rất sạch đối với anh em, nhưng nếu cầm và ngửi, anh em sẽ biết nó đầy mùi hôi. Vì thế, nếu chúng ta muốn đánh giá tình trạng sự sống bên trong một người thì cũng giống như uống thử trà, chỉ cần nhắm nháp một chút, chúng ta sẽ biết ngay mùi vị của nó.

V. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ SỰ PHÁ VỠ SỰ SỐNG THIÊN NHIÊN

Khi sự sống thiên nhiên của một tín đồ được phá vỡ, đó cũng là bằng chứng người ấy lớn lên trong sự sống. Sự phá vỡ sự sống thiên nhiên nghĩa là năng lực, khả năng, quan điểm, và phương pháp riêng của chúng ta đều được Thánh Linh và thập tự giá xử lý để chúng được phá vỡ. Chúng ta hãy xem trường hợp của một anh em. Trước kia, anh dựa vào năng lực riêng, khả năng riêng, đi theo quan niệm riêng và phương cách riêng của anh trong cử chỉ và hành động của mình mà phụng sự Chúa và quản trị Hội thánh. Trong mọi sự, anh đều dựa vào năng lực và khả năng riêng của anh; anh dùng quan niệm và phương pháp riêng của anh. Về sau, qua hoàn cảnh anh được thập tự giá xử lý và kỉ luật bởi Thánh Linh nên sự sống thiên nhiên của anh được phá vỡ ít nhiều. Bây giờ, khi làm việc hay quản lí các sự vụ, anh không còn tin vào năng lực, khả năng, quan điểm và phương cách riêng của mình nữa. Một người có sự sống thiên nhiên bị phá vỡ như vậy học biết không còn dựa vào năng lực của sự sống thiên nhiên hay sống bởi sự sống thiên nhiên của mình nữa, nhưng liên tục phụ thuộc vào quyền năng của sự sống Đức Chúa Trời và sống bởi sự sống của Ngài. Bằng cách này, sự sống trong người đó có thể lớn lên. Như vậy, sự lớn lên của sự sống là sự phá vỡ sự sống thiên nhiên.

VI. SỰ LỚN LÊN CỦA SỰ SỐNG LÀ SỰ BẮT PHỤC MỌI PHẦN CỦA HỒN

Khi nói đến ý nghĩa của sự giải cứu khỏi tội, chúng ta nên lưu ý đến phương diện xác thịt bị đóng đinh; khi nói đến sự lớn lên của sự sống, chúng ta cần lưu ý đến phương diện hồn bị bắt phục. Nói một cách tích cực, sự lớn lên của sự sống là sự mở rộng chỗ của Thánh Linh; nói một cách tiêu cực, sự lớn lên của sự sống là mọi phần của hồn phải bị

bất phục. Ai sống trong sự sống thiên nhiên là sống bởi hồn. Chúng ta đều biết hồn có ba phần: tâm trí, tình cảm và ý chí. Vì vậy, sống bởi hồn là sống theo tâm trí, tình cảm và ý chí. Nếu trong hồn của một người có phần nào đặc biệt, mạnh mẽ và trội hơn các phần khác của hồn thì người ấy sẽ sống bởi chính phần đặc biệt đó. Vì thế, khi đối diện với mọi vấn đề, chắc chắn người ấy sẽ dùng phần này để giải quyết. Anh Nee từng nói điều này cũng giống như một người bất cẩn đi thẳng vào một bức tường; khi người ấy đi như vậy, cái mũi của anh sẽ va vào tường trước hết. Phần nào của cơ thể anh nhô ra, phần ấy sẽ va vào tường trước hết. Đó là tình trạng của hồn chúng ta. Nếu một người đặc biệt mạnh về tâm trí, mỗi khi gặp vấn đề, chắc chắn tâm trí của anh sẽ tiến ra trước. Nếu anh đặc biệt mạnh về tình cảm, khi có chuyện gì phải giải quyết, tình cảm của anh sẽ dẫn đầu. Nếu anh đặc biệt mạnh về ý chí, khi đối phó với chuyện gì, chắc chắn, ý chí anh sẽ chỉ đạo.

Khi đã được thập tự giá xử lí đầy đủ, mọi phần của hồn người ấy đều được khuất phục. Tâm trí, tình cảm, ý chí của người ấy đều được phá vỡ và khuất phục, không còn nhô ra như trước. Khi gặp chuyện gì, người ấy sợ dùng tâm trí, sợ dùng tình cảm và sợ dùng ý chí. Tâm trí không còn tiến ra trước nhưng là linh. Tình cảm không còn chuyển động trước mà là linh. Ý chí không còn chỉ đạo nhưng là linh chỉ đạo. Nghĩa là chúng ta không nên để hồn hướng dẫn, nhưng hãy để linh đứng ở vị trí lãnh đạo; chúng ta không nên sống bởi hồn nhưng bởi linh. Đó là những người lớn lên trong sự sống. Như vậy, lớn lên trong sự sống là để cho mỗi phần của hồn bị bất phục.

Sau khi thấy mười hai điểm về vấn đề lớn lên của sự sống là gì, chúng ta biết về phía chúng ta, sự lớn lên thật của sự sống là làm giảm hạ, phá vỡ và được khuất phục; về phía Đức Chúa Trời, đây là vấn đề gia tăng, lớn lên và mở rộng. Có thể nói tất cả những điều này là kiến thức cơ bản mà chúng ta cần có khi theo đuổi sự sống. Điều này có liên

quan rất nhiều đến kinh nghiệm thuộc linh mà chúng ta đã xem xét trong một tác phẩm khác.* Vì vậy, chúng ta phải nhận thức thấu đáo và biết chính xác tất cả các điểm này.

* Kinh nghiệm sự sống, do Living Stream Ministry xuất bản.

CHƯƠNG 13

LỐI RA CỦA SỰ SỐNG

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu thứ mười ba liên quan đến vấn đề hiểu biết sự sống: đó là lối ra của sự sống. Nếu muốn biết con đường sự sống và theo đuổi sự lớn lên của sự sống, chúng ta phải sáng tỏ về lối ra của sự sống, tức là cách sự sống tuôn tràn ra từ trong chúng ta.

Hầu hết các điểm chính trong chương này đã được đề cập trong những chương trước. Bây giờ chúng ta lại xem xét cụ thể từng điểm một.

I. NƠI Ở CỦA SỰ SỐNG – LINH

Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta qua Linh của Ngài, nhờ đó sự sống của Ngài được đem vào trong linh chúng ta; vì vậy, linh chúng ta là nơi sự sống cư ngụ.

Khi sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh chúng ta thì cả ba hòa làm một và trở nên điều mà La Mã 8:2 gọi là “Linh sự sống”. Vậy, Linh sự sống ba-trong-một này trong chúng ta là nơi ở của sự sống.

II. LỐI RA CỦA SỰ SỐNG – LÒNG

Trong chương *Luật sự sống*, chúng tôi đã nói lòng là lối vào và lối ra của sự sống như là công-tác của sự sống; vì vậy, lòng có liên quan mật thiết đến sự lớn lên từ sự sống.

Trong Kinh Thánh, Ma-thi-ơ chương 13 là chỗ nói rõ rằng lòng liên quan đến sự lớn lên từ sự sống. Chúa bảo sự

sống là hạt giống, và lòng là mảnh đất; vì vậy, lòng là nơi sự sống lớn lên từ trong chúng ta. Sự sống có thể lớn lên từ bên trong chúng ta hay không hoàn toàn tùy thuộc vào tình trạng lòng chúng ta. Nếu lòng đúng đắn và ngay thẳng, sự sống có thể lớn lên; nhưng nếu lòng không đúng đắn và cong queo, sự sống không thể lớn lên. Vì vậy, nếu muốn sự sống lớn lên từ bên trong chúng ta, chúng ta phải xử lí lòng của mình.

Ma-thi-ơ 5:8 nói: “Phước cho người thuần khiết trong lòng, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời”. Điều này cho thấy lòng cần phải thuần khiết. Xử lí lòng là xử lí sự thuần khiết của lòng, tức là làm cho lòng ấy khao khát Đức Chúa Trời, yêu Ngài, hướng về Ngài trong sự đơn sơ, không yêu điều gì hay ao ước điều gì ngoài Đức Chúa Trời. Khi lòng chúng ta được xử lí và trở nên thuần khiết, đó là tình trạng đúng đắn và ngay thẳng. Qua đó, sự sống có thể lớn lên.

III. LỐI ĐI CỦA SỰ SỐNG

Mặc dù lòng là lối ra của sự sống, là nơi sự sống lớn lên, nhưng muốn lớn lên từ lòng, sự sống phải đi qua lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí, là bốn phần của lòng. Vì vậy, bốn phần này trở nên những nơi mà sự sống đi qua. Do đó, chúng ta phải xem mối quan hệ giữa mỗi phần này với sự lớn lên từ sự sống.

A. Lương tâm

Khi sự sống lớn lên từ trong chúng ta, nó đi qua lương tâm. Lương tâm cần không bị cáo trách. Xử lí lương tâm là làm cho lương tâm không bị cáo trách.

Trước khi được cứu, khi còn là tội nhân, chúng ta thường xúc phạm Đức Chúa Trời và đối xử sai với con người trong hành vi cử chỉ của mình; lòng chúng ta dơ bẩn và đối trá; vì vậy, lương tâm tối tăm, đầy dẫy sự cáo trách, rò rỉ, và cực kì ô uế. Vì lí do này, ngay sau khi được cứu, chúng ta nên xử lí lương tâm. Khi mới được cứu, phần lớn các bài học

mà chúng ta học được như bồi thường nợ nần trong quá khứ, làm sạch lối sống cũ, là để làm chúng ta xử lý lương tâm một cách đúng mức để được tinh sạch và không bị cáo trách ngay từ bước khởi hành trên con đường theo Chúa. Sau đó, trong suốt cuộc đời theo Chúa của mình, nhiều lúc chúng ta có thể thất bại và trở nên yếu đuối, do đó rơi vào tội, xác thịt, bị thế giới tiêm nhiễm và chiếm hữu, làm cho lương tâm có nhiều sự cáo trách và có nhiều chỗ rò rỉ; vì vậy, chúng ta phải liên tục xử lý để lương tâm luôn được gìn giữ khỏi bị cáo trách. 1 Ti-mô-thê 1:19 chép: “giữ... một lương tâm tốt. Có mấy kẻ vì đã bỏ lương tâm ấy, nên đức tin họ bị đắm chìm”. Điều này cho thấy việc xử lý lương tâm có liên hệ rất nhiều đến sự lớn lên của sự sống. Khi nào chúng ta bỏ qua, không màng gì đến lương tâm, ngay lập tức sự sống bị ngăn chặn và giam cầm. Vì vậy, nếu muốn sự sống lớn lên, nếu muốn sự sống bên trong có lối ra và có thể tuôn tràn từ lòng mình, bắt buộc chúng ta phải xử lý lương tâm.

Xử lý lương tâm nghĩa là giải quyết mọi sự cáo trách và mọi cảm thức bất an, bứt rứt của lương tâm. Trước mặt Đức Chúa Trời, khi chúng ta trở nên bất chính vì tội, không thánh biệt vì một phần của thế giới đã chiếm hữu lòng mình, hay bứt rứt vì tình trạng không hòa hợp nào khác, lương tâm sẽ lên án chúng ta ở bên trong, làm chúng ta cảm biết được sự xúc phạm và bứt rứt trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu muốn xử lý lương tâm, chúng ta phải lưu ý đến những ý thức như vậy trong lương tâm. Vì vậy, xử lý lương tâm là xử lý những ý thức trong lương tâm. Khi chúng ta đã xử lý triệt để thì lương tâm sẽ vô cùng tinh sạch và an ninh, không bị cáo trách cũng không bị cáo buộc. Bằng cách này, sự sống sẽ tự nhiên lớn lên từ trong chúng ta.

Trong kinh nghiệm thực tế của chúng ta, để xử lý lương tâm cho hoàn toàn tinh sạch, tình trạng quá trốn thường xảy ra. Điều ấy có nghĩa là lương tâm bị xử lý đến nỗi trở nên quá nhạy, và gần như đến mức yếu đuối. Trong trường hợp này, người ta không dám chuyển động hay hành động

gì cả; làm gì cũng cảm thấy bị cáo trách và bất an. Đây dường như là một trường hợp đi quá xa; tuy nhiên, xử lí lương tâm vẫn là điều cần thiết trong giai đoạn học tập đầu tiên.

Giai đoạn tôi xử lí lương tâm nghiêm ngặt nhất là vào năm 1935. Vào lúc ấy, trông tôi có vẻ như bị bệnh tâm thần. Chẳng hạn như, khi đến nhà người nào, nếu không ai ra mở cửa, tôi sẽ không dám mở cửa mà bước vào. Một khi đã vào phòng khách, nếu không ai mời, tôi không dám ngồi vì nếu ngồi, tôi cảm thấy mình xâm phạm quyền làm chủ của người khác. Nếu có tờ báo trước mặt mà không ai mời, tôi cũng không dám đọc: nếu đọc, tôi sẽ cảm thấy mình xâm phạm quyền làm chủ của người khác. Vào lúc ấy, khi viết thư, tôi phải viết đi viết lại ba bốn lần. Lần đầu, cảm thấy có vài chữ không chính xác nên tôi xé đi và viết lại. Sau khi viết lần thứ hai, cảm thấy một vài chữ không thích hợp, tôi lại xé và viết lần thứ ba. Tôi không dám nói chuyện với người khác vì nếu nói, tôi cảm thấy mình có lỗi lầm: hoặc do tôi nói không chính xác, hoặc do tôi nói quá nhiều; và nếu không giải quyết, tôi không thể bình an.

Tôi từng sống với một anh em họ trong một căn phòng nhỏ tại Thượng Hải. Mỗi khi muốn rửa mặt, chúng tôi phải đem nước vào. Căn phòng ấy chật đến nỗi nếu không cẩn thận, chúng tôi không thể không làm văng một vài giọt nước trên giường người kia. Thời gian ấy, tôi thường làm văng nước lên giường anh ấy. Mặc dù sau một lúc, nước khô đi; và nói một cách nghiêm túc, điều này không phải là tội. Tuy nhiên, lương tâm tôi bút rút và tôi cảm thấy mình bị cáo trách. Tôi chỉ có thể thú nhận với anh và xin lỗi: “Xin tha lỗi cho tôi vì tôi đã làm văng nhiều giọt nước lên giường anh”. Khi xưng ra như vậy, lương tâm tôi lại bút rút. Rõ ràng chỉ có ba giọt nước; sao tôi nói “nhiều giọt nước?” Tôi lại phải xưng ra một lần nữa. Vào buổi chiều, tôi hơi cầu thả: tôi đạp lên giày anh để ở dưới giường, và lương tâm tôi không để tôi yên. Tôi lại xưng tội. Ngày nào cũng vậy, từ

sáng đến tối, tôi cứ xử lí những loại tội lỗi như vậy. Cuối cùng, anh ấy trở nên thiếu kiên nhẫn và tôi thì ngại ngùng khi xưng nhận thêm các lỗi khác. Tuy nhiên, nếu không xưng ra, tôi không yên lòng. Một ngày kia, tôi phạm một lỗi khác; nếu xưng ra, tôi e rằng anh ấy sẽ nổi nóng; còn nếu không xưng ra, tôi cứ bị bứt rứt. Đêm đến, sau giờ cơm, anh ấy muốn đi dạo, tôi tỏ ý muốn đi cùng. Tôi tìm cơ hội và nói: “Tôi lại lầm lỗi, xin anh tha thứ cho”. Anh đáp: “Người xấu nhất là người làm lỗi mà không xưng nhận lỗi ấy. Người tốt nhất là người không phạm lỗi và không xưng ra lỗi lầm. Người không tốt mà cũng không xấu là người làm lỗi và lại xưng lỗi lầm ấy ra”. Sau khi nghe điều đó, tôi nói trong lòng: “Chúa ôi, xin thương xót con, con không muốn làm người xấu nhất; con cũng không thể làm người tốt nhất; con chỉ có thể làm người không tốt cũng không xấu”.

Đó là thời gian tôi xử lí lương tâm một cách quá đáng. Tuy nhiên, bây giờ khi nhìn lại, tôi vẫn thấy đó là điều cần thiết. Thật vậy, ai muốn thật sự lớn lên trong sự sống phải trải qua một giai đoạn xử lí lương tâm một cách nghiêm khắc như vậy. Nếu lương tâm không được xử lí đầy đủ, sự sống không thể lớn lên một cách đúng đắn.

Khi lương tâm chúng ta đã trải qua những sự xử lí nghiêm khắc và triệt để như vậy, ý thức của lương tâm càng ngày càng nhạy bén. Giống như một tấm kính cửa sổ, khi bị bụi đất bám vào, ánh sáng không thể chiếu xuyên qua được; nhưng nếu chúng ta lau nó một chút, nó sẽ trong trẻo hơn. Chúng ta càng lau, nó càng trong suốt, và ánh sáng chiếu qua càng nhiều. Việc xử lí lương tâm cũng giống như vậy. Càng được điều chỉnh, lương tâm càng trong sáng và ý thức càng nhạy bén.

Lương tâm càng nhạy bén thì lòng càng mềm mại, vì lương tâm của những lòng mềm mại là lương tâm nhạy bén hơn hết. Khi có một ý thức nhỏ nhất nào, lương tâm liền nhận biết. Chúng ta có thể nói một lương tâm nhạy bén chắc chắn thuộc về một lòng mềm mại. Tất cả những lòng

cứng cõi đều có một lương tâm chai lì. Lương tâm càng chai lì thì lòng càng cứng cõi. Vì vậy, khi Thánh Linh muốn làm cho lòng chúng ta mềm mại, trước hết, Ngài sẽ lay động lương tâm của chúng ta. Khi rao giảng phúc âm, chúng ta luôn luôn nói về tội; vì chúng ta có ý định lay động lương tâm người ta để họ thấy mình có nhiều điều sai quấy và lỗi lầm. Khi lương tâm một người đã được lay động, lòng người ấy cũng mềm mại; lúc đó, người ấy sẽ muốn tiếp nhận sự cứu rỗi của Chúa.

Vì một lương tâm nhạy bén, tức là một lương tâm không bị cáo trách, có thể làm cho lòng mềm mại, nên tự nhiên lương tâm ấy sẽ để cho sự sống lớn lên từ chúng ta. Như vậy, lương tâm là chỗ đầu tiên mà sự sống phải đi qua khi lớn lên, hay là phần đầu của lối ra để sự sống có thể lớn lên.

B. Tình cảm

Khi lớn lên từ bên trong, nơi thứ hai sự sống phải đi qua là tình cảm của lòng chúng ta. Đối với tình cảm của lòng, đây là vấn đề tình yêu. Xử lí tình cảm là làm cho tình cảm của chúng ta yêu Chúa nhiệt thành.

Chúng ta biết dù một người có làm bất cứ điều gì chẳng nữa, điều quan trọng hơn hết là người ấy có thích điều đó không. Nếu thích, người ấy sẽ sẵn lòng và vui mừng làm điều đó. Nếu không, người ấy sẽ không bằng lòng mà cũng không vui vẻ làm điều đó. Nếu muốn để sự sống của Chúa bên trong chúng ta lớn lên một cách tự do, điều ấy đòi hỏi chúng ta phải vui mừng hợp tác với Ngài và bằng lòng để Ngài tự do hành động. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời muốn hành động trên chúng ta, Ngài thường lay động tình cảm chúng ta trước để chúng ta bằng lòng hợp tác với Ngài. Nhiều chỗ trong Kinh Thánh nói về việc yêu Chúa. Tất cả đều được nhắc đến với ý định lay chuyển tình cảm của chúng ta. Chẳng hạn như trong Giăng chương 21, Chúa nói với Phi-e-rơ: “Anh có yêu Ta hơn những người này không?” Điều này nghĩa là Chúa muốn lay động tình cảm của Phi-e-

ro; Ngài muốn Phi-e-ơ yêu Ngài hết lòng để sự sống của Ngài có lối ra từ trong ông. Một lần nữa, trong La Mã 12:1-2, sứ đồ Phao-lô nói: “Tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời mà nài khuyên anh em hãy dâng thân thể của anh em làm sinh tế sống... để thử nghiệm ý chỉ... của Đức Chúa Trời”. Khi nói về sự thương xót của Đức Chúa Trời, ông cũng muốn lay động tình cảm của chúng ta, để làm cho chúng ta yêu Chúa, muốn Chúa, tìm kiếm Chúa và dâng chính mình cho Chúa; khi ấy, chúng ta mới có thể hiểu được những điều của Đức Chúa Trời. Những ví dụ này cho chúng ta thấy nếu muốn sự sống của Chúa có một lối ra từ bên trong chúng ta, thì ngoài một lương tâm không bị cáo trách, chúng ta còn cần một tình cảm yêu Chúa cách nhiệt thành.

Tình cảm thật sự yêu Chúa thì có liên quan mật thiết đến lòng và lương tâm của chúng ta. 1 Ti-mô-thê 1:5 chép: “Tổng quy của mạng lệnh, ấy là tình yêu ra từ lòng thuần khiết và một lương tâm tốt...”. Lối đi này nói về tình cảm, lòng và lương tâm. Ở đây, Phao-lô có ý định nói với Ti-mô-thê rằng con người có nói nhiều đến đâu chẳng nữa cũng không đáng kể, nhưng tình yêu và chỉ tình yêu là kết cuộc của mọi sự. Vậy, tình yêu này đến từ đâu? Từ một lòng thuần khiết và một lương tâm tốt. Như vậy, chúng ta cần có lòng thuần khiết và lương tâm tốt trước khi tình yêu có thể sinh ra. Vì lí do này, khi giúp đỡ người khác, chúng ta phải giúp họ xử lí lòng và lương tâm trước. Khi lòng và lương tâm đã được xử lí, tình cảm có thể dễ dàng yêu Chúa và muốn Ngài. Khi tình cảm của chúng ta chứa đựng tình yêu thì sự sống của Đức Chúa Trời có lối ra từ linh chúng ta. Như vậy, tình cảm là nơi thứ hai mà sự lớn lên của sự sống có thể đi qua, hay là phần thứ hai của lối ra để sự sống có thể lớn lên.

C. Tâm trí

Phần thứ ba mà sự sống lớn lên phải đi qua là tâm trí. Tâm trí cần được đổi mới. Xử lí tâm trí nghĩa là phải có một

tâm trí đổi mới và được giải cứu khỏi mọi tư tưởng cũ. La Mã 12:2 chép: “Đừng khuôn rập theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới tâm trí của anh em, để thử nghiệm ý chỉ tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào”. Điều này cho thấy chỉ khi nào có một tâm trí được đổi mới và biến đổi, chúng ta mới có thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, để sự sống của Ngài đi qua và lớn lên một cách tự nhiên. Như vậy, tâm trí cũng liên hệ mật thiết đến sự lớn lên từ sự sống.

Mọi công tác đổi mới của cả con người chúng ta đều do Thánh Linh thực hiện (Tít 3:5). Vì vậy, khi nói đến sự đổi mới tâm trí, chúng ta vẫn phải bắt đầu với công tác của Thánh Linh. Chúng ta biết rằng sự khởi đầu công tác của Thánh Linh bên trong chúng ta là tái sinh chúng ta. Sau đó, phần lớn công tác tiếp theo của Thánh Linh bên trong chúng ta là đổi mới chúng ta. Thánh Linh tái sinh chúng ta làm chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và có được bản chất của Đức Chúa Trời. Thánh Linh đổi mới chúng ta làm chúng ta biết Đức Chúa Trời, hoặc hiểu được ý muốn của Ngài và có tâm trí của Ngài.

Các phần bên trong chúng ta mà Thánh Linh đổi mới trong công tác đổi mới của Ngài là linh và tâm trí. Trong chương có tựa là *Sự hiểu biết bề trong*, chúng tôi đã làm sáng tỏ rằng nếu muốn biết Đức Chúa Trời, thì về phần chúng ta, điều đó được hoàn thành bởi linh và tâm trí. Trước hết, chúng ta có được sự nhận biết của trực giác trong linh, sau đó chúng ta nhận được sự nhận thức trong tâm trí; qua đó, chúng ta hiểu ý chỉ của Đức Chúa Trời và biết Ngài. Vậy, có thể nói linh và tâm trí là hai cơ quan đi đôi với nhau mà nhờ đó chúng ta biết Đức Chúa Trời. Chỉ có linh thôi thì chưa đủ; chỉ có tâm trí thôi cũng không đủ. Chúng ta phải vừa có linh vừa có tâm trí. Giống như một bóng đèn chiếu sáng do ánh điện; chỉ có sợi dây tóc kim loại mỏng trong bóng đèn cũng không đủ. Cả hai phải hợp tác với nhau. Vì mục đích công tác đổi mới của Thánh Linh là để chúng ta

được biết Đức Chúa Trời, tự nhiên Ngài sẽ đổi mới những cơ quan dành cho sự hiểu biết Đức Chúa Trời, tức là linh và tâm trí của chúng ta.

Ê-phê-sô 4:22-23 nói: “Ấy là anh em phải lột bỏ người cũ về cách sống trước kia,... và anh em phải được đổi mới trong linh của tâm trí mình” (RcV). Khi nói đến vấn đề đổi mới, phân đoạn Kinh Thánh này kết hợp linh và tâm trí với nhau và gọi linh là “linh của tâm trí”. Trong việc hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, dù đó là vấn đề thuộc tâm trí nhưng riêng tâm trí cũng không thể nào tiếp xúc trực tiếp và hiểu biết Đức Chúa Trời được. Để hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, trước hết chúng ta phải dùng linh để chạm Đức Chúa Trời và cảm nhận Ngài; sau đó, chúng ta phải dùng tâm trí để nhận thức ý nghĩa trong trực giác của linh. Như vậy, trong vấn đề hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, về phía tâm trí, thì tâm trí phải hiệp tác với linh, còn về phía linh, thì linh phải kết hợp với tâm trí và là linh của tâm trí. Cũng như dây tóc trong bóng đèn được kết hợp với bóng đèn và thuộc về bóng đèn. Như vậy, trong phân đoạn này, Kinh Thánh gọi linh của chúng ta là “linh của tâm trí”. Khi Thánh Linh đổi mới “linh của tâm trí chúng ta”, Ngài đổi mới linh và tâm trí của chúng ta. Thánh Linh đổi mới linh chúng ta vì trong vấn đề biết Đức Chúa Trời, linh thuộc về tâm trí; vậy nên, sự đổi mới thật của tâm trí luôn luôn bắt đầu bằng sự đổi mới của linh. Trước hết, Thánh Linh đổi mới linh chúng ta, sau đó Ngài đổi mới tâm trí chúng ta; như vậy, linh của tâm trí chúng ta được đổi mới.

Thế thì khi linh của tâm trí chúng ta được đổi mới bởi Thánh Linh, thì linh trở nên sống động và nhạy bén. Mỗi khi Thánh Linh hành động và xúc dầu, linh này có thể cảm nhận và nhận biết. Đồng thời, tâm trí chúng ta cũng sáng suốt và thông thạo, có thể thông giải ý nghĩa của trực giác trong linh ngay lập tức. Bằng cách này, chúng ta có thể hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi ấy, bất cứ điều gì tâm trí suy nghĩ và cân nhắc cũng sẽ đứng về phía linh; không còn

nhường chỗ cho xác thịt và bị xác thịt sử dụng nữa. Khi ấy tâm trí chúng ta không còn đặt vào xác thịt nữa, nhưng đặt vào linh. La Mã 8:6 gọi tâm trí ấy là “tâm trí của linh”. Vì thường xuyên đặt vào linh và quan tâm đến linh nên tâm trí của linh cho phép sự sống của Đức Chúa Trời liên tục lớn lên từ linh chúng ta.

Tóm lại, có ba điều liên quan đến sự đổi mới tâm trí: Trước hết, La Mã chương 12 nói rằng tâm trí cần phải được đổi mới và lột bỏ những tư tưởng cũ; thứ hai, Ê-phê-sô chương 4 nói tâm trí cần linh hợp tác, kết hợp làm một với tâm trí để linh có thể trở thành “linh của tâm trí”; thứ ba, La Mã chương 8 nói tâm trí cần phải đứng về phía linh, thuận phục linh, thuộc về linh, thường xuyên đặt vào linh, quan tâm đến linh, lắng nghe chuyển động và ý thức của linh, qua đó trở thành “tâm trí của linh”. Vậy, khi tâm trí được đổi mới, được linh hợp tác, và đứng về phía linh, thì tâm trí có thể để cho sự sống đi qua và lớn lên một cách thông suốt không bị ngăn trở. Như vậy, tâm trí là nơi thứ ba mà sự lớn lên của sự sống đi qua, hay là phần thứ ba của lối ra để sự sống lớn lên.

D. Ý chí

Thứ tư, sự lớn lên của sự sống đi qua ý chí. Chúng ta đã thấy lòng cần phải thuần khiết, lương tâm cần không bị cáo trách, tình cảm cần đầy tình yêu, và tâm trí cần được đổi mới. Thế thì, ý chí cần gì? Theo Kinh Thánh, chúng ta thấy ý chí cần trở nên dễ uốn nắn. Nói đến ý chí, chúng ta muốn nói đến tình trạng dễ uốn nắn. Xử lý ý chí là làm cho ý chí trở nên dễ uốn nắn.

Ý chí là cơ quan dự định và quyết định. Chúng ta muốn hay không, quyết định hay không, tất cả đều là chức năng của ý chí. Khi chúng ta nói: “Tôi muốn”, hay “Tôi quyết định” nghĩa là ý chí của chúng ta muốn, ý chí của chúng ta quyết định. Như vậy, ý chí là phần cốt yếu hơn hết của toàn bản thể chúng ta; ý chí quyết định các hành động và chuyển

động của chúng ta. Có thể nói ý chí là bánh lái của cả bản thể chúng ta. Một chiếc thuyền xoay chuyển tùy theo bánh lái thể nào, thì một con người tiến hay thoái là tùy thuộc vào ý chí của mình thể ấy.

Ý chí của con người hoàn toàn độc lập, hoàn toàn tự do. Không ai có thể ép buộc hay cưỡng bức ý chí làm những điều nó chống đối hoặc không chấp thuận. Đây là cách ý chí hành động đối với con người và cũng là cách ý chí hành động với Đức Chúa Trời. Vì vậy, sự sống của Đức Chúa Trời có thể lớn lên từ trong chúng ta hay không có liên hệ rất nhiều đến vấn đề ý chí của chúng ta có dễ uốn nắn và thuận phục hay không. Nếu ý chí chúng ta cứng cõi, bướng bỉnh, phản loạn và hành động theo ý riêng trong mọi việc, thì sự sống của Đức Chúa Trời không có cách nào lớn lên được. Nếu ý chí của chúng ta mềm mại, dễ uốn nắn và sẵn sàng hành động theo sự vận hành của sự sống thì sự sống của Đức Chúa Trời có thể lớn lên. Do đó, ý chí của chúng ta là nơi thứ tư mà sự lớn lên của sự sống đi qua, hay là phần thứ tư của lối ra để sự sống lớn lên.

Chúng ta cần lưu ý bất cứ khi nào đề cập đến lòng, chúng ta nói đến những phần khác nhau này: lương tâm của lòng, tình cảm của lòng, tâm trí của lòng, hoặc ý chí của lòng. Khi nói lòng không thuần khiết, chúng ta muốn nói đến lòng một cách tổng quát. Khi nói đến lòng không bị cáo trách hay không bị lên án, chúng ta muốn nói đến lương tâm. Khi nói đến lòng yêu Chúa, chúng ta muốn nói đến tình cảm. Khi nói đến lòng không hiểu biết, chúng ta muốn nói đến tâm trí. Khi nói đến một lòng cứng cõi, ương ngạnh, chúng ta muốn nói đến ý chí. Khi nói đến xử lí lòng, chúng ta muốn nói đến việc xử lí năm phương diện trên của lòng.

Nếu xử lí lòng mình đến mức thuần khiết, không bị cáo trách, yêu Chúa, sáng suốt, thành thạo và dễ uốn nắn, thì khi ấy chúng ta mới có một lòng hữu ích cho sự sống của Đức Chúa Trời, và mới có thể để cho sự sống của Đức Chúa Trời có một lối ra thông suốt từ bên trong chúng ta.

LỜI KẾT

Sau khi đã thấy sự sống cư ngụ ở đâu, lối ra của sự sống, đường đi của sự sống, chúng ta biết rằng nếu muốn sự sống của Đức Chúa Trời có cách lớn lên từ bên trong chúng ta, chúng ta phải xử lí linh, lòng, lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí đến khi không còn nan đề gì trong những phần này. Lí do là vì sự sống của Đức Chúa Trời lấy linh chúng ta làm nơi ở, và lấy lòng tức là lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí chúng ta làm lối ra. Nếu một trong sáu cơ quan này có vấn đề trở ngại, sự sống của Đức Chúa Trời bị ngăn trở và không thể biểu lộ ra được. Vì vậy, nếu chúng ta muốn tìm kiếm sự lớn lên trong sự sống thì điều này thật sự cũng không phải là đơn giản. Không những chúng ta cần chạm được linh và biết linh, mà còn phải xử lí mọi phần của lòng. Nếu thiếu sót bất cứ một phương diện nào, chúng ta sẽ không thành công. Vì lí do này, ngày nay, số anh chị em lớn lên trong sự sống thật là ít ỏi, và họ cũng lớn lên một cách chậm chạp!

Đôi lúc chúng ta thấy có một anh em không thể nói là không yêu Chúa; thật ra anh khá tốt về mọi phương diện. Nhưng vì tâm trí anh lập dị nên cả tương lai thuộc linh của anh bị tê liệt. Có những chị em đã xử lí lương tâm của mình, và không có vấn đề gì về tâm trí, nhưng vì họ thiếu hụt trong tình cảm, ngoài Chúa ra họ còn yêu những điều khác, nên họ không lớn lên bao nhiêu trong sự sống. Nhiều anh em có ý chí ương ngạnh trong mọi điều; tâm trí họ khăng khăng với quyết định của mình; họ không muốn bị sửa sai, và họ không thể thuận phục sự chiếu sáng của sự sáng; do đó, sự sống không thể tuôn tràn ra được. Vì vậy, xử lí đúng mức mọi phần này trong đời sống thực tế của chúng ta không phải là một việc dễ dàng. Nếu anh chị em nào không có nan đề gì trong những điều này thì đó thật là một phép lạ. Nguyện Đức Chúa Trời thương xót chúng ta!

CHƯƠNG 14

SỰ SÁNG VÀ SỰ SỐNG

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu cuối cùng liên quan đến vấn đề hiểu biết sự sống, đó là sự sáng và sự sống. Theo Lời Đức Chúa Trời cũng như theo kinh nghiệm của mình, chúng ta thấy sự sáng đặc biệt liên hệ đến sự sống. Có thể nói chúng ta nhận được sự sống là do được soi sáng. Và mức độ sự sống chúng ta nhận được hoàn toàn tương ứng với mức độ chúng ta được soi sáng. Chỉ có sự chiếu sáng của sự sáng mới sinh ra sự sống và chỉ có sự chiếu sáng của sự sáng mới có thể gia tăng sự sống. Vì vậy, nếu muốn biết sự sống, chúng ta cần thấy mối quan hệ giữa sự sáng và sự sống.

I. SỰ SỐNG KHÁC VỚI HÀNH VI

Chúng ta đã nhắc đi nhắc lại rằng ý định của Đức Chúa Trời cứu chúng ta không phải để chúng ta trở thành người ác hay người thiện mà là trở nên một người—sự sống hay một Thần—nhân. Vì vậy, sau khi được cứu, chúng ta không nên chỉ đạt đến tiêu chuẩn đạo đức trong hành vi của mình và sống ra sự tốt lành của con người, nhưng chúng ta nên đạt đến tiêu chuẩn sự sống trong đời sống mình và sống ra sự sống của Đức Chúa Trời. Thế thì, con đường chúng ta đi hôm nay không phải là con đường tự cải thiện mà là con đường sự sống. Chúng ta không theo đuổi sự cải thiện hành vi của mình nhưng theo đuổi sự lớn lên trong sự sống. Để có thể tiến tới trên con đường sự sống, không lệch qua bên

phải hay bên trái, chúng ta phải biết phân biệt sự khác nhau giữa sự sống và hành vi.

Sự sống và hành vi thật là khác nhau. Ngay từ đầu, Kinh Thánh đề cập đến hai loại cây trong vườn Ê-đen: một là cây sự sống, hai là cây tri thức thiện ác. Cây sự sống chỉ về sự sống của Đức Chúa Trời, trong khi cây thiện ác chỉ về hành vi thiện ác. Cây sự sống và cây thiện ác không phải là một cây, nhưng là hai cây. Điều này cho chúng ta thấy sự sống và hành vi thuộc hai phạm trù thật khác nhau.

Chúng ta cần nhìn thấy sự khác biệt cơ bản giữa sự sống và hành vi. Nói một cách đơn giản, sự sống là sự lớn lên tự nhiên trong khi hành vi là công việc của con người. Chẳng hạn, hãy xem một căn nhà và một cái cây. Căn nhà là kết quả của việc làm, sản phẩm của công việc con người, trong khi cây bày tỏ sự sống, sự lớn lên tự nhiên. Các cánh cửa của căn nhà đã được gắn vào do công việc loài người trong khi hoa, lá của cây mọc ra do sự lớn lên. Căn nhà được dựng nên mô tả một loại hành vi, trong khi cây mọc lên chứng minh một loại sự sống. Điểm khác biệt ở đây rất rõ rệt. Đối với Cơ Đốc nhân chúng ta, điểm khác biệt giữa hành vi và sự sống cũng giống như vậy. Điều gì sản sinh ra do nỗ lực con người của chúng ta là hành vi, trong khi chỉ có điều nào bắt nguồn từ sự lớn lên của sự sống Đức Chúa Trời bên trong chúng ta mới là sự sống. Một số anh chị em rất dễ mến, kiên nhẫn, khiêm nhường và nhu mì. Thoạt tiên trông có vẻ như họ thật có sự sống, nhưng thật ra những đức tính ấy chỉ là hành vi do chính họ tạo ra chứ không phải là sự sống lớn lên và bày tỏ ra từ bên trong. Dù hành vi của họ được cải thiện rất nhiều, sự sống của họ không lớn lên là bao.

Mặc dù sự sống và hành vi thật là khác nhau, nhưng bề ngoài thường rất giống nhau và rất khó phân biệt. Làm sao chúng ta có thể phân biệt giữa sự sống và hành vi?

Trước hết, chúng ta có thể phân biệt bởi hương vị của chúng. Một hành vi có thể rất giống sự sống, nhưng rõ ràng

không có hương vị của sự sống. Chẳng hạn như hai cây có bề ngoài trông giống hệt nhau, nhưng một cây là cây có sự sống thật, trong khi cây kia là cây nhân tạo, không có sự sống. Cây thật có sự sống thì kết quả nhiều, trong khi cây nhân tạo không có sự sống thì người ta cũng gắn lên vài quả. Trái của cả hai cây đều giống nhau về hình dạng và màu sắc. Nhìn bên ngoài, khó thấy sự khác biệt giữa hai cây nhưng chỉ cần ngửi hay nếm những trái ấy, chúng ta có thể phân biệt được ngay. Trái của cây thật thì có mùi vị trong khi trái của cây giả thì vô vị. Trái giả chỉ để ngắm chứ không thể ăn được. Điều Cơ Đốc nhân chúng ta bày tỏ trong đời sống hằng ngày cũng như vậy. Hình thức và lối sống hằng ngày của một số anh chị em tưởng chừng như có sự sống; nhưng nếu anh em “ngửi” một cách cẩn thận, thì chẳng có mùi sự sống gì cả. Một số chị em bắt chước rất giống cách cầu nguyện và tương giao của Madame Guyon, nhưng mùi vị thì không giống. Một số anh em bắt chước cung cách khiêm nhường của Jesus người Na-xa-rét nhưng dù bên ngoài diễn xuất rất khá, họ không có mùi vị bên trong. Những điều đó là công việc loài người, không phải sự lớn lên của sự sống. Đó chỉ là sự phô diễn một hành vi, chứ không phải sống ra sự sống. Vì vậy, do hương vị hay mùi vị, chúng ta có thể biết đời sống của một Cơ Đốc nhân bắt nguồn từ sự sống hay chỉ là một loại hành vi mà thôi. Tất cả những gì sinh ra từ sự sống đều có hương vị sự sống, hương vị của Đức Chúa Trời; nhưng nếu là hành vi thì chỉ có hương vị của con người.

Thứ hai, chúng ta có thể phân biệt giữa sự sống và hành vi qua sự thử nghiệm của những thay đổi trong môi trường. Tất cả những gì bắt nguồn từ sự sống thì có thể chịu được sự thay đổi của môi trường; dù hứng chịu bão tố nhưng sự sống vẫn tồn tại. Nhưng hành vi thì không như vậy. Khi bão tố đến, hành vi sẽ bị thay đổi bản chất hoặc bị tiêu diệt. Chẳng hạn như, nếu chúng ta chôn một hạt giống xuống đất, nó sẽ mọc lên và kết nhiều trái. Nhưng nếu chúng ta

chôn một hòn đá xuống đất sẽ không có gì mọc lên cả. Nhiều lúc thật khó phân biệt điều một Cơ Đốc nhân bày tỏ là sự sống hay hành vi và nhiều lúc phân biệt bằng hương vị lại càng khó hơn. Khi ấy, chúng ta chỉ có thể để cho sự thay đổi môi trường làm công tác thử nghiệm. Khi Đức Chúa Trời cho phép mọi sự quỵến rũ, cám dỗ, khó khăn hay hoạn nạn từ môi trường đến trên một Cơ Đốc nhân, nếu những gì người ấy có ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, thì những điều ấy không những sẽ tồn tại sau khi trải qua mọi loại hoàn cảnh mà còn được biểu lộ nhiều hơn. Lí do là vì sự sống của Đức Chúa Trời chứa đựng quyền năng phục sinh vĩ đại. Sự sống này không sợ hoạn nạn, hủy diệt hay sự chết, không thể bị chèn ép do bất cứ nghịch cảnh nào; trái lại, sự sống ấy khắc phục tất cả, đắc thắng tất cả, không bao giờ hư hoại mà cứ luôn nảy nở mãi. Tuy nhiên, nếu những gì người ấy có chỉ là hành vi của con người, một khi gặp nghịch cảnh, hoạn nạn, sự tàn phá hay thử thách, nó sẽ bị thay đổi bản chất hoặc bị tiêu diệt. Vì mọi hành vi của con người đều ra từ nỗ lực, chúng không chịu nổi hoạn nạn hay sự tàn phá; cũng không thể thắng hơn cám dỗ hoặc thử nghiệm; một khi môi trường thay đổi, chúng thật khó tồn tại như cũ.

Có một chị em kia bắt chước Madame Guyon đến mức dù gặp bất cứ chuyện gì đi nữa, chị vẫn không bao giờ bối rối mà luôn luôn bình tĩnh. Không những chị học cách hành xử giống Madame Guyon ở bề ngoài, mà ngay cả hương vị cũng giống nữa. Nhưng một ngày kia “con trai độc nhất Y-sác” yêu dấu của chị thành linh bị đau. Thế là tất cả những gì chị học được đều biến đi cả và chị còn lo lắng hơn mọi người nữa. Điều này chứng tỏ sự không lo lắng trước kia của chị là nỗ lực của con người nên nó không chịu được sự thử nghiệm.

Như vậy, chúng ta không nên vội vàng xét đoán tình trạng thuộc linh của anh chị em mình, cũng không nên vội khen sự bày tỏ của lối sống họ. Nhận xét và cảm xúc của

chúng ta thường không đáng tin cậy. Chỉ có điều gì Đức Chúa Trời minh chứng bằng thời gian thì mới chính xác. Những gì chỉ là hành vi của con người sẽ sụp đổ theo thời gian, sẽ thay đổi trong bản chất hay sẽ bị hủy diệt. Tuy nhiên, những gì ra từ sự sống của Đức Chúa Trời sẽ tồn tại với thời gian. Sự thử nghiệm của thời gian thuộc về Đức Chúa Trời giúp chúng ta phân biệt được điều nào là sự sống và điều nào là hành vi.

Tôi xin nêu ra một số vấn đề cá nhân để minh họa sự khác biệt giữa sự sống và hành vi. Ngay sau khi tin Chúa, tôi nghe nói những người trong chủng viện có một nếp sống rất ngoan đạo. Hành vi và thái độ của họ rất cung kính đối với Chúa. Khi nghe điều đó, tôi rất ngưỡng mộ họ. Về sau, tôi cũng nghe nói có người sau khi được cứu đã trở nên một con người hoàn toàn khác với trước kia. Khi nghe như vậy, tôi lại càng cảm động. Từ đó, tôi quyết định sống một đời sống ngoan đạo như những sinh viên trong các chủng viện. Tôi cũng muốn trở nên một Cơ Đốc nhân hoàn toàn khác với con người trước kia của mình. Thế rồi hằng ngày, tôi nỗ lực cư xử tốt và học tập. Hành động và sự học tập ấy không ra từ sự sống, nhưng do ảnh hưởng bên ngoài và do sự ngưỡng mộ của lòng tôi. Tôi hết sức cố gắng dùng mọi nỗ lực của mình để bắt chước người khác; vì vậy, đó hoàn toàn chỉ là một hình thức của hành vi mà thôi.

Tôi xin nêu một ví dụ khác. Vào thời ấy, người Hoa ở khắp nơi đều giữ phong tục mừng năm mới. Nhưng vì được Chúa giải cứu, những phong tục như vậy không chiếm hữu lòng tôi. Vào sáng mùng một Tết năm ấy, sau khi thức dậy tôi quỳ gối như thường lệ để cầu nguyện và đọc Kinh Thánh và được kinh nghiệm sự hiện diện của Chúa một cách trọn vẹn. Cầu nguyện xong, tôi đứng dậy, mẹ tôi bảo tôi mặc chiếc áo mới mà bà đã chuẩn bị sẵn cho tôi. Không suy nghĩ gì cả, tôi cầm lấy, mặc vào và cùng gia đình ăn bữa tiệc đầu năm. Khi trở về phòng, tôi lại quỳ gối cầu nguyện, nhưng lạ thay, tôi đã mất sự hiện diện của Đức Chúa Trời bên trong.

Tôi thấy dường như Đức Chúa Trời trong tôi đã lìa khỏi tôi. Sau đó, tôi có một cảm thức sâu xa bên trong là mình không nên mặc chiếc áo mới ấy. Ngay lập tức, tôi cởi nó ra và mặc lại chiếc áo cũ. Tôi lại cầu nguyện, lần này tôi chạm được sự hiện diện của Đức Chúa Trời; tôi cảm biết Ngài đã trở lại với tôi.

Thưa anh chị em, đây là sự sống! Đây không phải là sự khích lệ bề ngoài, một giải pháp hay hành vi; cũng không phải sự dạy dỗ, thực tập hay bắt chước. Ấy là sự sống của Đức Chúa Trời trong nơi sâu thẳm nhất của tôi đã ban cho tôi một ý thức nào đó và bày tỏ rằng tôi không nên mặc chiếc áo mới ấy. Ý thức bên trong này cũng là quyền năng sự sống đã giải cứu tôi. Từ đó về sau, phong tục hội hè hoàn toàn rời khỏi tôi. Điều này thật khác với ví dụ trước là trường hợp thán phục và bắt chước. Đây là sự biểu lộ của sự sống.

Vào năm 1940, tại Thượng Hải có một buổi nhóm huấn luyện dành cho các đồng công và nhiều người đến dự. Lúc đó, có một anh em nói với tôi: “Nếu sự lớn lên của sự sống của anh chị em ở đây không đủ thì họ sẽ phải hành động nhiều hơn”. Câu nói này đây ý nghĩa, vì trong môi trường đó, tự nhiên người ta sẽ phải hành động mộ đạo hơn một chút, thuộc linh hơn một chút. Nhưng mọi hoạt động ấy không phải là sự sống.

Bất cứ khi nào do ảnh hưởng của môi trường, do sự thán phục hay sợ hãi, mà chúng ta có một lối sống nào đó thì lối sống ấy chỉ là một sự trình diễn bề ngoài, một hình thức cư xử. Một ngày kia, khi môi trường thay đổi, điều ấy cũng thay đổi theo. Như vậy, nếp sống của chúng ta không nên chỉ là kết quả của ảnh hưởng môi trường, mà phải do cảm nhận sự sống bên trong. Khi môi trường bên ngoài phù hợp với tôi, tôi sống như vậy. Khi môi trường không phù hợp với tôi, tôi vẫn sống như vậy. Môi trường có thể thay đổi nhưng nếp sống của tôi không thay đổi. Đó là một nếp sống ra từ sự sống.

Bây giờ, khi đã thấy sự khác biệt giữa sự sống và hành vi, chúng ta nên xem xét chính đời sống mình và kiểm tra từng điểm một. Có bao nhiêu phần của đời sống tôi không phải là sự trình diễn bề ngoài? Bao nhiêu phần không do bất chước? Bao nhiêu phần bày tỏ sự sống ở bên trong. Một khi xem xét chính mình như vậy, ngay tức khắc chúng ta sẽ thấy phần lớn đời sống chúng ta chỉ là hành vi, sự bất chước, sự phục tùng và thích ứng với những lề luật bên ngoài vì chịu ảnh hưởng bề ngoài; rất ít phần là sự bày tỏ sự sống ở bên trong. Điều này chứng tỏ chúng ta không hoàn toàn từ bỏ hành vi thuộc nỗ lực con người.

Thế thì làm sao chúng ta từ bỏ hành vi thuộc nỗ lực con người và sống ra sự sống? Chúng ta cần ý thức rằng hành vi ra từ sự khuyến khích và dạy dỗ của người khác, hay do sự bất chước và tập luyện của chính mình, trong khi sự sống ra từ sự soi sáng của Đức Chúa Trời. Hành vi không đòi hỏi một sự soi sáng nào cả, nhưng được thực hiện do nỗ lực loài người. Tuy nhiên, sự sống chỉ có thể được sản sinh bởi sự chiếu sáng của sự sáng mà thôi. Vì vậy, nếu muốn được giải cứu khỏi hành vi của mình và sống ra sự sống, chúng ta phải được soi sáng. Nếu không được soi sáng thì chúng ta chỉ có thể đạt đến hành vi bề ngoài là cùng; nhưng nếu có sự chiếu sáng của sự sáng, chúng ta có thể sống ra sự sống.

II. SỰ SỐNG ĐẾN TỪ SỰ SÁNG

Toàn bộ Kinh Thánh bày tỏ rằng sự sống đến từ sự chiếu sáng của sự sáng. Khi sự sáng bước vào, sự sống sẽ theo sau. Nơi nào có sự sáng, nơi đó có sự sống. Mức độ sự sống tỉ lệ thuận với mức độ sự sáng. Sáng Thế Kí chương 1 và 2 nói rằng trước khi Đức Chúa Trời bắt đầu công tác phục hồi của Ngài, cả trái đất trống không và tối tăm, nghĩa là đầy dẫy sự chết, vì sự tối tăm tượng trưng cho sự chết. Vì vậy, bước đầu trong công tác của Ngài, Đức Chúa Trời truyền lệnh phải có sự sáng. Khi sự sáng đến, sự sáng hủy diệt sự chết vốn thuộc về bóng tối, và đem lại sự sống. Như

vậy, sự sống theo sau sự sáng, và sự sống bắt đầu từ sự sáng.

Ngày đầu tiên Đức Chúa Trời truyền lệnh cho sự sáng; sau đó, sự sống thực vật đã được sinh ra vào ngày thứ ba. Sự sáng của ngày đầu tiên đủ cho sự sống thực vật. Tuy nhiên, cần phải có ánh sáng mạnh hơn cho một sự sống cao hơn. Vì vậy, vào ngày thứ tư, Đức Chúa Trời truyền lệnh cho mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao phải chiếu sáng. Qua đó, sự sống cao hơn đã được sinh ra. Không những có chim, cá, các loài thú và mọi loại sự sống động vật mà còn có sự sống của con người, vốn mang hình ảnh của Đức Chúa Trời. Cuối cùng vào ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời, Đấng được đại diện bởi cây sự sống, đã xuất hiện. Đức Chúa Trời là sự sáng cao nhất đã đem đến sự sống cao nhất, tức là sự sống của Đức Chúa Trời. Tiến trình xuất hiện của các loại sự sống khác nhau cho chúng ta thấy sự sống luôn theo sau sự sáng. Sự sống bắt đầu bằng sự sáng, và sự sống tiếp tục phát triển cao hơn khi sự sáng mạnh mẽ hơn.

Ánh sáng của ngày đầu tiên không đủ mạnh; vì vậy chỉ đem đến sự sống thực vật, là sự sống thấp nhất, một sự sống không có ý thức. Điều này tượng trưng cho sự chiếu sáng của sự sáng mà chúng ta nhận được ở bên trong khi mới được cứu (2 Cô. 4:6). Mặc dù sự sáng này đem sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, sự sáng này chỉ truyền đạt một sự sống ở giai đoạn đầu, một sự sống không có nhiều tố chất và không có hình dạng.

Ánh sáng ngày thứ tư mạnh hơn ánh sáng ngày đầu tiên. Ánh sáng này mạnh mẽ hơn, trong suốt hơn, rõ rệt hơn và cụ thể hơn, vì vậy đem đến một sự sống cao hơn, là sự sống động vật. Vì sự sáng đó phong phú hơn và mạnh mẽ hơn, nên sự sống cũng phong phú hơn và cao hơn. Sự sáng phát triển và theo sau sự sáng, sự sống cũng phát triển. Điều này tượng trưng cho kinh nghiệm của chúng ta: khi chúng ta nhận được sự chiếu sáng của sự sáng mạnh mẽ hơn, trong suốt hơn, rõ ràng hơn, thì sự sống bên trong

chúng ta cũng lớn lên và có hình dạng rõ ràng hơn. Vì thế, Christ “được thành hình” trong chúng ta.

Ánh sáng vào ngày thứ bảy là ánh sáng cao nhất; vì vậy, ánh sáng này đem đến sự sống cao nhất, là sự sống của Đức Chúa Trời, được tượng trưng bởi cây sự sống. Khi ánh sáng lên đến cực điểm, thì sự sống cũng đạt đến tột đỉnh. Khi ánh sáng trọn vẹn, sự sống cũng đầy đủ. Khi sự chiếu sáng của sự sáng chúng ta nhận được bên trong gia tăng đến cực điểm, thì sự sống thuộc linh của chúng ta cũng trở nên đầy đủ và trưởng thành, và sẽ đạt đến tình trạng hoàn toàn giống Đức Chúa Trời.

Trong Sáng Thế Kí chương 1 và 2, Thánh Linh tiếp tục bày tỏ cho chúng ta thấy sự sống theo sau sự sáng. Ngài cho chúng ta thấy sự sáng được chia làm ba giai đoạn: ngày thứ nhất, ngày thứ tư và ngày thứ bảy; vì vậy, sự sống cũng được chia làm ba giai đoạn. Sự sáng đánh dấu bước đầu của mỗi giai đoạn. Sự sáng của giai đoạn nào đem đến sự sống của giai đoạn ấy. Mức độ sự sáng của một giai đoạn quyết định mức độ sự sống mà sự sáng đem đến.

Mục đích của Đức Chúa Trời là con người, được tạo dựng trong ánh sáng của ngày thứ tư, có thể tiếp xúc với cây sự sống, là cây đã được bày tỏ trong ánh sáng của ngày thứ bảy, và qua đó, nhận được sự sống phi thọ tạo của Đức Chúa Trời được đại diện bởi cây này. Thật đáng tiếc, trước khi con người nhận được sự sống này, Sa-tan đã đến cám dỗ họ. Hấn thuyết phục con người nhận sự sống của Sa-tan, là sự sống được tượng trưng bởi cây thiện ác, do đó loài người đã bị hư hoại. Sau đó, vì loài người đã bị hư hoại, Đức Chúa Trời không thể làm gì khác hơn là ngăn chặn không cho loài người chạm đến cây sự sống (Sáng. 3:24). Qua đó, sự sống mà được đem đến bởi ánh sáng của ngày thứ bảy bị đặt sang một bên. Rồi một ngày nọ, chính Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, đến trên trái đất này để làm sự sáng và sự sống. Giảng nói về Ngài: “Trong Ngài có sự sống, và sự sống là sự sáng của loài người” (Gi. 1:4). Chính Ngài cũng nói:

“Ta là sự sáng của thế giới: ai theo Ta... có sự sáng của sự sống” (Gi. 8:12). Như vậy, việc Chúa Jesus đến trên đất nghĩa là ánh sáng của ngày thứ bảy kèm với sự sống của ngày thứ bảy một lần nữa được tỏ ra giữa loài người hầu cho tất cả những ai tin và nhận Ngài có thể nhận lãnh sự sống này vào bên trong họ. Qua đó, ý định ban đầu của Đức Chúa Trời được hoàn tất.

Trong Khải Thị chương 21 và 22, Giê-ru-sa-lem Mới xuất hiện. Trong thành ấy có sự sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời; vì vậy, không còn cần sự sáng của mặt trời và mặt trăng. Ban đêm không còn nữa. Đồng thời, ở giữa con đường trong thành phố, có dòng sông nước sự sống, hai bên bờ sông có cây sự sống. Tất cả những người được cứu có thể tự do uống nước sự sống và ăn cây sự sống. Như vậy, bên trong thành đầy sự sáng và sự sống. Một mặt, sự sáng đuổi bóng tối đi; mặt khác, sự sống nuốt mất sự chết. Đây là cảnh tượng vinh hiển khi sự sống trong ánh sáng của ngày thứ bảy được con người tiếp nhận và hòa quyện với con người. Đây cũng là tuyệt đích của việc Đức Chúa Trời là sự sống trong sự sáng được con người tiếp nhận.

Tất cả những phân đoạn này cho thấy rằng có một tuyến chủ đạo trong toàn bộ Kinh Thánh luôn nói về sự sống đi cùng với sự sáng. Nơi nào có sự sáng, nơi đó có sự sống. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong Kinh Thánh. Thi Thiên 36:9 nói: “Vì nguồn *sự sống* ở nơi Chúa; trong *ánh sáng* Chúa, chúng tôi thấy sự sáng”. Điều này rõ ràng nói đến mối liên hệ giữa sự sống và sự sáng. Sự sống luôn theo sau sự sáng và chỉ có sự sáng mới có thể sinh ra sự sống.

Vì vậy, nếu muốn biết tình trạng sự sống của một người, chúng ta phải biết mức độ người ấy được soi sáng. Chúng ta thường nghĩ khi một người trở nên nhiệt thành hơn, ấy là anh đã lớn lên trong sự sống; hoặc nếu anh mộ đạo hơn, đó là sự sống của anh có tiến bộ. Những quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm. Sự sống không ở trong sự nhiệt thành của con người; cũng không ở trong sự mộ đạo của họ. Chỉ có một

lãnh vực và một nguồn của sự sống, đó là sự sáng. Sự sống tùy thuộc vào sự sáng và sự sống đến từ sự sáng. Để quyết định một người có lớn lên trong sự sống hay không, chúng ta phải xem tình trạng người ấy được soi sáng bên trong như thế nào.

Như vậy, nếu muốn giúp người khác lớn lên trong sự sống, chúng ta cần làm sao cho họ được soi sáng. Nếu người khác nhận được sự soi sáng từ chúng ta, họ có thể lớn lên trong sự sống. Chẳng hạn như, trong chức vụ Lời, nếu điều chúng ta nói chỉ là một sự khích lệ hay dạy dỗ, thì chúng ta chỉ kích động, ảnh hưởng người ta, làm cho họ cải thiện hành vi chứ không sinh ra kết quả cuối cùng là sự sống. Công tác của chúng ta cũng chỉ có ảnh hưởng tạm thời, không thể lâu bền. Nếu chính chúng ta được soi sáng và sống trong sự chiếu sáng của sự sáng, thì lời chúng ta chia sẻ có thể đem lại sự sáng; qua đó, nan đề thật của người ta sẽ được phơi bày ra. (Ê-phê-sô 5:13 nói đến điều này, rằng mọi sự khi chịu khiển trách sẽ được tỏ bày bởi sự sáng). Sau khi nghe những lời như vậy, có thể người ta không nhớ rõ giáo lí, dù vậy sâu thẳm bên trong vẫn còn lại một điều sống động liên tục cảm động họ, chạm được họ, và kết quả là đời sống hàng ngày của họ thay đổi. Những sự thay đổi ấy không phải là sự cải thiện bề ngoài do nỗ lực con người, nhưng là sự bày tỏ sự sống do nhận lãnh sự soi sáng bên trong; vì vậy, kết quả sẽ vững bền và không thay đổi.

Khi rao giảng phúc âm, nguyên tắc cũng như vậy. Một số người giảng phúc âm có thể thuyết phục người ta bằng lời nói của mình; tuy nhiên, họ không làm cho người ta được tiếp xúc với ánh sáng của phúc âm ở bên trong. Vì vậy, dù môi miệng một người nói rằng mình tin Chúa và thậm chí quyết định tin trong lòng, người ấy cũng không thể nhận được sự sống từ bên trong để được sinh lại và được cứu. Tuy nhiên, có những người rao giảng phúc âm giảng những lời đầy dẫy sự sáng. Trong khi người ta nghe, ánh sáng phúc âm chiếu vào lòng họ. Họ có thể lắc đầu liên tục và nói: "Tôi

không tin”. Dầu vậy, sau khi trở về nhà, một điều gì đó ở bên trong cứ liên tục nói với họ: “Hãy tin, hãy tin!” Khi ấy, họ không thể không tin. Đây là kết quả của sự soi sáng, làm cho người ta nhận được sự sống từ bên trong, bởi đó, được sinh lại và được cứu. Tất cả những ví dụ này đều bày tỏ sự sống đến từ sự sáng. Có sự sáng, sự sống được sinh ra; không có sự sáng, sự sống không thể được sinh ra. Sự sống thật sự bắt nguồn từ sự sáng.

III. SỰ SÁNG Ở TRONG LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI

Vì sự sống ở nơi sự sáng, vậy thì sự sáng ở nơi nào? Từ Kinh Thánh, chúng ta biết sự sáng ở nơi Lời Đức Chúa Trời. Đây cũng là một nguyên tắc quan trọng trong Kinh Thánh. Thi Thiên 119:105 chép: “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, ánh sáng cho đường lối tôi”. Và câu 130 chép: “Sự bày giải lời Chúa soi sáng cho”. Những câu này cho thấy đúng là sự sáng ở nơi Lời Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu muốn nhận được sự sáng, chúng ta phải nhận lấy Lời Đức Chúa Trời. Bất cứ khi nào tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời thì chúng ta nhận được sự sáng. Lí do chúng ta không có sự sáng là vì chúng ta thiếu Lời Đức Chúa Trời.

Lời Đức Chúa Trời mà chúng tôi nói đây không phải là lời văn tự trong Kinh Thánh, mà là lời Thánh Linh nói với chúng ta từ bên trong. Kinh Thánh là Lời thành văn của Đức Chúa Trời, dĩ nhiên rất chính xác. Nhưng Lời ấy được viết ra bằng những mẫu tự cố định, không có quyền năng soi sáng và không thể là sự sáng của chúng ta. Tuy nhiên, khi Thánh Linh bày tỏ lời Kinh Thánh một cách mới mẻ cho chúng ta, Ngài khai mở và làm cho lời ấy trở nên sống động đối với chúng ta, khi ấy Lời có quyền năng của sự sáng chiếu sáng và có thể là sự sáng của chúng ta. Nếu chỉ đọc Kinh Thánh, dù đọc suốt cả Kinh Thánh, và thậm chí có thể học thuộc lòng, những gì chúng ta nhận được chỉ là những giáo lí bằng văn tự. Chúng ta chưa nhận được Lời của Đức Chúa Trời, và như vậy, chúng ta chưa nhận được sự sáng.

Chỉ khi nào Thánh Linh ở trong linh chúng ta ban cho sự khả thị, khai mở lời trong Kinh Thánh cho chúng ta, thì lời ấy mới trở nên Lời hằng sống của Đức Chúa Trời, làm chúng ta nhận được sự sáng của Đức Chúa Trời.

Trong Giăng 6:63, Chúa nói: “Những lời Ta nói cùng các ngươi đều là linh và sự sống”. Ở đây, Chúa nói về lời, linh và sự sống, ba điều chung với nhau. Vì cả sự sống và linh đều ở trong chúng ta, rõ ràng những lời mà Chúa nói ở đây chắc hẳn cũng liên quan đến những lời được nói bên trong chúng ta, không phải văn tự Kinh Thánh ở bên ngoài. Mọi lời bên ngoài chỉ là kiến thức suông, không phải sự sáng. Chỉ có những lời vào trong linh chúng ta mới là lời sống động, lời soi sáng của Đức Chúa Trời. Khi đọc Kinh Thánh, nếu chúng ta thường xuyên vận dụng linh trong sự tương giao để đọc và mở linh ra nhận lãnh, lời Kinh Thánh sẽ trở nên linh và sự sống cho chúng ta. Những lời ấy có thể vào trong linh chúng ta, trở nên lời sống động, đem ánh sáng của sự sống vào.

Vì sự sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời nên chúng ta phải tôn trọng Lời Đức Chúa Trời. Khi Thánh Linh nói với chúng ta ở bên trong, chúng ta nên tuyệt đối vâng phục, không nên phớt lờ và bất phục. Ê-sai 66:2 nói Đức Chúa Trời sẽ lưu ý đến những người run rẩy trước Lời Ngài. Và câu 5 nói những ai run rẩy trước Lời Đức Chúa Trời nên lắng nghe Lời Ngài. Nếu không vâng theo Lời Đức Chúa Trời, chúng ta đã từ chối ánh sáng của Đức Chúa Trời. Bất cứ khi nào chúng ta từ chối ánh sáng, ánh sáng sẽ biến mất. Khi ánh sáng biến mất, sự sống cũng ra đi, sự hiện diện của Thánh Linh và Đức Chúa Trời cũng rời khỏi, và mọi sự phong phú và phước hạnh thuộc linh đều mất cả. Đây thật là một sự mất mát lớn lao! Vì vậy, mỗi khi một người thật sự biết Đức Chúa Trời chạm được Lời Ngài, người ấy sợ sệt, run rẩy và không dám từ chối hoặc bất tuân.

Nếu Đức Chúa Trời nói với anh em một lần mà anh em không nghe, nếu Ngài nói lần thứ hai mà anh em cũng

không vâng theo, sau đó nếu Ngài nói với anh em lần thứ ba mà anh em vẫn không chú ý đến, thì anh em sẽ chẳng còn một chút ánh sáng nào ở bên trong, không còn một cánh cửa nào hé mở và sự sống không thể vào được. Nếu anh em vâng lời mỗi khi Ngài nói với mình, kinh nghiệm của anh em sẽ hoàn toàn khác: sự vâng phục đầu tiên đối với Lời Đức Chúa Trời tạo một cánh cửa mở ra bên trong để sự sáng có thể chiếu vào. Khi anh em vâng theo Lời Đức Chúa Trời một lần nữa thì có một cánh cửa khác được mở ra, qua đó ánh sáng sẽ được chiếu vào nhiều hơn. Nếu tiếp tục vâng lời, anh em sẽ giống như bốn sinh vật, đầy những mắt quanh thân mình (Khải. 4:8), trong suốt, đầy dẫy ánh sáng và đầy dẫy sự sống. Vậy, chúng ta thấy sự sống ở trong sự sáng, và sự sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời.

IV. SỰ SÁNG LÀ CẢM NHẬN BỀ TRONG

Chúng ta đã thấy sự sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời và Lời Đức Chúa Trời ở đây nói về lời Thánh Linh phán với chúng ta từ bên trong; vì vậy, sự sáng chúng ta nhận được không phải loại sự sáng khách quan bề ngoài mà là sự sáng chủ quan bề trong.

Giăng 1:4 bảo chúng ta rằng sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Chúa Jesus, và sự sống này là sự sáng của con người. Khi chúng ta tiếp nhận Chúa Jesus làm Đấng Cứu Rỗi, sự sống này vào trong chúng ta và trở nên “sự sáng của sự sống” (Gi. 8:12). Vì vậy, nói đúng ra, sự sáng này không phải là sự sáng khách quan soi sáng từ bên ngoài mà là sự sáng chủ quan soi sáng chúng ta từ bên trong.

Ê-phê-sô 1:17-18 nói rằng khi chúng ta nhận được linh của sự khải thị, mắt của sự hiểu biết của chúng ta được soi sáng, cũng có nghĩa là chúng ta nhận được sự chiếu sáng của sự sáng bên trong. Vì sự khải thị của Thánh Linh là vấn đề chủ quan, ở bên trong, nên sự sáng do sự khải thị đem đến chắc chắn không phải sự sáng khách quan ở bên ngoài chúng ta, mà là sự sáng chủ quan ở bên trong chúng ta.

Vì sự sáng ở trong chúng ta, nên mỗi khi sự sáng chiếu sáng làm cho chúng ta có một ý thức nào đó ở bên trong. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng sự sáng là sự cảm nhận bên trong của chúng ta. Xin xem lại ví dụ tôi mặc áo mới vào dịp tết. Khi mặc chiếc áo mới, tôi không cảm thấy bình an bên trong. Cảm thức đó là sự soi sáng bên trong. Như vậy, sự sáng bên trong là cảm nhận bên trong, và cảm nhận bên trong cũng là sự sáng bên trong. Cách đây hơn mười năm, chúng ta ít khi dùng chữ *cảm nhận* này. Bây giờ chúng ta rất sáng tỏ, khi nói về sự chiếu sáng của sự sáng, chúng ta không thể tránh nói về một cảm nhận, vì mọi cảm nhận chúng ta có bên trong là sự soi sáng chúng ta nhận được.

Ngày nay, chúng ta ở trong sự sáng hay bóng tối, và được soi sáng nhiều hay ít, tùy thuộc vào tình trạng của ý thức bên trong mình. Ai không có ý thức là người ở trong tối tăm và không để cho sự sáng của Đức Chúa Trời chiếu sáng trong mình. Người có ý thức là người ở trong sự sáng và để cho sự sáng của Đức Chúa Trời chiếu sáng trong mình. Như vậy, người đầy dẫy ý thức là người đầy dẫy sự sáng và trong suốt.

Có nhiều anh chị em, tình trạng của họ giống như vậy trước mặt Chúa. Khi tiếp xúc với họ, người ta cảm thấy họ trong suốt và trong sáng như pha lê. Tôi được nghe kể về một anh em, mỗi khi anh ấy nói điều gì, người ta cảm thấy anh thật trong suốt. Nhận xét này đúng đắn. Có những người khi họ nói, anh em không thấy họ trong suốt. Những người khác thì anh em cảm thấy họ có một chút ánh sáng bên trong, nhưng không thật trong suốt. Còn một số người khác nữa, ngay khi họ đứng lên và nói, họ truyền đạt một cảm nhận là họ hoàn toàn trong suốt. Sở dĩ có tình trạng này là vì họ đầy dẫy cảm nhận bên trong. Luôn luôn một người càng có ý thức nhiều bao nhiêu, người ấy càng trong suốt bấy nhiêu.

Làm thế nào chúng ta có thể đầy dẫy cảm nhận này và trở nên trong suốt? Điều này tùy thuộc vào cách chúng ta

đối xử với Thánh Linh khi Ngài soi sáng và ban ý thức cho chúng ta. Nếu không vâng theo ý thức Thánh Linh ban cho mình, chúng ta sẽ không trong suốt ở bên trong và ý thức của chúng ta sẽ không tránh khỏi tình trạng chậm chạp và lu mờ. Nếu chúng ta tiếp tục không vâng lời nhiều lần, ý thức trong chúng ta lại càng lu mờ, u ám, cho đến khi hoàn toàn tối tăm, không còn cảm biết gì cả. Nếu chúng ta bằng lòng liên tục vâng theo ý thức mà Thánh Linh ban cho mình, Ngài sẽ chiếm hữu bên trong chúng ta nhiều hơn và càng có cơ hội hành động; sự soi sáng bên trong sẽ ngày càng sáng tỏ hơn, và ý thức sẽ càng phong phú hơn và nhạy bén hơn.

V. SỰ SOI SÁNG Ở NƠI SỰ THƯƠNG XÓT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Làm thế nào chúng ta có thể nhận được sự soi sáng? Sự soi sáng tùy thuộc vào điều gì? Nói từ phía Đức Chúa Trời, sự soi sáng hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ thương xót người Ngài thương xót, và Ngài sẽ trách ắn người Ngài trách ắn (La. 9:15). Người nhận lãnh sự khải thị là người Đức Chúa Trời ban sự khải thị. Người nhận được sự soi sáng là người mà Đức Chúa Trời soi sáng. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào Đức Chúa Trời, không tùy thuộc vào chúng ta. Vì vậy, không ai có thể đòi hỏi sự sáng và không ai có thể kiểm chế sự sáng. Khi sự sáng đến thì sự sáng đến, dù anh em không tìm kiếm. Khi sự sáng không đến, dù anh em có tìm kiếm, sự sáng cũng vẫn không đến. Giống như mặt trời mọc lên. Khi mặt trời mọc, thì mọc. Có thể anh em không muốn nó mọc, nhưng nó không nghe theo anh em. Khi mặt trời không mọc thì nó không mọc; dù anh em muốn nó mọc, nó chẳng nghe theo anh em. Cũng vậy, nếu Đức Chúa Trời soi sáng chúng ta thì chúng ta được soi sáng. Nhưng nếu Ngài không soi sáng chúng ta, chúng ta không thể làm được gì cả. Một ngày kia trên đường đến Đa-mách, Sau-lor, người chống đối Chúa,

chẳng có lòng tìm kiếm ánh sáng; nhưng ánh sáng từ trời đến trên ông, làm cho ông ngã nhào xuống đất và được phước vô cùng (Công. 9:3-4). Đức Chúa Trời đã thương xót ông. Như vậy, ánh sáng của Đức Chúa Trời không bị kiểm chế bởi tay người ta, nhưng bởi tay Ngài. Ánh sáng hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, nếu muốn được soi sáng, chúng ta chỉ biết trông đợi Đức Chúa Trời, ngửa trông Ngài và tin cậy Ngài; chúng ta không thể làm điều gì khác hơn, dù chỉ một chút. Đối với những điều khác, chúng ta có thể tự mình quyết định, nhưng chúng ta không thể quyết định rằng mình phải được soi sáng. Chúng ta không thể nói anh em này hay anh em kia biết cách đọc Kinh Thánh và tôi cũng biết cách đọc Kinh Thánh; anh ấy có thể nhận được ánh sáng trong Kinh Thánh và tôi cũng có thể nhận được ánh sáng trong Kinh Thánh. Những người nghĩ như vậy thật khó nhận được ánh sáng.

Có lẽ có người nói rằng mặc dù chúng ta không thể kiểm chế ánh sáng thiên nhiên nhưng có thể tự tạo ánh sáng cho mình nhờ vào điện hoặc thấp đèn dầu hay thấp nến. Tuy nhiên, chúng ta không thể làm điều này để được soi sáng trong các vấn đề thuộc linh. Chúng ta chỉ có thể trông đợi Đức Chúa Trời soi sáng. Nếu Ngài không soi sáng chúng ta, chắc chắn không nên tự tạo ra ánh sáng hay tự tìm kiếm ánh sáng. Về vấn đề này, Ê-sai 50:10-11 nói: “Trong vòng các người, nào có ai kính sợ Đức Giê-hô-va và nghe tiếng của tôi tớ Ngài? Kẻ nào đi trong tối tăm và không có sự sáng thì hãy trông cậy danh Đức Giê-hô-va, hãy nương nhờ Đức Chúa Trời mình. Kìa, hết thấy các người là kẻ thấp lửa và đốt đuốc vấy lấy mình, thì hãy đi giữa ngọn lửa mình và giữa những đuốc mình đã đốt! Ấy là sự tay Ta đã làm cho các người, các người sẽ nằm trong sự buồn bực!” Trong cả Kinh Thánh, đây là phân đoạn nói rõ ràng nhất về vấn đề được soi sáng. Một mặt, phần Kinh Thánh này cho chúng ta thấy phương cách đúng đắn: nếu chúng ta kính sợ Đức

Chúa Trời, vâng theo tiếng Ngài, và rồi bất ngờ bị rơi vào sự tối tăm, không có ánh sáng; trong trường hợp ấy, chúng ta không nên làm gì cả, cứ tin cậy danh Chúa, nương dựa Đức Chúa Trời, trông đợi sự soi sáng của Ngài. Vì chỉ một mình Đức Chúa Trời là ánh sáng, một mình Ngài là nguồn của sự sáng, và chỉ trong ánh sáng của Ngài chúng ta mới thấy sự sáng. Mặt khác, câu này cảnh cáo chúng ta rằng khi không có ánh sáng, chúng ta không nên tự tìm lối thoát bằng cách đốt lửa hoặc tự tạo ánh sáng. Vì nếu chúng ta không chờ đợi Đức Chúa Trời, nhưng thay vào đó, lại đốt đuốc vây lấy mình, mặc dù chúng ta có thể đi trong sự sáng của chính mình một thời gian, nhưng cuối cùng chúng ta sẽ nằm trong sự buồn bực.

Đồng thời, chúng ta cũng không thể vay mượn ánh sáng của người khác, lấy ánh sáng mà người khác đã nhận được, sử dụng như ánh sáng của mình. Ví dụ, một người nào đó trong một buổi nhóm tương giao đã làm chúng khi anh gặp khó khăn, anh đã chấp nhận sự xử lí của thập tự giá; do đó, anh đã được Đức Chúa Trời ban phước. Một anh em khác, sau khi nghe lời chứng như vậy, có lẽ cảm động rất nhiều, và khi trở về nhà, quyết định từ đó về sau sẽ chấp nhận sự xử lí của thập tự giá. Mặc dù đây không phải là tự tìm ánh sáng, cũng không phải tự tạo ra ánh sáng, nhưng là vay mượn ánh sáng của người khác; ấy là lấy ánh sáng mà người khác đã nhận được làm ánh sáng của chính mình. Chẳng bao lâu, người làm như vậy chắc chắn sẽ bỏ ánh sáng ấy. Vì vậy, ánh sáng vay mượn không ích lợi gì, nó không thể thay thế cho sự sáng thật.

Giữa vòng chúng ta, ai kính sợ Đức Chúa Trời, lắng nghe tiếng Ngài và gặp sự tối tăm, hãy nhớ đừng làm gì khác hơn là tin cậy Đức Chúa Trời, nương dựa Ngài, hết lòng ngưỡng trông Ngài, yên lặng chờ đợi Ngài và tìm kiếm sự thương xót của Ngài một lần nữa. Khi Đức Chúa Trời đến, khi Ngài ban sự thương xót, ánh sáng của dung nhan Ngài sẽ là ánh sáng của chúng ta, sự hiện ra của Ngài là

khải tượng cho chúng ta và sự hiện diện của Ngài là phần thưởng của chúng ta. Chỉ cần chạm được Ngài, chúng ta sẽ thấy sự sáng. Giây phút Ngài ẩn mặt khỏi chúng ta, chúng ta liền ở trong tối tăm. Dù chúng ta có nỗ lực tìm kiếm ánh sáng bao nhiêu đi nữa, cũng chẳng được gì; chúng ta có phấn đấu bao nhiêu cũng vô ích. Không phải vì anh em đã hơi lơ là nên không thấy ánh sáng, và vì tôi hơi mộ đạo nên ánh sáng đến; hoặc vì anh em hơi biếng nhác, nên không thể thấy ánh sáng, và vì tôi có siêng năng một chút, nên tôi thấy ánh sáng. Sự soi sáng không tùy thuộc vào sự phấn đấu và nỗ lực của chúng ta, nhưng do sự thương xót của Đức Chúa Trời. Than ôi, ngày nay bao nhiêu người tự tạo ánh sáng bằng cách thấp đèn và đốt lửa. Khi bóng tối đến, họ không chịu chờ đến bình minh, chờ đến khi mặt trời mọc; họ tự đốt lửa, tạo ánh sáng riêng. Đức Chúa Trời nói tất cả những ai đốt lửa để tự soi sáng cuối cùng sẽ ở trong sự buồn rầu. Đây là mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Vấn đề này nghiêm trọng biết bao! Nguyện chúng ta thuận phục để kính sợ Chúa và trông đợi sự thương xót của Ngài.

VI. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC SOI SÁNG

Vì sự soi sáng nằm trọn trong bàn tay kiểm soát của Đức Chúa Trời và hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Ngài; vậy chúng ta có nên chỉ giữ thái độ thụ động và thờ ơ không? Không, không bao giờ. Qua sự dạy dỗ của Kinh Thánh và kinh nghiệm của mình, chúng ta thấy mình vẫn có trách nhiệm. 2 Cô-rin-tô 4:6 nói: “Vì Đức Chúa Trời là Đấng có phán: ‘Sự sáng phải từ sự tối tăm soi ra’, cũng đã soi vào lòng chúng tôi...”. Câu này cho chúng ta thấy Đức Chúa Trời đã thương xót chúng ta, đã chiếu sáng chúng ta. Đức Chúa Trời, Đấng đã chiếu sáng vào lòng chúng ta, là ánh sáng của chúng ta. Nếu đã được cứu, chúng ta đã có Đức Chúa Trời ở bên trong và đã có sự sáng rồi. Vì vậy, bây giờ vấn đề không phải là chúng ta xin sự sáng hay tìm kiếm sự sáng bằng cách nào nhưng làm thế nào để nhận được sự soi sáng hay làm thế

nào chúng ta có thể để cho sự sáng chiếu rọi. Khi mặt trời đã mọc rồi, chúng ta không cần tìm nó nữa; chúng ta chỉ cần nhận lấy sự chiếu sáng của nó. Chỉ có người khờ dại mới đi tìm mặt trời sau buổi bình minh. Ê-phê-sô 5:14 nói: “Hỡi kẻ đương ngủ kia, hãy thức, hãy vùng dậy khỏi kẻ chết, thì Đấng Christ sẽ chiếu sáng trên ngươi”. Anh em chỉ cần thức dậy thì sẽ được chiếu sáng. Sự soi sáng này là vấn đề nhận lãnh, vấn đề chấp nhận; không phải là vấn đề đòi hỏi hay tìm kiếm. Trách nhiệm của chúng ta là cất bỏ các màn che để nhận ánh sáng và trở nên một người được soi sáng. Điều này ít nhất bao hàm những điểm sau đây:

Trước hết, chúng ta phải muốn được soi sáng. Vì ánh sáng không tùy thuộc vào sự yêu cầu hay tìm kiếm của chúng ta, nhưng do sự chấp nhận và nhận lãnh của chúng ta, nên chúng ta có muốn chấp nhận hoặc nhận lãnh hay không là điều kiện đầu tiên để được soi sáng. Mặt trời đã mọc rồi; vì vậy, anh em không cần tìm kiếm hay yêu cầu; anh em chỉ cần được ánh sáng chiếu rọi và tiếp nhận sự chiếu rọi của ánh sáng. Nếu anh em không muốn nhận lãnh sự soi sáng, nếu anh em không muốn được chiếu sáng mà cứ tiếp tục che phủ mình, khi ấy dù hàng ngày có mặt trời, nó vẫn không thể chiếu sáng anh em. Cũng vậy, sự sáng của sự sống đã chiếu sáng bên trong chúng ta. Ngày nay, chúng ta không chờ đợi ánh sáng, nhưng ánh sáng đang chờ đợi chúng ta. Ánh sáng ở trong chúng ta không ngừng chờ đợi chúng ta tiếp nhận sự soi sáng. Vì vậy, nếu chúng ta muốn và chấp nhận sự soi sáng, chúng ta sẽ được soi sáng. Nếu không muốn và cũng không chấp nhận, chúng ta rất khó được soi sáng.

Ngày nay có ít người thật sự muốn được soi sáng. Một số người không muốn vì lòng họ thờ ơ. Những người khác không muốn vì họ quyết định từ chối tiếp nhận ánh sáng. Hàng ngàn điều đã trở nên những bức màn ngăn trở sự sáng trong chúng ta. Nếu không muốn cất những bức màn này đi, chúng ta là những người không muốn được soi sáng và từ chối sự soi sáng. Thế thì đương nhiên chúng ta không thể được soi sáng.

Chẳng hạn như vào buổi sáng khi đọc Kinh Thánh và cầu nguyện, nếu chúng ta thật sự muốn được soi sáng, sự sáng chắc chắn sẽ đến. Khi sự sáng đến, chúng ta sẽ thấy điều gì đó bên trong. Sự thấy này là cảm nhận bề trong. Khi nào chúng ta có một ý thức sâu xa bên trong, đó là bằng chứng ánh sáng đã soi rọi. Bây giờ, vấn đề là chúng ta có vâng theo ý thức của sự soi sáng này không. Nếu vâng theo ý thức của sự soi sáng này và có vài sự xử lí nào đó, thì chúng ta sẽ cất bỏ được những bức màn khỏi mình. Như vậy, những ai trong chúng ta chấp nhận và muốn được soi sáng sẽ liên tục được soi rọi. Nếu chúng ta không xử lí theo cảm nhận của sự soi sáng, điều đó có nghĩa là chúng ta không muốn cất bỏ những bức màn khỏi mình. Vậy chúng ta là những người không muốn được chiếu sáng, từ chối sự soi sáng và chúng ta không thể được soi sáng.

Thứ hai, chúng ta nên mở lòng mình cho Chúa. Chúa là ánh sáng, nên nếu cả lòng chúng ta quay về Ngài, chúng ta chắc chắn sẽ có ánh sáng; nhưng nếu chúng ta xây khỏi Ngài và hướng về những điều khác, chắc chắn chúng ta không có ánh sáng. 2 Cô-rin-tô 3:16 chép: “Nhưng hễ khi nào lòng đó quay về Chúa, thì bấy giờ màn ấy mới cất khỏi”. Khi lòng không quay về Chúa, bức màn vẫn còn đó; nhưng khi lòng quay về Chúa, màn sẽ được cất đi. Rồi chúng ta được thấy Chúa mặt đối mặt và sẽ thấy ánh sáng. Vì vậy, nếu muốn được soi sáng, chúng ta phải mở lòng mình cho Chúa và từ nơi sâu thẳm bên trong chúng ta phải buông mình ra, đặt chính mình trước mặt Chúa, không chút ngần ngại và không giữ mình lại chút nào. Như vậy, nhận lãnh sự sáng là điều rất dễ dàng.

Nhưng nan đề là chúng ta không dễ mở lòng ra cho Chúa. Chúng ta vẫn thường che giấu chính mình; chúng ta vẫn muốn giữ mình lại. Không những chúng ta không dám mở lòng mình ra cho Chúa mà còn không dám cầu nguyện. Giống như một đứa bé thỉnh thoảng không dám nhìn mặt cha mẹ. Khi cha mẹ gọi, nó chỉ trả lời ngoài miệng; nhưng nó không

muốn đến, vì nó không muốn khai ra những điều nó đã làm sau lưng cha mẹ. Ôi, tình trạng của nhiều người trước mặt Chúa cũng giống như vậy. Vì họ có nhiều điều và những chuyện không đẹp lòng Chúa, họ giấu mình và giữ mình cách xa Chúa. Họ sợ rằng Chúa sẽ đụng đến những vấn đề và những chuyện ấy, lúc đó, họ sẽ làm gì? Có thể Chúa muốn họ giải quyết những vấn đề ấy hay những chuyện ấy, rồi họ sẽ làm gì? Có thể Chúa muốn họ dâng cho Ngài một điều gì đó họ rất quý báu, rồi họ sẽ làm gì? Vì sợ sự soi sáng của Chúa, họ không dám mở lòng ra cho Ngài. Vì vậy, họ giống như một miếng giấy cuộn chặt, không bao giờ muốn mở ra và cho Chúa viết lên những gì Ngài muốn.

Dù không muốn mở lòng ra cho Chúa, những người ấy vẫn dùng tâm trí nghe các bài giảng và đọc Kinh Thánh. Những bài giảng họ nghe và Kinh Thánh họ đọc chỉ là sự tham khảo để họ xét đoán người khác, một dụng cụ để phê phán người khác, trong khi chính họ không nhận được chút ánh sáng nào. Tình trạng này giống như một người ở trong phòng vào ban đêm. Nếu căn phòng sáng, người đó không thể thấy rõ những gì ở bên ngoài; nhưng nếu căn phòng tối, người đó sẽ thấy rất rõ những gì ở bên ngoài. Cũng vậy, những người khép lòng mình với Chúa là những chuyên gia xét đoán và phê bình người khác. Họ rất sáng tỏ về tình trạng của người khác, nhưng họ không biết tí gì về tình trạng của chính mình. Điều này chứng tỏ họ hoàn toàn ở trong tối tăm!

Thậm chí những người không muốn mở lòng ra cho Chúa vẫn có thể rao giảng và làm việc cho Ngài. Mặc dù chính họ không muốn chấp nhận sự soi sáng, nhưng họ lại thuyết phục người khác tìm kiếm sự soi sáng. Mặc dù họ thường hi vọng Chúa sẽ nhân từ đối với họ và ban cho họ sự sống dư dật, trang bị họ và ban các ân tứ cho họ để có thể phụng sự và công tác, nhưng họ sợ sự soi sáng của Chúa và thậm chí từ chối sự soi sáng của Ngài. Do đó, lời họ cung ứng và công việc họ làm chỉ là những lời khuyên chết chóc không thể truyền đạt cho người khác sự soi sáng sống động.

Khi người ta không muốn mở lòng ra cho Chúa, bên trong họ trở nên hoang vu và trống rỗng, tăm tối và không có ánh sáng. Cũng như trong căn hầm, dù ánh sáng bên ngoài có mạnh mẽ bao nhiêu, vẫn không thể chiếu vào bên trong. Nhưng đối với một người mở lòng ra cho Chúa thì tình trạng hoàn toàn khác. Người ấy hoàn toàn buông chính mình ra, từ trong ra ngoài, người ấy trải tất cả mọi điều ra trước mặt Chúa và không giữ lại chút nào, để cho ánh sáng của Chúa chiếu sáng. Một người như vậy chắc chắn sẽ thường xuyên được soi sáng. Khi nghe một sứ điệp hoặc đọc Kinh Thánh, ngay khi nhận được sự soi sáng, người ấy khiêm nhường tiếp nhận, một mặt, lòng người ấy buồn rầu, mặt khác, người ấy thờ phượng Chúa. Người ấy buồn rầu vì tình trạng tâm não và thất bại của mình; người ấy thờ phượng Chúa vì sự thương xót và soi sáng của Ngài. Người ấy ở trong ánh sáng nên không thấy lỗi lầm của người khác, mà chỉ thấy sự thiếu hụt của chính mình. Do đó người ấy không lên án người khác mà chỉ thấy mình là người đáng thương nhất, giống như con sâu hay con giòi, không thể ngóc đầu lên trước mặt Chúa thánh. Người ấy cũng ngửa trông Chúa để được thương xót, xin Chúa cứu mình, và muốn nhận được sự soi sáng sâu xa hơn. Qua đó, ánh sáng của Đức Chúa Trời liên tục soi sáng bên trong và sự sống của Ngài liên tục lớn lên trong người ấy. Khi đó, người ấy trở nên một người trong suốt, đầy dẫy ý thức.

Thứ ba, chúng ta nên dừng chính mình lại. Dừng chính mình lại là gì? Nghĩa là dừng quan điểm riêng, cách nhìn sự việc, cảm xúc, ý kiến và lời nói của mình, v.v. Chúng ta đều biết dừng lại không phải là chuyện dễ. Rất ít người thật sự dừng lại như vậy. Tuy nhiên, không thể dừng chính mình lại cũng là một bức màn, một bức màn nghiêm trọng, ngăn cản chúng ta được soi sáng.

Ví dụ, khi đọc Kinh Thánh, một vài anh em luôn đọc với cảm xúc riêng, ý kiến riêng, và đem tư tưởng riêng vào trong ý nghĩa của Kinh Thánh. Kinh Thánh nói rõ: “Si-môn Phi-e-rơ” nhưng họ đọc ra thành: “Phi-e-rơ Si-môn”. Kinh Thánh

nói rõ: “Phao-lô, sứ đồ của Jesus Christ” nhưng họ đọc ra thành: “Phao-lô, sứ đồ của Christ Jesus”. Khi họ không đọc Lời Đức Chúa Trời, ý kiến họ không được rõ ràng, nhưng ngay khi họ đọc Lời Đức Chúa Trời, ý kiến họ liền trở dậy. Vì vậy, hễ khi nào đọc Kinh Thánh, không một phần nào mà họ không có ý kiến và cảm xúc; nhưng họ không biết những ý kiến và cảm xúc đó đều là gỗ, cỏ khô và rơm rạ, không có giá trị gì. Một vài anh em cũng giống như vậy trong chức vụ của họ. Khi họ giảng, lời họ bay trên trời, chẳng có trọng tâm hay điểm chính gì cả. Một vài anh chị em trong khi lắng nghe chức vụ lại bỏ qua tất cả những điểm quan trọng và cần thiết, mặc dù đã nghe lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên họ lại nhớ rõ những phần vụn vặt, những lời không cần thiết, là điều mà người ta thường quên đi sau khi nói ra. Lí do là vì họ có nhiều tư tưởng và cảm xúc mà họ không thể dừng lại được. Những anh chị em đó bề ngoài thì vô cùng bận rộn còn bên trong lại buông mình vào những sự tưởng tượng bông lung nên họ không thể ngăn chặn sự hoạt động của bất cứ phần nào trong toàn bản thể họ. Kết quả là họ không nhận được một chút ánh sáng nào.

Trong Tân Ước có một ví dụ như vậy. Lu-ca chương 10 và Giăng chương 11 đều nói về một người bận rộn nhất và không ai chặn lại được, đó là Ma-thê. Lu-ca chương 10 ghi lại cô bận rộn bên ngoài biết bao nhiêu, trong khi Giăng chương 11 ghi lại cô hết sức năng động ở bên trong. Chúng ta có thể nói con người cô là cả một sự náo động. Không những cô có nhiều ý kiến và cảm xúc, nhưng cũng lắm lời nữa; không giây phút nào cô dừng lại. Vì vậy, không một lời nào Chúa nói với cô có thể đi vào lòng cô. Khi gặp Chúa, Ngài chưa kịp nói gì thì cô đã mở miệng mình và trách móc Ngài: “Thưa Chúa, nếu Ngài ở đây thì anh tôi hẳn đã không chết”. Chúa đáp: “Anh của cô sẽ lại trở dậy”. Cô lập tức có một ý kiến và đáp: “Tôi biết rằng anh ấy sẽ lại trở dậy trong sự phục sinh vào ngày cuối cùng”. Cô giải thích lời Chúa một cách rất tài tình rằng sự phục sinh sẽ hoãn lại cho đến vài ngàn năm sau. Một lần nữa, Chúa lại

nói với cô: “Ta là sự phục sinh và sự sống; người nào tin vào Ta, dầu đã chết cũng sẽ sống; còn hễ ai sống mà tin vào Ta thì mãi mãi hẳn không chết. Cô có tin điều này không?” Cô đáp: “Có, thưa Chúa; tôi vẫn tin rằng Ngài là Đấng Christ ấy, Con Đức Chúa Trời...”. Câu trả lời của cô không liên quan gì đến câu hỏi của Ngài. Cô không nghe những gì Chúa nói; cô rất nhiều ý kiến và lẩm lời. Vừa dứt lời, cô liền bỏ đi, và bí mật gọi Ma-ri em mình, nói rằng: “Thầy ở đây và đang gọi em đấy”. Đây hoàn toàn là một sự bịa đặt; cô đề nghị giùm cho Chúa. Những người lẩm lời và nhiều ý kiến là những người có thể đề nghị và bày tỏ ý kiến. Những người như vậy không thể dừng lại một chút nào; như vậy, họ hoàn toàn bị che khuất khỏi ánh sáng và không có cách nào cho họ được soi sáng.

Điều khó khăn của việc không thể dừng lại nằm bên trong con người. Nhiều người đọc Kinh Thánh nhưng không có ánh sáng và nghe chức vụ nhưng không nắm được những điểm quan trọng, không phải vì họ tội lỗi và thế tục, nhưng vì họ đầy ý kiến, cảm xúc, tư tưởng và lẩm lời. Nói đúng ra, tội và thế giới giống như một mảnh vải cũ không khó vứt bỏ, nhưng không dễ gì từ bỏ các ý kiến, cảm xúc, tư tưởng trong chúng ta. Đó là lí do vì sao chúng ta bức màn nghiêm trọng nhất trong chúng ta; chúng làm chúng ta không thể nhận được sự soi sáng của Chúa.

Như vậy, nếu ao ước được soi sáng, chúng ta phải bắt mình yên lặng và bắt mình dừng lại. Không những các hoạt động bên ngoài phải dừng lại, mà ngay cả ý kiến, cảm xúc, ý nghĩ, quan điểm và lời nói bên trong cũng phải dừng lại. Khi một người hoàn toàn chịu dừng lại, đến trước mặt Chúa, người ấy trở nên vô cùng đơn sơ và đơn thuần để nhận lãnh lời Chúa. Bất cứ điều gì Chúa nói, người ấy lắng nghe và thông hiểu. Khi đọc Kinh Thánh, người ấy không đọc theo ý kiến của mình mà tự giải thích, trái lại người ấy đọc ý nghĩa trong Kinh Thánh cho mình. Ban đầu, dường như người ấy không hiểu những điều mình đọc. Nhưng khi ánh sáng đến, những điều quan trọng trong Kinh Thánh chiếu sáng trong

người ấy và người ấy có sự khải thị. Khi người ấy nghe một sứ điệp cũng vậy. Từ trong ra ngoài, cả con người của người ấy yên tịnh chờ đợi trước mặt Chúa, ao ước nghe Ngài nói. Do đó, khi lời được ban ra, người ấy có thể nắm được điểm quan trọng của sứ điệp và nhận lãnh từ trong lời Chúa. Vì có thể dùng chính mình lại, nên một người như vậy không ngừng nhận lãnh Lời sống động của Đức Chúa Trời, tức là sự sáng của Đức Chúa Trời, vì sự sáng của Đức Chúa Trời ở nơi Lời của Đức Chúa Trời. Do đó, điều kiện thứ ba để được soi sáng là biết dùng chính mình lại.

Thứ tư, chúng ta không nên tranh luận với sự sáng. Đây là một đòi hỏi cơ bản khác để được soi sáng. Ngay khi được soi sáng và có cảm nhận bên trong, lập tức chúng ta nên tiếp nhận, thuận phục và xử lý đúng đắn; chúng ta không thể tranh luận. Hễ khi nào chúng ta tranh luận với sự sáng thì sự sáng sẽ biến mất.

Khi Thánh Linh thực hiện công tác soi sáng này trong con người, đây là một hành động rất dịu dàng và tế nhị. Ngay khi gặp sự kháng cự của con người, Ngài liền rút lui. Làm cho Thánh Linh rút lui bằng cách kháng cự Ngài là một điều dễ vô cùng, nhưng xin Ngài trở lại thì rất khó. Dù chúng ta có xưng tội, ăn năn và nhận được sự tha thứ của Chúa, Thánh Linh vẫn không trở lại ngay. Chúng ta đọc thấy tình trạng ấy trong sách Nhã Ca. Khi Chúa gõ cửa nhà người yêu của Ngài, nàng không mở. Sau đó, khi nàng nhận biết điều mình làm và ra mở cửa, thì không thấy Ngài đâu cả. Khi Chúa ẩn mặt như vậy, đó là một hình phạt cho chúng ta.

Không chỉ Thánh Linh hành động như vậy, mà cả những người có chức vụ từ Thánh Linh cũng hành động như vậy. Một tôi tớ biết Đức Chúa Trời và được Ngài dùng luôn luôn vui mừng giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, nếu anh em phê phán người, cố tình chống trả người, người sẽ không tranh đấu, lí luận hay tranh luận đúng sai với anh em. Người chỉ có một cách là đơn giản rút lui, không còn gì để nói nữa và không giúp anh em được nữa. Như vậy, người thích tranh

đấu là ngu đại và sự thiệt hại anh em phải gánh chịu thật nặng nề! Đối với một người có chức vụ từ Thánh Linh, chúng ta phải thật cẩn thận! Anh em có thể phê bình người đi ngoài đường một cách tự do, nhưng anh em không nên tự do phê bình cũng không nên cố ý tranh luận với một người có chức vụ từ Thánh Linh. Điều này không có nghĩa là lời phê bình của anh em không đúng hay sự tranh luận của anh em không hợp lý; có lẽ mọi lời phê bình của anh em là đúng và mọi sự tranh luận của anh em là hợp lý; nhưng có một điều chắc chắn, đó là ngay khi anh em phê bình và tranh luận với người ấy như vậy, chức vụ của người ấy đối với anh em sẽ chấm dứt. Người ấy có thể giúp đỡ hàng ngàn người, nhưng không thể giúp anh em. Không phải người ấy không giúp anh em mà là không thể giúp anh em được. Dù người ấy muốn giúp anh em, anh em sẽ chẳng nhận được gì. Vấn đề nghiêm trọng biết bao! Chúng ta phải thật cẩn thận!

Như vậy, đối với Thánh Linh là Đấng phát ngôn bên trong chúng ta và đối với những chấp sự là những người phát ngôn ở bên ngoài, chúng ta không thể phê bình hay tranh luận. Chúng ta không nên phê bình sự soi sáng của Thánh Linh bên trong, vì một khi tranh luận với Ngài, anh em sẽ bị tối tăm ít nhất vài ngày. Giai đoạn tối tăm này vừa là một hình phạt, vừa là một sự nhắc nhở cho anh em. Anh em cho rằng phạm lỗi với Đức Chúa Trời một lần không sao vì anh em có thể xin Ngài tha thứ. Vâng, Ngài có thể tha thứ anh em, nhưng Đức Chúa Trời có sự quản trị của Ngài; anh em không thể thoát khỏi hình phạt Ngài dành cho anh em. Và nếu anh em xúc phạm Ngài nhiều lần, chắc chắn kết cuộc của anh em còn bi thảm hơn. Dân Israel trong hoang mạc liên tục tranh luận với Đức Chúa Trời và xúc phạm Ngài. Khi họ đến Ka-dê Ba-nê-a, Đức Chúa Trời đưa bàn tay quản trị của Ngài ra: khi ấy, họ chỉ còn cách trở lại đi lang thang trong hoang mạc. Mặc dù họ khóc lóc và ăn năn nhưng tình trạng không thể nào được phục hồi. Vì vậy, dù đó là sự soi sáng nhận được từ Thánh Linh hay từ những chấp sự của Lời Đức Chúa Trời,

chúng ta nên vâng lời và đừng tranh cãi. Đây cũng là một nguyên tắc nghiêm trọng trong khi theo đuổi những điều thuộc linh.

Khi Thánh Linh soi sáng chúng ta, nếu chúng ta thật sự yếu đuối và không thể thuận phục, điều chúng ta có thể thưa với Ngài chỉ là: “Ôi Đức Chúa Trời, con nên vâng lời trong vấn đề này, nhưng con quá yếu đuối; xin Ngài thương xót con”. Lòng có thái độ như vậy vẫn được Ngài thương xót. Nhưng tốt nhất là khi được soi sáng, chúng ta vâng phục ngay, và đừng tranh luận gì cả. Bằng cách này, chúng ta để cho Đức Chúa Trời soi sáng mình một cách liên tục.

Thứ năm, chúng ta nên liên tục sống trong sự sáng. Sau khi chúng ta nhận được sự soi sáng và qua đó biết được ý muốn Chúa trong một vấn đề nào đó, chỉ vâng phục Chúa một lần trong trường hợp này cũng không đủ. Trái lại, chúng ta nên học tập liên tục giữ mình trong sự soi sáng mà mình đã nhận được. Điều này có nghĩa là khi anh em nhận sự soi sáng trong một vấn đề nào đó, không những anh em nên thuận phục vào thời điểm đó mà thôi, nhưng anh em nên liên tục thuận phục nguyên tắc của sự soi sáng ấy.

Năm điểm này là phương cách nhận được sự soi sáng. Nếu cẩn thận lưu ý đến năm điểm này trước mặt Chúa, chúng ta sẽ thường xuyên được soi sáng và sống trong sự sáng. Đến giai đoạn này, khi chúng ta cần bất cứ sự dẫn dắt nào ở bên trong, Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta sự dẫn dắt ấy; nếu chúng ta cần bất cứ loại ánh sáng nào, Ngài sẽ ban cho chúng ta loại ánh sáng ấy và bất cứ sự lớn lên nào mà sự sống chúng ta cần. Bởi sự soi sáng của sự sáng, Đức Chúa Trời sẽ làm cho sự sống chúng ta có được sự lớn lên ấy. Nguyên tắc Chúa đầy ân điển đối với chúng ta!

VỀ HAI TÔI TỚ CỦA CHÚA

Cảm ơn Chúa vì chức vụ của Watchman Nee và người đồng công của anh là Witness Lee đối với Thân thể Đấng Christ đã trở thành một phước hạnh cho con cái Chúa trên mọi châu lục của hoàn cầu hơn 80 năm qua. Những tác phẩm của họ đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ. Độc giả đã hỏi chúng tôi nhiều điều về Watchman Nee và Witness Lee. Để giải đáp, chúng tôi xin trình bày vài điểm vắn tắt dưới đây về đời sống và công tác của hai anh em này.

Watchman Nee

Watchman Nee tiếp nhận Chúa vào năm 17 tuổi. Chức vụ của anh đã nổi tiếng giữa vòng những tín đồ tìm kiếm Chúa trên khắp thế giới. Nhiều người đã được giúp đỡ từ những tác phẩm của anh về đời sống thuộc linh và mối quan hệ giữa Đấng Christ và những người tin Ngài. Tuy nhiên không nhiều người biết về một phương diện cũng quan trọng không kém của chức vụ anh, đó là nhấn mạnh đến việc thực hành nếp sống Hội thánh và xây dựng Thân thể Đấng Christ. Anh Nee đã viết nhiều sách về đời sống Cơ Đốc cũng như nếp sống Hội thánh. Mãi đến cuối đời, Watchman Nee vẫn là một ân tứ được Chúa ban để mở ra khả thị trong Lời Đức Chúa Trời. Sau khi chịu khổ vì Chúa 20 năm trong tù ở Hoa Lục, anh qua đời vào năm 1972 như một chứng nhân thành tín của Jesus Christ.

Witness Lee

Witness Lee là đồng công gần gũi và đáng tin cậy nhất của Watchman Nee. Vào năm 1925, khi ở tuổi 19, anh đã kinh nghiệm một sự tái sinh thuộc linh mãnh liệt và dâng chính mình cho Đức Chúa Trời hằng sống để phụng sự Ngài. Kể từ lúc đó, anh bắt đầu tập trung nghiên cứu Kinh Thánh. Trong suốt bảy năm đầu đời sống Cơ Đốc của anh, anh đã chịu ảnh hưởng lớn bởi Hội Anh Em Plymouth. Sau đó anh gặp Watchman Nee, và cho đến năm 1949, anh là một đồng công của anh Nee ở Trung Quốc được mười bảy năm. Trong suốt Đệ nhị Thế chiến, khi Trung Quốc bị Nhật Bản chiếm đóng, anh bị người Nhật bỏ tù và phải chịu khổ vì đã trung tín phụng sự Chúa. Chức vụ và công tác của hai tôi tớ này của Đức Chúa Trời đã đem đến một cuộc phấn hưng lớn giữa vòng các Cơ Đốc nhân tại Trung Quốc, là điều đã dẫn đến sự lan rộng phúc âm khắp quốc gia này và xây dựng hàng trăm hội thánh.

Vào năm 1949, Watchman Nee đã triệu tập tất cả các đồng công đang phụng sự Chúa ở Trung Quốc lại và ủy thác cho Witness Lee tiếp tục chức vụ này ở ngoài Hoa Lục, tức là ở đảo Đài Loan. Suốt những năm sau đó, dưới sự chúc phước của Đức Chúa Trời tại Đài Loan và các nước Đông Nam Á, hơn 100 hội thánh được thiết lập.

Vào đầu thập niên 1960, Witness Lee được Chúa dẫn dắt đến Hoa Kỳ. Ở đó anh đã phụng sự và công tác hơn 35 năm vì ích lợi cho con cái Chúa. Anh sống ở thành phố Anaheim, California từ năm 1974 đến khi về với Chúa vào tháng Sáu năm 1997. Suốt những năm công tác tại Hoa Kỳ, anh đã xuất bản hơn 300 cuốn sách.

Chức vụ của Witness Lee đặc biệt hữu ích cho những Cơ Đốc nhân nào khao khát hiểu biết và kinh nghiệm sâu xa hơn về sự phong phú vô lượng của Đấng Christ. Bằng cách mở ra sự khải thị thần thượng trong toàn bộ Kinh Thánh, chức vụ của anh Lee đã khải thị cho chúng ta cách để biết

Đấng Christ hầu xây dựng Hội thánh là Thân thể Ngài, là sự đầy đủ của Đấng làm đầy đầy tất cả trong tất cả. Mọi tín đồ phải tham dự vào chức vụ xây dựng Thân thể Đấng Christ để Thân thể này có thể tự xây dựng trong tình yêu. Chỉ bằng cách hoàn thành sự xây dựng này mà mục đích của Chúa mới được thực hiện và làm thỏa lòng Ngài.

Đặc điểm chính trong chức vụ của hai anh em này là họ dạy lẽ thật theo lời thuần khiết của Kinh Thánh.

Sau đây là vài nét mô tả về những niềm tin chính yếu của Watchman Nee và Witness Lee:

1. Kinh Thánh là sự khải thị thần thượng trọn vẹn, không thể sai lầm và do Đức Chúa Trời hà hơi, được Thánh Linh cảm thúc bằng lời nói.

2. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Tam Nhất duy nhất – Cha, Con và Thánh Linh – đồng tồn tại và đồng ở trong nhau từ đời đời cho đến đời đời.

3. Con Đức Chúa Trời, tức là chính Đức Chúa Trời, được nhục hóa làm người với tên gọi là Jesus, được sinh bởi trinh nữ Ma-ri, để làm Đấng cứu chuộc và Đấng cứu rỗi của chúng ta.

4. Là một Người đích thực, Jesus đã sống trên đất ba mươi ba năm rưỡi để làm cho con người biết về Đức Chúa Trời Cha.

5. Jesus, tức Đấng Christ được Đức Chúa Trời xúc dầu bằng Thánh Linh, đã chết trên thập tự vì tội chúng ta và đổ huyết Ngài để hoàn thành sự cứu chuộc chúng ta.

6. Sau khi bị chôn ba ngày, Jesus Christ đã từ kẻ chết sống lại, rồi 40 ngày sau, Ngài thăng thiên, tại đó Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm Chúa của tất cả.

7. Sau khi thăng thiên, Đấng Christ đã đổ Linh của Đức Chúa Trời ra để báp-têm những Chi thể được chọn của Ngài vào một Thân thể. Ngày nay Linh này đang chuyển động trên đất để thuyết phục tội nhân, tái sinh những người được chọn của Đức Chúa Trời bằng cách truyền vào trong họ sự sống thần thượng, cư ngụ trong những người tin Đấng

Christ để họ lớn lên trong sự sống, và xây dựng Thân thể Đấng Christ để biểu lộ Ngài cách đầy đủ.

8. Vào cuối thời đại này, Đấng Christ sẽ trở lại để cất tin đồ lên, phán xét thế giới, sở hữu trái đất và thiết lập vương quốc đời đời của Ngài.

9. Các thánh đồ đắc thắng sẽ cai trị với Đấng Christ trong thiên hi niên, và tất cả những người tin Đấng Christ sẽ tham dự vào những phúc hạnh thần thượng trong Giê-ru-sa-lem Mới trong trời mới đất mới cho đến đời đời.

Chính sách phân phối

Living Stream Ministry vui lòng cung cấp miễn phí bản điện tử của bảy sách này. Chúng tôi hi vọng nhiều người sẽ đọc hết các sách này và giới thiệu với người khác. Theo quy định, chúng tôi yêu cầu bản in các tập tin này được giới hạn cho việc sử dụng cá nhân. Xin vui lòng không đăng lại những tập tin này ở nơi khác dưới mọi hình thức. Nếu có nhu cầu sao chép vượt quá điều trên, vui lòng gửi lời giải thích chi tiết về ý định sử dụng và yêu cầu cấp phép đến mmb.permissions@lsm.org. Chúng tôi cũng yêu cầu mọi thông báo bản quyền phải được tôn trọng theo luật hiện hành. Những tệp PDF này không được sửa đổi hoặc cắt xén dưới mọi hình thức cho bất kỳ mục đích sử dụng nào.